

SÀI-GÒN - CHỢ'-LỚN CHỈ-NAM



GUIDE DE SAIGON - CHOLON
GUIDE OF SAIGON - CHOLON



Bảng đối-chiếu tên đường cũ và mới
Sài - Gòn - Chợ - Lớn và các tỉnh
Bảng đối-chiếu tên đường mới và cũ Sài-gòn - Chợ-lớn
Tiêu - sử - danh - nhơn



ĐỊA - CHỈ CÔNG - SỞ
VÀ NHỮNG CHỈ-DẪN CẦN-THIỆT

CÁCH TÌM MỘT TÊN ĐƯỜNG

Bảng-đồ đính theo cuốn sách này chia ra từng ô vuông, ngoài lề mỗi ô vuông có ghi chữ số : bề đứng, chữ A, B, C..., và bề ngang, số 1, 2, 3... Trong sách, nơi bảng đối-chiếu tên đường mới và tên cũ, các tên đường sắp theo thứ-tự ABC; trước mỗi tên đường có ghi chữ và số, theo chữ số các ô vuông trong bảng-đồ. Thí dụ : E 10 PHAN-VĂN-TRỊ (Chợ-Lớn), nghĩa là trong ô vuông E 10 có tên đường này.

Một ít tên đường không ghi được vào bảng-đồ vì thiếu chỗ; nhưng chữ số vẫn ghi cho biết con đường ở vào ô vuông nào.

MOYEN DE TROUVER UNE RUE

Le plan annexé au présent Guide est divisé en carrés dont chaque côté est désigné en hauteur par une lettre-repère et en largeur par un chiffre-repère. Ces repères sont portés devant chaque nom de rue sur le tableau comparatif des nouvelles et anciennes dénominations des rues. Exemple, D 9 J.J. ROUSSEAU (Cho-Lon), D 9 indique le carré où se trouve porté le nom de la rue J. J. ROUSSEAU.

Faute de place, un petit nombre de rues ne peut être porté au plan; des repères en sont toujours indiqués pour désigner le carré où se trouve la rue.

HOW TO FIND A STREET

The plan annexed at the present Guide is divided into squares, the vertical and horizontal sides of which are designated by a letter and a figure respectively. These indicators are mentioned before the names of the streets in the " comparative schedule of the new and old street denominations ". For instance, D 9 J. J. ROUSSEAU (Cho-Lon) indicates the square in which is shown the street J. J. ROUSSEAU.

W 121439

101

BẢNG ĐỐI-CHIẾU

tên đường cũ với tên đường mới

Tableau comparatif
des anciennes et nouvelles dénominations des rues

Comparative schedule
of the old and new street denominations

SÀI-GÒN

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
A		
Alsace - Lorraine	E 13	Phó - đức - Chính
Albert 1 ^{er}	B 14	Đinh - tiên - Hoàng
Angier	C 15	Nguyễn-bình - Khiêm
Arfeuille	B 13	Nguyễn - đình - Chiếu
Argonne et Le Myre de Vilers	E 14	Bạch - Đằng
Arras	E 12	Cống - Quỳnh
Ascoli	H 14	Nguyễn - Hiền
Audouit (Edouard)	C 11	Cao - Thắng
B		
Bao-Hồ Thoại	E 12	Bùi - Việ
Barbé	C 13	Lê - quý - Đôn
Barbier	B 14	Lý - trần - Quán
Belgique	F 12	Chương - Dương
Belland	E 12	Nguyễn-khắc-Nhu
Bersésio	F 13	Lê - Thạch

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Bert (Paul)	B 14	Trần - quang - Khải
Blanchard	B 14	Trần - quý - Khoách
Blanchy Paul et Trung-nu-Vuong	D 14	Hai Bà Trưng
Blancsubé et Duy-Tân	C 14	Duy-Tân
Boez	F 13	Đinh-Lễ
Bonard et Francis Garnier	E 14	Lê-Lợi
Borresse	E 13	Bác-sĩ Yersin
Boudonnet	E 13	Lê-Lai
Bourdais	E 13	Bác-sĩ Calmette
Bui-quang-Chiêu	E 13	(như cũ)
C		
Cailar	G 14	Ngô-văn-Sở
Calmette	B 14	Đinh-công-Tráng
Cappe (Charles de)	F 14	Hoàng-Diệu
Carabelli	E 14	Nguyễn-Thiếp
Cardi	D 14	Nguyễn-Hậu
Catinat	D 14	Tự-Do
Cavell (Miss)	D 13	C. C. Huyền-Trân
Cazeau (Louis)	C 12	Lê-ngô-Cát
Chaigneau	E 14	Tôn-thất Đạm
Champagne	B 13	Yên-Đồ
Chanson, Thai-lập-Thành et Nguyên-văn-Thỉnh	C 12	Lê-văn-Duyệt
Charner	E 14	Nguyễn-Huệ
Chasseloup Laubat	C 14	Hồng-thập-Tự
Chemin des Dames	D 13	Nguyễn-Phi
Colombert	D 14	A. De Rhodes
Colombier	C 12	Hồ-xuân-Hương
Combes (Léon)	D 12	Sương Nguyệt - Anh

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Cornulier Lucinière	D 14	Thi-Sách
Courbet	E 13	Nguyễn-an-Ninh
Cuniac (Eugène)	E 13	Diên-Hồng
D		
Dakao (place de)	B 14	Đinh-tiên-Hoàng (công trường)
D'Arfeuille	B 13	Nguyễn - đình - Chiếu
D'Ariès	C 14	Huỳnh-khương-Ninh
D'Ayot	E 13	Nguyễn-văn-Sâm
De Genouilly (Rigault)	E 14	Mê-Linh
De Gaule	B 13	Công-Lý
De Lattre de Tassigny	D 13	(như cũ)
Denis (Frères) et Vannier	E 14	Ngô-đức-Kế
Dérivation (Route Nord du Canal de)	H 14	Tôn-thất-Thuyết
Dérivation (Route Sud du Canal de)	G 12	Trần-xuân-Soạn
Đinh-tiên-Hoàng et Albert 1er	B 14	Đinh-tiên-Hoàng
Dixmude	E 12	Đề-Thám
Đô-hu-Vi et Monlau	E 14	Huỳnh - thúc - Kháng
Đô-thanh-Nhan	F 13	(như cũ)
Domenjod	C 14	Nguyễn - thành - Ý
D'Ormay	E 14	Nguyễn-văn-Thỉnh
Douaumont	E 12	Cô-Giang
Doudart de Lagrée	E 14	Phan-văn-Đạt
Duclos	B 14	Đặng-Tất
Dumortier	E 12	Cô-Bắc
Dupré	E 14	Thái-lập-Thành
Duranton	D 12	Bùi-thị-Xuân
Durrwell	B 14	Phan-Ngữ
Duy-Tân et Blancsubé	C 14	Duy-Tân

Tên đường cũ

E

Eparges
Espagne et Lê-Loi
Eudel (Jean)
Eyriaud des Vergnes

F

Farinole
Filippini
Flandin (Pierre)
Folliot (Alphonse)
Fonck
Foray (Augustin)
Foucault
Frostin
Fryatt

G

Gage
Galliéni et Trân-h-Dao
Gallimard
Garnier (Francis) et Bonard
Garros
Génibrel
Gia-Long et Lagrandière
Grimaud
Guillerault (Frères)
Guynemer (Georges)

H

Hamelin
Héraud (René)

Họa đồ Tên đường mới

B 12 Nguyễn-Thông
D 15 Lê-Thánh-Tôn
F 14 Trinh-minh-Thế
A 12 Trương-minh-Giang

D 13 Đặng-trần-Côn
D 13 Nguyễn-trung-Trực
C 12 Bà Huyền Thanh-Quan
C 13 Nguyễn-gia-Thiều
F 13 Đoàn-nhữ-Hải
E 14 Lam-Son
B 14 Nguyễn-phi-Khanh
B 14 Bà Lê-Chân
E 14 Cao-bá-Quát

H 14 Trương-dinh-Hội
E 13 Trần Hưng-Đạo
B 15 Nguyễn-huy-Tự
E 14 Lê-Lợi
D 13 Thủ-Khoa Huân
B 14 Huyền-Quan
D 14 Gia-Long
E 13 Phạm-ngũ-Lão
D 12 Bùi-Chu
E 14 Võ-di-Nguy

E 13 Hồ-văn-Ngà
B 14 Trần-nhật-Duật

Tên đường cũ

Heurteaux
Huynh-quang-Tiên

J

Jauréguiberry
Joffre (Place)
Joubert

K

Kerlan
Khai-Dinh et Nancy
Kiết (Phu)
Kipling Rudyard
Kitchenner
Krantz

L

Lacôte
Lacouture (Lucien)
La Fayette
Lafont
Lagrandière et Gia-Long
Lanessan
Lanzarotte
Larégnière
leclerc et Pellerin
Lefèbvre
Leyrand de la Liraye et Lizé
Lê-Loi et Espagne
Leman
Le Myre de Vilers et Q. de l'Arg.

Họa đồ Tên đường mới

F 13 Nguyễn-trường-Tộ
E 12 (như cũ)

C 13 Ngô-thời-Nhiệm
C 14 Chiến-Sĩ (Công-trường)
B 14 Trần-khánh-Dur

D 14 Lê-văn-Hưu
D 11 Cộng-Hoà
E 14 (như cũ)
E 14 Nguyễn-Siêu
E 12 Nguyễn-thái-Học
D 13 Phan-văn-Hùm

E 13 Phạm-hồng-Thái
D 12 Đặng-đức-Siêu
G 14 Nguyễn-tử-Nha
D 15 Chu-mạnh-Trinh
D 14 Gia-Long
F 11 Nguyễn-Khoái
B 13 Đoàn-công-Bửu
C 13 Đoàn-thị-Điễm
C 13 Pasteur
E 13 Nguyễn-công-Trứ
C 12 Phan-thanh-Giản
D 15 Lê-thánh-Tôn
E 11 Cao-bá-Nhà
E 14 Bạch-Đằng

Tên đường cũ
Lesèble
Lê-van-Duyệt
Lê-van-Thanh
Lizé et Legrand de la Liraye
Louis (frère)
Luro

M

Mangin
Manuel (matelot)
Marchaise
Marchand
Marne (La)
Martin (Guillaume), Vincensini
Martin des Pallières
Massiges
Massoulard (Roger)
Mayer
Mazet
Mékong
Miche
Monceaux
Monceaux (hẻm)
Môn-lau et Đô-huu-Vi
Mossard et Taberd
Mousquet

N

Nancy, Khai-Dinh
Nguyễn-dinh-Chiêu
Nguyễn-Du

Họa đồ Tên đường mới

B 14 Lý-văn-Phước
B 14 Mã-Lộ
C 12 (như cũ)
C 12 Phan-thanh-Giản
D 12 Võ-Tánh
D 15 Cường-Đề

B 14 Trần-khát-Chân
G 13 Tôn-Đản
E 13 Ký Con
E 12 Nguyễn-cư-Trình
F 13 Vân-Đồn
F 13 Lê-quốc-Hưng
B 15 Nguyễn-văn-Giai
C 14 Mạc-đĩnh-Chi
D 12 Lương-hữu-Khánh
B 14 Hiền-Vương
B 14 Đặng-Dung
C 14 Trần-doãn-Khanh
C 14 Phùng-khắc-Khoan
B 13 Huỳnh-tịnh Cua
B 13 Nguyễn-văn-Mai
E 14 Huỳnh-thúc-Kháng
D 15 Nguyễn-Du
G 14 Nguyễn-xuân-Ôn

D 11 Cộng-Hoà
B 11 Hoà-Hưng
B 14 Phan-Tôn

Tên đường cũ

Nguyên-tân-Nghiêm
Nguyên-thiên-Thuật
Nguyễn-thuong-Hiên
Nguyễn-van-Duom
Nguyễn-van-Thinh, Thai-láp-
Thành et Chanson
Nicolau (René)
Noel
Norodom

O

Ohier
Olivier
Ormay

P

Page
Palanca
Parent (Marcel)
Pasteur
Paulus Cua
Pellerin, Leclerc
Pham-viet-Chanh
Phan-thanh-Gian
Pierre
Pigneau de Béhaine
Pourpe (Marc)

R

Rédemptoristes
Reims
Ribot

Họa đồ Tên đường mới

E 11 Phát-Diem
C 11 (đường mới)
C 12 (đường mới)
B 14 (như cũ)
D 12 Lê-văn-Duyệt
E 11 Nguyễn-cảnh-Chân
B 15 Trương-hán-Siêu
D 15 Thống-Nhút

E 14 Tôn-thất-Thiệp
F 13 Lê-văn-Linh
E 14 Nguyễn-văn-Thinh

D 14 Hàn-Thuyền
D 15 Nguyễn-trung-Ngạn
E 13 Phan-văn-Trường
D 14 Đồn-Đất
B 14 Hoà-Mỹ
C 13 Pasteur
D 11 (đường mới)
D 12 Ngô-tùng-Châu
B 15 Phạm-đăng-Hưng
D 14 Hoà-Bình
D 14 Nguyễn-văn-Chiêm

B 12 Kỳ-Đồng
E 13 Lê-công-Kiều
C 12 Phạm-định-Toái

Tên đường cũ	Họ đề	Tên đường mới
Richard et Sohier	C 15	Tự-Đức
Richaud	C 15	Phan-dình-Phùng
Rolland	B 14	Trần-văn-Dư
Roze	D 13	Trương-công-Định
Rudyard Kipling	E 14	Nguyễn-Siêu

S

Sabourain
Schroeder
Sohier et Tu-Duc
Somme

T

Taberd et L. Mossard
Testard
Thai-láp-Thành, Nguyễn-van-
Thinh et Chanson

Thévenet
Tô-hiên-Thành
Trần-tân-Phat
Trung-nu-Vuong, Paul Blanchy
Truong-minh-Ky
Turc

V

Vannier et Fr. Denis
Vassoigne
Verdun
Vial (Paulin)
Viénot
Vigerie (René)

Tên đường cũ	Họ đề	Tên đường mới
Vincensini et G. Martin	F 13	Lê-quốc-Hưng
Vinson (Gustave)	E 13	Trịnh-văn-Cẩn
Y		
Ypres	D 12	Nguyễn-văn-Tráng
Yser	G 14	Thương-Khẩu

CHỢ' - LỚN

A

Akas
Anbinh
Andiêm
Arbaud
Arroyo chinois
Artisans

B

Bach-Dang
Bà-Hat
Bà-Lài
Bassin aux Bois
Beau (Paul)
Béliard (Emile)
Binh-Dông
Binh-Tây
Binh-Tiền
Bonhoure et Gaudot
Bourchet

D 6 Lê-Trực
E 9 (như cũ)
D 8 (như cũ)
D 7 Nguy-khắc-Đản
E 9 Ba-Đình (Bến)
D 8 Phạm-Đôn

B 4 Hậu-Giang
C 10 (như cũ)
C 4 (như cũ)
E 7 Dã-Tượng
C 6 Trần-Bình
C 9 Nguyễn-Kim
E 1 Mai-hắc-Đế
D 6 (như cũ)
C 5 (như cũ)
D 8 Khổng-Tử
B 7 Hà-tôn-Quyền

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Bùi-duy-Thanh	E 9	(như cũ)
Bùi-huu-Nghĩa	D 9	(như cũ)
C		
Cambodge	D 7	Kim-Biên
Canal (Rue du)	D 7	Đỗ-văn-Sửu
Canal n° 1 (Quai Est du Canal transversal)	D 6	Bùi-huy-Bích
Canal n° 1 (Quai Ouest du Canal transversal)	D 6	Ngô-sĩ-Liên
Canal n° 2 (Quai Est du Canal transversal)	D 4	Hoàng-sĩ-Khải
Canal n° 2 (Quai Ouest du Canal transversal)	D 4	Nguyễn-nhược-Thị
Canal n° 3 (Quai Est du Canal transversal)	E 2	Nguyễn-sĩ-Cổ
Canal n° 3 (Quai Ouest du Canal transversal)	E 2	Vũ-phạm-Hàm
Canal de doublement (Route Nord)	D 3	Nguyễn-Duy (Bến)
Canal de doublement (Route Sud)	F 9	Phạm-thế-Hiền
Cân-Giôc (Quai)	D 7	(như cũ)
Cân-Giôc (route)	E 6	(như cũ)
Canton :		
a) từ bến lê-quang-Liêm đến Merlande	C 8	Triệu-quang-Phục
b) từ J. J. Rousseau đến Pavie cũ	C 8	Lý-nam-Đế
Chanh-Hung	E 8	(như cũ)

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Châu-van-Tiếp	D 8	(như cũ)
Chu-van-An	C 6	(như cũ)
Clochetons et Mosquée	D 8	P. Đ. Thiên-Vương
Coffyn	C 5	Phạm-phú-Thứ
D		
Danel	C 6	Phạm-dinh-Hồ
Da Bà Bâu	C 9	(như cũ)
De Beylié	D 8	Ngô-Quyền
De Condappa (Xavier)	C 8	Trần-Quý
De Kergaradec, Huynh-mán-Dat	D 10	Huỳnh-mãn-Đạt
De Lamothe	B 8	Lê-dại-Hành
Dellefosse	E 8	Tùng-thiện-Vương
De Rhodes (R. P. Alexandre)	B 4	Lục-Tĩnh
Dinh-Hoà	D 7	(như cũ)
Dào-duy-Tu	D 9	(như cũ)
Đoàn-thị-Diêm	C 8	Tân-Khai
Đông-Khanh	E 9	(như cũ)
Douane	D 8	Đặng-thái-Thân
Độc-Phu Thoai	D 7	(như cũ)
Drouhet (Frédéric)	D 8	Hùng-Vương
Ducos	C 9	Triệu-Đà
Duong-công-Trung	A 8	(như cũ)
E		
Ebénistes	D 7	Trần-tương-Công
F		
Foch	A 9	Nguyễn-văn-Thoại
Fou-Kiên (Quai)	C 7	Trang-Tử
Fou-Kiên (Ruelle)	D 7	Tống-duy-Tân

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
G		
Gaillard	C 8	Phó-cơ-Điều
Gaudot et Bonhoure	D 8	Khổng-Tử
Gia-Phu	D 6	(như cũ)
Go-Công	D 7	(như cũ)
H		
Hartemann et Quang-Trung	E 10	Nguyễn-Trãi
Hoà-Hao	D 10	(như cũ)
Hui-bon-Hoa	D 11	Lý-thái-Tô
Huynh-mân-Dat, De Kergaradec	D 10	Huỳnh-mẫn-Đạt
Huynh-thoai-Yên	C 6	(như cũ)
Hung-Long (đường dự- định số 23)	C 9	(như cũ)
J		
Jaccaré (avenue)	D 8	Tản-Đà
Jaccaré (ruelle)	D 8	Hẻm Tản-Đà
Jantet	C 6	Nguyễn-xuân-Phụng
K		
Khai-Dinh et Nancy (avenue)	D 11	Cộng-Hoà
Khai-Dinh (Place)	D 11	(như cũ)
Ky-Hoà	D 8	(như cũ)
L		
Lacaze et Nguyễn-Du	C 9	Nguyễn-tri-Phương
Landes	D 8	Phan-phủ-Tiên
Lapelin	D 7	Nguyễn-Án
Lê-Lai	D 3	Mễ-Cốc (Bến)
Lê-quang-Dinh	D 7	(như cũ)
Lê-quang-Hiền	C 6	(như cũ)

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Lê-quang-Liêm		
Lý-thai-Tô (Bến)	D 7	(như cũ)
Lý-thành-Nguyên	D 5	Bình-Đông (Bến)
Lý-thương-Kiệt	C 8	(như cũ)
Lo-gôm	D 7	(như cũ)
Lơgeril	C 5	(như cũ)
Lo-Siêu	C 10	Sư Vạn-Hạnh
	B 8	(như cũ)
M		
Mac-Cuu	D 7	(như cũ)
Mac-dinh-Chi	D 8	Bác-sĩ Phạm-hữu-Chí
Mac-thiên-Tích	D 9	(như cũ)
Manguier	B 5	Nguyễn-phạm-Tuân
Marché (Impasse) et Trinh-hoài-Duc	D 7	Trịnh-hoài-Đức
Matelots	D 8	Trần-Hoà
Médiane	D 6	Tuy-lý-Vương
Merlande	C 8	Bà-Triệu
Minh-Phung	B 6	(như cũ)
Montjon	D 7	Trần-nguyên-Hân
Mosquée et Clochetons	D 8	P. Đ. Thiên-Vương
Mousses	D 8	Trần-Điện
N		
Nancy, Khai-Dinh	D 11	Cộng-Hoà
Ngô-Quyên (Quai)	F 10	Hàm-Tử (Bến)
Ngô-Quyên (ruelle)	D 8	Hẻm Ngô-Quyên
Ngô-tùng-Châu	C 7	Trần-chánh-Chiếu
Nguyễn-binh-Khiêm	E 9	Bạch-Vân
Nguyễn-công-Tru	C 10	Nguyễn-duy-Dương

Tên đường cũ

Nguyên-Du et Lacaze
 Nguyên-huỳnh-Dục
 Nguyên-Trai
 Nguyên-tri-Phuong
 Nguyên-van-Cua
 Nguyên-van-Thach
 Nguyên-van-Thành

O

Onzième RIC

P

Paris
 Pasquier
 Passerelle
 Pavie
 Paulus Cua
 Pétrus Ky
 Pham-ngu-Lao
 Phan-bôi-Châu
 Phan-châu-Trinh
 Phan-van-Tri
 Philastre
 Phong-Phu
 Phu-Dinh (rue)
 Phu-Dinh (quai)
 Phu-Giao
 Phu-Huu
 Phu-Lâm (quai)
 Phu-Lâm (rue)
 Phuoc-Hung

Họa đồ Tên đường mới

C 9 Nguyễn-tri-Phuong
 E 9 (như cũ)
 C 10 Trần-nhân-Tôn
 C 9 Nguyễn-Lâm
 D 6 (như cũ)
 D 7 (như cũ)
 D 7 (như cũ)
 D 10 Nguyễn-Hoàng
 C 7 Phùng-Hung
 C 10 Minh-Mạng
 D 6 Nguyễn-chế-Nghĩa
 C 9 Trần-quốc-Toản
 D 10 Trần-bình-Trọng
 C 10 (như cũ)
 F 9 Hưng-Phú
 E 9 Nghĩa-Thục
 E 10 Cao-Đạt
 E 10 (như cũ)
 D 4 Lương-văn-Can
 E 7 (như cũ)
 D 8 (như cũ)
 C 4 (như cũ)
 C 7 (như cũ)
 C 7 (như cũ)
 C 6 (như cũ)
 B 5 (như cũ)
 D 9 (như cũ)

Tên đường cũ

Phu-Tho
 Piquet

Q

Quang-Trung, Hartemann

R

Rach-Cat
 Résistance
 Rieunier
 Rivière
 Rodier
 Rossigneux
 Rousseau (Armand)

S

Sanh-Hoà, Thouroude
 Sept Congrégations

T

Tân-Hàng
 Tân-Hung
 Tanneurs
 Tân-Phuoc
 Tân-Thành
 Thành-Thai
 Thap-Muoi
 Théâtre
 Tho-Ky
 Thomson (Charles)
 Thouroude, Sanh-Hoà

Họa đồ Tên đường mới

B 6 (như cũ)
 C 6 Lê-tấn-Kế

E 10 Nguyễn-Trãi

E 1 (như cũ)
 E 10 Nguyễn-Biểu
 C 8 Lương-nhữ-Hộ
 D 7 Lương-ngọc-Quyền
 D 7 Vạn-Kiếp
 D 7 Nguyễn-Quyền
 D 9 J. J. Rousseau

D 7 Sanh-Hoà
 D 8 Lão-Tử

D 8 (như cũ)
 C 8 (như cũ)
 E 8 Nguyễn-thời-Trung
 C 9 (như cũ)
 C 7 (như cũ)
 E 10 (như cũ)
 C 6 (như cũ)
 D 7 Lân-Ông
 C 4 Phạm-văn-Chí
 D 9 Hồng-Bàng
 D 7 Sanh-Hoà

Tên đường cũ	Họa đồ	Tên đường mới
Thuân-Kiêu	C 8	(như cũ)
Tiên-Tsin	D 7	Lưu-xuân-Tín
Tirant	C 8	Tăng-bạt-Hồ
Tôn-tho-Tuong	C 7	(như cũ)
Tông-dộc Lộc	C 5	(như cũ)
Tông-dộc Phuong	D 7	(như cũ)
Trần Hưng-Đạo et Galliéri	E 10	Trần Hưng-Đạo
Trần-thanh-Cân	C 7	(như cũ)
Triêu-Châu	C 7	Học-Lạc
Trình-hoài-Dục, Impas- se du Marché	D 7	Trình-hoài-Đức
Trois Canaux	C 6	Mai-xuân-Thường,
Truong-minh-Giang	A 9	Lữ-Gia
Truong-tân-Buu	C 7	(như cũ)
U, V, W, X, Y		
Uu-Long	D 8	(như cũ)
Van Vollenhoven	B 7	Mạnh-Tử
Vinh-Hung	D 6	(như cũ)
Vinh-Nam	D 7	(như cũ)
Vinh-Viên	C 9	(như cũ)
Vo-di-Nguy	D 7	Ngô-nhân-Tịnh
Vo-Tanh	D 6	Bãi Sậy
Vo-truong-Toan	C 7	(như cũ)
Wang-Tai	D 7	Phan-huy-Chú
Xom-Cui	D 7	(như cũ)
Xom-Vôi	C 7	(như cũ)
Yunnan	D 7	Vạn-Tượng
Yết-Kiêu	D 9	(đường mới)

BẢNG ĐỔI-CHIEU

tên đường mới với tên đường cũ

Tableau comparatif
des nouvelles et anciennes dénominations des rues

Comparative schedule
of the new and old street denominations

SÀI-GÒN

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
B		
C 12	Bà Huyện Th.-Quan	Flandin P.
B 14	Bà Lê-Chân	Frostin
E 14	Bạch-Đẳng	Argonne et Le Myre de Vilers
E 12	Bắc (Cố)	Dumortier
D 12	Bùi-Chu	Guillerault Frères
E 13	Bùi-quang-Chiều	(như cũ)
D 12	Bùi-t-Xuân (đường)	Duranton
D 12	Bùi-thị-Xuân (C.V.)	Công-Viên tại đường Bùi-thị-Xuân
E 12	Bùi-Viên	Bao-hồ-Thoai
C		
E 13	Calmette (Bác-Sĩ)	Bourdais
E 11	Cao-bá-Nha	Leman
E 14	Cao-bá-Quát	Fryatt
C 11	Cao-Thắng	Audouit
D 14	Chi-Lăng (C.-Viên)	Pagès (Công-Viên)

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
D 14	Chí - Linh (C.-Viên)	Espagne (Công - Viên)
C 14	Chiến-Sĩ (C.-T.)	Mal Joffre (C.-Trường)
C 14	Chiến-Sĩ (C. - Viên)	Công-Viên tại C.-Trường Chiến-Sĩ
D 15	Chu-mạnh-Trinh	Lafont
F 12	Chương-Dương	Belgique
E 12	Cô Bắc	Dumortier
E 12	Cô Giang	Douaumont
D 13	C. - C. Huyền - Trân	Miss Cawell
B 13	Công-Lý	De Gaule
E 12	Cống-Quỳnh	Arras
D 11	Cộng-Hòa	Khai-Dinh
D 15	Cường-Đề	Luro
D, Đ		
D 13	De Lat. de Tassigny	(như cũ)
E 13	Diên - Hồng (C.-T.)	Công - Trường Cuniac
E 13	Diên - Hồng (C.-V.)	Công - Viên tại Công- Trường Diên-Hồng
C 14	Duy-Tân	Duy-Tân et Blancsubé
B 14	Đặng-Dung	Mazet
D 12	Đặng-đức-Siêu	Lacouture
B 14	Đặng-Tất	Duclos
D 13	Đặng-trần-Côn	Farinole
E 12	Đề-Thám	Dixmude
B 14	Đinh-công-Tráng	Calmette
F 13	Đinh-Lễ	Boez
B 14	Đinh-Tiên-Hoàng	Albert 1er et Đinh-tiên-Hoàng
B 13	Đoàn-công-Bửu	Lanzarotte
F 13	Đoàn-nhữ-Hải	Fonck

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
C 13	Đoàn-thị-Điễm	Larégnerie
F 13	Đỗ-thanh-Nhân	(như cũ)
D 14	Đồn-Đất	Pasteur
D 14	Đồng-Đa	Công-Viên đường Char- ner, (trước Đô-Sảnh)
G		
D 14	Gia-Long	lagrandière et Gia-Long
E 12	Giang (Cô)	Douaumont
H		
D 14	Hai Bà Trưng	P. Blanchy et Trưng- nữ-Vương
E 14	Hàm-Nghi	la Somme
D 14	Hàn-Thuyền	A. Page
B 14	Hiền-Vương	Mayer
D 14	Hòa-Bình (C.-T.)	Pigneau de Béhaine
D 14	Hòa-Bình (C.-Viên)	Công - Viên Nhà Thờ Đức Bà
B 11	Hòa-Hưng	Nguyễn-dinh-Chiêu
B 14	Hòa-Mỹ	Paulus Cua
F 14	Hoàng-Điệu	Charles de Cappe
E 14	Hồ-huân-Nghiệp	Turc
E 13	Hồ-văn-Ngà	Hamelin
C 12	Hồ-xuân-Hương	Colombier
C 14	Hồng-thập-Tự	Chasseloup Laubat
B 14	Huyền-Quang	Génibrel
D 13	Huyền-Trần C.-Chúa	Miss Cawell
C 14	Huỳnh-khương-Ninh	D'Ariès
E 12	Huỳnh-quang-Tiên	(như cũ)

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
E 14	Huỳnh-thức-Kháng	Dô-huu-Vi et Monlau
B 13	Huỳnh-tĩnh-Cửa	Monceaux
K		
E 14	Kiệt (Phủ)	(như cũ)
E 13	Ký Con	Marchaise
B 12	Kỳ-Đồng	Rédemptoristes
L		
E 14	Lam-Son (C.-T.)	Nhà hát Đô Thành
E 14	Lam-Son (C.-Viên)	Công - Viên tại Công - Trường Lam - Son
B 14	Lê-Chân	Frostin
E 13	Lê-Công-Kiều	Reims
E 13	Lê-Lai (đường)	Boudonnet
E 12	Lê-Lai (Công-Viên)	Công - Viên tại đường Lê-Lai
E 14	Lê-Lợi (đại-lộ)	Bonard et F. Garnier
E 14	Lê-Lợi (Công-Viên)	Công - Viên trong đại-lộ Lê-Lợi
C 12	Lê-ngô-Cát	Cazeau
C 13	Lê-quí-Đôn	Barbé
F 13	Lê-quốc-Hưng	Martin et Vincensini
F 13	Lê-Thạch	Bersésio
D 15	Lê-Thánh-Tôn	Lê-Lợi et Espagne
C 12	Lê-v-Duyệt (đường)	Ng-v-Thinh, Thai-lập- Thành et Chanson
D 12	Lê-v-Duyệt (C., V.)	Công - Viên tại đường Lê - v - Duyệt
D 14	Lê-văn-Huu	Kerlan
F 13	Lê-văn-Linh	Olivier

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
C 12	Lê-văn-Thạnh	(như cũ)
D 14	Liên - Hiệp (C. - V.)	Công - Viên tại đường Gia-Long
B 14	Lý-trần-Quán	Barbier
B 14	Lý-văn-Phúc	lesèble
D 12	Lương-hữu-Khánh	Massoulard
M		
B 14	Mã-Lộ	lê-van-Duyệt
C 14	Mạc-đĩnh-Chi	Massiges
E 14	Mê-Linh (C.-T.)	R. De Genouvilly
E 14	Mê-Linh (C. - Viên)	Công - Viên tại Công - Trường Mê - Linh
N		
E 14	Ngô-dức-Kế	F. Denis et Vannier
C 13	Ngô-thời-Nhiệm	Jauréguiberry
D 12	Ngô-tùng-Châu (đường)	Phan-thanh-Gian
D 12	Ngô-tùng-Châu (C.-V.)	Công-Viên tại đường Ngô-tung-Châu
G 14	Ngô-văn-Sở	Cailar
E 13	Nguyễn-an-Ninh	Courbet A.
C 15	Nguyễn-bình-Khiêm	Angier
E 11	Nguyễn-cảnh-Chân	Nicolau
E 13	Nguyễn-công-Trứ	Lefèbvre
E 12	Nguyễn-cư-Trinh	Marchand
D 15	Nguyễn-Du	Taberd et Mossard
B 13	Nguyễn-đĩnh-Chiều	D'Arfeuille
C 13	Nguyễn-gia-Thiều	Folliot
D 14	Nguyễn-Hậu	Cardi
H 14	Nguyễn-Hiền	Ascoli

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
E 14	Nguyễn-Huệ	Charner
B 15	Nguyễn-huy-Tự	Gallimard
E 12	Nguyễn-khắc-Nhu	Belland
F 11	Nguyễn-Khoái	lanessan
D 13	Nguyễn-Phi	Chemin des Dames
B 14	Nguyễn-phi-Khanh	Foucault
E 14	Nguyễn-Siêu	Rudyard Kipling
E 12	Nguyễn-thái-Học	Kitchener
C 14	Nguyễn-thành-Ý	Domenjod
E 14	Nguyễn-Thiếp	Carabelli
C 11	Nguyễn-thiện-Thuật	Đường số 51
B 12	Nguyễn-Thông	Eparges
C 12	Nguyễn-thượng-Hiền	Đường mới (cập rầy xe lửa Sai-gon, Nha-Trang)
D 15	Nguyễn-trung-Ngân	Palanca
D 13	Nguyễn-trung-Trực	Filippini
F 13	Nguyễn-trường-Tộ	Heurteaux
G 14	Nguyễn-tử-Nha	La Fayette
D 14	Nguyễn-văn-Chiêm	Pourpe
B 14	Nguyễn-văn-Đuơng	(như cũ)
B 15	Nguyễn-văn-Giai	Martin des Pallières
B 13	Nguyễn-văn-Mai	Monceaux (Hẻm)
E 13	Nguyễn-văn-Sâm	D'Ayot
E 14	Nguyễn-văn-Thỉnh	D'Ormay
D 12	Nguyễn-văn-Tráng	Ypres
G 14	Nguyễn-xuân-Ôn	Mousquet
P		
C 13	Pasteur	Pellerin et Leclerc
B 15	Phạm-đăng-Hưng	Pierre

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
C 12	Phạm-dinh-Toái	Ribot
E 13	Phạm-hồng-Thái	Lacote
E 13	Ph-ngũ-Lão (đường)	Grimaud
E 13	Phạm-ngũ-Lão (C.-V.)	Công-Viên tại đường Pham-ngu-Lao
D 11	Phạm-viết-Chánh	Đường mới (từ Công-Quynh tới C.-T. Cộng-Hòa)
E 13	Phan-bội-Châu	Viénot
E 13	Phan-châu-Trình	Schröeder
C 15	Phan-dinh-Phùng	Richaud
C 15	Phan-kế-Bính	Vigerie
B 14	Phan-Liêm	Paulin Vial
B 14	Phan-Ngũ	Durrwel
C 12	Phan-thanh-Giản	legr. de la Liraye, Lizé
B 14	Phan-Tôn	Nguyên-Du
E 14	Phan-văn-Đạt	Doudart de Lagrée
D 13	Phan-văn-Hùm	Krantz
E 13	Phan-văn-Trường	Parent
E 11	Phát-Diệm	Nguyễn-tấn-Nghiệm
E 13	Phó-đức-Chính	Alsace Lorraine
D 11	Phong-Châu (C.V.)	Góc Hồng-thập-Tự và P. v. Chánh
E 14	Phủ-Kiệt	(như cũ)
C 14	Phùng-khắc-Khoan	Miche
R		
D 14	Rhodes (A. de)	Colombert
S		
D 12	Sương Nguyệt - Anh	L. Combes

Họa đồ Tên đường mới

Tên đường cũ

T

E 13	Tạ-thu-Thâu	Sabourain
D 13	Tao-Đàn (C. - Viên)	Công-Viên Maurice Long
E 14	Thái-lập-Thành	Dupré
C 12	Thanh - Quan (Bà Huyện)	P. Flandin
D 14	Thi-Sách	Cornulier Lucinière
D 15	Thống-Nhút (đại-lộ)	Norodom
D 14	Thống-Nhút (C.V.)	Công-Viên Norodom (Esplanade)
D 13	Thủ-khoa Huân	Garros
G 14	Thương-Khâu	Yser
A 11	Tô-Hiến-Thành	(như cũ)
G 13	Tôn-Đản	Manuel
E 14	Tôn-thất Đạm	Chaigneau
F 14	Tôn-thất Thiệp	Ohier
H 14	Tôn-thất Thuyết	Bến Bắc Kinh Tê (Dérivation)
C 14	Trần-cao-Vân	Verdun
C 14	Trần-doãn-Khanh	Mékong
E 13	Trần Hưng-Đạo	Galliéni, Trần H. -Đạo
B 14	Trần-khánh-Dur	Joubert
B 14	Trần-khát-Chân	Mangin
B 14	Trần-nhật-Duật	Héraud
B 14	Trần-quang-Khải	Paul Bert
C 13	Trần-quý-Cáp	Testard
B 14	Trần-quí-Khoách	Blanchard
C 14	Trần-tấn-Phát	(như cũ)
G 14	Trần-văn-Dur	Rolland
B 14	Trần-văn-Thạch	Vassoigne

Họa đồ Tên đường mới

Tên đường cũ

G 12	Trần-Xuân-Soạn	Đường Nam Kinh Tê (Dérivation)
F 14	Trình-minh-Thế	J. Eudel
E 13	Trịnh-văn-Cẩn	Vinson
D 13	Trương-công-Định	A. Roze
H 14	Trương-dinh-Hội	Gage
B 15	Trương-hán-Siêu	Noël
A 12	Trương - minh -Giảng	E. des Vergnes
C 13	Trương-minh-Ký	(như cũ)
C 13	Tú-Xương	Thevenet
D 14	Tự-Do	Catinat
C 15	Tự-Đức	Richard et Sohier
V		
C 13	Vạn-Xuân (C.-V.)	P. Doumer
F 13	Vân-Đồn	La Marne
E 14	Võ-di-Nguy	Guynemer
D 12	Võ-Tánh	F. Louis
D 14	Vũ-Quang	Ấu-trĩ-Viên M. Pourpe
Y		
E 13	Yersin	Boresse
B 13	Yên-Đồ	Champagne

CHỢ - LỚN

A		
E 9	An-Bình	(như cũ)
D 8	An-Điểm	(như cũ)
D 10	Ấu-Lạc	Công-Viên ở đường 11é RIC

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
B		
E 9	Ba-Đình	Bên Arroyo Chinois
C 4	Bà Lài	(như cũ)
C 10	Bà Hạt	(như cũ)
C 8	Bà Triệu	Merlande
E 9	Bạch-Vân	Nguyễn-bình-Khiêm
D 6	Bãi Sậy	Võ-Tánh
D 5	Bình-Đông (bến)	Lý-thái-Tổ
D 6	Bình-Tây	(như cũ)
C 5	Bình-Tiền	(như cũ)
E 9	Bùi-duy-Thanh	(như cũ)
D 6	Bùi-huy-Bích	Quai Est du Transversal n° 1
D 9	Bùi-hữu-Nghĩa	(như cũ)
C		
E 10	Cao-Đạt	Phan-châu-Trình
D 7	Cần-Giuộc (bến)	(như cũ)
E 6	Cần-Giuộc (đường)	(như cũ)
C 7	Cây-Mai	Huê-Viên đường
		Hậu-Giang
E 8	Chánh-Hưng	(như cũ)
D 8	Châu-văn-Tiếp	(như cũ)
C 6	Chu-văn-An	(như cũ)
D 11	Cộng-Hòa (đại-lộ)	Khải-Định
D 11	Cộng-Hòa (C.-T.)	Khải-Định
D, Đ		
C 9	Da Bà Bầu	(như cũ)
E 7	Dã-Trượng	Bassin aux Bois
D 9	Dân-Ước (C.-Viên)	Công-Viên đường J. J. Rousseau—Minh-Mạng

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
A 8	Dương-công-Trùng	(như cũ)
D 9	Đào-duy-Tử	(như cũ)
D 8	Đặng-thái-Thân	Douane
D 7	Đinh-Hòa	(như cũ)
D 7	Đỗ-văn-Sửu	Rue du Canal
D 7	Đốc-Phủ Thoại	(như cũ)
E 9	Đồng-Khánh	(như cũ)
G		
D 6	Gia-Phú	(như cũ)
D 7	Gò-Công	(như cũ)
H		
B 7	Hà-tôn-Quyền	Bourchet
F 10	Hàm-Tử	Ngô-Quyền
B 4	Hậu-Giang	Bạch-Đằng
D 10	Hoà-Hảo	(như cũ)
D 4	Hoàng-sĩ-Khải	Quai Est du Transversal N° 2
C 7	Học-Lạc	Triều-Châu
D 9	Hồng-Bàng	Ch. Thomson
D 10	Huỳnh-mẫn-Đạt	De Kergaradec et
		Huỳnh-mẫn-Đạt
C 6	Huỳnh-thoại-Yên	(như cũ)
D 8	Hùng-Vương (đại-lộ)	Drouhet
D 10	Hùng-Vương (C.-V.)	Công-Viên J. J. Rousseau
C 9	Hưng-Long (đường dự-định số 23)	(như cũ)
F 9	Hưng-Phú	Phạm-ngũ-Lão

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
J		
D 9	J. Jacques Rousseau	A. Rousseau
K		
D 8	Khổng-Tử (đường)	Gaudot et Bonhoure
D 7	Khổng-Tử (C. V.)	Công-Viên Gaudot
D 7	Kim-Biên	Cambodge
D 8	Ký-Hòa	(như cũ)
L		
D 7	Lãn-Ông	Théâtre (Ruelle)
D 8	Lão-Tử	Sept Congrégations
B 8	Lê-dại-Hành	De la Mothe
D 7	Lê-quang-Định	(như cũ)
C 6	Lê-quang-Hiền	(như cũ)
D 7	Lê-quang-Liêm	(như cũ)
C 6	Lê-tấn-Kế	Piquet
D 6	Lê-Trực	Akas
C 8	Lý-nam-Đế	Canton
D 11	Lý-thái-Tồ	Hui-Bon-Hoa
C 8	Lý-thành-Nguyên	(như cũ)
D 7	Lý-thường-Kiệt	(như cũ)
C 5	Lò-Gốm	(như cũ)
B 8	Lò-Siêu	(như cũ)
B 4	Lục-Tĩnh	A. De Rhodes
A 9	Lữ-Gia	Trương-minh-Giang
D 7	Lương-ngọc-Quyển	Rivière
C 8	Lương-nhữ-Hộc	Rieunier
D 4	Lương-văn-Cạn	Philatre
D 7	Lưu-xuân-Tín	Tiên-Tsin

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
M		
D 7	Mạc-Cửu	(như cũ)
D 9	Mạc-thiên-Tích	(như cũ)
E 1	Mai-hắc-Đế	Đường Bình-Đông
C 6	Mai-xuân-Thường	Trois canaux (rue des)
B 7	Mạnh-Tử	Van Vollenhoven
D 3	Mễ-Cốc	Lê-Lai (Poteries)
C 10	Minh-Mạng	Pasquier
B 6	Minh-Phụng	(như cũ)
N		
E 9	Nghĩa-Thực	Phan-bội-Châu
D 7	Ngô-nhân-Tĩnh	Võ-di-Nguy
D 8	Ngô-Quyền	De Beylié
D 8	Ngô-Quyền (Hẻm)	(như cũ)
D 6	Ngô-sĩ-Liên	Quai Ouest du Trans- versal N° 1
D 7	Nguyễn-khắc-Đản	Đường Arbaud
D 7	Nguyễn-Án	Lapelin
E 10	Nguyễn-Biểu	Résistance
D 6	Nguyễn-chế-Nghĩa	Passerelle
D 3	Nguyễn-Duy	Route Nord du canal de doublement
C 10	Nguyễn-duy-Dương	Nguyễn-công-Trứ
D 10	Nguyễn-Hoàng	11è R. I. C.
E 9	Nguyễn-huỳnh-Đức	(như cũ)
C 9	Nguyễn-Kim	Béliard
C 9	Nguyễn-Lâm	Nguyễn-tri-Phương
D 4	Nguyễn-nhược-Thị	Quai Ouest du Trans- versal N° 2

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
B 5	Nguyễn-phạm-Tuân	Manguier
D 7	Nguyễn-Quyền	Rossignaux.
E 2	Nguyễn-sĩ-Cổ	Quai Est du Trans- versal N° 3
E 8	Nguyễn-thời-Trung	Tanneurs
E 10	Nguyễn-Trãi	Quang-Trung et Hartermann
C 9	Nguyễn-tri-Phương	Nguyễn-Du et Lacaze (như cũ)
D 6	Nguyễn-văn-Cửa	(như cũ)
D 7	Nguyễn-văn-Thạch	(như cũ)
D 7	Nguyễn-văn-Thành	(như cũ)
A 9	Nguyễn-văn-Thoại	Foch
C 6	Nguyễn-xuân-Phụng	Jantet
P		
C 10	Petrus Ký	(như cũ)
C 6	Phạm-đình-Hồ	Danel
D 8	Phạm-Đôn	Artisans
D 8	Phạm-h-Chí (Bác-sĩ)	Mạc-đình-Chi
C 5	Phạm-phú-Thứ	Coffyn
F 9	Phạm-thế-Hiền	Route Sud du Canal de Doublement
C 4	Phạm-văn-Chí	Thơ-Ký
D 7	Phan-huy-Chú	Wangtai
E 8	Phan-phù-Tiên	Landes
E 10	Phan-văn-Trị	(như cũ)
C 8	Phổ-cơ-Điều	Gaillard
E 7	Phong-Phú	(như cũ)
C 4	Phú-Định (Bến)	(như cũ)
D 8	Phú-Định (đường)	(như cũ)

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
C 7	Phú-Giao	(như cũ)
C 7	Phú-Hữu	(như cũ)
C 6	Phú-Lâm (Bến)	(như cũ)
B 5	Phú-Lâm (đường)	(như cũ)
D 8	P.-Đ. Thiên-Vương	Mosquée et Clochetons
C 7	Phùng-Hưng	Paris
D 9	Phước-Hưng	(như cũ)
B 6	Phú-Thọ	(như cũ)
R		
D 9	Rousseau J. J.	A. Rousseau
E 1	Rạch-Cát	(như cũ)
S		
D 7	Sanh-Hòa	Thouroude et Sanh-Hoa
C 10	Sư Vạn-Hạnh	Lorgeril
T		
D 8	Tân-Đà (đường)	Jaccaréo
D 8	Tân-Đà (hẻm)	Jaccaréo (ruelle)
C 8	Tăng-Bạt-Hồ	Tirant
D 8	Tân-Hàng	(như cũ)
C 8	Tân-Hưng	(như cũ)
C 8	Tân-Khai	Đoàn-thị-Điễm
C 9	Tân-Phước	(như cũ)
C 7	Tân-Thành	(như cũ)
E 10	Thành-Thái	(như cũ)
C 6	Tháp-Mười	(như cũ)
C 7	Thăng-Long (C.-V.)	C.-V. Trần-Thanh-Cần
C 8	Thuận-Kiều	(như cũ)
C 7	Tôn-thọ-Tường	(như cũ)

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
C 5	Tổng-Đốc Lộc	(như cũ)
D 7	Tổng-Đốc Phương	(như cũ)
D 7	Tổng-duy-Tân	Hẻm Phước-Kiến
C 7	Trang-Tử	Quai de Foukien
C 6	Trần-Bình	P. Beau
D 10	Trần-bình-Trọng	Paulus Cua
C 7	Trần-chánh-Chiếu	Ngô-tùng-Châu
D 8	Trần-Điện	Mousses
D 8	Trần-Hòa	Matelots
E 10	Trần Hưng-Đạo	Trần Hưng-Đạo et Galliéri
D 7	Trần-nguyên-Hân	Montjon
C 10	Trần-nhân-Tôn	Nguyên-Trai
C 8	Trần-Quý	De Condappa
C 9	Trần-Quốc-Toản	Pavie cũ
C 7	Trần-Thanh-Cần	(như cũ)
D 7	Trần-trương-Công	Ébenistes
C 9	Triệu-Đà	Ducos
C 8	Triệu-Quang-Phục	Canton
D 7	Trịnh-Hoài-Đức	Hẻm Marché et Trịnh-Hoài-Đức
D 7	Trung-Dung (C.V.)	Công-Viên trước Bru- Điện Cholon
C 7	Trương-tấn-Bửu	(như cũ)
D 6	Tuy-lý-Vương	Route Médiane
E 8	Tùng-Thiện-Vương	Dellefosse
U		
D 8	Ưu-Long	(như cũ)
V		
D 7	Vạn-Kiếp	Rodier

Họa đồ	Tên đường mới	Tên đường cũ
D 7	Vạn-Tượng	Yunnan
D 9	Văn-Lang (C.-Viên)	Công-Viên Thomson et Drouhet
D 6	Vinh-Hưng	(như cũ)
D 7	Vinh-Nam	(như cũ)
C 9	Vinh-Viễn	(như cũ)
C 7	Võ-trường-Toản	(như cũ)
E 2	Vũ-phạm-Hàm	Quai Ouest du Trans- versal N° 3
X		
D 7	Xóm Củi	(như cũ)
C 7	Xóm Vôi	(như cũ)
Y		
D 7	Yên-Thế (C.V.)	Công-Viên Tông-Dộc Phuong
D 9	Yết-Kiên	Đường mới cặp hồ tắm Cholon



LƯỢC-SỬ ĐƯỜNG-PHỐ

và

TIÊU-SỬ DANH-NHÂN

Sắp theo thứ-tự A B C

PHẦN SÀI-GÒN

XIN CHÚ Ý.— Trong phần « Lược-sử đường-phố và tiêu-sử danh-nhân », mỗi tên đường được trình bày làm 3 đoạn phân-biệt : 1, chỉ vị-trí của con đường, in chữ đứng ; 2, chỉ lược-sử của con đường, in chữ xiêng ; 3, chỉ tiêu-sử của danh-nhân, in chữ đứng.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Trong quận 3 đi từ Hồng-Thập-Tự đến Kỳ-Đồng

Ngày xưa đường này đi từ Hồng-Thập-Tự đến Hồ - Xuân - Hương, đặt tên Nouvelle, lấy tên P. Flandin từ 26-4-1920, lần lần nối dài cho đến Kỳ-Đồng ngày nay ; nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Bà Huyện Thanh-Quan, người làng Nghi-Tâm (nay thuộc huyện Hoàng-long, tỉnh Hà-dông), họ tên là gì không rõ, biệt-hiệu Nhân-Khanh, con ông Nho Dương, chồng là ông Lưu Nguyên-Uân (Lưu-Nghi), đậu cử-nhơn, làm tri-huyện ở Thanh-Quan dưới triều Tự-Đức, nên tục danh là Bà Huyện Thanh-Quan ; được làm cung-trung giáo-tập ; thi văn còn truyền lại ít bài thơ tả cảnh, tả tình, nhưng bài nào cũng hay và tỏ ra bà là một người có tánh tình đoan-chính, thanh-tao, một người có học-thức, thường nghĩ-ngợi đến nhà, đến nước. Lời văn rất trang-nhã, điều-luyện.

BẠCH-ĐĂNG

Trong quận 1, đi từ bến Chương-Dương đến đại-lộ Cường-Đề.

Ngày xưa bến này chia hai đoạn : đoạn từ bến Chương-Dương đến công-trường Mê-Linh, tên bến *Donnat* hồi 1865, rồi đổi tên *Napoléon*; năm 1870, đổi tên bến *Thương-Mãi* (*Commerce*); năm 1896, đổi tên *Francis Garnier*; ngày 26-4-1920 đổi ra *Le Myre de Vilers*; đoạn thứ nhì từ công-trường Mê-Linh đến đại-lộ Cường-Đề, tên *Primauguet*, đổi ra *Argonne* ngày 26-4-1920. Nay hai đoạn nhập một, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Bạch-Đăng (938 - 1288) là một ngọn sông tượng-trung chí quật-cường và tài chiến-đấu của dân-tộc Việt-Nam. Phát-nguyên từ sông Lục-Đầu ở tỉnh Bắc-Ninh, chảy qua địa-hạt Hải-Dương và Quảng-Yên, trong lưu-vực sông Thái-Bình, Bạch-Đăng đổ ra vịnh Bắc-Việt, do cửa Nam-Triệu. Nhờ nó rộng lớn và ở gần biển nên nước lên xuống mau, gây cho nó một thế-hiềm về chiến-lược.

Chúng ta khéo lợi-dụng cái thế hiềm ấy nên đã thắng được quân xâm-lăng hai trận oanh-liệt phi - thường.

Năm 938, quân Nam-Hán do Lưu-Cung và con là Hoảng - Tháo chỉ-huy sang đánh nước ta, bị Ngô-Quyền giả kể trá-hàng, một mặt sai cắm cọc hàn cửa sông,

một mặt cho nghênh chiến bằng chiến - thuyền nhẹ, rồi chùng nước ròng, bị đuổi ngược ra vàm, rấn vào nọc chìm chết vô số.

Năm 1288, quân Nguyên, đã từng làm bá - chủ khắp Trung-Hoa, Ấn-Độ, Ba-Tur, Thồ-Nhĩ-Kỳ và một phần Âu-Châu, sang xâm-lăng nước ta, bị binh Hưng-Đạo-Vương đánh đại-bại trên sông Bạch-Đăng theo chiến-lược trá-hàng như hồi Ngô-Quyền.

BÙI-CHU

Trong quận 2, đi từ Lê-Lai đến Hồng-Thập-Tự.

Ngày xưa đường này số 24 trong họa-đồ của thành-phố; từ ngày 26-4-1920, đặt tên *Frères Guillerault*, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Bùi-Chu trước kia là một làng thuộc tỉnh Nam-Định ở vào phía Đông-Nam Bắc-Việt, dân-cư đông-dúc và hầu hết thuộc đạo Thiên-chúa.

Sau, tên Bùi-Chu được đem đặt cho địa-phận gồm hết các-làng Thiên-chúa-giáo thuộc tỉnh Nam-Định và do tòa Giám-Mục Bùi-Chu quản-trị từ hồi 1954 (?)

Bùi-Chu tách khỏi Nam-Định để trở thành một tỉnh riêng biệt đặt dưới quyền cai-trị của Chánh-phủ quốc-gia chớ không còn là khu tự-trị nữa. Dân chúng Bùi-Chu kéo nhau di-cư vào Nam - Việt sau ngày

21 - 7 - 1954 Hiệp-định Genève ký-kết tạm phân nước Việt làm hai tại sông Bến-Hải (vĩ-tuyến 17) (X. Phát-Diệm).

BÙI-QUANG-CHIÊU

Trong quận 2 đi từ Bác-sĩ Calmette đến Ký-Con.

Đường này trước là một đường hầm tục danh là hầm Cá Hấp, mới mở và đặt tên Bùi-Quang-Chiêu từ 28 - 11 - 1952.

Bùi-Quang-Chiêu, một nhà trí-thức lãnh-dạo đảng Lập-Hiến ở Nam-Việt, có chừa trong Hội-đồng Quản-hạt, sáng lập báo La Tribune Indigène.

BÙI-THỊ-XUÂN

Trong quận 2, đi từ Lê-văn-Duyệt đến Cống-Quỳnh

Ngày xưa đường này số 23, đặt tên Duranton, từ 12 - 2 - 1914, đổi tên một từ 22 - 3 - 1955. Tên Bùi-Thị-Xuân đặt cho công-viên ở góc đường này và Ngô-Tùng-Châu từ 19 - 10 - 1955.

Bùi-Thị-Xuân, vợ của một vị Tứ-trụ của Tây-Son là Trần-Quang-Diệu, tình nguyện từng-chinh với 5.000 quân dự vào trận đánh Trấn-Ninh (1802). Vua Tây-Son thấy đánh mãi không thắng, toan rút quân về,

nhưng Bà không chịu, xin cho ra đốc quân đánh trận, đánh từ sáng đến chiều, không phân thắng bại; sau, cùng chồng đi đường Ai-Lao, về đến huyện Thanh-Chương, bị quân Nguyễn bắt.

Lúc sống như lúc chết, chí-khí anh-hùng của Bà làm cho thiên-hạ thán-phục, đến người Pháp cũng suy-tôn.

BÙI-VIỆN

Trong quận 2, đi từ Nguyễn-Thái-Học đến Cống-Quỳnh.

Trước, đường này là một đường mòn trong địa-phận làng Tân-Hòa, đặt tên Bảo-hộ-Thoại từ 30 - 1 - 1950, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Bùi-Viện, người tỉnh Thái-Bình, đời vua Tự-Đức, đậu cử-nhân, có dâng sớ xin mở-mang việc buôn bán với ngoại-quốc, được Triều-đình sai sang Tàu thương-thuyết việc ấy; ở Quảng-Đông kết giao với con trai một vị lãnh-sự Huê-Kỳ, được người này đưa sang Mỹ, xin Huê-Kỳ cứu-giúp nước Việt-Nam đối-phó với nước Pháp. Bảy giờ Huê-Kỳ đang bất-bình với Pháp-hoàng Napoléon III về việc Mexique, nên muốn thừa dịp can-thiệp vào việc nước ta (1862).

Bùi-Viện trở về tàu rõ sự-tình với vua Tự-Đức

trước ; chánh-phủ Huê-Kỳ cho người con vị lãnh-sự
ấy sang nghiên-cứu tình-hình nước ta; nhưng khi ông
này trở về, thì chánh-cuộc Huê-Kỳ đã thay đổi rồi,
nên bỏ rơi việc toan-tính.

Bác-sĩ CALMETTE

Trong quận 2, đi từ bến Chương-Dương đến
đ l. Trần Hưng-Đạo.

*Ngày xưa đường này số 32, đặt tên Bourdais
từ 14-5-1877, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.*

Calmette (1863 - 1933) quê tại Nice sanh
ngày 12-7-1863, vào giúp việc nơi sở Y-tế Hải-
quân Pháp năm 1883 ; đến Việt-Nam năm 1890,
khởi-công nghiên-cứu các phương-pháp phòng-ngừa
những bệnh truyền-nhiễm như bệnh chó dại, bệnh trái
trời ; còn tìm ra thuốc trị nọc rắn và chất men rượu
cải-tạo rất nhiều kỹ-nghệ nấu rượu. Trong thời-gian ở
tại Việt-Nam, ông tiếp-tục nghiên-cứu bệnh thiên-thời,
kiết-lỵ, sưng gan và hiệp-tác với Bác-sĩ Borrel trong
công-cuộc tìm-tòi của Bác sĩ Yersin về vi-trùng bệnh
dịch-hạch.

Năm 1895, ông cộng-tác với Bác-sĩ J. Guérin
để hoàng-thành phương thuốc ngừa lao B. C. G.

CAO-BÁ-NHẠ

Trong quận 2, đi từ Cổng-Quỳnh đến Phát-Diem.

*Ngày xưa đường này tên Abattoir de Cầu-Kho,
đặt tên Léman từ năm 1920, đổi tên mới từ 19-10-
1955.*

Cao-Bá-Nhạ, con trai Cao-Bá-Đạt, cháu ruột
Cao-Bá-Quát, can vào án giặc Châu-Chấu nên bị giam,
có làm biểu trần-tình xin vua, tức bài trường-thiên Tự-
Tĩnh khúc, văn-chương tạo-nhĩa bi-ai.

CAO-BÁ-QUÁT

Trong quận 1, đi từ Đồn Đất đến Hai Bà Trưng.

*Ngày xưa đường này là đoạn nối dài của đ l.
Lê-Lợi, đặt tên Capitaine Fryatt từ 26-4-1920, đổi
tên mới từ 19-10-1955.*

Cao-Bá-Quát (1801-1854) người làng Phú-
Thụy, tỉnh Bắc-Ninh, thông-minh trí-huệ và có tài viết
chữ hay tuyệt-đối ; đồng-thời với Nguyễn-văn-Siêu ;
đỗ Cử-nhơn khoa Tân-Mảo (1831) mà mãi 10 năm
sau mới được vời vào Kinh lãnh chức Hành-tầu bộ Lễ ;
có tài văn thơ xuất-chúng.

CAO-THẮNG

Trong quận 3, từ Hồng - Thập - Tự đến Phan-Thanh-Giản.

Ngày xưa đường này số 20, đặt tên là Audouit từ 18-4-1939, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Cao-Thắng, người ở Hương-Sơn, Hà-Tĩnh ; năm 1885 theo Phan-Đình-Phùng khởi nghĩa cần-vương ; năm 1893 cầm quân tiến đánh Nghệ-An, bị trúng đạn chết.

CHU-MẠNH-TRINH

Trong quận 1, từ Lê-Thánh-Tôn đến Nguyễn-Du.

Ngày xưa đường này đặt tên Phnom-Penh từ 2-6-1871, đổi ra Lafont từ 24-2-1897, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Chu-Mạnh-Trinh, người làng Phú-Thị, phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên, đỗ Thủ-khoa năm 1886, tiến-sĩ năm 1892 ; là một nhà văn lỗi-lạc, làm nhiều thi-phú xuất-sắc, còn được truyền-tụng như Hương sơn phong cảnh, tập thất-ngôn bát-cú Vịnh Thúy-Kiều.

CHƯƠNG-DƯƠNG

Trong quận 1 và 2, từ bến Bạch - Đằng đến đ. 1. Cộng-Hòa.

Ngày xưa gồm hai đoạn : 1, bến Arroyo Chinois từ sông Sài-gòn đến đ. 1. Abattoir (nay là Nguyễn-Thái-Học) ; 2, Đường Dưới Sài-gòn - Chợ-lớn từ đ. 1. Abattoir đến Tân-Hoà (ranh-giới Sài-gòn và Chợ-lớn) đặt tên Quai de Belgique từ 30-10-1914, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Chương-Dương là một bến thuộc làng có tên đó, phủ Thường-Tín, Hà-Đông.

Đời vua Trần-Nhân-Tôn (1278-1292) khi quân Mông-Cồ xâm-lấn nước ta, Trần-Nhật-Duật cầm quân đại phá quân giặc tại đó.

CÔ BẮC

Trong quận 2, từ Nguyễn-Thái-Học đến Huỳnh-Quan-Tiên.

Ngày xưa đường này số 9, tên Dumortier từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Cô Bắc quê ở Bắc-Giang, là chị Cô Giang và cũng là một đảng-viên trung-thành của Việt-Nam Quốc-dân đảng, bị nhà cầm quyền Pháp bắt sau khi cuộc khởi nghĩa Yên-Báy thất bại (1930).

CÔ GIANG

Trong quận 2, từ đ1. Ng-Thái-Học đến H. Q. Tiên.

Đường này tên Douaumont từ 16-4-1920, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Cô Giang tức là Nguyễn-thị-Giang, quê ở Bắc-Giang, em Cô Bắc, một đảng-viên của Việt-Nam Quốc-dân đảng, làm nữ cán-bộ liên-lạc, là người tâm-phúc và ý-trung-nhân của Nguyễn-Thái-Học, hết lòng trung-thành với đảng và có công tuyên-truyền đặc-lực; khi cuộc khởi-nghĩa của đảng bị thất-bại (1930), Nguyễn-Thái-Học và nhiều đồng-chí bị nhà cầm quyền Pháp bắt, cô thoát khỏi, nhưng sau khi mục-kích Nguyễn-Thái-Học và 12 đồng-chí bị xử trảm, cô về tự-tử tại một làng quê dưới gốc một cây đa với một khẩu súng lục, đúng theo lời thề với Nguyễn-Thái-Học.

CÔNG-CHÚA HUYỀN-TRÂN

Trong quận 2, từ Nguyễn-Du đến Hồng-Thập-Tự.

Ngày xưa đường này tên Pépinière; đặt tên Miss Cavel từ 10-8-1916, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Công-chúa Huyền-Trân. — Sử chép năm 1301, vua Trần-Nhân-Tôn truyền ngôi cho con là Trần-Anh-Tôn, rồi nghe xú Chiêm-Thành có nhiều

thắng-cảnh, người đến viếng, dâng vua Chiêm-Thành là Chế-Mân trọng đãi, bèn hứa gả Huyền-Trân Công-Chúa cho. Mãi năm năm sau (1306) triều-đình mới sai Đoàn-Nhữ-Hải đưa Công-chúa vu-qui và nhận đất hai châu Ô và Rí. Vậy Công-chúa Huyền-Trân là người đàn-bà Việt-Nam số một quan-hệ về lịch-sử ngoại-giao của ta lại cũng là người mở ra chặng đường Nam-tiến thứ nhứt cho dân-tộc.

CÔNG-LÝ

Trong quận 3, từ Hồng-Thập-Tự đến ngọn Rạch Thị-Nghè.

Ngày xưa đường này số 26, đặt tên Impératrice (1-2-1865), từ bến Chơơng-Dương đến Rạch Thị-Nghè, đổi tên Mac-Mahon từ 1870, rồi từ 28-12-1945 đổi tên Général de Gaulle trong đoạn từ Gia-Long đến Rạch Thị-Nghè, còn đoạn đầu thì lấy tên Maréchal de Lattre de Tassigny từ ngày 15-1-1952. Tất cả hai đoạn nhập lại đổi lấy tên Công-Lý ngày 22-3-1955. Nhưng sau, từ 16-5-1955 đoạn đầu đặt trở lại tên Maréchal de Lattre de Tassigny.

Công-Lý, danh-từ hán-viện, tiêu-biểu cho lễ công-bằng.

CỔNG-QUỲNH

Trong quận 2, từ đl. Trần - Hưng - Đạo đến Hồng-Thập-Tự.

Ngày xưa đường này hiệp với Huỳnh-Quan-Tiên, đặt tên Blansubé - Cầu-Kho ; đổi tên Arras từ 26-4-1920 và đổi tên mới từ 22-3-1955.

Cổng-Quỳnh, người tỉnh Thanh-Hóa, tên Nguyễn-Quỳnh ; năm 16 tuổi đã đỗ Hương-cống (Cử-nhơn), triều Lê-Hiến-Tôn ; nổi tiếng về văn-chương nhưt là về văn-thi trào-lộng và khoa ứng-dối ; khi đi sứ bên Trung-Hoa, nhờ biệt tài ấy mà được Trung-Hoa khâm-phục. Nhiều người chưa nhận Cổng-Quỳnh là một nhân-vật lịch-sử, mà cho là một nhân-vật dã-sử bịa-đặt, tượng-trưng cho hạng sĩ-phu có óc phóng-khoáng, tiêu-biểu cho tinh-thần trào-lộng.

CỘNG-HÒA

Theo ranh quận 2 và 4, là ranh-giới cũ của thành-phố Sài-Gòn và Chợ-Lớn, từ bến Chương-Dương đến C. T. Cộng-Hòa.

Nguyên đường này là đường Tân-Hòa cũng kêu là Route - Limite, đổi tên Nancy (26-4-1920), đổi tên Khải-Định (28-11-1952), nay đổi tên Cộng-Hòa từ 21-12-1955.

Cộng-Hòa, chánh-thề của nước Việt - Nam (từ Bến Hải vào Nam) thành lập từ 26-10-1955, sau cuộc trưng-cầu dân-ý ngày 23-10-1955, với Tổng-thống đầu-tiên là cụ Ngô-Đình-Diệm.

CƯỜNG-ĐỀ

Trong quận 1, đi từ b. Bạch - Đằng đến đl. Thống - Nhứt.

Ngày xưa đường này là của người Việt « đảng-cựu » chúng ta xây-dắp, từ sông Sài-Gòn lên thành Đàng-Cựu ; đạo binh viễn-chinh Pháp do đường này tấn - công hạ thành Việt, ngày 17-2-1859 ; đặt tên Luro từ 1901 ; nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, theo Tăng-Duyệt-Phòng (về chi Đông-cung Cảnh) là chất đích-tôn năm đời của Gia-Long ; theo Phan Sào-Nam xuất-dương (1906) mưu cuộc giải-phóng nước nhà ; trong vòng mấy chục năm luôn luôn sanh-hoạt với các đồng-chí, bền lòng ái-quốc và chí độc-lập. Tạ-thế ngày 5-4-1951.

DE LATTRE DE TASSIGNY

Theo ranh-giới quận 1 và 3, từ Chương-Dương đến Hồng-Thập-Tự.

X. Công-Lý

De Lattre de Tassigny, đại-tướng Pháp, được lệnh sang làm Cao-ủy tại Việt-Nam từ 17-12-1950 kiêm chỉ-huy trưởng đạo binh Viễn-chinh Pháp, thọ bệnh trong lúc điều quân tại mặt trận Bắc-Việt rồi về Pháp từ-trần, đầu năm 1951, được truy-thăng Thống-chế.

DUY-TÂN

Trong quận 1 và 3, từ đ.l. Thống-Nhút đến Hiền-Vương.

Kêu là *Catinat* nổi dài từ 24 - 2 - 1897, đổi *Blancsubé* đoạn từ đ.l. Thống-Nhút đến dài *Chiến-sĩ* và là *Garcie* từ đây cho tới Hiền-Vương ; đoạn thứ nhì đổi *Duy-Tân* ngày 28 - 11 - 1952 và đoạn thứ nhứt được sáp-nhập vào từ 22 - 3 - 1955.

Duy-Tân (1907 - 1916) húy là Vĩnh-San, con thứ năm của vua Thành-Thái, lên ngôi hồi mới 8 tuổi ; năm 1916, thừa lúc Pháp đang bận đánh với Đức, đứng ra lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa toan giải-phóng nước-nhà khỏi ách Pháp-thuộc, nhưng việc bất-thành, bị nhà cầm-quyền Pháp bắt và đày sang đảo Réunion.

ĐẶNG-DUNG

Trong quận 3, đòng cùng, khởi đầu từ Trần-Khát-Chân.

Nguyên đường tư của hãng bất-dộng-sản COGISA đã đặt tên là Jean Mazet và đã hiến cho đô-thành Sài-Gòn Chợ-Lớn (24 - 10 - 1953) đồng-thời với các đường khác của hãng : Trần-Quý-Khoách, Đặng-Tất, Trần-Nhật-Duyệt, Trần-Khánh-Dur và Trần-Khát-Chân ; đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Đặng-Dung, con trai Đặng-Tất, theo cha phò Giản-Định-Đế chống với quân Minh ; sau khi cha bị giết oan (1408) về Thanh-Hóa lập Trần-Quý-Khoách làm vua, tiếp-tục chống quân Minh, đánh nhiều trận oanh-liệt, suýt bắt sống Trương-Phụ, nhưng sau bị quân Trung-hoa bắt, gieo mình xuống sông tự-tử với Trần-Quý-Khoách, Nguyễn-Cảnh-Dị và Nguyễn-Súy.

ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU

Trong quận 2, từ Vô-Tánh đến Bùi-thị-Xuân

Nguyên đường số 1, đặt tên Lacouture từ 26 - 4 - 1920, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Đặng-đức-Siêu, người ở Bồng-Sơn, (Bình-Định), 16 tuổi đỗ hương-tiến, văn-thần của nhà Nguyễn, học-vấn sâu-rộng, văn-chương tao-nhã, diền-lễ triều-đình và lễ-nghi tế-giao, tế-miếu, tế xã-tắc đều do tay ông soạn.

ĐẶNG-TẮT

Trong quận 3, đường cùng, bắt đầu từ Trần-Nhật-Duật.

Đường tư của hãng COGISA, tên Jean Duclos (X. Đặng-Dung) đổi tên mới từ 29 - 10 - 1955.

Đặng-Tắt, người Thiên-Lộc (Nghệ-An) làm quan nhà Hậu-Trần (1407-1413); khi nước ta thuộc nhà Minh, năm 1407, cùng con là Đặng-Dung theo Giản-Định-Đế khởi binh đánh quân Minh, giết tướng Phạm-Thế-Căng ở cửa Nhật-Lệ; sau bị Giản-Định-Đế nghe lời gièm-pha, giết chết với Nguyễn-Cảnh-Chân, một cách oan-ức (1408).

ĐẶNG-TRẦN-CÔN

Trong quận 2, từ Gia-Long đến Nguyễn-Du

Đường tư của ông Farinole mở ra từ 1875, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Đặng-Trần-Côn, người làng Nhân-Mục (tên nôm là Mộc) huyện Thanh-Trì (Hà-Đông), ở vào khoảng tiền bán thế-kỷ XVIII, đỗ hương-cống, làm ngự-sử triều Lê-Dụ-Tôn (1705 - 1718), làm tri-huyện Thanh-Oai (Hà-Đông) năm 1740 đời Lê-Hiến-Tôn; tác-giả một quyển tiểu-thuyết nhan đề là Bích-câu kỳ-ngộ và Chinh-phụ ngâm-khúc là một áng thơ trường-thiên viết bằng

chữ hán theo lối trường-đoản-cú, được nổi tiếng và diễn nôm ra nhiều bản.

ĐỀ-THẨM

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến Phạm-Ngũ-Lão.

Nguyên tên « Đường Nhà-thờ Chợ-dúi cũ » đổi ra Dixmude từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Đề-Thẩm (1883-1913), tức là Hoàng-Hoa-Thám, nổi danh Anh-hùng Yên-Thế, đồng ý với Phan-Đình-Phùng, khởi-nghĩa tại vùng Yên-Thế (Bắc-Giang) chống Pháp; giỏi binh-pháp, biết áp-dụng chiến-thuật du-kích một cách « thần-xuất quỷ-nhập », khéo lợi-dụng tình-thế chiến, hòa, cầm-cự ngót 20 năm chống Pháp, rồi cuộc chết biệt-tích trong vùng Yên-Thế năm 1913.

ĐÌNH-CÔNG-TRẮNG

Trong quận 3, từ Lý-Trần - Quán đến Hai bà Trưng.

Nguyên số 39, đặt tên Calmette từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Đình-Công-Trắng, người Nham-Tràng, huyện Thanh-Liêm (Hà - Nam), tham - gia phong-trào Cần-Vương năm 1888, cùng Phan-Đình-Phùng lập chiến-lũy Ba-Đình chống nhau với Pháp một cách oanh-liệt.

ĐÌNH-LỄ

Trong quận 6, từ Lê-Thạch đến Lê-Quốc-Hưng.

Tên *Frères Denis* hồi mới mở lối 1928, đổi ra *Boëz* từ 1930, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Đình-Lễ, người Lam-Sơn, theo cậu là Lê-Lợi lập nhiều công lớn, bắt được nhiều tướng giặc lợi hại ; sau vì voi bị sa-lầy nên bị giặc bắt, ông liền tự-sát.

ĐÌNH-TIÊN-HOÀNG

Trong quận 3, từ Hồng-Thập-Tự đến Cầu Bông.

Đại lộ này xưa kia đi vào thành « *Đàng-Cựu* » và chạy thẳng tiếp *Đại-lộ Cường-Đề* ; tuy hai con đường bị thành - cựu ngăn cách, song thành-phố đặt cho một tên chung là *Luro* ; năm 1920, tên *Albert Ier* đặt cho đoạn đường từ *Hồng-Thập-Tự* (*Chasseloup - Laubat cũ*) đến *C. T. Đình - Tiên - Hoàng* (*Pl. Dakao cũ*) Nay đổi lại tên mới từ 22-3-1955. (*X. Cường-Đề*).

Đình-Tiên-Hoàng (968-979) tức là Đình-Bộ-Linh, người ở Hoa-Lư (Ninh-Bình) sanh vào lúc trong nước chia rẽ do 12 Sứ-quân cai-trị mỗi người mỗi cõi ; theo Sứ-quân Trần-Minh-Công ở Bồ-Hải-Khẩu (Thái-Bình), sau Minh - Công mất, kéo quân về Hoa-Lư, từ đó khắc phục được các Sứ-quân, thống-

nhất sơn-hà, đặt quốc-hiệu là Đại-Cồ-Việt, lập binh-đội rất hùng-hậu và định luật-pháp rất oai-nghiêm.

ĐOÀN-CÔNG-BỬU

Trong quận 3, từ Nguyễn-Đình-Chiều đến Yên-Đồ.

Đường này trước kia số 48, đặt tên *Lanzarotte* từ 1906. Nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Đoàn-Công-Bửu, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Nguyễn-Xuân-Phụng khởi nghĩa chống Pháp tại Cầu-Ngang (Trà-Vinh) năm 1874.

ĐOÀN-NHỮ-HÀI

Trong quận 6, từ Trình-Minh-Thế đến Nguyễn-Trường-Tộ.

Trước tên *Messageries Maritimes*, đổi tên *Fonck* từ 26-4-1920, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Đoàn-Nhữ-Hài, người làng Trường-Tân (Hải-Dương), khi còn du-học ở Kinh, đời Trần, làm tờ biếu tạ tội cho vua Trần-Anh-Tôn vì say rượu bị Thượng-Hoàng quở, sau được bổ làm Ngự-sử và khi làm Đốc-tướng đi đánh Ai-Lao bị tử-trận.

ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

Trong quận 3, từ Hồng-Thập-Tự đến rạch Bùng-Binh.

Xưa tên Jardins, đổi tên Larégnère từ 1897. Đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Đoàn - Thị - Điểm (1705 - 1746), biệt - hiệu Hồng-Hà nữ-sĩ, quán làng Giai-Phạm, xứ Kinh-Bắc, nay là Bắc-Ninh, con của Đoàn-Doãn-Nghi, nổi tiếng văn-tài từ thuở nhỏ; vợ của Nguyễn-Kiều; lúc chưa chồng, là một người con chí hiếu; khi có chồng (1740) là một người vợ chí tình; có soạn nhiều thi-văn, như là Tục-Truyền-Kỳ gồm có các câu chuyện kỳ lạ; được truyền-tụng và được nổi tiếng nhưt là Chinh-Phụ ngâm-khúc.

ĐỖ-THANH-NHÂN

Trong quận 6, từ bến Vân-Đồn đến Hoàng-Diệu.

Trước kia tên Yokohama, đổi tên Đỗ-Thanh-Nhân từ 30 - 1 - 1950.

Đỗ-Thanh-Nhân theo phò Nguyễn-Ánh chống với Tây-Son, khởi binh ở Đông-Son, nay thuộc tỉnh Tân-An, chống với Tây-Son, đoạt lại thành Sài-Côn (nay là Sài-Gòn); sau Nguyễn-Lữ chiếm lại thành Sài-Côn, chúa Nguyễn chạy về Trấn-Biên (nay là Biên-

Hòa) (1776); sau được làm Chương-dinh rồi cùng các tướng-lãnh của chúa Nguyễn đánh lấy Sài-Côn lần thứ nhì; rồi sau khi khôi-phục đất Gia-Định, sang đánh dẹp Chân-Lạp, được phong chức Ngoại-hữu Phụ-chánh Thượng-tướng-công (1780).

ĐỒN-ĐẮT

Trong quận 1 từ bến Bạch-Đằng đến Gia-Long trước cửa nhà thương Đồn Đắt (Hôpital Grall).

Đường số 12 trước kia, đặt tên đường Hôpital từ 1-2-1865, đổi tên Pasteur từ 24 - 2 - 1897, nay đặt tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Đồn-Đắt là một danh-từ phổ-thông chỉ vùng nhà thương Đồn-Đắt có lẽ vì chỗ này thời Đàng-Cựu ta có xây đồn đắp lũy bằng đất, để án-ngự thành-trị.

GIA-LONG

Trong quận 1 và 3, từ đ. l. Cường-Đề đến Lê-Văn-Duyệt.

Nguyên đường này một đoạn đắp lên hào-thành Đàng-Cựu do Minh-Mạng phá-hủy hồi 1835; hồi mới mở, đặt tên đường Gouverneur vì có dinh Thống-đốc cất dựa lề, chỗ trường Taberd hiện thời; đổi tên

Lagrandière từ 1-7-1870, đổi tên Gia-Long một đoạn từ Tự-Do đến Lê-Văn-Duyệt (30-1-1950) nay đổi trọn lấy tên Gia-Long từ 22-3-1955.

Gia-Long, (1802 - 1820) tức là niên-hiệu của Thái-Tổ Cao-Hoàng, húy Nguyễn-Phúc-Ánh, sáng-lập nhà Nguyễn; bắt đầu giao-thiệp với Pháp; trót 24 năm chống với Tây-Son, chừng thống-nhứt Trung Nam Bắc mới sửa-sang nội-trị, chỉnh - đốn pháp-luật, mở - mang học-hành, đắp đường sá đê điều, đào thêm kinh ngòi, khuyến-khích việc khai-khẩn đất hoang, thọ 59 tuổi, trị vì 18 năm.

HAI BÀ TRUNG

Trong quận 1 và 3, từ C.T. Mê-Linh đến Cầu Kiệu (Phú-Nhuận).

Trước tên đường Impériale, năm 1870 đổi lại là Nationale; từ 4-4-1902 đổi ra Paul Blanchy rồi đoạn từ đ.l. Thống-Nhứt đến Cầu Kiệu đổi ra Trung-nữ-vương (28-11-1952); nay toàn thể đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hai Bà Trưng, (40-43) là Trưng-Trắc cùng em là Trưng-Nhị; bấy giờ nước ta lệ-thuộc Trung-Hoa (Nhà Đông-Hán) thái-thú Tô-Định tàn-bạo, giết chồng bà Trưng-Trắc là Thi-Sách vì nghi người xúi-giục dân

khởi loạn; vì nước, vì chồng, bà Trưng-Trắc cùng Trưng-Nhị hiệu-triệu toàn dân chống giặc. Đánh bại quân Tàu, hai bà xưng vương, đóng đô ở Mê-Linh, giữ độc-lập cho nước nhà ba năm. Nhà Hán không sao quên được cái nhục bại-chiến, sai Mã-Viện chỉ-huy mấy chục vạn binh sang qua đàn-áp dân ta; hai bên đánh nhau tại Hồ Tây (Hà-Nội) mấy trận, rồi vì binh ít, hai bà rút về Cầm-Kê (Vĩnh-Yên) lần đến Hát-Môn (Sơn-Tây) rồi thấy thế yếu khó bề chống nổi quân thù, bèn gieo mình xuống Hát-giang tự-tử.

HÀM-NGHI

Trong quận 1 và 2, từ B. Bạch-Đằng đến C. T. Diên-Hồng.

Đường này trước kia là một ngọn rạch, đường hai bên mé đặt chung là số 3 rồi đổi lại đường Canton (phía Bắc) và Ayot (phía Nam); lối 1870, ngọn rạch được lấp đi và hai đường được đặt tên chung là Canton (14-5-1877); tới 24-2-1897 đường phía Bắc sửa lại tên Krantz, còn đường phía Nam thì lấy tên Duperré; rồi từ 22-4-1920 được đổi lại là Boulevard de la Somme; nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hàm-Nghi (1871 - 194...) tên Ung-Lịch, em vua Kiến-Phúc, được tôn lên ngôi hồi 12 tuổi, cùng

Tôn-Thất-Thuyết xuất thân ra vùng Tuyên-Hóa (Quảng-Bình) mưu-đồ chống Pháp, sau bị bọn Trương-Quang-Ngọc và Nguyễn-Định-Tĩnh theo phe nghịch, vây bắt nạt cho Pháp, bị đẩy sang Alger (Phi-Châu).

HÀN - THUYỀN

Trong quận 1, từ T.C. Hòa-Bình đến Công-Lý.

Hồi mới mở, lối 1871, đặt tên là Hồng-Kong, đổi tên Amiral Page (24-2-1897) nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hàn-Thuyền, tên là Nguyễn-Thuyền, người phủ Nam-Sách (Hải-Dương) đỗ tiến-sĩ đời Trần-Thái-Tôn, làm bài văn-tế đuôi cá-sấu khỏi sông Phú-Lương như Hàn-Dũ bên Trung-Hoa, nên vua cho đổi họ Hàn; xuất-sắc về thơ-phú quốc-âm và sáng-kiến ra thơ Đường-luật làm bằng chữ nôm; vì vậy mà thơ nôm làm theo Đường-luật cũng kêu là thơ Hàn-luật.

HIỀN - VƯƠNG

Trong quận 3, từ đ. l. Đình-Tiên-Hoàng đến Lê-văn-Duyệt.

Đường này trước kia số 30, đặt tên Mayer lối 1886, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hiền-Vương (1620-1687) tức là chúa Hiền, con Công-thượng-vương, tên Nguyễn-Phúc-Tần, được phong Dũng-quận-công; đánh nhau với chúa Trịnh ở vùng Quảng-Bình Nghệ-An, lấy đất Chiêm-Thành lập phủ Ninh-Hòa và Diên-Khánh, tức là Khánh-Hòa hiện-thời.

HÒA - HƯNG

Trong quận 3, từ Lê-văn-Duyệt đến khám Chí-Hòa.

Đường mới mở, đặt tên Nguyễn-Đình-Chiều (30-1-1950) nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Hòa-Hưng là tên làng địa-phương chỗ con đường này tọa-lạc.

HÒA - MỸ

Trong quận 3, đường hẻm cùng, bắt đầu từ đ. l. Đình-Tiên-Hoàng.

Trước kia số 29, đặt tên Paulus Của từ 23-1-1943, đổi tên mới từ 6-10-1955.

Hòa-Mỹ là tên làng địa-phương, chỗ đường này tọa-lạc; hiện còn đình làng trong đường này.

HOÀNG - DIỆU

Trong quận 6, từ bến Thương-Khầu đến rạch Cầu - Chông.

Trước kia tên Charles de Cappe (26-4-1920), nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hoàng-Diệu, (1829 - 1882) người làng Xuân-Đài (Quảng-Nam) ; học rất giỏi, năm 16 tuổi đã nổi tiếng là một văn-tài, năm 20 tuổi đỗ cử-nhơn, năm 25 tuổi đỗ Phó-bảng, làm quan đến Binh-bộ Thượng-thor, được bổ-nhậm chức Tổng-dốc Hà-Ninh (Hà-Nội) Bắc-Ninh (1880) thay-thế Nguyễn-Tri-Phương, (đã tuần-tiết từ 1873) giữa lúc tình thế rối-ren và nguy-hiêm. Đến nơi, lo củng-cố thành-trì và tăng-gia võ-lực ; nhưng người Pháp tìm đủ mọi cách để bành-trướng địa-vị và quyền-lợi, nên việc bang-giao với Pháp càng ngày càng căng-thẳng ; ngày 25 - 4 - 1882, Đại-tá Rivière khai-chiến hằm thành Hà-Nội ; cụ kháng-chiến mãnh-liệt, nhưng thế yếu và bị nghịch-thần thăm hại, Hà-Nội phải thất-thủ. Sau khi viết di-biểu dưng vua, cụ lấy khăn thắt cổ tự-ái không để cho địch bắt sống.

HỒ-HUÂN-NGHIỆP

Trong quận 1, từ C. T. Mê-Linh đến Tự - Do.

Trước là số 7 đặt tên Tục từ 27 - 1 - 1871, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Hồ-Huân-Nghiệp, cùng Trương-Công-Định, kháng-chiến với quân Pháp, chống giữ tỉnh Gò - Công.

HỒ-VĂN-NGÀ

Trong quận 2, đi từ Phó - Đức - Chính đến đại - lộ Nguyễn-thái-Học.

Nguyên đường này số 7, di chuyển đến đại-lộ Nguyễn-Huệ, đặt tên Hamelin từ 1865 ; sau, đại-lộ Hàm-Nghị mở ra, cắt đường này ra làm 2 đoạn ; từ 1917, đoạn đường hiện tại vẫn giữ tên Hamelin ; đoạn kia đặt tên Đỗ-hữu-Vị. Nay đường Hamelin đổi tên Hồ-văn-Ngà từ 22 - 3 - 1955.

Hồ-văn-Ngà, người gốc Cần-Đước (Chợ-lớn) thuở nhỏ học có tiếng, nhứt là về toán-học, thi tuyển vào Trung-Ương đại-học đường ở Paris đậu hạng nhứt trên 800 thí-sinh.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Trong quận 3, từ Đoàn - thị - Diễm đến Lê - văn - Duyệt.

Nguyên đường này tên Dispensaire, đổi tên Colombier từ 1897, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Hồ-Xuân-Hương, con của Hồ-Phi-Điển,

quê ở làng Quỳnh-Đôi, huyện Quỳnh-Lưu (Nghệ-An) sống vào khoảng Lê-Mạt Nguyễn-Sơ, đồng thời với Phạm-Đình-Hồ tức Chiêu-Hồ, học giỏi, có tài thơ văn, duyên - phận long - đong, nên trong tập thơ của bà, Xuân-Hương thi-tập, hoặc có ý lảng-lơ, hoặc có giọng mai-mĩa, nhưng bài nào cũng chứa-chan tình-tự, mà cách tả cảnh, tả tình, dùng chữ, hiệp vần rất khéo ; thật là một nhà viết thơ nôm thuần-túy, thoát hẳn ảnh-hưởng của thơ văn chữ Hán.

HỒNG - THẬP - TỰ

Theo ranh quận 1, 2 và 3 đi từ rạch Thị-Nghè đến C. T. Cọng - Hòa .

Nguyên đường này của Đàng-Cửu chúng ta đắp, đề nổi liền Phú-Mỹ (Thị-Nghè) với Chợ-Lớn, đi ngang qua thành Đàng-Cửu (1835), vì vị-trí hệ-trọng nên Pháp bấy giờ đặt tên đường Stratégique, sau đổi ra đại-lộ 25, đổi lại Chasseloup - Laubat từ 1-2-1865, lần-hồi đại-lộ biến ra đường; đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hồng-Thập-Tự, Cơ-quan từ-thiện chăm việc cứu - trợ quân - sĩ và nhân - dân bị thương hoặc bị nạn đang lúc chiến-tranh, lấy hình chữ thập đỏ làm huy-hiệu. Hội Hồng-thập-tự Việt-Nam mới được thành-

lập từ tháng 3 năm 1952. Hội-Quán mới cất xong tại đường này (1955) chưa đầy một năm.

HUYỀN-QUANG

Trong quận 3, đi từ Nguyễn-Phi-Khanh đến Lý-Trần-Quán .

Huyền-Quang, Người làng Vạn-Tải, đất Vũ-Ninh, nay thuộc huyện Gia-Bình (Bắc-Ninh) ; người đạo-đức và có tài văn-thi ; chín tuổi đã biết làm thơ ; 19 tuổi xuất-gia đầu Phật ; ông là ông tổ thứ ba trong phái trúc-lâm ở nước ta.

HUỲNH-KHƯƠNG-NINH

Trong quận 3 đi từ đ.l. Đình - Tiên - Hoàng đến Phan - Liêm .

Xưa đường này số 28, đặt tên Ariès từ 1906, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Huỳnh-Khương-Ninh, người tỉnh Bà-Rịa, đỗ bằng thành-chung năm 1906, từng sự tại nha học-chánh Nam-Việt từ 1907 đến 1924, làm hiệu-trưởng trường tiểu-học Tân-Định năm 1924, làm hội-đồng thành-phố Sài-Gòn Chợ-Lớn 1928 - 1930, hội-trưởng

nhiều hiệp-hội, có trước-tác văn Việt-ngữ và Pháp-ngữ; ông là một trong hàng tiền-phong lập trường tại ở miền Nam.

HUỲNH-QUAN-TIÊN

Trong quận 2, đi từ bến Chương-Dương đến đ. Trần-Hưng-Đạo.

Nguyên đường này hiệp với đường Cống-Quỳnh (Arras cũ) mang tên Blansubé Cầu-Kho; từ 26-10-1920 mang tên hiện-thời.

Theo tập nghị-luận của Hội-đồng Thành-phố, Huỳnh-Quan-Tiên sanh ngày 15-1-1890 tại làng Tân-Hòa (Chợ-Lớn), từng-chinh sang Pháp trong trận 1914-1918, bổ-dụng trong lò thuốc súng Toulouse, bị bệnh và mất tại thương-bệnh-viện Toulouse ngày 29-8-1916.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Trong quận 1 và 2, đi từ đ. Nguyễn-Huệ đến C. T. Diên-Hồng.

Nguyên đường này gồm hai đoạn: 1, từ đ. Nguyễn-Huệ đến Công-Lý, là một đoạn của đường Hồ-văn-Ngà (Hamelin cũ), tên Đỗ-Hữu-Vị từ 29-3-1917; 2, từ Công-Lý đến C. T. Diên-Hồng, tên Ancienne rue latérale Nord du Chemin de Fer, đổi tên Monlau từ 1922. Nay hai đoạn nhập một, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Huỳnh-Thúc-Kháng (1876-1947), người làng Thanh-Bình (Quảng-Nam) thuở trẻ đã nổi danh tài-tuấn; đỗ tiến-sĩ; từ 1905, bắt tay với Phan-Châu-Trinh và Trần-Quý-Cáp làm chánh-trị. Năm 1908, sau cuộc nhân-dân Quảng-Nam Quảng-Ngãi đòi thuế, bị đẩy ra côn-đảo; đặng trả tự-do sau khi Phan-Sào-Nam được ân-xá, ra báo Tiếng-Dân tại Huế đề đánh thức đồng-bào. Có chân trong Hội-đồng Nhân-dân Trung-Kỳ. Mất ngày 24-4-1947 tại Cẩm-Thành (Quảng-Ngãi).

HUỲNH-TỊNH-CỬA

Trong quận 3, đi từ Nguyễn-Đình-Chiều đến ngọn rạch Thị-Nghè:

Nguyên đường này số 26, đặt tên Monceaux từ 1906, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Huỳnh-Tĩnh-Cửa, (1830-1908) tục gọi Paulus Cửa, người làng Phước-Tây (Bà-Rịa), làm thông-ngôn trong bộ Tổng-tham-mưu Pháp năm 1865, lần lần thăng đến Đốc-phủ-sứ ngoại-hạng ở ty Giám-đốc Nội-vụ (sau là Thượng-thor Nam-Kỳ); năm 1892 được sung Hội-đồng cải-tổ trường Thông-ngôn, có soạn nhiều truyện Trung-hoa và sách phổ-thông bằng quốc-ngữ, được trọng-dụng nhứt là bộ Đại-Nam Quốc-Âm Tự-Vị (1895-1896).

KỶ - CON

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến đ. Trần-Hung-Đạo.

Nguyên đường này số 34, đặt tên Marchaise từ 14-5-1877 nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Kỷ Con, tức là Đoàn-Trần-Nghiệp, sanh tại Hà-Đông; năm 1928 lúc 19 tuổi, vào Việt-Nam Quốc-dân-đảng và lấy tên là Doãn, lãnh việc thơ-ký coi kho cho Việt-Nam khách-sạn, là một tổ-chức của đảng; điều khiển ban phá-hoại và ám-sát tại Hà-Nội, dưới danh-hiệu là Sĩ-Hiệp; cùng với Xứ-Nhu lãnh trách-nhiệm đánh khu Yên-Báy, Hưng-Hóa, Lâm-Thao và Sơn-Tây, trong kế-hoạch khởi-nghĩa của đảng toan đánh-đồ Pháp ngày 10-2-1930; nhưng cuộc khởi-nghĩa thất-bại, cùng bị nhà cầm quyền bắt với Phó-đức-Chính, Nguyễn-Thái-Học và cùng bị xử trảm.

KỶ-ĐỒNG

Trong quận 3, đi từ Trương-Minh-Giảng đến Nguyễn-Thông.

Nguyên đường này mới mở từ 1939, tên Rédemptoristes từ 16-6-1939, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Kỷ-Đồng (Đồng?), tên Nguyễn-Cầm, người làng Trung-Lập, Duyên-Hà (Thái-Bình) thông-minh từ nhỏ, lên năm sáu tuổi đã biết làm câu đối, sang Pháp du-học

đỗ tú-tài; lúc về nước, kết-liên với Đề-Thám đánh các tỉnh Hải-Dương, Thái-Bình, Nam-Định; việc bại-lộ, bị bắt, đày đi Tahiti.

LÊ-CHÂN

Trong quận 3, đi từ Trần-Quang-Khải đến Hai Bà Trưng.

Nguyên đường này số 42, đặt tên Frostin từ 30-3-1906, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Chân, nữ-tướng của Hai Bà Trưng, người rất can-đảm, lập dặng nhiều chiến-công; nay còn đền thờ ở Hải-Phòng (Đền Nghè).

LÊ-CÔNG-KIỀU

Trong quận 2, đi từ Nguyễn-văn-Sâm đến Phó-đức-Chính.

Đường này trước tên Reims từ 26-4-1920 nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê - Công - Kiều, đốc-binh kháng-chiến với Pháp tại Mỹ-Tho Tân-An, sau cùng rút về căn-cứ Đồng-Tháp-Mười, vùng Mỹ-Quí.

LÊ-LAI

Trong quận 2, đi từ công-trường Diên-Hồng đến đường Võ-Tánh.

Nguyên đường này tên Rue Latérale Nord de la Gare từ 29 - 3 - 1917, đổi lại Boudonnet, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lê-Lai (thế-kỷ XV) tùy-tướng của Lê-Lợi ; đánh với quân nhà Minh bị vây với Lê-Lợi trong thành Chí-Linh năm 1419 ; tình-nguyên mặc ngự-bào cỡi voi, giả Lê-Lợi để Lê-Lợi tẩu-thoát. Sau bị giặc bắt giết .

LÊ-LỢI

Trong quận 1 và 2, đi từ Tự-Do đến C. T. Diên-Hồng.

Nguyên đường này chiếm một phần kinh, kinh này chảy từ sông Sài - Gòn đến r. Bến - Nghé, dài chừng 800 thước, tên kinh Gallimard vì do thiếu-tá công-binh tên đó đào ra, chặc ngang một đường kinh khác lớn hơn, tức đ. Nguyễn - Huệ sau này. Đầu tiên đường này là đường số 13, lối 1865 lấy tên Bonard nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lê-Lợi (1385 - 1433), đế-hiệu là Lê-Thái-Tổ sáng lập nhà Lê, là một vị đại-anh-hùng dân-tộc, đứng lên chống với quân nhà Minh, cương-quyết giành độc-lập cho tổ-quốc.

Mùa xuân năm 1418, khởi-nghĩa ở Lam-Sơn (Thanh-Hóa) là quê nhà, xưng là Bình-Định-Vương, kháng-chiến luôn mười năm, đánh thắng Vương-Thông

ở Tuy-Động (Hà-Đông) giết Liễu-Thăng ở Chi-Lăng (Lạng-Sơn) đuổi quân Minh ra khỏi nước, đại-định thiên-hạ, ở ngôi được 6 năm, truyền 28 đời vua, cộng 245 năm.

LÊ-NGÔ-CÁT

Trong quận 3, đi từ Ngô-Thời-Nhiệm đến Phan-Thành-Giân.

Nguyên là đường tư, giao cho đô-thành từ 29-4-1940 tên Cazeau, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Ngô-Cát, người xã Hương-Lang, huyện Chương-Đức, nay thuộc huyện Chương-Mỹ (Hà-Đông), đậu cử-nhân năm 1848 (Tự-Đức năm đầu) ; vào khoảng năm 1858 làm quan ở Quốc-sử-quán, sau lên án-sát tỉnh Cao-Bằng ; có dự vào việc trước-tác bộ Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca.

LÊ-QUÍ-ĐÔN

Trong quận 3, đi từ Hồng-Thập-Tự đến Hiền-Vương.

Nguyên đường này đi từ dinh Độc-Lập đến Phan-Đình-Phùng, rồi từ 1905 đến 1908 được nối dài đến Hiền-Vương, tên là đường Palais đổi ra Barbet từ 24-2-1897 rồi chánh-tả sửa lại Barbé từ 30-8-1926, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Lê-Quý-Đôn (1726 - 1784) người làng Duyên-Hà, (Thái-Bình) đỗ Bảng-nhân, làm quan đời Lê-Cảnh-Hung, có nhiều lần đi sứ qua Trung-Hoa ; người rất thông-minh, lúc lên sáu đã biết làm thơ ; về sau soạn nhiều sách-vở và viết sử Việt theo một phương-pháp mới.

LÊ-QUỐC-HUNG

Trong quận 6, đi từ bến Vân-Đồn đến Lê-văn-Linh.

Nguyên đường này gồm hai đoạn : 1, từ Bến Vân-Đồn đến Hoàng-Diệu, đặt tên Martin từ 1922 ; 2, từ Hoàng-Diệu đến Lê-văn-Linh, đặt tên Vincensini từ 3-5-1929, nay hai đoạn nhập một đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Quốc-Hung, tùy-trướng của Lê-Lợi, có công trong cuộc đánh đuổi quân Tàu.

LÊ-THẠCH

Trong quận 6 đi từ Hoàng-Diệu đến Lê-văn-Linh.

Đường này mở ra từ 1927, đặt tên Bersésio từ 3-5-1929 đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Thạch, cháu gọi vua Lê-Lợi là chú ruột, theo chú khởi-nghĩa ở Lam-Son, lập nhiều chiến-công.

LÊ-THÁNH-TÔN

Trong quận 1 và 2, đi từ Nguyễn-Bình-Khiêm đến Phạm-Hồng-Thái.

Nguyên đường này số 15, phân làm ba đoạn đặt 3 tên : Sainte-Enfance, Isabelle II và Palanca từ 1-2-1865, đổi lại Espagne từ 1870 ; đoạn từ Tự - Do đến Phạm-Hồng-Thái đổi tên Lê - Lợi từ 22 - 11 - 1947 ; cả hai đoạn nhập một, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lê-Thánh-Tôn (1460 - 1497) là vua thứ 4 triều Hậu-Lê có công làm cho nước nhà cường-thạnh về nhiều phương-diện : võ, đánh Chiêm-Thành, Ai-Lao, mở rộng bờ cõi ; văn, khuếch - trương nền văn-hóa bằng cách tổ-chức thi hương và thi hội, mở nhà thái-học để chọn học-trò giỏi, lập nhà bí-thơ để chứa sách quý, sai làm quốc-sử và địa-dư ; chánh-trị, chia nước làm ba đạo, có giám-sát ngự-sử đi thanh-tra, sai soạn bộ luật Hồng-Đức ; kinh-tế, khuyến-khích làm ruộng, trồng-dâu, đặt ra quan khuyến-nông để trông-nom việc nông-tang, lập đồn-diên để di-dẫn ; xã-hội, lập nhà tế-sanh để nuôi người già yếu, phát thuốc cho dân khi có bệnh-dịch.

LÊ-VĂN-DUYỆT

Trong quận 2 và 3, đi từ Gia-Long đến ranh-giới tỉnh Gia-Định.

Nguyên đường này đặt tên lộ Thuận-Kiều lấy tên một đồn binh đang-cựu ở cách Sài-Gòn lối 12 cây số ngàn, cắt trên đường làng lên Đức-Hòa, cách xa lộ đi Nam-Vang 2 cây số ngàn, đổi tên Verdun từ 1916; đoạn Gia-Long-Hồng-Thập-Tự đổi ra Nguyễn - văn - Thịnh từ 25 - 4 - 1947; đoạn Hồng-Thập-Tự-Phan-Thanh-Giản đổi ra Thái - Lập - Thành và đoạn cuối cùng đổi ra Chanson từ 31 - 10 - 1951; toàn - thể đổi ra tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lê-văn-Duyệt, một bậc khai-quốc công-thần nhà Nguyễn, giúp Nguyễn-Ánh khôi-phục được toàn địa-phận Nam-Việt, được vua Gia-Long cử làm Tổng-trấn miền Nam bấy giờ gọi là Gia-Định-thành. Còn đền thờ ở Gia-Định gọi là Lăng Ông Bà-Chiều.

LÊ-VĂN-HƯU

Trong quận 1, từ Nguyễn-Du đến đ1. Thống Nhứt.

Nguyên đường này tên Kerlan từ hồi mở 14 - 5 - 1877, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lê-văn-Hưu, người Phủ-Lý, huyện Đông-Son (Thanh-Hóa) đậu bằng-nhãn năm 18 tuổi (1247), làm quan đến Binh-bộ Thượng-thor, tước Nhân-uyên-hầu; khi phụng-mạng soạn bộ Sử-Ký, được sung Hàn lâm-viện Học-sĩ, kiêm Quốc-sử Giám-tu; tác-gia Đại-Việt Sử-Ký.

LÊ-VĂN-LINH

Trong quận 6, từ Trình-Minh-Thế đến Lê-Quốc-Hưng.

Nguyên đường này tên Victor Olivier từ 1928, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lê-văn-Linh, danh-tướng của Lê-Lợi, có công đánh đuổi quân Minh.

LÊ-VĂN-THẠNH

Trong quận 3, từ Bà Huyện Thanh-Quan đến Nguyễn-Thông.

Nguyên đường này tên Ruelle des Eparges, đặt tên mới từ 23 - 11 - 1952.

Lê-văn-Thạnh, người gốc Vĩnh-Long, làm công-chức từ 20 - 9 - 1920 đến 16 - 9 - 1949; tỉnh-trưởng Gò-Công từ 1946 tới 1947, phó Đô-trưởng Sài-Gòn từ tháng 10-1947 đến tháng 1 - 1949 là bị ám-sát; được truy tặng Bắc-đầu Bội-tinh và Chánh-tham-biện danh-dự hạng nhứt.

LÝ-TRẦN-QUẢN

Trong quận 3 từ Hiền-Vương đến Trần-văn-Thạch.

Nguyên đường này số 38 đặt tên Barbier từ 30 - 3 - 1906, nay đổi tên mới từ 20 - 3 - 1955.

Lý-Trần-Quán, người hàn-sĩ, đỗ tiến-sĩ, có dạy học rồi ra làm quan phò Đao-Nam-Vương là chúa Trịnh-Khải, chức Thiêm-sai Tri-lại-phiên, tánh-khí can-trực, không chịu qui-lụy ai, một lòng kiên-trung sắt-đá ; khi Trịnh-Khải, chống không lại với Tây-Son, chạy về làng Hạ-Lôi (huyện Yên-Lãng) (1786) bị người bắt, toan đem nạp cho Tây-Son, giữa đường Trịnh-Khải lấy gươm cắt cổ tự-tận, thì Lý-Trần-Quán nhờ người họ Trần, một ân-nhân từ thuở trước, đào huyết, rồi ông chít khăn trắng, mặc áo trắng, xuống huyết nằm trong áo-quan, đoạn nhờ họ Trần đặt nắp quan tài lại, quyết chết theo chúa mình. Nắp áo quan đã đặt, ông lại kêu dở ra dặn thêm một câu :

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn,

Thập phần chi trung vị tận

(nghĩa là : ba năm đạo hiếu đã đầy đủ, một nghĩa vua tôi chưa hết nào)

Rồi nắp quan đặt lại, mô đất phủ lên một tấm lòng trung-liệt đã âm-thầm vì tiết-nghĩa (ngày 29 tháng 6 năm Bính-Ngọ, 1786)

LÝ-VĂN-PHÚC

Trong quận 3, từ Hiền-Vương đến Nguyễn-Phi-Khanh,

Nguyên đường này số 36, đặt tên Lesèble từ 30 - 3 - 1906, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lý-văn-Phúc, người làng Hồ-Khâu cạnh Hà-Nội, đỗ cử-nhơn triều Gia-Long, làm quan rất có đức độ ; tác-giả tập Nhị-Thập-Tứ hiếu điển-âm, còn truyền tụng đến bây giờ.

LƯƠNG-HỮU-KHÁNH

Trong quận 2 từ Võ-Tánh đến Hồng-Thập-Tự .

Nguyên đường này số 2, đặt tên Massoulard từ 1920, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lương - Hữu - Khánh, sanh nhằm đời họ Mạc tiếm ngôi Lê (1528 - 1592) con quan Bảng-nhãn Lương-Đắc-Bằng, lọt lòng mẹ thì cha mất mà nhà nghèo, ông lại mạnh sức ăn, nên đi học bữa đói bữa no ; đến sau học nên danh, ra giúp nhà Lê đánh Mạc, phục-nghiệp, làm nên tước Vương .

MÃ - LỘ

Trong quận 3, từ Trần-Văn-Thạch đến Lê-Chân .

Nguyên đường này mở hồi từ cất chợ Tân-Định năm 1928, đặt tên Lê-văn-Duyệt từ 1929 nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Mã-Lộ danh-từ hán-việt chỉ rằng đường này là bến xe ngựa .

MẠC-ĐỈNH-CHI

Trong quận 1 và 3 từ Nguyễn-Du đến Phan-Thanh-Giản.

Nguyên đường này số 10, đặt tên Bangkok từ 27-1-1871, đổi ra Massiges từ 1920, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Mạc - Đỉnh - Chi (thế-kỷ XIV), người làng Lũng-Động nay thuộc phủ Nam-Sách (Hải-Dương, tướng xấu mà tài cao, đậu trạng-nguyên hồi 20 tuổi (1304) làm quan ba đời Trần-Anh-Tôn, Minh-Tôn, Hiến-Tôn, có sang sứ Trung-Hoa, có tài đối-đáp hay, vua Trung-Hoa phong cho Lương-quốc Trạng-nguyên; ông tổ bảy đời của Mạc-Đăng-Dung, tác-giả bài phú Ngọc-liên-tĩnh.

NGÔ-ĐỨC-KẾ

Trong quận 1 từ C. T. Mê-Linh đến Võ-Di-Nguy.

Nguyên đường này số 5, gồm 2 đoạn : 1, từ Nguyễn-Huệ đến Võ-Di-Nguy tên Vannier từ 1-2-1865 ; 2, từ C. T. Mê-Linh đến đ. Nguyễn-Huệ đặt tên Frères Denis từ 1937 ; nay toàn-thể đặt tên mới từ 22-3-1955.

Ngô - Đức - Kế, người làng Trảo-Nha (Hà-Tĩnh) nổi tiếng là một trang thiếu-niên anh-tuấn, đỗ

cử-nhân năm 1897, tiến-sĩ năm 1901 ; không chịu làm quan, đọc nhiều sách của hai nhà cách-mạng Trung-Hoa, Khang-Hữu-Vi và Lương-Khải-Siêu, từng vào Nam ra Bắc kiếm bạn đồng-chí mưu-cuộc giải-phóng quốc-gia, sau bị bắt đày ra Côn-Đảo ; đặng trả tự-do sau khi Phan-Bội-Châu được ân-xá ; mất trước trận giặc 1939 - 1945.

NGÔ-THỜI-NHIỆM

Trong quận 3 từ Công-Lý đến Lê-văn-Duyệt.

Nguyên đường này số 5 đặt tên Jauréguberry từ 30-3-1906, làm lần hồi đến 1935 mới hoàn-thành, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Ngô-Thời-Nhiệm, chánh tên Ngô-thì-Nhậm, vì cử tên Tự-Đức nên cải là Thời-Nhiệm, người làng Tả Thanh-Oai (Hà-Đông), đỗ tiến-sĩ thời Lê-Cảnh-Hưng, sau về với Tây-Son làm Lại-bộ tả-thị-lang, được vua Quang-Trung giao-phó việc giao-thiệp với Trung-Hoa hầu tránh chiến-tranh tái-diễn, sau khi quân ta đã thắng binh Tôn-Sĩ-Nghị Sầm-Nghị-Đổng trong những trận Hà-Hồi, Đống-Đa.

NGÔ-TÙNG-CHÂU

Trong quận 2, từ Võ-Tánh đến Bùi-thị-Xuân.

Nguyên đường này đặt tên Phan-Thanh-Giản từ

1939 do lời yêu-cầu của một nhóm bốn người Việt, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Ngô-Tùng-Châu (- 1801) người huyện Phù-Cát (Bình-Định) vào Gia-Định, theo học với Võ-Trường-Toản; xuất thân thợ chức Hàn-lâm, lần thăng Lễ-bộ Tham-tri, ký-lục trấn-biên và làm phụ-đạo cho Đông-cung Hoàng-tử Cảnh; năm Kỷ-Mùi (1799) cùng Võ-Tánh trấn-thủ Bình-Định; sau khi quân Nguyễn thắng Tây-Son, thâu được Qui-Nhơn (đổi ra Bình-Định), nhưng mà sau này Tây-Son vây thành hai năm, trong hết lương-thực, ngoài không binh cứu, phải cùng Võ-Tánh tử-tiết trong thành.

NGÔ-VĂN-SỞ

Trong quận 6, từ bến Thương-Khẩu đến Trình-Minh-Thế.

Nguyên đường này hồi mới mở đặt tên Immigration lối 1900, đổi tên Jean Catlar từ 26-4-1920, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Ngô-văn-Sở, danh-tướng triều Tây-Son, làm Tham-tán và Đại-tự-mã, rồi thay Vũ-văn-Nhậm làm trấn-vũ Thăng-Long.

NGUYỄN-AN-NINH

Trong quận 2 từ Phan-Châu-Trinh đến Trương-Định.

Nguyên đường này đặt tên Amiral Courbet vào cuối đại-chiến 1914-1918, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Nguyễn-An-Ninh, người ở Quán-Tre, Hốc-Môn (Gia-Định); năm 1926 học trường thuốc rồi sang qua trường luật (Hà-Nội); một năm ngoài sau, sang Paris học luật; ba năm sau đậu cử-nhơn luật-khoa; cuối năm 1924 về Sài-Gòn sáng-lập tờ báo pháp-văn La Cloche Fêlée (Chuông rạn) công-kích chánh-phủ đương-thời, tự mình mặc áo dài ôm báo bán ở đường Catinat; trong vòng 6 tháng báo ra được 26 số, rồi đình-bản, vì ông bị bắt bởi đã tố-chức cuộc diễn-thuyết tại vườn-Xoài, đường Lanzasrotte, có Dejean de la Bâtie, Cao-văn-Chánh, Trương-Cao-Động, Lâm-Hiệp-Châu tham-gia, đề phản-đối về vụ Phan-Bội-Châu bị bắt tại Quảng-Châu, giải về Hà-Nội toan xử; sau đó bị 18 tháng tù; năm 1928 lại bị kết án 3 năm tù vì tội lập hội kín; năm 1933 làm báo Trung-Lập, lấy biệt hiệu Thông-Reo và sáng-lập báo La Lutte (Tranh-Đấu) với Tạ-Thu-Thâu, Nguyễn-văn-Tạo, Trần-văn-Thạch và Trịnh-Hưng-Ngẫu; báo La Lutte ra 3 số rồi nghỉ, tới 1934 mới tái-bản, mục-đích đề vận-động tẩy-cử hội-đồng Thành-phố cho sỏ lao-động Thâu-Tạo.

Thạch ; sau chế dầu cù - là theo toa của ông thân là Nguyễn-An-Khương ; bồn-thân mang đi bán khắp Lục-Tĩnh gọi là đề chờ thời ; năm 1936 nhóm Mặt-trận Bình-Dân nắm chánh-quyền ở Pháp, nhóm La Lutte bên này lập Đông-Dương Đại-hội, giao chức Giám-Đốc cho Nguyễn-An-Ninh ; nhưng rồi cả nhóm bị bắt giam, trừ Dương-Bạch-Mai đã sang Pháp vận-động cho Đông-Dương Đại-Hội, bên này bị cấm (1936) ; trong khám Ninh, Thâu, Tào bãi thực thực đến 8 ngày, kiệt-lực mà một hớp nước cũng không chịu uống nên mới được thả ra ; năm 1939 nhơn trận Âu-Châu đại-chiến thứ nhì xảy ra, Ninh cùng các nhà cách-mạng đệ-tam, đệ-tứ đều bị bắt trở lại, đày ra Côn-Đảo ; ở đây Nguyễn-An-Ninh mất vào lối tháng 7 năm 1943 ; tác-phẩm bằng Việt-ngữ : Tôn - Giáo ; Hai Bà Trưng và Dân-Ước (dịch Du Contrat Social của J. J. Rousseau).

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM

Trong quận 1 và 3, từ Lê - Thánh - Tôn đến Thị-Nghè.

Nguyên đường này số 2, đặt tên Tây-Ninh từ 2 - 6 - 1871, đổi tên Rousseau từ 1897, đoạn Đông-Nam đổi tên Docteur Angier từ 21 - 4 - 1936, rồi toàn-thề lấy tên Angier từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Bình-Khiêm (1491-1585), người làng Trung-Am, (Hải-Dương) đỗ Trạng-nguyên năm 1535, làm quan đến chức Lại-bộ Tả-thị-lang, kiêm Đông-các Đại-học-sĩ, làm quan 8 năm dựng số hạch tội 18 người lộng-thần ; năm 1542 xin về trí-sĩ, cất am tại làng nhà gọi là Bạch-Vân-am ; sau được vua Mạc phong tước Trình-quốc-công, nên tục gọi là Trạng Trình ; có làm nhiều thơ văn ; còn truyền lại tập Bạch-Vân quốc-ngữ-thi gần 100 bài bát-cú, hoặc đề-vịnh cảnh nhàn, hoặc châm-biểu nhơn-tình thế-thái, có tài tướng-số tiên-tri ; những lời tiên-tri đến nay vẫn còn ứng-nghiem.

NGUYỄN-CẢNH-CHÂN

Trong quận 2, từ đ. Trần Hưng-Đạo đến Võ-Tánh.

Nguyên đường này đặt tên René Nicolau từ 30-10-1950, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Cảnh-Chân, một tướng-lãnh của Giản-Định-Đế, làm quan tham-mưu, cùng với con là Nguyễn-Cảnh-Dị, đánh quân Minh lập được nhiều chiến-công oanh-liệt (1408), nhưng sau bị Giản-Định-Đế nghe lời gièm-pha mà giết đi một cách oan-ức.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Trong quận 1 và 2, từ Võ-Di-Nguy đến đl. Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên đường này số 1, đặt tên Lefebvre từ 1-2-1865, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Nguyễn-Công-Trứ (1778 - 1858), người xã Uy-Viển (Hà-Tĩnh) đậu giải-nguyên năm Gia-Long thứ 18, làm quan ba đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, từ chức Hành-tầu Sứ-quán đến Binh-bộ Thượng-thor, rồi có khi bị giáng-chức, khi quan văn, khi quan võ, từng đánh giặc nhiều phen và cò tài kinh-tế, đã khai-thác vùng biển, lập thành huyện Tiền-Hải nay thuộc Thái-Bình, và Kim-Son nay thuộc Ninh-Bình; có làm nhiều thi, hát nói và tập Thơ-Kính tân-trang (1804).

NGUYỄN-CƯ-TRINH

Trong quận 2, từ đl. Trần Hưng-Đạo đến đl. Cộng-Hòa.

Nguyên đường này tên Marchand từ 28-12-1945 khi còn dự-bị đi từ đl. Trần Hưng-Đạo đến đl. Nguyễn-Hoàng (Chợ-Lớn); mới mở đầu từ đl. Trần Hưng-Đạo đến Cổng-Quỳnh (1951) dùng làm bến xe đò Lục-Tĩnh đến tháng 12-1955; đoạn từ

đl. Cộng-Hòa đến đl. Nguyễn-Hoàng mở xong hồi 1954, đặt tên Thành-Thái. Nay đoạn Trần Hưng-Đạo - Cộng-Hòa đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn - Cư - Trinh (1716 - 1767), người tỉnh Thừa-Thiên, đỗ Cử-nhon năm 1740, đăng bổ làm tri-phủ Triệu-Phong (Quảng-Trị); năm 1744, Võ-Vương xưng vương, ông được ủy-nhiệm xem-xét và đặt-đề tất cả công-văn; mùa xuân năm 1750, đăng bổ làm tuần-phủ Quảng-Ngãi, đề phủ-vụ Mọi Đá-Vách; nhờ tấm lòng nhân và quân-tử, ông bình-định Mọi Đá-Vách rất mau chóng; Triều-đình nhận rõ chân-tài ấy, nên năm 1753, trong xứ Chân-Lập có nội loạn, bọn Côn-Man ở Thủy-Chân-Lập bị hiếp-đáp, cử ông làm Tham-muru lo việc đánh dẹp; ông ba phen thắng giặc, hiến kế Tầm-thực và sau 10 năm ở cõi ngoài, hoàn-thành cuộc Nam-tiến và đem miền Thủy-Chân-Lập về cho Chúa Nguyễn, Đàng-Trong; viết chuyện Sãi Vãi, tác-phẩm đề chánh-hưng phong-tục và thúc-giục binh-sĩ trên đường nghĩa-vụ.

NGUYỄN-DU

Trong quận 1 và 2, từ Nguyễn-Bình-Khiêm đến Lê-văn-Duyệt.

Nguyên đường này là một phần con đường số 21 tên Taberd từ 1865, gồm hai đoạn: 1, từ Nguyễn-

Bình - Khiêm đến Tự - Do, đổi tên Lucien Mossard từ 1920 ; 2, đoạn Tự - Do - Lê - văn - Duyệt vẫn giữ tên Taberd ; nay toàn - thể đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Du (1765 - 1820), tự Tố-Như, người xã Tiên-Điền, (Hà-Tĩnh) con nhà dòng quan đời Lê, nên trung-thành với nhà Lê, không chịu ra giúp Tây-Sơn ; năm 1802, phải ra làm quan cho nhà Nguyễn, sau thăng Cần-chánh Điện-học-sĩ, sung làm Chánh-sứ Trung-Hoa ; đi sứ về thăng Lễ-bộ Hữu-Tham-tri ; có làm nhiều thơ chữ và thơ nôm, nổi tiếng nhờ tập Bắc-hành-thi-tập, Văn-tế Thập loại chúng-sanh và nhứt là truyện Thúy-Kiều.

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Trong quận 3, từ Hai Bà Trưng đến Hiền-Vương.

Nguyên đường này số 47, thuộc ngoại - ô đặt tên d'Arfeuilles từ 30 - 3 - 1906, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn - Đình - Chiều (1822 - 1888), hiệu Trọng-Phủ, tục gọi Đồ-Chiều, gốc làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương (Gia-Định), năm 1843, thi hương tại Gia-Định, đỗ Tú-tài (Thiệu-Trị thứ 3), một sĩ-phu yêu nước thiết-tha, không đầu Pháp, không thọ ơn

Pháp ; một thi-sĩ xuất-sắc vào hàng bậc nhứt về văn-tài và khí-tiết, có thể tiêu-biểu cho sĩ-phu miền Nam kháng-chiến hồi Pháp mới chiếm miền Nam ; trước-tác ba quyển Lục-Vân-Tiên, Ngự Tiều văn - đáp, Dương-Từ Hà - Mậu và nhiều bài thi, văn-tế có tánh - cách chống xâm-lăng, biểu-dương một lòng thương dân thương nước vô tận.

NGUYỄN-GIA-THIỆU

Trong quận 3, từ Phan-Đình-Phùng đến Ngô-Thời-Nhiệm.

Nguyên đường này đặt tên A. Folliot từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - Gia - Thiệu trước Ôn - Như - Hầu, người Liễu-Ngạn (Bắc-Ninh) tác-giả quyển Cung-oán ngâm-khúc.

NGUYỄN-HẬU

Trong quận 1, từ Hai Bà Trưng đến C. T. Hòa-Bình.

Nguyên đường này đặt tên Hong-Kong, đổi lại Cardi từ 24 - 2 - 1897, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Hậu, người công-giáo về đời Tự-Đức, cũng như Nguyễn-Trường-Tộ và Bùi-Viện, xuất-dương du-học, mưu lợi-ích cho nước-nhà ; ban sơ theo các cố-đạo sang học-tập tại Penang (Mã-Lai) sau sang Âu ; khi trở về nước, dâng lên vua điều-trần đề canh-tân việc nước, nhưng đều gặp trở-ngại như Nguyễn-Trường-Tộ ; lâu ngày nản-chí, bỏ nhà ra đi Âu nữa, giữa đường mất trên Ấn-Độ-dương.

NGUYỄN-HIỀN

Trong quận 6 từ bến Thương - Khẩu đến Trình-Minh-Thế.

Nguyên đường này đặt tên Ascoli từ 1930, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Hiền (thế-kỷ thứ XIII), người Nam-Định, đời Trần-Thái-Tôn ; thuở nên sáu bảy tuổi, học-hành sáng-láng, thiên-hạ kêu là thần-đồng, qua 12 thi đỗ Trạng-nguyên ; vì tuổi nhỏ vua cho về vinh-qui 3 năm ; làm quan tới chức Công-bộ Thượng-thor ; chết rồi, được lập miếu thờ và cấp ruộng để phụng-tự.

NGUYỄN-HUỆ

Trong quận 1, từ bến Bạch-Đằng đến Lê-Thánh-Tôn.

Nguyên chỗ con đường này, xưa kìn là một ngọn kình, cặp hai bên có hai đường số 8 ; sau, đường mép mặt đặt tên Charner, mép trái tên Rigault de Genouilly từ 1865 ; vì kình xông lên mùi hôi, sau 18 năm cải-vã và kêu-nài, kình mới được lấp, xong lối 1886-1887, từ đó đường kình-lấp thành đ1. Charner, hai bên có hai đường cặp, tên Rouelle, từ 21 - 6 - 1927 ; nay toàn-thể đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Huệ (1753 - 1792) là vị anh-hùng Tây-Son, sức khỏe tuyệt-quần, lại nhiều thao-lược kinh-luân, khởi binh ở đất Tây-Son (Bình-Định), giúp anh là Nguyễn - Nhạc làm nên nghiệp lớn, được phong làm Bắc-Bình-Vương, đóng ở Phú-Xuân (Huế) ; năm 1874 vào Gia-Định cả phá hơn 1 vạn quân Xiêm sang tiếp-viện Nguyễn-Ánh ; năm 1788 được tướng-sĩ xin lên chánh ngôi tôn, nên lên ngôi Hoàng-Đế, đặt niên-hiệu Quang-Trung, đề chống với quân nhà Thanh mượn cớ tiếp-viện vua Lê--Chiêu-Thống chiếm đất Thăng-Long ; áp-dụng chiến-lược chớp-nhoáng, huy-dộng quân - đội nhanh - chóng, chỉ trong vòng năm ngày (mồng 3 đến mồng 7 tháng giêng năm Kỷ-Dậu) thắng liên-tiếp quân Thanh ở đồn Hà-Hồ, đồn Ngọc-Hồi và đại-phá 20 vạn đại-binh của địch tại Đống-Đa gần Hà-Nội ; cải-tổ việc nước về chánh-trị như đặt quan trấn-thủ và hiệp - trấn để cai-trị, đặt chức phân - tri xét việc kiện - cáo, đặt chức phân-sức để xem binh-lương ; việc dinh-diễn thì

chia dân ra ba hạng người, chia ruộng ba hạng đất; việc học - hành và thi - cử, thì cho dùng chữ nôm thay vì chữ Hán, thật là một cuộc cách - mạng văn-hóa彪 - dương tinh-thần độc-lập của vị anh-hùng dân-tộc xứng đáng với danh-ngĩa ấy.

NGUYỄN-HUY-TỰ

Trong quận 3, từ Nguyễn-văn-Giai đến đ l. Đinh-Tiên-Hoàng.

Nguyên đường này số 32, đặt tên Gallimard từ 30 - 3 - 1906, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Huy-Tự, người xã Lai-Thạch, Lai-Sơn (Hà-Tĩnh), đỗ Hương - Cống năm 17 tuổi về triều Lê-Hiến-Tôn (1740 - 1785), tác-giả quyển Hoa-Tiên truyện.

NGUYỄN-KHẮC-NHU

Trong quận 3, từ Cô Giang đến đ l. Trần Hưng-Đạo.

Nguyên đường này số 10, đặt tên Belland từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Khắc-Nhu, tức là Xứ-Nhu, trong Việt - Nam Quốc - dân - đảng, cùng Nguyễn-Thái-Học lãnh-đạo phong-trào ái-quốc, đã tuần-tiết tại trận, sau khi khởi-nghĩa thất-bại ở Yên-Báy và Lâm-Thao (1930).

NGUYỄN-KHOÁI

Trong quận 6, từ bến Vân - Đồn đến Tôn - Thất Thuyết.

Nguyên đường này tên Chợ-Lớn, đổi tên Lanessart từ 1920, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Khoái, kiện-tướng đời Trần-Nhân-Tôn, có nhiều công-cán lớn trong những trận chém Toa-Đô ở Hàm-Tử-Quan, bắt tướng Ô-Mã-Nhi ở Bạch-Đằng-giang.

NGUYỄN - PHI

Trong quận 2, từ Lê-Lai đến Gia-Long.

Nguyên đường này là một đoạn của đường Bác-sĩ Yersin (Boresse cũ) từ 26 - 4 - 1920 đặt tên Chemin des Dames, đoạn Lê-Lai Gia-Long, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Phi tên là Nguyễn - thị - Kiêm, hiệu Hoàng-phi, vợ vua Lê-Chiêu-Thống ; khi vua Lê sợ e vua Tây-Sơn thắng Tôn-Sĩ-Nghị, rồi sẽ làm hiệp-minh, chạy sang Trung-Hoa mong cầu-cứu, bà theo không kịp, nên trở về ẩn-trú ở thôn-quê xứ Kinh-Bắc (nay là Bắc-Ninh) ; đến khi nghe tin hài-cốt của nhà vua được đem về nước, bà lên tận ải-quan đón di-hài về đến Thăng-Long, rồi chùng chôn-cất xong nhịn ăn mà tự-tử.

NGUYỄN-PHI-KHANH

Trong quận 3, từ Hiền-Vương đến Trần-văn-Thạch.

Nguyên đường này số 35, đặt tên Foucault từ 30-3-1906, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Phi-Khanh, tức là cha Nguyễn-Trãi, bị quân Trung-Hoa bắt đem về Tàu ; Nguyễn-Trãi đi theo tới cửa Nam-Quan, cha bảo trở về lo báo phụ-thù và rửa quốc-sĩ ; Nguyễn-Trãi nghe lời cha, sau tìm Lê-Lợi theo phò để giành độc-lập lại cho xứ-sở.

NGUYỄN - SIÊU

Trong quận 1, từ Đồn-Đất đến Hai Bà Trưng.

Nguyên đường này tên Rudyard Kipling từ 26-4-1920, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Siêu (1798 - 1872), hiệu Phương-Đình, người làng Kim-Lữ (Hà-Đông) đỗ Phó-bảng năm 1838, đồng thời với Cao-Bá-Quát, hai người nổi tiếng có tài văn-thơ nên có câu « Thần Siêu Thánh Quát » ; có làm quan đến chức án-sát-sứ.

NGUYỄN-THÁI-HỌC

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến Phạm-Ngũ-Lão.

Nguyên đại-lộ này tên Abattoir đổi tên Kitchener từ 29-3-1917, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Nguyễn-Thái-Học, lãnh-tự phong-trào Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ; đảng thành-lập ngày 22-12-1927, ban-đầu chủ-trương hoạt-động hoà-bình bằng cách gởi giác-thor chỉ-vạch lỗi-lầm của đương-quyền, sau bắt-buộc phải chủ-trương tấn-công vô-trang ; nhiều cuộc bạo-động dấy lên ở Lâm-Thao, Phả-Lại, mạnh nhứt ở Yên-Báy ; sau bị bắt ở Cồ-Việt (Hải-Dương) rồi cùng 12 đồng-chí lên đoạn-đầu-đài ở Yên-Báy ngày 17-6-1930 sau khi hô to hai tiếng Việt-Nam một cách anh-dũng, thống-thiết, gây một ảnh-hưởng to rộng trong toàn-dân.

NGUYỄN-THÀNH-Ý

Trong quận 3, từ đ. Đinh-Tiên-Hoàng, rồi cùng.

Nguyên đường này là đường tư, mở lối 1920, đặt tên Domenjod, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Thành-Ý (thế-kỷ XIX). Thi-hành hiệp-ước 15-3-1874 chánh-phủ Pháp lập Rheinaart làm khâm-sứ ở Huế, Trục làm lãnh-sự ở Hải-Phòng, Kergaradec làm lãnh-sự ở Hà-Nội. Triều-đình ta sai Nguyễn-Thành-Ý làm Chánh và Trần-Doãn-Khanh làm Phó Lãnh-sự ở Sài-Gòn ; lãnh-sự-quán cất tại bến Chương-Dương, khoảng Nguyễn-Thái-Học - Đề-Thám bây giờ.

NGUYỄN - THIẾP

Trong quận 1, từ Tự-Do đến đ1. Nguyễn-Huệ.

Nguyen đường này là đường tư được đặt tên Carabelli, (thề theo lời yêu-cầu của Xavier Carabelli, con của chủ đất) từ 26-3-1896 ; trước nhỏ hẹp, được nói rộng từ 1937, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Thiếp (1723-1804) huý là Minh, tự Khải-Xuyên, hiệu La-Sơn phu-tử, người xã Nguyệt-Ao, huyện La-Sơn (Nghệ-An) có thực-học mưu-trí và đạo-đức, tánh-khí can-trực, đậu Hương-cống (1743) về cất trại Bùi-Phong ở ẩn trên núi Thiên-Nhận vùng Hồng-Lam, được vua Quang-Trung vời 4 bận đề hỏi ý-kiến về việc đánh đuổi quân Thanh, khuyên vua đánh gấp thì thắng (trận Hà-Hồi, Đống-Đa) và có dựng biểu khuyên vua thêm ba điều : vua phải tu đức, phải làm cho được nhân-tâm và phải lo nền chánh-học.

NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

Trong quận 3, từ Hồng-Thập-Tự đến Phan-Thanh-Giản.

Đường này số 51 mới mở từ tháng 8-1953, đặt tên mới từ 6-10-1955.

Nguyễn-thiện-Thuật, tức Tán Thuật người xã Xuân-Dục, Mỹ-Hào, Hưng-Yên đỗ cử-nhân năm

1876 được cử làm Tán-tương quân-vụ nên gọi là Tán-Thuật ; năm 1885 khi Bắc-Kỳ thất-thủ, khởi-nghĩa Cần-Vương lập khu kháng-chiến ở Hải-dương, Hưng-Yên (Bãi-Sậy) sau vì hết đạn, cụ lánh sang Tàu.

NGUYỄN-THÔNG

Trong quận 3, từ Hồ-Xuân-Hương đến ga Hàng-hóa.

Đường này đặt tên Eparges từ 7-5-1929, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Thông, làm quan đồng-thời với Phan-Thanh-Giản, chức Đốc-học ở tại Vĩnh-Long, hợp-tác với Trương-Công-Định chống Pháp ở Gò-Công, Chợ-Lớn, Tân-An.

NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN

Trong quận 1, từ Phan-Thanh-Giản đến Lê-văn-Duyệt.

Đường này mới mở từ tháng 8-1955, đặt tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Thượng-Hiền, hiệu Mai Sơn, con của Nguyễn-Phiên, người làng Liên-Bạt (Hà-Đông), đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa Nhâm-Thìn (1892) làm đốc-học, sau từ chức, theo phong-trào Đông-du mưu-đồ giải-phóng nước nhà, mất ở Trung-Hoa.

NGUYỄN-TRUNG-NGẠN

Trong quận 1, từ Nguyễn-Bình-Khiêm đến Chu-Mạnh-Trinh.

Nguyên đường này tên Shanghai, đổi tên Palanca lổi 1906 nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - Trung - Ngạn, người xã Thồ-Hoàng, huyện Ân-Thị, (Hưng-Yên) 16 tuổi đã đỗ tiến-sĩ, 26 tuổi đi sứ Trung-Hoa, một bức văn - thần danh-vọng đời Trần.

NGUYỄN-TRUNG-TRỰC

Trong quận 2, từ đ.l. Lê-Lợi đến Nguyễn-Du.

Nguyên đường này số 28, đặt tên Cap Saint-Jacques từ 2 - 6 - 1871 đổi tên Filippini từ 24 - 2 - 1897, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Trung-Trực (thế-kỷ XIX), người tỉnh Tân-An, năm 1867 mộ quân khởi nghĩa, đốt chiến thuyền Pháp ở bến Nhứt-Tảo (Tân-An) đánh chiếm Rạch-Giá ; sau bị quân Pháp đuổi, phải chạy sang ăn-trú đảo Phú-Quốc ; một ít lâu sau, bị bắt ở đó, rồi đem về Rạch-Giá hành-hình, nay còn được thờ trong đình làng Vĩnh-Thanh-Vân, làng sộ-tại Rạch-Giá,

NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

Trong quận 6, từ bến Vân-Đồn đến Hoàng-Diệu.

Nguyên đường này tên Messageries Maritimes, đổi tên Heurtaux từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Trường-Tộ, người công-giáo, tỉnh Nghệ-An, lúc thiếu-niên học nho, sau theo các cha dòng du-học tại Pénang (Mã-Lai) và Paris, kiến-thức rộng, thông-hiểu Tây-học ; trở về nước, có dâng lên vua Tự-Đức mấy tờ điều-trần xin cải-cách học-thuật, chỉnh-đốn võ-bị, khai-khoáng cải-lương nông-chánh, mở-mang và chỉnh-đốn thành-thị, mở-mang và khuyến-khích kỹ-nghệ, nhưng vua và triều-đình mắng nghi-kỵ không chịu đem ra áp-dụng.

NGUYỄN-TỬ-NHA

Trong quận 6, từ bến Thương-Khầu đến Trình-Minh-Thế.

Nguyên đường này tên đường Eglise de Xóm-Chiếu đổi La Fayette từ 1920, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Tử-Nha, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Trương-Đình-Hợi khởi-nghĩa ở Quảng-Trị chống Pháp.

NGUYỄN-VĂN-CHIÊM

Trong quận 1, từ Hai Bà Trưng đến Duy - Tân.

Nguyên đường này tên đường Square đổi tên Marc Pourpe từ 1915, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-văn-Chiêm (1899 - 1952), người Sài-Gòn xuất thân đi lượm bánh quăn-vợt, sau trở thành nhà vô địch quăn-vợt đầu-tiên của Việt-Nam, cự quăn-quân quăn-vợt Mã-Lai, đã làm rạng danh giới quăn-vợt Việt-Nam một lúc; được dựng hình bán thân và bia kỷ-niệm tại mộ, nơi nghĩa-địa người Âu, đường Mạc-Đĩnh-Chi.

NGUYỄN-VĂN-ĐUỆM

Trong quận 3, từ Mã-Lộ đến Hai Bà Trưng.

Tên này đặt từ 27 - 2 - 1929.

Nguyễn-văn-Đuệm, sanh tại Chợ - Quán (Chợ-lớn) năm 1849, có Bắc-đầu Bội-tinh, được dân-cư Cầu-Kho ngưỡng-mộ, làm hội-dồng quăn-hạt 25 năm, có làm hội-dồng thành-phố; mất ngày 21 - 6 - 1922.

NGUYỄN-VĂN-GIAI

Trong quận 3, từ rạch Thị-Nghè đến đ. Đinh-Tiên-Hoàng.

Nguyên đường này số 27, đặt tên Martin des Pallières từ 30 - 3 - 1906; đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - văn - Giai, tục-danh là Ba Giai, người làng Hồ-Khâu, huyện Vĩnh-Thuận (Hà-Nội) nay thuộc huyện Hoàng-Long, tỉnh Hà-Đông; có tài nông, thường dùng mưu-trí trào-lộng làm cho người đương-thời bị mắc-lỡm chơi; tác-giả bài trường-thiên Chánh-khí-ca, đề cao việc Hoàng-Điệu tuần-tiết, khi Hà-thành thất-thủ (1882).

NGUYỄN-VĂN-MAI

Trong quận 3, hẻm từ Hai Bà Trưng đến Huỳnh-Tĩnh-Cửa.

Nguyên hẻm này tên Monceaux nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-văn-Mai, một nhà giáo tiền - vãng, giảng Việt-ngữ tại trường Bồn-Quốc (Sài-Gòn), soạn quyền Đồng-âm tự-vị.

NGUYỄN-VĂN-SÂM

Trong quận 2, từ Công-Lý đến Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên đường này số 3, đặt tên Dayot từ 1 - 2 - 1865, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-văn-Sâm nguyên xuất-thân ở trường Cao-dẳng Công-Chánh Hà-Nội, về Sài-Gòn làm báo

(La Tribune Indigène, Đuốc Nhà Nam...) có làm Hội-đồng Quản-hạt trong phe Lập-hiến của Bùi-Quang-Chiêu.

NGUYỄN-VĂN-THỊNH

Trong quận 1, từ Hai Bà Trưng đến đ.l. Nguyễn-Huệ.

Nguyên đường này tên Eglise, đổi ra Ormay từ 8-5-1879, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Bác-sĩ **Nguyễn-văn-Thịnh**, người Chợ-Lớn, sau khi có bằng tốt-nghiệp trường Bồn-quốc Sài-Gòn, ra học trường thuốc Hà-Nội rồi sang Paris học thêm mấy năm, đỗ Interne des Hôpitaux de Paris; giặc 1914-1918 có ra mặt trận; miễn giặc được giải-ngũ, trở về xứ; có làm Chủ-tịch Chánh-Phủ Nam-Kỳ Tự-trị dưới thời d'Argenlieu; dưỡng-đường Drouhet (Chợ-Lớn) nay lấy tên Nguyễn-văn-Thịnh.

NGUYỄN-VĂN-TRẮNG

Trong quận 2, từ Lê-Lai đến Ngô-Tùng-Châu.

Nguyên đường này là một đoạn của Đê-Thám, đặt tên Ypres từ 26-4-1920, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-văn-Trắng, một đảng-viên cách-mạng, từ hải-ngoại về xứ cùng Nguyễn-Khắc-Cần, ném bom ở Thái-Bình và Hà-Nội (tại Hà-Nội Hôtel) mục-đích cảnh-cáo Chánh-phủ Pháp để sửa đổi chánh-sách trong nước Việt-Nam.

NGUYỄN-XUÂN-ÔN

Trong quận 6, từ bến Thương-Khẩu đến Trình-Minh-Thế.

Nguyên đường này tên Cimetière de Xóm-Chiếu, đổi tên Mousquet từ 26-4-1920, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Nguyễn-Xuân-Ôn, người theo phong-trào Cần-vương, cùng Lê-Doãn-Nha khởi-nghĩa chống Pháp ở Nghệ-An.

PASTEUR

Trong quận 1 và 3, từ bến Chương-Dương đến Nguyễn-Đình-Chiêu.

Nguyên đoạn dưới mé rạch Bến-Nghé là một ngọn kinh, hai bên kinh là 2 con đường số 24, đường bên mặt đặt tên Olivier, bên trái tên Pellerin từ 1865, sau này tên Olivier mất theo con kinh lấp, chỉ còn tên Pellerin, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Pasteur (1882 - 1895) một nhà bác - sĩ trứ-danh Pháp đã phát-minh khoa vi-trùng-học, nổi danh về phương-pháp trị bệnh con tằm, bệnh chó dại và các phương-pháp chữa bệnh truyền-nhiễm ; nhân-loại xem ông là ân-nhân.

PHẠM-ĐĂNG-HƯNG

Trong quận 3, từ Phan-Đình-Phùng đến Nguyễn-văn-Giai.

Nguyên đường này đặt tên Pierre từ 1907, đổi lại tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phạm - Đăng - Hưng (17... - 1835) người tỉnh Gò-Công, học-trò của Võ-Trường-Toản, làm quan Đại-thần triều Gia-Long và Minh-Mạng ; có con gái gả cho Thái-tử Đông-cung Miên - Tôn sau lên ngôi lấy hiệu là Thiệu-Trị ; lăng của nhà họ Phạm, 11 mộ còn tại làng Tân-Niên-Đông và Tân-Nhuận-Đông (Gò-Công)

PHẠM-ĐÌNH-TOÁI

Trong quận 3, từ Nguyễn-Thông đến Lê-văn-Duyệt.

Nguyên đường này là đường từ tên Jardins, đổi tên Ribot từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phạm-Đình-Toái, tự Thiếu - Du, hiệu Song-Quỳnh, người xã Quỳnh-Đôi, huyện Quỳnh-Lưu (Nghệ An) đậu Cử-nhơn năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842) làm quan tới hàm Hồng-lô tự-khanh, về hưu-trí, soạn nhiều sách quốc-âm như Quỳnh - Lưu tiết - phụ, truyện Tấn, Đường, Tổng thi-ca-diễn và có soạn lại bộ Đại - Nam Quốc-sử diễn-ca.

PHẠM-HỒNG-THÁI

Trong quận 2, từ đl. Lê-Lợi đến Gia-Long.

Nguyên đường này tên Lacotte nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Phạm-Hồng-Thái (18... - 1924), một nhà chí-sĩ bốn-ba hải-ngoại ; năm 1924 có tin Toàn-quyền Merlin sang Nhứt, Trung-Hoa, được đồng-chí chọn theo ám-sát ; mãi tới Quảng-Châu mới có dịp liệng bom vào Merlin trong lúc Merlin dự tiệc ở nhà hàng Victoria ; Merlin khỏi chết, mà có nhiều thương-khách khác bỏ mình oan-uổng ; bị lính đuổi nà, gieo mình xuống bến Châu-Giang tự-ái.

PHẠM-NGŨ-LÃO

Trong quận 2, từ Phó-đức-Chính đến Cổng-Quỳnh.

Nguyên đường này tên Rue Latérale Sud de la

Gare đổi tên Colonel Grimaud từ 29 - 3 - 1917, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Phạm-Ngũ-Lão, người làng Phù-Ứng, huyện Mỹ-Hào (Hải-Dương) đời vua Trần-Nhân-Tôn và Anh-Tôn (1279 - 1314) theo Trần Hưng-Đạo đánh thắng quân Nguyên, lập nhiều công to, trị binh có kỷ luật và văn thân-yêu, đãi tướng-hiệu như người nhà, ở với sĩ-tốt cùng chịu cam-khổ, nên quân của ông gọi phụ-tử chi binh; ông cũng giỏi văn-thơ.

PHẠM-VIẾT-CHÁNH

Trong quận 3, từ Cống-Quỳnh đến C. T. Cộng-Hòa, cặp đường xe lửa Sài-Gòn — Mỹ-Tho.

Đường này mới mở, đặt tên này từ 19-10-1955.

Phạm-Viết-Chánh, gốc ở Mỹ - Lồng, tổng Bảo-Thạnh (Bến-Tre), triều Tự-Đức làm án-sát ngồi trấn An-giang, tới chừng Pháp đến, xin hưu-trí dưỡng nhàn; là người có khoa-cử thực-học, chẳng nhường kẻ đồng-thời, tài-đức đáng nêu gương hậu-thế, hưởng thọ ngoài 70 tuổi.

PHAN-BỘI-CHÂU

Trong quận 2, từ C. T. Diên-Hồng đến Lê-Thánh-Tôn.

Nguyên đường này đặt tên Viénot ngay lúc mới mở, ngày 20-6-1913, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Phan-Bội-Châu (1867-1940), biệt hiệu Sào-Nam, đậu thủ-khoa năm Canh-Tí (1900) một nhà cách-mạng được quốc-dân sùng-bái, ban đầu tổ-chức học-sanh nghĩa-dũng-hội mong lấy gươm đao chống đối-phương, sau nhận thấy yếu thế, đổi chủ-trương, dự-bị chiến-tranh toàn-diện toàn-quốc, nên cùng Tăng-Bạt-Hổ lập Việt-Nam Quang-Phục-hội, truyền-bá tư-tưởng duy-tân, cổ-vô thanh-niên Đông-Du cầu-học, sang Nhật tổ-chức đón rước thanh-niên ta xuất-duyơng; từng bị Pháp bắt đầy; sau về sống trên một chiếc thuyền trên sông Hương (Huế); tác-giả nhiều thi-văn có giá-trị: Lưu-cầu huyết-lệ thư, Hải-ngoại huyết-thư, Việt-Nam vong-quốc sử, Nam-Nữ tu-tri, Pháp-Việt đề-huê. . .

PHAN-CHÂU-TRINH

Trong quận 2, từ C. T. Diên-Hồng đến Lê-Thánh-Tôn.

Nguyên đường này đặt tên Schraeder từ khi mới mở 1913, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Phan - Châu - Trinh (1871 - 1926), Hiệu Tây-Hồ, biệt-hiệu Hy-Mã, quán làng Tây Lộc, tỉnh Quảng-Nam, đỗ phó-bảng năm Tân-Sửu (1901), một nhà cách-mạng đồng thời với cụ Phan-Bội-Châu, cùng châu-du trong nước với Trần-Quý-Cáp và Huỳnh-Thúc Kháng đề cổ-vô lòng ái-quốc và chí-quật-cường, chủ-trương theo tân-học khai-hóa đồng-bào, vận-động cải-

cách chánh-trị, không chủ-trương bạo động bằng võ-lực và không ý-lại ở ngoại-quốc ; Năm 1908 cõ-vô cho dân-chúng Quảng-Nam đến tòa sứ xin « giảm sưu-thế » vì lễ ấy bị tòa án Nam-Triều lên án xử trảm, nhưng rồi bị đày đi Côn-Nôn ; Sau 3 năm đày, được ân - xá rồi sang Pháp vận - động chánh - trị ; năm 1925, thừa lúc tả - đảng Pháp lên nắm chánh - quyền, trở về Sài - gòn, diễn-thuyết về « Luân-lý và đạo-đức đông-tây », « Quân-trị, dân-trị » làm tỉnh-ngộ đồng-bào ; mất tại Sài-Gòn được đồng bào đưa linh và để tang, trọng-thê như lễ quốc-táng ; hiện có đền thờ tại bên chợ Đất Hộ (Sài-Gòn).

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Trong quận 3, từ rạch Thị - Nghè đến đ. Lý - Thái-Tổ.

Nguyên đường này đặt tên Mọi từ rạch Thị - Nghè đến Lê-văn-Duyệt (1865) nối dài đến Cao-Thắng hồi 1940, lại nối dài đến Lý-Thái-Tổ hồi 1952.

Phan-Đình-Phùng (1847 - 1895) người làng Đông-Thái (Hà-Tĩnh) đỗ tiến-sĩ năm 1877, làm quan có đức - tánh cương - trực ; năm 1878 được sung vào viện Đô - sát làm Ngự - sử ; nhưng chống lại Tôn - Thất Thuyết, bị giải chức, khi Tôn - Thất Thuyết phế vua Dục-Đức lập vua Hàm-Nghi. Nhưng sau này, chừng

Hàm-Nghi thất - thủ ở Huế, dời ra Quảng - Trị, thì cụ qui-mộ nghĩa-binh, hiệu-triệu văn-vương, kháng-chiến chống Pháp, giang-lao oanh-liệt trong vòng 10 năm, nêu cao tinh - thần yêu nước khiến cho đối - phương phải khâm-phục.

PHAN - KẾ - BÌNH

Trong quận 3, từ Phan-Đình - Phùng đến Phan-Thanh-Giản.

Nguyên đường này số 5, đặt tên Vigerie từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955 .

Phan-Kế-Bình, người làng Thụy-Kê (Hà-Đông) đậu cử-nhơn, một nhà học-giả có tiếng, đã biên-tập nhiều báo : Đăng-cổ tùng-báo, Đông-Dương tạp-chí, Học - báo... và soạn nhiều sách có giá - trị : Việt-Hán văn-khảo, Nam-Hải Dị-nhân liệt-truyện, Hưng-Đạo Đại - Vương truyện, Việt - Nam phong - tục và có phiên-dịch nhiều sách : Việt-Nam khai-quốc-chí truyện, Đại-Nam liệt-truyện, Đại-Nam nhứt-thống chí...

PHAN - LIÊM

Trong quận 3, từ Phan-Thanh-Giản đến Hiền-Vương.

Nguyên đường này số 9, đặt tên Thomson từ 1906 đổi tên Paulin Vial từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955 .

Phan-Liêm, con của Phan-Thanh-Giản, cùng hai em là Phan-Tôn và Phan-Ngũ cầm đầu nghĩa-binh, kháng-chiến chống Pháp ở vùng Vĩnh-Long, Sa-Đéc, Trà-Vinh, Bến-Tre (1867); sau khi thất-trận trong Nam, theo Nguyễn-Trí-Phương ra Bắc tiếp-tục chống đối-phương (Theo Việt-Nam Tranh-Đấu Sử của Phạm-văn-Sơn).

PHAN - NGŨ

Trong quận 3, từ Phan - Đình - Phùng đến Hoà - Mỹ.

Nguyên đường số 7, đặt tên Durrwel từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Phan-Ngũ x. Phan-Liêm.

PHAN - THANH - GIẢN

Trong quận 3, từ Nguyễn-Bình-Khiêm đến đl. Lý-Thái-Tồ.

Nguyên đường này gồm hai đoạn : 1, từ Nguyễn-Bình-Khiêm đến Lê-văn-Duyệt, số 29 đặt tên Baria từ 2-6-1871, đổi ra Legrand de la Liraye từ 1897; 2, từ Lê-văn-Duyệt đến Minh-Mạng (Pasquier cũ) tên lộ Polygone, đổi tên Lizé từ 1920, tục danh đường 20, nay toàn-thể nối-dài đến Lý-Thái-Tồ đổi tên mới từ 22-3-1955.

Phan-Thạchh-Giản (1796-1867), tự Tịnh-Bá hiệu Lương - Khê, một người con chí hiếu, một người tôi tận trung, đậu tẩn-sĩ khoa Bính-Tuất (1826) làm quan ba triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, từ Hàn-lâm-viện Biên - tu đến Hộ - bộ Thượng - thư và Kinh - lược, được đảm-trách ngoại-giao với Pháp và Tây-Ban-Nha (1863 - 1864); khi 3 tỉnh miền Tây : Vĩnh-Long, An - Giang, Hà - Tiên bị Pháp cưỡng - chiếm, không chủ-trương phản-đối bằng võ-lực vì nhận thấy binh-lực mình kém thua, cam lãnh trách-nhiệm, gởi sớ tâu vua cùng triều-phục, ấn-triệu, sắc chiếu, lương tiền, khí - giới, rồi sau 17 ngày tuyết - thực, uống á - phiện tự - vận ; để lại bộ Lương - Khê thi-văn tập ; văn - thi xuất-sắc .

PHAN-TÔN

Trong quận 3, từ Phan-Thanh-Giản đến Hiền-Vương.

Nguyên đường này số 8 đặt tên Nguyễn-Du từ 23-1-1943, đổi tên mới từ 6-10-1955.

Phan-Tôn x. Phan-Liêm.

PHAN-VĂN-ĐẠT

Trong quận 1, từ C. T. Mê-Linh đến Nguyễn-văn-Thinh.

Nguyên đường này số 14 đôi, đặt tên Yokohama từ 2 - 6 - 1871, đổi tên Doudart de Lagrée từ 24 - 2 - 1897, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phan - văn - Đạt, cùng Trương - Công - Định chống Pháp ở Gò - Công.

PHAN-VĂN-HÙM

Trong quận 2, từ Lê-Lai đến Gia-Long.

Nguyên đường này tên Krantz từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Phan-văn-Hùm, người gốc ở Búng (Thủ-Dầu-Một) một nhà học-giả kiêm nho-học và tây-học ; học trường Cao-Đẳng Công - Chánh Hà-Nội ; về Sài-Gòn hoạt-động chánh-trị chống Pháp bị ngồi tù khám-lớn Sài-Gòn ; chùng ra, sang Pháp từ 1929 đến 1933 học triết-học ; chùng về nước dạy Việt-ngữ trong tư-thục Lycéum Paul Doumer và viết báo ; trước-tác Ngồi tù khám-lớn, Biện-Chứng-Pháp phổ - thông, Luận - tùng, Nỗi lòng Đờ-Chiêu,

PHAN-VĂN-TRƯỜNG

Trong quận 2, từ Bác-sĩ Yersin đến đ.l. Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên đường này tên Marcel Parent từ 1920, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phan-Văn-Trường, nguyên-quán ở Hà-Nội ; đỗ cử-nhơn văn-khoa và tấn-sĩ luật-khoa, từng tranh-đấu kịch-liệt và chân-thành cho quyền-lợi quốc-gia, đã bị giam một lượt với Phan-Châu-Trình tại Prison du Cherche-Midi ở Paris độ 9, 10 tháng ; sau về Sài-Gòn hoạt-động, lại bị giam nữa ; có diễn - thuyết bằng Việt-ngữ tại hội khuyến-học Sài-Gòn, cổ-động cho việc giáo-dục học-vấn trong dân-tộc Việt-Nam, bài diễn-văn này sau có xuất-bản thành sách ; có trước-tác nhiều sách bằng Pháp-ngữ : Essai sur le Code Gia-Long (luận-án thi luật-khoa tấn-sĩ), Le droit pénal à travers la législation chinoise (Trung-Quốc chỉ cữ hình-luật), Une Histoire des Conspirateurs Annamites à Paris ou La vérité sur l'Indochine ; có xuất bản quyển Satan conduit le bal của G. Anquetil ; dùng báo-chí làm trường hoạt-động, nâng cao tinh-thần đồng-bào và làm chấn - động dư - luận Pháp ở Việt-Nam cũng như tận Paris ; báo La Cloche Félée (Chuông rạn) và Annam là hai cơ-quan ngôn-luận của ông, được dân-chúng hoan-nghinh nhiệt-liệt ; đã cùng tranh-cử nghị-sĩ với E. Outrey ở xứ mình.

PHÁT - DIỆM

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến Võ-Tánh .

Nguyên đường này tên lộ Cầu-Kho, đặt tên Nguyễn-Tấn-Nghiem từ 10-8-1916, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Phát-Diem, một làng thuộc tỉnh Ninh-Bình, ở vào phía Đông-Nam Bắc-Việt, cách Bùi-Chu một con sông nhỏ ; dân số ở đây đông-dảo và hầu hết đều theo đạo Thiên-Chúa ; một địa phận Thiên-chúa-giáo đầu-tiên do một Giám-mục bổn xứ quản-trị ; dân chúng đều di-cư vào Nam-Việt sau ngày 21-7-1954 Hiệp-định Genève ký-kết tạm phân nước Việt làm hai tại sông Bến-Hải (Vi-tuyen 17).

PHỐ ĐỨC-CHÍNH

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến C. T. Diên-Hồng.

Nguyên đường này là một đoạn đường số 30 đặt tên Némésis từ 14-5-1877, đổi tên Alsace-Lorraine từ 26-4-1920, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Phố Đức-Chính, người tỉnh Bắc-Ninh, sau khi tốt-nghiệp trường Cao-đẳng Công-chánh Hà-Nội, liền được bổ làm việc ở xứ Lào ; là đảng viên sáng-lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, bị bắt đem về Hà-Nội năm 1929, song liền được thả ra ; năm 1930, dự vào việc đánh Yên-Báy, thất-bại, cùng các đồng-chí hội-nghị tại

Tùng-Thiện toan đánh Sơn-Tây, bị bắt và bị xử tử hình một lượt với 12 đồng-chí tại Yên-Báy ngày 11-6-1930.

PHỦ-KIỆT

Trong quận 1, từ đ. Nguyễn-Huệ đến Võ-Di-Nguy
Có tên này từ 27-8-1926.

Trần-văn-Kiệt (1846-1920) làm phủ, có Bắc-đầu Bội-tinh, làm Hội-đồng thành-phố trên 25 năm.

PHÙNG-KHẮC-KHOAN

Trong quận 3, từ Hồng-Thập-Tự đến Phan-Thanh-Giản.

Nguyên đường này được dự-định từ 1877, đặt tên Miche, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Phùng-Khắc-Khoan, người làng Phụng-Xá, tỉnh Sơn-Tây, thi đỗ Trạng-nguyên đời Lê-trung-Hưng, ra làm Công-bộ-thị-lang.

Năm 1594, làm hộ-bộ thượng-thor đi sứ bên Trung-Hoa được vua nhà Minh đặt nhiều câu đố đề thử tài, câu nào ông cũng giải xuôi chảy.

RHODES (Alexandre de)

Trong quận 2, từ Duy-Tân đến Công-Lý.

Nguyên đường này hồi mới mở tên Paracels từ 2 - 6 - 1871, đổi tên Evêché từ 16 - 10 - 1871, lại đổi tên Colombert từ 24 - 2 - 1897, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Alexandre de Rhodes là một trong các người giáo-sĩ người Âu, sang nước ta hồi thế-kỷ XVII, truyền đạo Thiên-Chúa và làm tiền-đạo cho cuộc viễn-du của Pháp đến Đông-Dương; rất thông tiếng Việt và có sáng-kiến dùng chữ la-tinh ghi âm tiếng Việt.

SƯƠNG NGUYỆT-ANH

Trong quận 3, từ Lê-văn-Duyệt đến Bùi-Chu.

Nguyên đường này mở từ 1926 và đặt tên L. Combes, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Sương Nguyệt-Anh (1863 - 1921), con gái thứ năm của Đỗ-Chiều, nhũ-danh là Nguyễn-Thị-Khuê, tự Nguyệt-Anh, hay chữ, hay thơ, giọng văn tao-nhã, trang-nghiêm, sớm goá chồng, sương-cur thủ tiết, nên thêm chữ Sương thành Sương Nguyệt-Anh, sáng-lập tờ báo Nữ-Giới-Chung, một tờ báo phụ-nữ xuất-bản trước hết trong nước.

TẠ-THU-THÂU

Trong quận 2, từ Nguyễn-Trung-Trực đến Phan-Bội-Châu.

Nguyên đường này của tư-nhơn lấy tên mình đặt thành Sabourain, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Tạ-Thu-Thâu (1706 - 194. . .) xuất-thân con nhà nghèo, gốc làng Tân-Bình (Long-Xuyên) học giỏi, thi đậu bằng tài-năng và Cao-đẳng tiều-học một lượt, rồi thi đậu tú-tài và sau khi tham-gia phong-trào ái-quốc hồi đám rước Bùi-Quang-Chiêu và đám ma Phan-Châu-Trinh, năm 1927 sang Pháp học, nhưng không chịu học theo lối khoa-cử, chỉ lo học khai-trí, đồng-thời tham-gia các đảng hoạt-động chánh-trị, chường về nước viết báo La Lutte (Tranh-Đấu) chống đơng-quyền Pháp, bị tù, rồi trong tù bị bại nửa thân người.

THÁI-LẬP-THÀNH

Trong quận 1, từ Đồn-Đất đến Tự-Do.

Nguyên đường này số 11, đặt tên Tự-Đức từ 2-6-1871, đổi tên Dupré từ 24 - 2 - 1897, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Thái-Lập-Thành, một vị Đốc-phủ-sứ được dân-chúng biết tiếng thanh-liêm, đã từng làm chủ-quận thời Pháp-thuộc, làm Thủ-hiến Nam-Việt trong chánh-phủ quốc-gia Bảo-Đại, bị ám-sát một lượt với đại-tướng Chanson tại Sa-Đéc trong lúc đi kinh-lý.

THI-SÁCH

Trong quận 1, từ C. T. Mê-Linh đến Lê-Thánh-Tôn.

Nguyên đường này số 12, đặt tên Thủ-Dầu-Một từ 2 - 6 - 1871, đổi tên Cornulier-Lucinière từ 1897, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Thi-Sách, chồng bà Trưng-Trắc, bị Tô-Định giết, nhân đó Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhị khởi nghĩa đánh đuổi quân Trung-Hoa, giải-phóng Tô-Quốc.

THỐNG-NHÚT

Trong quận 1, từ vườn Bách-thảo đến Tổng-Thống-phủ.

Nguyên đường này đặt tên Norodom, từ lối 1871 nay đổi tên Thống-Nhút, từ 1954.

Thống - Nhút, danh - từ hán-việt, biểu - hiệu tinh-thần của dân-tộc, muốn hiệp lại một khối từ Bắc chí Nam, và chống lại mọi sự chia rẽ ; đánh dấu nền Độc-Lập của Việt-Nam (miền Nam).

THỦ-KHOA HUÂN

Trong quận 2, từ Lê-Thánh-Tôn đến Nguyễn-Du.

Nguyên đường này đặt tên là Poulo-Condore từ 2 - 6 - 1871, đổi tên Aviateur Garros từ 28 - 2 - 1919, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Thủ - Khoa Huân, tên Nguyễn - Hữu - Huân, người Mỹ-Tho, đỗ thủ - khoa năm 1852 ; mộ nghĩa binh chống Pháp năm 1862, bị bắt đày đi Côn-Đảo ; sau 7 năm được tha về, nhưng giữ một lòng chống Pháp, khởi nghĩa nữa, rốt cuộc bị bắt nữa và sau này bị hành hình tại Mỹ-Tho.

THƯƠNG - KHẨU

Trong quận 6, đi dọc theo sông Sài-Gòn, từ Hoàng-Diệu đến Tôn-Thất Thuyết.

Nguyên đường này tên Tam-Hoi, đổi tên Yser từ 29 - 3 - 1917, nay đổi mới từ 22 - 3 - 1955.

Thương - Khẩu, danh - từ hán-việt, chỉ bến tàu Nhà-Rồng, bến thương-cảng hệ-trọng nhứt của nước ta.

TÔ - HIỂN - THÀNH

Trong quận 3, từ Lê-Văn-Duyệt đến đồn vệ-binh.

Nguyên đường này mới mở lối 1937, 1938, đặt tên Milice từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 4 - 5 - 1954.

Tô-Hiển-Thành (... - 1179), kiêm tài văn-chương và thao-lược, được sánh với Gia-Cát-Lượng, phò vua Lý-Anh-Tôn, hết lòng trung-kiên, dẹp giặc

Lèo và nhiều đám giặc nội-chiến, được phong chức Thái-Úy coi giữ việc binh, chỉnh-đốn binh-chế và xin vua khai-hóa việc học-hành.

TÔN - ĐẢN

Trong quận 6, từ Trình - Minh - Thế đến Tôn - Thất Thuyết.

Nguyên đường này tên Matelot Manuel nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Tôn - Đản, võ-tướng đời Lý-Nhân-Tôn, đồng-thời với Lý-Thường-Kiệt, khoảng năm Thái-Minh thứ tư (1075) cùng với Lý - Thường - Kiệt đem quân chia đường sang đánh hai châu Ung, Liêm (Quảng - Đông) lập được nhiều chiến-công.

TÔN - THẮT ĐẠM

Trong quận 1, từ bến Chương-Dương đến Tôn-Thất Thiệp.

Nguyên đường này số 22, đặt tên Chaigneau từ 1 - 2 - 1865, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Tôn-Thất Đạm, Tôn-Thất Thiệp, hai người con của Tôn-Thất Thuyết, cùng theo cha phò vua Hàm - Nghi trốn - tránh ở đồn Vế, thuộc huyện

Tuyên - Hoá (Quảng-Bình) ; đánh phá quân Pháp ở vùng Quảng-Bình Hà-Tĩnh ; trong đêm vua Hàm-Nghi bị bọn Việt-gian Trương - Quang - Ngọc và Nguyễn - Định-Tình dẫn thủ-hạ đến vây bắt, Tôn-Thất Thiệp bị chúng đâm chết ; còn Tôn-Thất Đạm bấy giờ ở tại Hà - Tĩnh, nghe tin vua bị bắt, liền hội tướng lại, truyền cho binh-sĩ ra thú đề về yên-nghiep, rồi viết lại hai bức thơ, một bức dâng vua Hàm-Nghi xin tha lỗi cho mình không theo cứu được vua, một bức gọi cho quân Pháp xin cho thủ-hạ ra đầu-thứ và đừng ngược-dãi chúng, xong, thắt cổ mà tự-tận.

TÔN - THẮT THIỆP

Trong quận 1, từ đ.l. Nguyễn-Huệ đến Pasteur.

Nguyên đường này số 9, đặt tên Ohier từ 18 - 7 - 1871, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Thôn-Thất Thiệp x. Tôn-Thất Đạm.

TÔN-THẮT THUYẾT

Trong quận 6, từ Thương - Khâu đến Nguyễn-Khoái.

Nguyên đường này tên Route du Canal de Dérivation, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Tôn-Thất Thuyết, làm Phụ-chánh và Binh-

bộ Thượng-thor triều Tự-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Đức, Hàm-Nghi, chủ-trương chống Pháp kịch-liệt, sai đắp lũy Tân-Sở ở Cam-Lộ (Quảng-Trị) để làm căn-cứ rút binh, lập chiến-khu Sơn-Phòng ở huyện Hương-Kê (Hà-Tĩnh), lập đạo quân Phấn-Nghĩa, mở trường Diễn-vô để huấn-luyện quân-đội, sau sang Quảng-Đông cầu-viện Trung-Hoa, nhưng việc không thành, tạ-thể tại huyện Thiên-Quan (1912) được Lý-Căn-Nguyên chấp-chánh Bắc-Kinh cho chôn cất tử-tế, xây mộ to, lập bia lớn để tỏ lòng thương xót người tiết-liệt.

TRẦN-CAO-VÂN

Trong quận 3, từ Mạc-Đĩnh-Chi đến C. T. Chiến-Sĩ.

Nguyên đường này tên Larclauze từ 14 - 7 - 1877, đổi tên Verdun từ 4 - 8 - 1943, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Trần-Cao-Vân (1866 - 1916) tức Trần-Công-Thọ lấy tên cách-mạng Trần-Cao-Vân, biệt-hiệu Hồng-Việt, bí-danh Chánh-Minh, người làng Tư-Phú, phủ Điện-Bàn, (Quảng-Nam) đề-xướng dịch Trung-Thiên, tham-gia cách-mạng từ 1889 tới 1916, bị bắt, bị tù, bị đầy Côn-Nôn (1909 - 1914) sau tham-gia tổ-chức cuộc cách-mạng 1916 theo đề-nghị của vua Duy-Tân, sau cùng bị bắt và bị xử tử (16 - 4 - 1916)

TRẦN-DOÃN-KHANH

Trong quận 3, từ Tự-Đức đến Nguyễn-Thành-Ý.
Nguyên đường này là đường tư, đặt tên là Mế-kong nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần-Doãn-Khanh x. Nguyễn-Thành-Ý.

TRẦN HƯNG-ĐẠO

Trong quận 2, từ C. T. Diên - Hồng đến đ. Cộng-Hoà và trong quận 4 đến Đồng-Khánh.

Nguyên Sài-Gòn với Chợ-Lớn đến 1914 còn cách biệt nhau vì một cái bưng ở hướng Tây-Nam nhà ga hiện-thời; mép Sài-Gòn đ. Lê-Lợi (Bonard cũ) đi đến bưng đó không thông-thiếp được với đ. Đồng-Khánh (Thủy-Bình cũ); đến 1916 bưng mới được lấp, hai đường mới nối liền nhau bằng một đường đá ong, tức là đ. Gallieni cũ; đến 1928 đ. Gallieni mới trải đá xanh và tráng nhựa, có đèn diên ở trung-tiêm và có xe diên chạy hai chiều; năm 1953, đường xe diên thôi khai-thác và 1954 bị khóa lấp nhựa; nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Trần Hưng-Đạo, tức là Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn, vị anh-hùng dân-tộc, triều nhà Trần-Nhân-Tôn, đã triệu-tập cuộc đại hội bò-lão tại điện Diên-Hồng đề hời ý-kiến nhân-dân nên hoà hay nên chiến với quân Nguyên, rồi tuy thế giặc xâm-lãng hùng-

manh, Trần-Quốc-Tuấn phản-công với chí cương-quyết và tài điều-binh, cả thắng quân Nguyên luôn hai đợt xâm-lãng trong những trận van-lừng : Hàm-Tử với Trần-Nhật-Duật ; Chương-Dương với Trần-Quang-Khải ; Tây-Kết, Vân-Đồn với Trần-Khánh-Dur ; và Bạch-Đằng (1284-1288)

TRẦN-KHÁNH-DUR

Trong quận 3 từ Trần-Khát-Chân rời cùng.

Đường tư của hãng COGISA hiến cho Đô-Thành.
X. Đặng-Dung.

Trần-Khánh-Dur. tức là Trần-Huệ-Vương, đồng-dối nhà Trần, nguyên có tội với triều-đình, bị cách hết chức-tước, tịch-ký hết gia-sản, đuổi ra làm dân ở huyện Chí-Linh ; ở đó vì nghèo-túng phải đốt than bán mà nuôi miệng ; đến chừng Trần-Nhân-Tôn xuất-chinh ứng-phó giặc Nguyên, gặp ông cho dự-bàn chiến-lược, bàn nhiên điều đúng lý, được vua và các vương-hầu khen ; rồi tới chừng ra trận hết lòng vì nước, lập được nhiều công cả ; có bài thơ " Bán than " được truyền-tụng.

TRẦN-KHÁT-CHÂN

Trong quận 3, từ Trần-Quang-Khải đến cùng.

Đường tư của hãng COGISA hiến cho Đô-thành. (X. Đặng-Dung).

Trần - Khát - Chân, đô tướng triều Trần-Thuận-Tôn, đánh với Chiêm-thành, giết Chế-Bồng-Nga (1390).

TRẦN-NHẬT-DUẬT

Trong quận 3, từ Trần-Quan-Khải đến rạch Thị-Nghè.

Đường tư của hãng COGISA hiến cho Đô-thành
(X. Đặng-Dung).

Trần-Nhật-Duật, tước Chiêu-Văn-Vương, chiến tướng đời Trần-Nhân-Tôn, theo Hưng-Đạo-Vương đánh quân Nguyên, thắng nhiều trận nhứt là Hàm-Tử-Quan và Tây-Kết.

TRẦN - QUANG - KHẢI

Trong quận 3, từ C. T. Đình-Tiên-Hoàng đến Hai Bà Trưng.

Nguyên đl. này tên đl. Deux Ponts đổi ra Paul Bert từ 30-3-1906, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Trần - Quang - Khải con thứ ba vua Trần-Nhân-Tôn, tước Chiêu-Minh Đại-Vương, danh-tướng đời Trần, có công trong trận đánh quân Nguyên ở trận Chương-Dương, học rộng, thông-hiểu nhiều thổ-ngữ của dân cao-nguyên ; tác-phẩm : Lạc-đạo-tập.

TRẦN - QUÝ - CÁP

Trong quận 3, từ C. T. Chiến-sĩ đến đ.l. Cộng-Hoà.

Nguyên đường này tên Larclauze nổi dài đôi tên Testard từ 24-2-1897, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Trần-Quý-Cáp, người làng Bát-Nhị, huyện Diên-Phúc (Quảng-Nam) đỗ tiến-sĩ năm 1904, một tay cừ-khôi trong giới cựu-học giác-ngộ, cổ-động du-học, đề-xướng tân-học; can tội cổ-động chống thuế ở Quảng-Nam, gây thành một phong-trào lan-rộng khắp Trung-Việt tục gọi giặc Đồng-bào, đảng Cúp Tóc, bị bắt và xử tử tại Khánh-Hoà (1908).

TRẦN-QUÍ-KHOÁCH

Trong quận 3, từ Trần-Nhật-Duật đến cùng.

Đường tư của hãng COGISA hiến Đô - Thành. (X. Đặng-Dung).

Trần-Quý-Khoách, cháu vua Trần-Nghệ-Tôn, được tôn lên làm vua trong lúc nước nhà bị quân Minh xâm-chiếm, đặt niên-hiệu là Trùng-Quang, chống với địch tới cuối-cùng, bị bắt, rồi trong khi thuyền ra biển, nhảy xuống biển tự-tử.

TRẦN-TẤN-PHÁT

Trong quận 3, từ Phan-Thanh-Giản đến Hiền-Vương.

Nguyên đường này tên Hẻm Tân - Định đổi tên mới từ 28-11-1952.

Trần-Tấn-Phát, gốc ở Cần-Thor, đậu Tiến-sĩ Y-khoa, Nghị-viên Hội-đồng Tự-vấn của Cộng-Hoà Nam-Kỳ Tự-trị, bị ám-sát năm 1946.

TRẦN - VĂN - DƯ

Trong quận 6, từ Ngô-Văn-Sở đến Nguyễn-Hiến.

Nguyên đường này tên Antoine Rolland từ 1930, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Trần-Văn-Dư, người hưởng-ứng phong-trào Cần - vương, đòi Hàm - Nghi, lập ra Nghĩa - Hội ở Quảng-Nam, chống Pháp.

TRẦN-VĂN-THẠCH

Trong quận 3, từ Trần-Quang-Khải đến Hai Bà Trưng.

Nguyên đường này số 41, đặt tên Vassoigne từ 30-3-1906, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Trần-Văn-Thạch, gốc ở Phú-Lâm, thuở nhỏ học xuất-sắc, đậu cử-nhơn văn-chương Pháp, hoạt-động chánh-trị từ hồi ở Toulouse, viết báo Journal des Etudiants Annamites, về nước hồi 1932; viết báo La Lutte (Tranh - Đấu).

TRẦN-XUÂN-SOẠN

Trong quận 6, từ cầu Tân-Thuận đến rạch Ông-Lớn.

Nguyên đường này tên Route Sud du Canal de Dérivation, đổi tên mới từ 22 - 10 - 1955.

Trần - Xuân - Soạn, một võ-quan cao-cấp ở cuối triều Tự-Đức, cùng Tôn-Thất Thuyết bí-mật lập trường giảng võ ở Phú-Xuân, cho người ra ngoại-quốc mua khí-giới dự-bị khởi nghĩa Cần-vương chống Pháp.

TRÌNH-MINH-THẾ

Trong quận 6, từ bến Vân-Đồn đến Tôn-Thất Thuyết.

Nguyên đường này mở vào lối 1884, tên Jean Eudel, đổi tên Nguyễn-Cư-Trình từ 22 - 3 - 1955, sau đổi tên mới từ 2 - 8 - 1955.

Trình-Minh-Thế (1921 - 1955), gốc ở Tây-Ninh, thuở nhỏ học tại trường Đạo-Đức Học-đường (1942) là một trường có tiếng nhứt trong Toà-Thánh Tây-Ninh, gia-nhập Việt-Nam Phục-quốc Đồng-minh-hội (1942) có chun trong ban sáng-lập Quân-đội Cao-Đài (1943) lập chiến-khu chống Pháp (1945) và chống Bảo-Đại với tước-vị Chủ-tịch Quốc-gia kháng-chiến liên-minh (1951), chống quân-đội Hoà-Hảo của Lê-Quang-Vinh tại Bảy-Núi (Châu-đốc, 1953), về hợp-tác với quân-đội Quốc-gia từ 13 - 2 - 1955, tổng tư-lệnh

quân-đội Quốc-gia kháng-chiến, tử-trận trong cuộc truy-kích quân-đội Bình-Xuyên tại đầu cầu Tân-Thuận (7 giờ chiều 3 - 5 - 1955), được làm lễ Quốc-táng và truy-phong Trung-trương (Theo các báo).

TRỊNH-VĂN-CẤN

Trong quận 2, từ Bác-sĩ Yersin đến đ l. Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên đường này tên Gustave Vinson từ 26-4-1920, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trịnh-văn-Cấn, tục gọi Đội Cấn, người làng Yên-Nhiên, Vĩnh-Tường (Thanh-Hóa), làm xuất-đội ở Thái-Nguyên, mật-giao với tù-phạm chánh-trị, bị bắt giam tại chỗ, sau cùng binh-lính khởi-nghĩa đánh chiếm tỉnh-lỵ Thái-Nguyên, giữ được 7 ngày (1917) rồi thua Pháp, cùng nghĩa-quân rút vào rừng và chết trong rừng vào đầu năm 1918.

TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Trong quận 2, từ Lê-Lai đến Nguyễn-Du.

Nguyên đường này đặt tên Amiral Roze từ 23 - 7 - 1870, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Trương - Công - Định, từng - chinh theo Nguyễn-Tri-Phương giữ đại đồn Phú-Thọ, đánh với

Pháp trận Thuận-Kiều oanh-liệt, được triều-đình (Huế) thăng-thưởng Lãnh-binh An-Giang; không chịu nhận chức, quyết ở lại Gia-Định tự-động khởi binh chống Pháp, ở vùng Chợ-Lớn, Tân-An, Gò-Công hai năm trường (1862 - 1864); ngày 19 - 8 - 1864, vì Huỳnh-Tấn phản-bội, bị quân Pháp tấn-công bắn gãy xương sống, biết sống không được, rút gươm tự-tử.

TRƯƠNG-ĐÌNH-HỢI

Trong quận 6, từ bến Thương-Khâu đến Trình-Minh-Thế.

Nguyên đường này tên Gage từ 23 - 6 - 1930, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trương-Đình-Hội, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Nguyễn-Tử-Nha khởi nghĩa chống Pháp ở Quảng-Trị.

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

Trong quận 3, từ Nguyễn-Huy-Tự đến đ.l. Đình-Tiên-Hoàng.

Nguyên đường này số 30, đặt tên Noel từ 30 - 3 - 1906, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trương - Hán - Siêu, người làng Phúc-Am, huyện Gia - Khánh, (Ninh-Bình) làm quan triều nhà

Trần; sau khi về hưu ẩn-cư tại núi Dục-Thúy; một nhà văn lỗi-lạc, nay còn đền thờ ở Phúc-Am.

TRƯƠNG-MINH-GIẢNG

Trong quận 3, từ Trần - Quý - Cáp đến kinh bao ngân (Canal de Ceinture) tại ranh Đô-thành - Gia-Định.

Nguyên đường này số 4, tên Eyriaud des Vergnes từ 30-3-1906, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Trương - Minh - Giảng (1792 - 1841), con một quan cao - cấp triều Gia - Long, hồi 17 tuổi đỗ cử - nhơn, 27 tuổi làm tham - tri, 47 tuổi lên Binh - bộ Thượng - thư, lãnh chức Khâm - mạng vào Gia - Định dẹp giặc Ngụy - Khôi với Võ - tướng Tống - Phước - Lương (1833 - 1835); cùng Nguyễn - Xuân tiến đánh quân Xiêm xâm-lược nước ta, lấy lại Hà-Tiên và Châu-Đốc, thâu được Nam-Vang, Gò-Sắt (Pursat bấy giờ gọi Phú-Túc); rồi lập đồn gần Nam-Vang, đề bảo - hộ Chân-Lạp; có can-thiệp vào triều-chánh Chân-Lạp, sau khi Nặc-Ông-Chân (vua Chân-Lạp) mất, bằng cách lập con gái Nặc-Ông-Chân là Ang-Mey lên làm Quận-Chúa, rồi đổi tên Chân-Lạp ra Trấn-Tây-Thành (1834); được vua Thái-Tổ sai đi kinh-lý Trấn-Tây-Thành với Lê-Văn-Đức (1840); mất phần tại Châu-Đốc tháng 9 năm Tân-Sửu (1841).

TRƯƠNG-MINH-KÝ

Trong quận 3, từ Đoàn-Thị-Điểm đến Lê-văn-Duyệt.

Nguyên đường này tên Lacaut từ 1929, đổi tên mới từ 23-1-1943.

Trương - Minh - Ký (1855 - 1900) cháu Trương-Minh-Giang, giáo-sư ; thông tây-học và nho-học ; là một trong những nhà văn tiền-bối miền Nam có công trong việc phổ-biến chữ quốc-ngữ ; là một trong hội-đồng thành-phố tiền-phong, có cho một phần đất làm con đường này.

TÚ - XƯƠNG

Trong quận 3, từ Công-Lý đến Lê-Văn-Duyệt.

Nguyên đường này số 6, đặt tên Thévenet từ 30-3-1906, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Tú-Xương, chánh - danh là Trần-Kế-Xương, gốc ở Vị-Xuyên, (Nam-Định) đỗ tú - tài sớm mà thi cử-nhơn hoài không đậu ; có tiếng hay chữ, có tài làm thơ nôm một cách hồn-nhiên, với một giọng châm-biểu như lối thơ Học Lạc trong Nam, tỏ ra tinh-thần bất mãn vì xã-hội và thời-thế.

TỰ - DO

Trong quận 1, từ bến Bạch - Đằng đến C. T. Hoà - Bình.

Nguyên đường này đã có trước khi người Pháp đến Việt-Nam, từ lối 1859, hẹp-hòi và quanh-co, có trải đá ong ; từ khi Pháp đến, đường này mang số 16 trong 26 con đường hiện-hữu của cả Sài-Gòn, đặt tên Catinat từ 1-2-1865 ; lúc ấy nó đi từ bến sông đến C. T. Chiến-sĩ ; từ 24-2-1897 đoạn từ nhà-thờ Đức Bà đến C. T. này đặt tên Blancsubé.

Tự-Do danh-từ Hán-Việt tiêu-biểu cho chế-độ của Việt-Nam độc-lập.

TỰ - ĐỨC

Trong quận 3, từ rạch Thị - Nghè đến Hai Bà Trưng.

Nguyên đường này tên Sohier từ 1877, sau chiết ra một đoạn từ rạch Thị-Nghè đến Mạc-Đĩnh-Chi tên Marcel Richard từ 26-4-1920, nay toàn thể đổi tên mới từ 22-3-1955 và 19-10-1955.

Tự - Đức (1848 - 1883), húy là Hồng-Nhậm, con thứ 2 vua Thiệu-Trị, vua hay chữ nhứt trong triều Nguyễn, sai Sứ-quán làm bộ Khâm - định Việt - sử và Đại - Nam Quốc - Sử diễn - ca ; có làm một tập thơ vịnh sử Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh-tập và có soạn Luận-ngữ diễn-ca, Thập-diệu diễn-ca, Tự-học giải-nghĩa ca.

VÂN - ĐỒN

Trong quận 6, từ Trình-Minh-Thế đến rạch Ông Lớn.

Nguyên bến này tên bến Khánh-Hội, đổi tên La Marne từ 1916, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Vân-Đồn, một châu thuộc Quảng-Yên, do Trần-Khánh-Dur đời Trần, đóng quân, đánh phá được thuyền binh lương của quân Mông-Cổ.

VÕ - DI - NGUY

Trong quận 2, từ bến Chương - Dương đến Tôn-Thất Thiệp.

Nguyên đường này tên Adran đổi tên Guynemer từ 26-4-1920, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Võ-Di-Nguy (1745 - 1801), người huyện Phú-Vinh (Thừa-Thiên) theo phò vua Gia-Long một cách tận-trung ; năm Nhâm-Dần (1782) lãnh chức Trung-quân cai-cơ, cùng đánh với Tây-Son nhiều trận thủy-chiến ở sông Sài - Gòn (1783), Qui - Nhơn (1793), Diên - Khánh (1794), Bình - Định (1800), Thị-Nại (1801), bị quân Tây-Son bắn đạn thần-công trúng đầu, chết tại Thị-Nại ; ngày xưa vùng Gia-Định kêu ông là Ông Chương-thủy (Thủy-quân Đô-thống phủ Chương-phủ - sự).

VÕ-TÁNH

Trong quận 2, từ Lê - văn - Duyệt đến đ. Cộng-Hòa.

Nguyên đường này là một đoạn của đường Gia-Long, đặt tên Frère Louis từ 22 - 6 - 1922, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Võ-Tánh, gốc ở Mô-Xoài (Bà-Rịa), tướng của chúa Nguyễn, được chúa gả em là Công - Chúa Ngọc-Du, đánh với Tây-Son ở Phú-Yên, Diên-Khánh ; cùng Ngô-Tùng-Châu lên giàng-hỏa thiêu - minh trong thành Qui-Nhơn trong lúc Tây-Son vây thành hai năm.

Bác-sĩ YERSIN

Trong quận 2, từ bến Chương-Dương đến Phạm-Ngũ-Lão.

Nguyên đường này đặt tên Boresse, có lẽ từ 1866-1870, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955,

Yersin Alexandre Emile John (1862 - 1943) một y - sĩ Pháp, sanh tại Thụy - Sĩ ; từng học tại viện Pasteur (Paris) ; tìm ra vi-trùng dịch-hạch và chế ra thuốc chữa và trừ dịch-hạch ; ở Việt-Nam sáng-lập các viện Pasteur Sài - Gòn, Nha-Trang ; tìm ra vùng cao-nguyên Đà-Lạch và chết nơi đó.

YÊN-ĐỒ

Trong quận 3 từ Hai Bà Trưng đến Lê-văn-Duyệt.

Nguyên đường này là một đường xe bò, cấp rạch
Thị - Nghè, tên đường Avalanche, đổi ra Champagne
từ 26 - 4 - 1920, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Yên-Đồ, chánh tên Nguyễn-văn-Thắng sau đổi
lại Nguyễn-Khuyến, người làng Yên-Đồ (Hà-Nam),
thi đậu tam-nguyên, triều Tự-Đức, nên còn kêu là Tam-
nguyên Yên-Đồ, làm quan đến chức Tổng-dốc; văn-thơ
xuất-sắc; còn đề lại tập Quế-Sơn thi-tập.



PHẦN CHỢ-LỚN

LƯỢC-SỬ ĐƯỜNG - PHỐ

và

TIỂU-SỬ DANH - NHÂN

AN-BÌNH

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến Nguyễn-Trãi.

(1)

An-Bình (2), tên một làng cũ tại địa-phận sở-tại
của con đường này.

AN-ĐIỀM

Trong quận 4, từ Bùi-Hữu-Nghĩa đến đl. Tân-Đà.

An-Điềm, tên một ấp của làng An-Bình cũ.

(1) Nhiều đường trong Chợ - Lớn không được biết lược-sử,
nên phần thứ 2 của mỗi con đường ấy không có.

(2) Ủy-ban Đô-thành thành-lập theo nghị-định ngày 9 - 9 -
1954 chỉ đổi tên những đường nào đặt tên bằng ngoại-ngữ từ
trước 1945, những tên bằng Việt-ngữ thì đa số không đổi.

BA-ĐÌNH

Trong quận 4, từ cầu chữ Y đến Ụ Cây (Bassin aux bois).

Nguyên bản này tên Arroyo Chinois từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Ba-Đình, căn-cứ kháng-chiến danh tiếng nhứt trong lịch-sử chống Pháp, rộng lối 400 thước, dài 1.200 thước, vây bọc 3 làng Mậu-Thịnh, Mỹ-Kê và Thượng-Thọ (Thanh-Hóa) do Đình-Công-Tráng lập ra cùng các đồng-chí Tống-Duy-Tân, Cao-Đạt, đánh kịch-liệt với quân Pháp (1885 - 1887).

BÀ LÀI

Trong quận 7, từ Phạm-Văn-Chí (hay Lê-Quang-Liêm) đến bến Lò-Gổm.

Nguyên đường này tên Rue de la Douane, đổi tên Bà Lài từ 23-1-1943.

Bà Lài, tên một bà-lão ở trong vùng này (theo điều-tra của Ô. Đoàn-Vĩnh-Vũng, Kỹ-sư Đại-diện ty Kỹ-thuật Chợ-Lớn) có một ngọn rạch ngang đường này, nhánh của rạch Lò-Gổm, cũng đặt tên Bà Lài.

BÀ HẠT

Trong quận 4, từ đ. Minh-Mạng đến Nguyễn-Lâm.

Bà Hạt, tên một bà lão buôn-bán ở vùng này (theo Ô. Kha-văn-Dương, Trưởng-quận 4).

BÀ TRIỆU

Trong quận 4, từ Nguyễn-Kim đến Triệu-Quang-Phục.

Bà Triệu, tức là Bà Triệu-Ấu, đã khởi quân đánh Thái-thú quận Cửu-Chân, đem độc-lập về cho xứ-sở.

BẠCH-VÂN

Trong quận 4, từ đường 7 bis đến bến Hàm-Tử.

Nguyên đường này số 8, đặt tên Nguyễn-Bình-Khiêm từ 4-5-1954, đổi tên mới từ 6-10-1955.

Bạch-Vân, hiệu của Trạng Trình, tức Nguyễn-Bình-Khiêm (Bạch-Vân cư-sĩ) cũng là tên cái am của cụ cất đề trí-sĩ (Bạch-Vân-am); và cũng là tên tác-phẩm thi-thơ của cụ (Bạch-Vân thi-tập)

BÃI SẬY

Trong quận 4 và 7, từ Kim-Biên đến Lò-Gổm.

Nguyên bến này tên Bonard, đổi tên Võ-Tánh từ 29-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Bãi-Sậy chiến-khu ở trung-châu Bắc-Việt (Hải-Dương) do Nguyễn-Thiện-Thuật lập ra kháng-chiến với quân Pháp.

BÌNH - ĐÔNG

Trong quận 4 và 5, từ Ụ-Cây (Bassin aux Bois) đến rạch Lào.

Nguyên đường này tên bến Jonques, đổi tên Lý-Thái-Tổ từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Bình-Đông, tên làng cũ của vùng này.

BÌNH-TÂY

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bãi-Sậy.

Bình-Tây, tên làng cũ của vùng này.

BÌNH - TIỀN

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bãi-Sậy.

Bình-Tiền, có lẽ là tên ấp cũ của vùng này.

BÙI-DUY-THANH

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ. Đồng-Khánh.

Bùi-Duy-Thanh, con Bùi-Duy-Quan, gốc Bến-Tre, tử-trận trong đại-chiến 1914-1919 (theo Ô. Nguyễn-văn-Hai, trưởng-quận quận 7).

BÙI - HUY - BÍCH

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này là *Quai Est du Canal Transversal N° 1*, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Bùi-Huy-Bích (1744 - 1818) tự Hi-Chương, hiệu Tồn-Am, tước Kế-liệt-hầu, người xã Định-Công, huyện Thanh-Trì (Hà-Đông) đậu nhị-giáp tấn-sĩ năm 26 tuổi (1769) làm Đốc-đồng Nghệ-An từ năm 1777 đến năm 1781, có sưu-tập thơ-văn cổ thành sách Hoàng-Việt thi-tuyển và Hoàng-Việt văn-tuyển.

BÙI - HỮU - NGHĨA

Trong quận 4, từ Bạch-Vân đến đ. Nguyễn-Hoàng,

Nguyên đường này số 7, đặt tên mới từ 4-5-1954.

Bùi-Hữu-Nghĩa (1807 - 1872) hiệu Nghi-Chi, quán làng Long-Tuyền, tức Bình-Thủy (Cần-thơ) đỗ giải-nguyên kỳ thi hương năm Ất-Vị (1835) tại Gia-Định; làm tri-huyện ở Phước-Long (Biên-hòa) rồi đổi lại Trà-Vang, tức là Tràvinh ngày nay; sau vì bị một án bất công, phải dày xuống làm lính; có di trấn Vĩnh-Thông (Châu-đốc), tác-giả nhiều thi-văn, nhiều văn-tế và tuồng « Kim-Thạch Kỳ-Duyên »; bản tuồng này được dịch ra Pháp-văn.

CAO-ĐẠT

Trong quận 4, từ đl. Cộng-Hoà đến P. Ký.

Nguyên đường này số 2, đặt tên Phan - Châu - Trinh từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Cao-Đạt, một nhà cách-mạng, kháng-chiến chống Pháp từ 1881 đến 1891 (Thanh-Hóa) sau thất-trận, bị bắt và bị xử tử.

CẦN-GIUỘC (Bến và Lộ)

Trong quận 4, bến Cần - Giuộc từ bến Bình-Đông đến Đình - Hoà ; lộ Cần - Giuộc từ Đình - Hoà đến Kinh-Đôi.

Cần-Giuộc tên một quận trong tỉnh Chợ-Lớn, trên con đường Chợ-Lớn đi Gò-Công.

CHÁNH-HƯNG

Trong quận 4, từ bến Ba Đình đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này số 113 và một phần của quân-lộ số 1, đặt tên này từ 23-1-1943.

Chánh-Hưng tên làng của vùng này.

CHÂU-VĂN-TIỆP

Trong quận 4, từ đl. Đồng-Khánh đến Nguyễn-Trãi.

Nguyên đường này mở hồi 1948 trong đất của tư-nhơn, rồi nhập vào công-sản của Đô-thành, đặt tên này từ 30-1-1950.

Châu-văn-Tiếp (1738 - 1784) phò Nguyễn-Ánh từ núi Trà-Lang, huyện Đồng-Xuân, được phong chức Ngoại-tả Chương-dinh, rồi sau được phong Bình-tây Đại-đô-đốc ; tử thương tại sông Mân-Thít (Vĩnh-Long) trong trận thủy-chiến đánh với Tây-Son.

CHU-VĂN-AN

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Trương-Tấn-Bửu.

Nguyên đường này tên Pei-Ho, đổi tên mới từ 4-5-1954.

Chu-văn-An (- 1370), người xã Quang-Liệt, (Hà - Đông) đậu Thái-học sinh đời Trần ; làm Quốc-tử-giám tư-nghiep đời Trần-Minh-Tôn và giảng kinh cho Thái-tử ; dựng sớ xin chém bảy người nịnh-thần, vua Dụ-Tôn không nghe, nên xin từ chức ; mở trường dạy học, nhiều môn-đệ thành tài ; có soạn sách « Tứ Thư thuyết-ước » và « Quốc-ngữ thi-tập ».

CỘNG-HÒA

Xem phần Sài-Gòn.

DA BÀ BẦU

Trong quận 4, từ đl. Nguyễn - Tri - Phương đến Nguyễn-văn-Thoại.

Da Bà Bầu là cây da ở gần trường đua Phú-Thọ, ở dưới gốc nó có một cái quán của một bà kêu là bà Bầu (Theo Ô. Kha-văn-Dưỡng, trưởng-quận 4).

DÃ - TƯỢNG

Trong quận 4, từ Ụ-Cây đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này số 117, đặt tên Bassin aux Bois từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Dã-Tượng, tỳ-tướng của Trần Hưng-Đạo, lập nhiều chiến-công, sau chết được phong chức thần.

DƯƠNG-CÔNG-TRỪNG

Trong quận 4, từ Trương-Tấn-Bửu đến đl. Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên bến này gọi là Quai de Ceinture, đổi tên mới từ 4-5-1954.

Dương-Công-Trùng (? - 1786), người huyện Long-Xuyên (nay là Cà-Mau), nổi danh « hồ-tướng » vì người mạnh khỏe lắm ; năm Đinh-Dậu

(1777) theo Nguyễn-Ánh đến Vàm Nao rồi sang Long-Hồ (Vinh-Long) lên Sài-gòn, đánh Tây-Sơn ; năm Kỷ-Hợi (1779) sang Chân-lạp (Cao-Miên) dẹp nội-loạn xứ ấy ; năm Canh-Tý (1780) xuống dẹp loạn ở Trà-Vinh ; năm quý-mão (1783) bị Tây-Sơn bắt ở Thủ-Thiên (Gia-Định), may trốn thoát, sau lại bị đánh thua ở Long-xuyên, lại bị bắt rồi bị giết.

ĐÀO - DUY - TỪ

Trong quận 4, từ đl. Nguyễn-Tri-Phương đến Lê-Đại-Hành.

Nguyên đường này đặt tên Filao, đổi tên mới từ 4-5-1954.

Đào -Duy - Từ (1572 - 1634) người xã Hoa-Trai, huyện Ngọc - Sơn (Thanh - Hoá), con của nhà xưởng-ca nên đi thi hương bị đánh rớt ; phần chí vào Đàng-trong tìm cách lập thân, xin ở chăn trâu với một nhà giàu ở huyện Hoài-Nhân, tỉnh Bình-Định ; sau nhờ Khâm - lý Trần - Đức - Hoá tiến - cử với Chúa Sãi, được phong làm Nha-úy nội-tán, kiêm việc quản-cơ ; giúp Chúa Nguyễn nhiều mưu-lược đề chống Trịnh ; đắp lũy Trường-Dục ở huyện Phong-Lộc tỉnh Quảng-Bình và lũy Nhựt-Lệ từ cửa Nhựt-Lệ đến núi Đầu-Mâu (Đồng - Hới) cao 15 thước, dài 3.000 ngàn trượng, tục gọi là Lũy Thầy tức là Đỉnh-Bắc trường-

thành ; soạn bài văn lục-bát Ngọa-Long-Cang tự vi minh với Gia-Cát-Lượng và có soạn sách Hồ-trương xu-cơ tập .

ĐẶNG - THÁI - THÂN

Trong quận 4, từ Nguyễn-Trãi đến đl. Hồng-Bàng .

Nguyên đường này tên Paul Bert, đổi tên Douane từ 23-1-1943, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Đặng - Thái - Thân, người Nghệ-An, cùng Phan - Sào - Nam lập đảng Nam-Nghĩa ; sau bị tiết-lộ, chùng nhà cầm quyền Pháp vây bắt, tự sát không đề nhục.

ĐÌNH - HOÀ

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Đình-Hoà, tên ấp vùng này.

ĐỖ-VĂN-SỬU

Trong quận 4, từ Lương-Nhữ-Hộc đến đl. Vạn-Kiếp.

Nguyên đường này tên Canal, đổi tên mới từ 19-19-1955.

Đỗ-văn-Sửu, người bày ra lối dệt gấm Hà-Đông, triều Tự-Đức được thợ dệt gấm thờ làm tiên-sư.

ĐỐC-PHỦ THOẠI

Trong quận 4, từ Phùng-Hưng đến Vạn-Tượng.

Nguyên đường này tên Marchaise, đổi tên mới từ 23-1-1943.

Đốc-Phủ Thoại, sanh-trưởng tại Chợ - Lớn, làm ký-lục tại dinh Đốc-lý Chợ-Lớn thời Pháp-thuộc, tận-tụy với nhiệm - vụ, được thăng - thưởng Đốc - phủ danh-dự.

ĐỒNG-KHÁNH

Trong quận 4, từ An-Bình đến Học Lạc.

Nguyên con đường này là con đường xưa nhứt đặt tên Marins (Thủy-Bình), đổi tên mới từ 28-11-1952.

Đồng - Khánh, vua thứ 8 nhà Nguyễn được Pháp lập lên ngôi, sau khi vua Hàm - Nghi ra vùng Quảng-Bình mưu-đồ chống Pháp ; làm vua được 3 năm.

GIA-PHÚ

Trong quận 4 và 7, từ bến Kim-Biên đến Phạm-Phú-Thứ.

Nguyên đường này gồm 2 đoạn : 1, tên Gia-Phú từ Kiềm - Biên đến Bình - Tây ; 2, tên Luro từ

Bình-Tây đến Phạm-Phú-Thứ ; toàn-thề nhập lại lấy tên Gia-Phú từ 23 - 1 - 1943.

Gia-Phú, tên làng hay ấp cũ của vùng này.

GÒ-CÔNG

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Trần-Thanh-Cần.

Gò-Công, tên một tỉnh miền Đông Nam-Việt.

HÀ-TÔN-QUYỀN

Trong quận 4, từ đ. l. Hồng-Bàng đến Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên đường này tên Bouchet đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Hà-Tôn-Quyền (Thế-kỷ XIX) làm quan đại-thần triều Minh-Mạng, lúc thanh-niên học giỏi có tiếng, đỗ tẩn-sĩ ; tánh-khí can-trực, giúp nước trung-kiên.

HÀM-TỬ

Trong quận 4, từ đ. l. Cộng-Hoà đến Không-Tử.

Nguyên bến này tên Chợ - Quán, đổi tên Ngô - Quyền từ 28-11-1952, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hàm-Tử, còn gọi là Hàm-Tử-quan, thuộc Khoái-Châu (Hưng-Yên) đối ngạn với Chương-Dương-độ, ở đây là chỗ Trần-Nhật-Duật đánh phá quân Nguyên của Toa-Đô.

HẬU-GIANG

Trong quận 7, từ Phạm-Đình-Hồ đến lộ Liên-tỉnh.

Nguyên đường này đặt tên Renault, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Hậu - Giang, nhánh phía Tây của sông Cửu - Long và cũng là miền Tây - Nam của Nam - Việt, gồm địa-phận từ mép Tây sông Hậu-Giang đến bờ biển Đại-Thanh và vịnh Thái-Lan.

HOÀ - HẢO

Trong quận 4, từ P. Ký đến Lê-Đại-Hành.

Hoà-Hảo, tên làng cũ của vùng này.

HOÀNG-SĨ-KHẢI

Trong quận 5, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này tên Quai Est du Canal Transversal No 2, đặt tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Hoàng-Sĩ-Khải, người Lai-Xá (nay là hai xã Lai-Tây và Lai-Đông) huyện Lang-Tài (Bắc-Ninh), đỗ tẩn-sĩ năm 1544, làm quan đến Hộ-bộ Thượng-thor, được phong tước Vịnh-kiều-hầu ; tác-giả những tập Sứ-Bắc quốc-ngữ thi-tập, Sứ-trình-khúc, Tứ-thời-khúc, Tiều-độc lạc-phú.

HỌC LẠC

Trong quận 4, từ Trang-Tử đến đ.l. Hồng-Bàng.

Nguyên đường này đặt tên Triều-Châu, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Học - Lạc (18..-1915), người làng Mỹ-Chánh (Mỹ-Tho) tên Nguyễn-văn-Lạc, biệt hiệu Sầm-Giang, thuở nhỏ học giỏi có tiếng, không khuất-phục trào Pháp ; tánh-khí cứng-cỏi; ngạo-mạng ; khinh-dễ các hương-chức, vì đó mà có mấy bài thơ Ông Làng, Con Trâu, Chó chết trôi, Ngồi trăng, đều văn trác và châm-biếm.

HỒNG-BÀNG

Trong quận 4, từ đ.l. Nguyễn - Hoàng đến bến Dương-Công-Trừng.

Nguyên đường này số 4, đặt tên Charles Thomson, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Hồng - Bàng, họ làm vua cổ nhứt nước ta, từ năm 2877 đến 258 trước kỷ-nguyên, mà vị thủy-tổ tên Đế-Minh cháu ba đời của vua Viêm-Đế bên Trung-Hoa, được phong làm vua phương Nam, gọi là Kinh-Dương-Vương, sanh ra Lạc-Long-Quân.

HUỲNH-MÃN-ĐẠT

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Nguyễn-Hoàng.

Nguyên đường này gồm hai đoạn : 1, tên De Ker-garadec từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Trần Hưng-Đạo ; 2, đường số 5 đặt tên Huỳnh - mãn-Đạt từ 4-5-1954, toàn-thê đặt tên mới từ 19-10-1955.

Huỳnh - Mãn - Đạt, người làng Vĩnh-Thanh-Vân (Rạch-Giá), đậu cử-nhơn khoa Tân-Mảo (Minh-Mạng thứ 12) làm quan triều Tự-Đức đến chức Tuần-phủ, trấn tỉnh An-Giang (Châu-Đốc) và Hà-Tiên ; có làm nhiều thơ hay.

HUỲNH-THOẠI-YẾN

Trong quận 4, từ Tháp-Mười đến Trương-Tấn-Bửu.

Huỳnh - Thoại - Yến, một hội-dồng thành-phố Chợ-Lớn, có nhà ở đường này, tri-huyện danh-dự.

HÙNG - VƯƠNG

Trong quận 4, từ đ.l. Lý-Thái-Tồ đến Thuận-Kiều.

Hùng - Vương (2879 - 258 tr. gt.) là những đời vua đầu-tiên của nước ta, do người con trưởng của Lạc-Long-Quân lập ra, quốc-hiệu là Văn-Lang, thủ-đô ở Châu - Phong thuộc miền Phú-Thọ, Vĩnh-Yên ngày nay ; còn miếu thờ ở làng Cồ-Tích và mỗi năm, ngày 10 tháng 3 âm-lịch có lễ giỗ gọi là giỗ tồ.

HỌC LẠC

Trong quận 4, từ Trang-Tử đến đ.l. Hồng-Bàng.

Nguyên đường này đặt tên Triều-Châu, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Học - Lạc (18.. - 1915), người làng Mỹ-Chánh (Mỹ-Tho) tên Nguyễn-văn-Lạc, biệt hiệu Sầm-Giang, thuở nhỏ học giỏi có tiếng, không khuất-phục trào Pháp ; tánh-khí cứng-cỏi, ngạo-mạng ; khinh-dể các hương-chức, vì đó mà có mấy bài thơ Ông Làng, Con Trâu, Chó chết trôi, Ngồi trăng, đều văn trác và châm-biếm.

HỒNG-BÀNG

Trong quận 4, từ đ.l. Nguyễn - Hoàng đến bến Dương-Công-Trường.

Nguyên đường này số 4, đặt tên Charles Thomson, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Hồng - Bàng, họ làm vua cồ nhứt nước ta, từ năm 2877 đến 258 trước kỷ-nguyên, mà vị thủy-tổ tên Đế-Minh cháu ba đời của vua Viêm-Đế bên Trung-Hoa, được phong làm vua phương Nam, gọi là Kinh-Dương-Vương, sanh ra Lạc-Long-Quân.

HUỲNH-MẪN-ĐẠT

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Nguyễn-Hoàng.

Nguyên đường này gồm hai đoạn : 1, tên De Ker-garadec từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Trần Hưng-Đạo ; 2, đường số 5 đặt tên Huỳnh - mẫn-Đạt từ 4 - 5 - 1954, toàn-thể đặt tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Huỳnh - Mẫn - Đạt, người làng Vĩnh-Thanh-Vân (Rạch-Giá), đậu cử-nhơn khoa Tân-Mảo (Minh-Mạng thứ 12) làm quan triều Tự-Đức đến chức Tuần-phủ, trấn tỉnh An-Giang (Châu-Đốc) và Hà-Tiên ; có làm nhiều thơ hay.

HUỲNH-THOẠI-YẾN

Trong quận 4, từ Tháp-Mười đến Trương-Tấn-Bửu.

Huỳnh - Thoại - Yến, một hội-dồng thành-phố Chợ-Lớn, có nhà ở đường này, tri-huyện danh-dự.

HÙNG - VƯƠNG

Trong quận 4, từ đ.l. Lý-Thái-Tồ đến Thuận-Kiều.

Hùng - Vương (2879 - 258 tr. gt.) là những đời vua đầu-tiên của nước ta, do người con trưởng của Lạc-Long-Quân lập ra, quốc-hiệu là Văn-Lang, thủ-đô ở Châu - Phong thuộc miền Phú-Thọ, Vĩnh-Yên ngày nay ; còn miếu thờ ở làng Cồ-Tích và mỗi năm, ngày 10 tháng 3 âm-lịch có lễ giỗ gọi là giỗ tổ.

HƯNG - LONG

Trong quận 4, từ đl. J. J. Rousseau đến Đào-Duy-Tử.

Nguyên đường này trước 1947 đi từ Hùng-Vương đến Đào-Duy-Tử; sau 1947 loại hạng một đoạn, từ Hùng-Vương đến J. J. Rousseau.

Hưng-Long, tên làng hay ấp cũ của vùng này.

HƯNG - PHÚ

Trong quận 4, từ cầu chữ Y đến Ụ-Cây.

Nguyên đường này số 70 đặt tên đl. Abattoir từ 23-1-1943, đổi tên Phạm-Ngũ-Lão từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Hưng-Phú, tên làng cũ của vùng này.

JEAN JACQUES ROUSSEAU

Trong quận 4, từ đl. Hùng-Vương đến Dương-Công-Trùng.

Nguyên đường này tên Armand Rousseau, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778), một nhà văn Pháp, sanh tại Genève (Thụy-Sĩ), danh-tiếng nhứt ở thế-kỷ XVIII; về mặt văn-chương là người

đã phát-động lối văn lãng-mạn; về mặt chánh-trị là người tiên-phong cuộc cách-mạng Pháp; trước-tác: Du Contrat Social, Emile, Les Rêveries d'un Promeneur Solitaire.

KHÔNG-TỬ

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến Lý-Thành-Nguyên.

Nguyên đường này gồm 2 đoạn; 1, từ bến Hàm-Tử đến đl. Tổng-đốc Phương, đặt tên Gaudot; 2, từ đl. Tổng-đốc Phương đến Lý-Thành-Nguyên đặt tên Bonhoure; nay toàn-thê đổi tên mới từ 22-3-1955.

Không - Tử (551 - 479 tr. Ct.) người nhà Châu, gốc nước Lỗ (Trung-Hoa) tên Khuru, tự Trọng-Ni, có làm quan nước Lỗ, nhưng bất-đắc-chí nên đi châu-lưu các nước (Trung-Hoa) sau trở về Lỗ dạy học hơn 3 ngàn môn-đồ; soạn lại Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, phê-bình Kinh dịch, làm Kinh Xuân-Thu, giáo-chủ đạo Nho.

KIM-BIÊN

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Trần-Thanh-Cần.

Nguyên đường này đặt tên Cambodge, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Tên Việt-Nam của kinh-thành xứ Cao-Miên.

KỶ-HOÀ

Trong quận 4, từ Phù-Đồng Thiên-Vương đến Lương-Nhữ-Hộc.

Kỷ-Hoà, có lẽ là Chí - Hoà phát-âm và ký-âm theo giọng Pháp, chỉ một trận đánh lớn giữa Nguyễn-Tri-Phương và quân Pháp, tại làng Chí-Hoà (Sài-Gòn)

LÃN-ÔNG

Trong quận 4, từ Phùng-Hưng đến đ.l. Khổng-Tử.

Nguyên đường này tên Hẻm Théâtre, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lăn-Ông, tên Lê-Hữu-Trác, biệt-hiệu là Hải-Thượng Lăn-Ông, người làng Liêu-Xá (Hưng-Yên), là một thi-sĩ và một danh-y có tiếng như triều Lê, làm bộ sách thuốc lấy biệt - hiệu đặt tên, là sách dạy nghề thuốc cho các thầy lang trong nước, từ đó cho đến bây giờ.

LÃO-TỬ

Trong quận 4, từ Lương-Nhữ-Hộc đến Phùng-Hưng.

Nguyên đường này đặt tên Sept Congrégations, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lão-Tử, một nhà triết-học Trung-Hoa, họ Lý tên Nhĩ, tự Bá-Dương, cũng gọi Lý-Đam, soạn Đạo-Đức-Kinh, lập Lão-Giáo, chủ-trương vô-vi thanh-tĩnh.

LÊ-ĐẠI-HÀNH

Trong quận 4, từ đ.l. J. J. Rousseau đến ranh-giới Đô-thành.

Nguyên đường này đặt tên Lamothe, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lê-Đại-Hành (980 - 1005), người làng Bảo-Thái (Hà-Nam), làm Thập-đạo Tướng-quân cho nhà Đinh; quân-sĩ tôn lên làm vua để chống-cự quân Tống sang xâm-lược nước ta, khi vua Vệ-Vương nhà Đinh có 6 tuổi.

LÊ-QUANG-ĐỊNH

Trong quận 4, từ Trịnh-Hoài-Đức đến Nguyễn-văn-Thạch.

Nguyên đường này đặt tên Pagode, đổi tên mới từ 4 - 5 - 1954.

Lê-Quang-Định (1759 - 1813) tự Tri-Chỉ, hiệu Tấn-Trai, người huyện Phú-Vinh, tỉnh Thừa Thiên; mồ côi cha từ nhỏ, phải theo anh vào ở Gia-Định; lớn lên chăm học, sau giỏi thi-văn, cùng với Cẩn-Trai Trịnh-Hoài-Đức và Nhữ-Sơn Ngô-Nhân-Tĩnh lập ra hội thi-văn gọi là « Bình-Dương thi-xã »; năm mậu thân (1788) thi đỗ, được bổ Hàn-Lâm-Viện chế-cáo, thăng Binh-Bộ Thượng-thor (1802) và sung làm chánh-sứ sang nhà Thanh đề cầu-phong; năm Bính-

dẫn (1806) có soạn bộ « Nhất-Thống địa-dư chí » gồm 10 quyển, kê cứu nước Việt từ Hà-Tiên đến Lạng-Sơn một cách tinh-tường ; năm Kỷ-tỵ (1809) đổi sang Hệ-Bộ Thượng-Thơ, kiêm Khâm-Thiên-Giám và tổ-chức điền-địa, chia ruộng làm 5 hạng. Thi-văn của ông do Trịnh-Hoài-Đức hợp lại với của mình cùng của Ngô - Nhân - Tịnh, in thành một quyển, gọi là « Gia-Định tam gia thi ».

LÊ-QUANG-HIỀN

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến bến Lò-Gổm.

Nguyên đường này tên Ohier, đổi tên mới từ 23-1-1943.

Lê-Quang-Hiền, làm quan hồi Pháp -thuộc, thăng đến Đốc-phủ-sứ và có làm Hội-đồng Quản-hạt.

LÊ - QUANG - LIÊM

Trong quận 4 và 7, từ đl. Khổng - Tử đến Lò-Gổm.

Nguyên bến này đặt tên Mỹ-Tho, đổi tên mới từ 28-11-1952.

Lê-Quang-Liêm kêu là Bảy, tục danh Đốc-phủ Bảy, làm quan thời Pháp-thuộc đến chức Đốc-phủ-sứ, sau ra làm Hội-đồng Quản-hạt ; cùng Bùi-Quang-Chiều hoạt-động trong đảng Lập-Hiến ở Sài-Gòn.

LÊ - TẤN - KẾ

Trong quận 7, từ bến Nguyễn - văn - Thành đến Tháp-Mười.

Nguyên đường này đặt tên Piquet, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Tấn-Kế, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Trần-Bình khởi nghĩa chống Pháp tại Ba-Động (Trà-Vinh) năm 1875.

LÊ - TRỰC

Trong quận 7, từ Gia-Phú đến bến Bãi-Sậy.

Nguyên đường này tên Akas, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lê-Trực, người Thanh-Thủy, (Quảng-Bình) làm Đô - đốc ở Hà - Nội, triều Tự - Đức ; năm 1885 khi vua Hàm-Nghi xuất-bôn, ứng-chiến Cần-vương khởi nghĩa ở Quảng-Bình.

LÝ-NAM-ĐẾ

Trong quận 4, từ J. J Rousseau đến Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đường này là một đoạn của đường Canton, tục kêu là Quảng-Tổng-Cái, đổi mới từ 19-10-1955.

Lý - Nam - Đế tức Lý-Bôn, vua thứ nhất nhà

Tiền-Lý (544-602), khởi đánh đuổi Tiêu-Tư về Trung-Hoa, và dẹp quân Lâm-Ấp.

LÝ-THÁI-TỔ

Trong quận 4, từ đl. Hùng-Vương đến Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên đường này đặt tên Hui-Bon-Hoa, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lý-Thái-Tổ (1010-1025) tức Lý-Công-Uẩn, quán làng Cồ-Pháp, (Bắc-Ninh) làm quan nhà Tiền-Lê; được tôn làm vua khi vua Lê-Long-Đĩnh thăng hà: dời đô từ Hoa-Lư ra Đại-La-Thành và dời Đại-La-Thành ra Thăng-Long-Thành; tôn-sùng phật-giáo, cho người sang Trung-Hoa thỉnh kinh Tam-Tạng; cải-tổ chánh-trị nội-bộ, binh-chế và quan-thuế.

LÝ-THÀNH-NGUYỄN

Trong quận 4, từ Trang-Tử đến Trần-Quốc-Toàn.

Lý-Thành-Nguyễn, người trong gia-tộc Hộ Xương, hộ-trưởng thành-phố Chợ-Lớn (theo Ô. Nguyễn-văn-Hai, Trưởng-quận quận 7).

LÝ-THƯỜNG-KIỆT

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Nguyên đường này đặt tên Filippini, đổi tên mới từ 30 - 1 - 1950.

Lý-Thường-Kiệt, một danh-tướng đời Hậu-Lý, đánh thắng quân Tống nhiều trận, nhứt là tại Khâm-Châu và Liêm-Châu (Quảng-Đông) và trên sông Cầu (Như-Nguyệt)

LÒ-GỐM

Trong quận 7, từ Phạm-Đình-Hồ đến bến Lê-Quang-Liêm.

Lò-Gốm, tên đặt cho ngọn rạch và một đoạn kinh chảy vào Rạch Cát, cũng tên của xóm sản-xuất đồ gốm ở dài theo đường này.

LÒ - SIÊU

Trong quận 7, từ Lục-Tĩnh đến Nghĩa-địa Quảng-Đông.

Lò-Siêu, tên của xóm ở trên đường này có lò hầm siêu (đề nấu nước).

LỤC - TỈNH

Trong quận 7, từ Dương-Công-Trừng đến cầu Phú-Lâm.

Nguyên đường này tên A. de Rhodes từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Lục-Tĩnh, danh-từ chỉ các tỉnh miền Trung và Tây của Nam-Việt.

LỮ - GIA

Trong quận 4, từ Nguyễn-văn-Thoại đến đường quân-sự số 1.

Nguyên đường này đặt tên *Route Nord du Champ de Courses*, đổi tên *Trương-Minh-Giảng* từ 30-1-1950, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Lữ - Gia, tể - tướng đời Triệu (207 - 111 tr. Gt) cổ-động cho quân-sĩ nổi lên giết Triệu-Ai-Vương với mẹ là Cù-Hậu mưu đem Nam-Việt (tên nước ta lúc bấy giờ) qui-phục Hán-Triều, rồi lập anh của Ai-Vương là Kiến-Đức lên làm vua, bị ngộ hại khi quân Hán sang đánh quân ta trả thù ; nay còn đền thờ tại núi Gôi, làng Vụ-Bảng (Nam-Định).

LƯƠNG-NGỌC-QUYẾN

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện - Vương.

Nguyên đường này đặt *Rivière*, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lương - Ngọc - Quyến, con Cừ Can, sang Nhựt du-học, đỗ trường Chấn-Võ, lên về nước hoạt-động cách-mạng, bị bắt đày lên Thái-Nguyên, mật-giao

với Đội Cấn, tức Trịnh-văn-Cấn, mưu khởi-nghĩa ở tỉnh Thái-Nguyên (1917), sau mất ở đó.

LƯƠNG - NHỮ - HỌC

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí.

Nguyên đường này đặt tên *Larégnerre*, đổi tên *Rieunier* từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lương - Nhữ - Học, người xã Hồng-Liễu, huyện Trường-Tân, nay là xã Thanh-Liễu, huyện Gia-Lộc (Hải-Dương) đậu Thám-hoa năm Lê-Thái-Tôn Đại-Bảo thứ 3 (1442) làm quan đến Đô-ngự-sử, đi sứ Trung-Hoa hai lần. Theo sách Hải-Dương phong-vật-chí, là người đầu-tiên đem nghề khắc ván in từ Trung-Hoa sang ta, được các làng chuyên về nghề ấy như làng Liễu-Tràng, huyện Gia-Lộc, thờ làm tiên-sư ; có soạn một tập thơ nôm nhan-đề Hồng - Châu quốc - ngữ thi - tập.

LƯƠNG - VĂN - CÁN

Trong quận 5, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này là đường quân-sự số 6, đặt tên *Philastre*, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Lương-văn-Can đậu Cử-nhơn (1874), trước tác nhiều sách Việt-ngữ, cùng các nhà nho Đào-Nguyên-Phổ, Phan - Tuấn - Phong, Nguyễn - Quyền... lập ra Đông-Kinh nghĩa-thục tại Hà-Nội để mở-mang giáo-dục quốc-dân trong lúc Pháp áp-dụng chánh-sách ngu-dân đối với dân ta ; trường mở, liền có trên 1.000 học-sanh, cấp giấy bút, miễn học - phí, dạy 3 thứ chữ : Việt, Hán, Pháp ; bề ngoài thì vậy mà bề trong chuyên việc tuyên-truyền chống Pháp.

LƯU-XUÂN-TÍN

Trong quận 4, từ đ.1. Không-Tử đến đ.1. Đồng-Khánh.

Nguyên đường này đặt tên Tien-Tsin, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Lưu-Xuân-Tín, người đầu-tiên áp-dụng kỹ-thuật Trung-Hoa đúc tiền diều và vàng thoi, dưới triều Lê-Thánh-Tôn, lối 1461.

MẠC-CỬU

Trong quận 4, từ bến Lê - Quang - Liêm đến đ.1. Không-Tử.

Nguyên đường này tên Marché, nay đổi tên mới từ 4 - 5 - 1954.

Mạc-Cửu (1655 - 1735) nguyên-quán ở huyện Lôi-Châu, tỉnh Quảng-Đông, (Trung-Hoa) vì không tùng-phục nhà Mãn-Thanh, trốn sang đất Mang-Khảm, xin thần-phục vua Cao-Miên ; năm giáp dần (1674) quân Xiêm đánh chiếm Mang - Khảm ông bị bắt và cầm ở Xiêm ; vài năm sau, thừa lúc Xiêm nội loạn, trốn về Trùng-Kê (Réam) rồi trở về Mang-Khảm ; Năm Giáp Ngọ (1714) xin thần-phục Nam-Triều và Mang-Khảm từ đó đổi lại là Hà-Tiên, đặt dưới quyền tổng-binh của Mạc-Cửu.

MẠC-THIỆN-TÍCH

Trong quận 4, từ Ngõ-Quyền đến Đàng-Thái-Thân.

Nguyên đường này tên Richaud, đổi tên Annam từ 23 - 1 - 1943, nay đổi tên mới từ 4 - 5 - 1954.

Mạc - Thiện - Tích (1710 - 1780), sanh tại Trùng-Kê (Réam), kế-nghiệp cha là Mạc-Cửu, được phong chức Tổng-binh đại đô-đốc, giữ trấn Hà-Tiên ; năm 1739, đánh thắng giặc Cao-Miên đến xâm-lãng ; mở rộng cương- vực, lập thêm bốn huyện : Long-Xuyên (Cà-mau) Kiên-Giang (Rạch-giá) Trấn-Giang (Cần-thơ) và Trấn-Di (Bắc-Liêu, Bãi-Xàu) ; có lập « Chiêu-anh-các » để thờ Không--Tử và hợp khách tao-dân.

MAI-HẮC-ĐẾ

Trong quận 5, từ Lò Gốm đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này số 149, đặt tên đường Bình-Đông từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Mai-Hắc-Đế (722 -) tên Mai-Phúc-Loan, người huyện Thiên-Lộc (Hà - Tĩnh), thấy quan nhà Đường cai-trị xứ ta tàn-bạo, khởi-nghĩa xưng Vương tại đất Hoan-Châu (Nghệ-An), liên-kết với Lâm-Âp và Chân-Lạp, chống lại quân nhà Đường.

MAI - XUÂN - THƯỜNG

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến bến Lò - Gốm.

Nguyên đường này tên 7ème Quartier, đổi tên Trois Canaux từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Mai-Xuân-Thường, người Phú-Hạt (Quảng-Ngãi), đồ cử-nhơn triều Hàm-Nghi (1885) khởi binh Cần-vương khi vua Hàm-Nghi xuất-bôn ra vùng Quảng-Bình, đánh nhau với Pháp nhiều trận, nhưng sau bị thất-bại rồi thác.

MẠNH - TỬ

Trong quận 4, từ Trang-Tử đến đ. Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đường này đặt tên Van Vollenhoven, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Mạnh-Tử (372 - 289 tr. G. t.) quê ở Quảng-Đông, học-trò của cháu Đức Khổng-Tử, được tôn là Á-thánh trong nho-giáo về đời Chiến-Quốc (Trung-Hoa), soạn sách Mạnh-Tử trong bộ Tứ-thơ, gồm 7 thiên.

MỄ - CỐC

Trong quận 5, từ rạch Lào đến rạch Cát.

Nguyên đường này đặt tên Poteries, đổi tên Lê-Lai từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Mễ-Cốc, danh-từ hán-việt, chỉ bến này buôn bán lúa gạo.

MINH - MẠNG

Trong quận 4, từ C. T. Cộng-Hoà đến đ. Hùng-Vương.

Nguyên đường này đặt tên đ. Le Myre de Vilers, đổi tên Pasquier từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Minh-Mạng (1791 - 1841) để-hiệu là Thánh-Tổ - Nhân - Hoàng - Đế, húy là Đàm, hồi 28 tuổi kế-vị Gia - Long, bãi bỏ hai chức Tổng-trấn Bắc - thành và Gia-Định-thành, đề đặt toàn-thể lãnh-thổ dưới quyền cai-trị trực-tiếp của nhà vua, dẹp các đám loạn vì ý-niệm địa - phương tự - trị, như Ngụy - Khôi, Lê - Duy-

Dương, đồng-thời đánh thắng quân Xiêm, đuổi ra khỏi xứ Chân-Lạp, đem Chân-Lạp và một phần đất Lào nhập vào Lãnh-thổ Việt-Nam ; đối với Tây-phương, từ-khước mọi sự giao-dịch và cấm đạo Gia-Tô.

MINH - PHỤNG

Trong quận 7, từ bến Nguyễn-văn-Thành đi Lục-Tĩnh.

Minh - Phụng, tên làng cũ của vùng này.

NGHĨA - THỰC

Trong quận 4, từ Huỳnh-Mẫn-Đạt đến Nguyễn-Tri-Phương.

Nguyên đường này gồm hai đoạn số 6 và số 12, đặt tên Phan-Bội-Châu từ 4 - 5 - 1954, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Nghĩa-Thực (1907 - 1911) tức trường Đông-Kinh Nghĩa-thực, là một tổ-chức cách-mạng trá-hình dưới một trường tư, do nhóm Cần - Vương thành-lập, dạy bằng tiếng Việt, Hán, Pháp, cốt đào-tạo thanh-niên theo sách tân-thơ của Trung-Hoa, có ngót 1.000 học-sanh.

NGÔ-NHÂN-TỊNH

Tại ranh giới quận 4 và 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Trần-Thanh-Cần.

Nguyên đường này đặt tên Palikao, đổi tên Võ-Di-Nguy từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Ngô - Nhân - Tịnh (17 - 1813), người tỉnh Gia-Định, học-trò Võ-Trường-Toản, trước phò Nguyễn-Ánh, sau làm quan đại-thần triều Gia-Long, đi sứ Trung-Hoa nhiều lần, mất năm Quý-Dậu (1813) táng tại làng Chí-Hoà (Gia-Định) ; khi cất nhà ga mới tại Chí-Hoà, mộ phải dời về Phú-Thọ (1936).

NGÔ - QUYỀN (Đường)

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ. Hồng-Bàng.

Nguyên đường này đặt tên De Beylié, đổi tên mới từ 22-3-1955.

Ngô - Quyền (939 - 944) quê ở Sơn-Tây, cả thắng Hoảng-Thao, quân Nam-Hán, trên sông Bạch-Đằng, xưng Vương vào năm 939, đóng đô ở Cồ-Loa, giải-phóng quốc-gia khỏi vòng lệ-thuộc Trung-Hoa.

NGÔ - QUYỀN (Hẻm)

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến hẻm Tản-Đà.

NGÔ - SI - LIÊN

Trong quận 5, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này tên Quai Ouest du Canal Transversal N° 1, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Ngô-Sĩ-Liên, người Chúc-Lý, huyện Chương-Đức (nay là Chương-Mỹ, Hà-Đông), đậu tiến-sĩ năm 1442, làm quan đến Lễ-bộ Thị-lang, kiêm sử-viện tu-s soạn; thọ 98 tuổi; tác-phẩm: Đại-Việt sử-ký toàn-thơ.

NGUY - KHẮC - ĐẢN

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Nguyên đường này đặt tên Arbaud, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Ngụy-Khắc-Đản, (thế kỷ XIX) sau hòa-ước mồng 5 tháng 6 năm 1862, cái mộng-tướng chuộc lại 3 tỉnh đã mất, cứ hiện mãi trong tâm-trí vua tôi Nam-Triều, nên ngày 21-6-1863, một sứ bộ gồm có Phan-Thanh - Giản, chánh-sứ, Phạm-Phú-Thứ, phó-sứ và Ngụy-Khắc-Đản, bồi-sứ, sang Pháp. Ngụy-Khắc-Đản lúc đó đương giữ chức Án-sát-sứ Quảng-Nam.

NGUYỄN - AN

Trong quận 4, từ đl. Đồng-Khánh đến Nguyễn-Trải.

Nguyên đường này tên Lapelin, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Ấn (1770 - 1815), tự Kính-Phủ, hiệu Ngu-Hồ, người làng Du-Lâm, huyện Đông-Ngạn, nay là phủ Từ-Son (Bắc-Ninh) thông-minh và ham học; năm Gia-Long thứ 6 (1807) đỗ cử-nhơn khoa thi hương đầu-tiên của triều Nguyễn; năm thứ 7 (1808), lại được bổ tri-huyện Tiên-Minh, nay là Tiến-Lãng (Kiến-An); còn để lại một tập thơ chữ hán, nhan đề Phong-Lâm minh-lại thi-tập.

NGUYỄN - BIỂU

Trong quận 4, từ cầu chữ Y đến đl. Trần Hưng-Đạo

Nguyên đường này số 1, đặt tên đl. Légion từ 23 - 1 - 1943, đổi tên Résistance từ 10 - 6 - 1946, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Biểu, người làng Yên-Hồ (Hà-Tĩnh) làm Ngự-sử đời Trùng-Quang nhà Trần (1409) phụng mạng đi ngoại-giao với Trương-Phụ, tướng Trung-Hoa xâm-lấn nước ta; đến Nghệ-An gặp Trương-Phụ bày cổ đầu người đái; Nguyễn-Biểu điềm-nhiên khoét mắt chấm muối ăn và nói rằng: "mấy khi được ăn đầu người Ngô!" bị Trương - Phụ bắt lại; không chịu khuất-phục, mắng chửi om-sòm; Trương-Phụ giận giết chết.

NGUYỄN-CHỄ-NGHĨA

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tuy-Lý-Vương.

Nguyen đường này đặt tên Passerelle, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Chế-Nghĩa, người làng Cối-Xuyên (Hải-Dương) giỏi cả văn võ, làm tiền-phong của Hưng-Đạo-Vương.

NGUYỄN-DUY

Trong quận 4 và 5, từ Chánh-Hưng đến rạch Cát.

Nguyen đường này tên Route Nord du Canal de Doublement, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955,

Nguyễn-Duy (thế-Kỷ XIX) em của Thống-chế Nguyễn-Tri-Phương, theo anh vào Nam lo phòng-thủ sau khi thành Gia-Định thất-thủ (1859) có góp công xây-dựng đồn Chí-Hoà; mất tại trận Chí-Hoà.

NGUYỄN-DUY-DƯƠNG

Trong quận 4, từ Nguyễn - Trãi đến đ.l. Lý-Thái-Tồ.

Nguyen đường này đặt tên Vignes, đổi tên Nguyễn-Công-Trứ từ 4 - 5 - 1955, hiệp với đường số 11 đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Nguyễn-Duy-Dương, cũng kêu là Thiên-hộ Dương, cùng tri-huyện Toại, dấy nghĩa-binh chống Pháp, lập căn-cứ kháng-chiến trong Đồng Tháp-Mười, dùng chiến-thuật du-kích đánh phá các đoàn vận-tải, đường

giao-thông và đồn binh Pháp (1865 - 1866) một cách oanh-liệt và có hiệu-quả.

NGUYỄN-HOÀNG

Trong quận 4, từ đ.l. Cộng-Hoà đến đ.l. Đồng-Khánh.

Nguyen đường này tên Route Stratégique, đổi tên đ.l. Maréchal Pétain, rồi lại đổi tên Général Huntziger từ 7 - 1 - 1942, đổi tên Ilème RIC từ 4 - 5 - 1945, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn-Hoàng, (1558-1613) là một vị chúa Nguyễn ở miền Nam, đối chiếu với anh vợ là Trịnh-Kiểm, một chúa Trịnh miền Bắc vào thời-kỳ Nam-Bắc phân tranh (1592-1789); có công khai-phá, tồ-chức và mở-mang bờ cõi phía Nam, đánh lấy Chiêm-Thành, lập ra phủ Phú-Yên, chia làm hai huyện Đồng-Xuân và Tuyên-Hoà (1611)

NGUYỄN-HUYNH-ĐỨC

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến Nguyễn-Trãi.

Nguyen đường này số 9, đặt tên mới từ 4-5-1954.

Nguyễn-Huỳnh-Đức (1748 - 1819) chánh tên là HUỲNH-TUÔNG-ĐỨC, người làng Trường-Khánh, tỉnh Tân-An, tinh-thông văn - võ, nổi danh là **ÔNG TƯỚNG HỒ**; gia nhập vào đội nghĩa-

quân « Đông - Sơn », theo phò Nguyễn - Ánh chống Tây-Sơn, trải nhiều phen gian-khổ ; năm 1783 bị Tây-Sơn bắt, phải theo Tây-Sơn ra đánh Chúa Trịnh ở Bắc-Hà, thừa dịp trốn về Nam sang Xiêm tìm theo Chúa Nguyễn ; lập nhiều chiến-công rực-rỡ ; được phong tước Quận-Công (1802) và lãnh Tổng-Trấn Gia-Định (1816) ; nhận làm nghĩa-phụ của Lê-văn-Duyệt.

NGUYỄN-KIM

Trong quận 4, từ đl. Hùng-Vương đến đl. Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên đường này đặt tên E. Béliard, nay đổi tên mới từ 22 - 10 - 1955.

Nguyễn - Kim, chánh tên là Nguyễn - Hoàng-Kim, khi Mạc-Đãng-Dung thoán-đạt cùng rề là Trịnh-Kiểm, trốn sang Ai-Lao, khôi-phục nhà Lê và giúp nhà Lê đánh lấy lại Thanh, Nghệ.

NGUYỄN-LÂM

Trong quận 4, từ Tân-Phước đến Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên đường này đặt tên Nguyễn-Tri-Phương, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn - Lâm (thế - kỷ XIX) con thống - chế Nguyễn-Tri-Phương, ra Bắc-thành thăm cha, gặp lúc

Francis Garnier đánh Hà-Nội, đương-đầu với giặc, tử-trận năm 1873.

NGUYỄN-NHƯỘC-THỊ

Trong quận 5, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên bến này đặt tên Quai Ouest du Canal Transversal n^o 2, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Nhưộc-Thị (1830 - 1909) chánh tên là Nguyễn-thị-Bích, tự Lang-Hoàn, người huyện An-Phúc, đạo Ninh-Thuận, nay thuộc tỉnh Phan-Rang, con gái Bồ-chánh Nguyễn-Nhưộc-San, có khiếu thông-minh từ-nhỏ, nôi tiếng văn-học ; năm Tự-Đức nguyên-niên (1848) được tuyển vào cung, sau được phong đến Tiếp-dur ; từng dạy học trong nội-dinh ; bao nhiêu ý-chỉ sắc-dụ của Lương-tôn-cung đều do tay bà thảo, sau khi vua Tự-Đức băng ; năm Thành-Thái thứ 2 (1892) được tấn-phong Lễ-tần ; một người học-thức lại được ở trong hoàng-cung nên được mục-kích việc Kinh-thành thất-thủ năm Ất-Dậu (1885) khi vua Hàm-Nghi xuất-bôn, bà soạn bài Hạnh-thục ca kể rõ công việc đã xảy ra, nỗi khốn-khổ của dân sự lúc bấy giờ và chỉ-trích thái-độ của bọn quyền-thần đã gây nên việc ấy.

NGUYỄN-PHẠM-TUÂN

Trong quận 7, từ bến Phú-Lâm đến đường Lục-Tĩnh.

Nguyên đường này đặt tên Manguier, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - Phạm - Tuân, người xã Bắc-Cù, cùng Lê-Trực khởi nghĩa cần-vương ở Quảng-Bình, mất năm 1881.

NGUYỄN - QUYỀN

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Nguyên bến này đặt tên Rossigneux, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - Quyền, tục kêu là Huấn Quyền, người làng Thượng-Trì, (Bắc-Ninh) sáng lập và giám-đốc Đông-Kinh nghĩa-thục; bị bắt và đày đi Côn-Đảo năm 1909; khi được tha, bị an-trị ở Bến-Tre; mất năm 1924.

NGUYỄN - SĨ - CỐ

Trong quận 5, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi.

Nguyên bến này đặt tên Quai Est du Canal transversal N° 3, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn-Sĩ-Cổ, lãnh chức Nội-thị học-sĩ đời Trần-Thánh-Tôn (1258 - 1278) và Thiên-chương học-sĩ đời Trần - Anh-Tôn (1293 - 1313) coi việc giảng Ngũ-Kinh.

NGUYỄN-THỜI-TRUNG

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Đồng-Khánh.

Nguyên đường này đặt tên Tanneurs, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Nguyễn - Thời - Trung, triều Mạc-Đặng-Dung, đi sứ Trung-Hoa, về nhập-cảng nghề thuộc da; được thợ thuộc da thờ làm tiên-sư.

NGUYỄN - TRÃI

Trong quận 4, từ đ.l. Cộng - Hoà đến Dương-Công - Trùng.

Nguyên đường này gồm 2 đoạn: 1, từ Ngô-Quyền đến Dương-Công-Trùng, tên Cây-Mai, đổi tên Hartmann từ 28 - 11 - 1952; 2, từ Cộng-Hoà đến Ngô-Quyền tên đ.l. Maréchal Joffre; hiệp làm một từ 23 - 11 - 1943, lại tách ra đổi tên Quang-Trung từ 30 - 1 - 1950, nay toàn thể đổi tên mới từ 22-3-1955.

Nguyễn - Trai (1380 - 1442) hiệu Úc-Trai, quán làng Nhi-Kê, nay thuộc Hà-Đông, con ông Bảng - Nhân Nguyễn - Phi - Khanh, đậu tể - sĩ đời nhà Hồ (1400); cha bị nhà Minh bắt về Tàu, ông theo đến cửa Nam - Quan, cha biểu trở về mưu báo thù; được Lê - Lợi trọng dụng; giúp Lê - Lợi đánh đuổi quân Trung-Hoa và thu phục độc-lập cho quốc-

gia ; đã nhiều thao-lược, lại giỏi văn-chương ; làm hịch « Bình Ngô Đại-Cáo », trước tác « Gia Huấn-Ca » là một tập luân-lý về gia-đình giáo-dục ; « Dư-Địa-chí » là một tập khảo về địa-dư-chí nước ta ; và « Úc-Trai thi-tập » là một tập thơ.

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đl. này đặt tên Lacaze, tách ra một đoạn từ J. J. Rousseau đến Trần-Quốc-Toản đặt tên Nguyễn-Du từ 4-5-1954, nay toàn-thể đổi tên mới từ 22-3-1955.

Nguyễn-Tri-Phương tự Hàm-Trình, triều Tự-Đức, sanh tại Thừa-Thiên, tài cao chí cả, đánh Nam dẹp Bắc, thắng quân Xiêm, bình giặc Cao-Miên ở Nam-Việt. giúp giặc Khách ở Bắc-Việt ; năm 1858 chống giữ Đà-Nẵng đối với quân Pháp, vào Nam đánh nhau với chúng rồi được cử làm Khâm-mạng Bắc-Việt, chống giữ Hà-Nội, không cho quân Pháp lưu-thông miền Bắc (1873) ; sau cùng thất-thủ Hà-Nội, bị thương và bị bắt, không chịu chúng băng-bó, đề chịu chết.

NGUYỄN-VĂN-CỬA

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Nguyên đường này trước đặt tên Dupré, đổi tên mới từ 23-1-1943.

Nguyễn-văn-Cửa, một nhân-sĩ của Sài-Gòn thời Pháp-thuộc, một người tiên-phong trong nghề ấn-loát và làm báo miền Nam, chủ nhơn sáng-lập nhà in Union.

NGUYỄN-VĂN-THẠCH

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến đl. Không-Tử.

Nguyên đường này tên Jardins, đổi tên mới từ 28-11-1952.

Nguyễn-văn-Thạch, một dược-sư có hiệu thuốc Âu-Tây ở Chợ-Lớn làm Hội-đồng tư-vấn của Chánh-phủ Nam-Kỳ Cộng-hoà Tự-trị.

NGUYỄN-VĂN-THÀNH

Trong quận 4 và 7, từ Kim-Biên đến bến Lò Gốm.

Nguyên bến này tên Distillerie, đổi tên mới từ 4-5-1954.

Nguyễn-văn-Thành (1757-1817) con của Nguyễn-văn-Hiền, quán ở Thừa-Thiên, sau vào Gia-Định, cùng cha theo phò Chúa Nguyễn chống lại Tây-Son. Sau khi cha chết, một lòng trung-thành theo phò

Nguyễn-Vương là chúa Phúc-Ánh ; năm nhâm-tuất (1802) trấn-thủ Bắc-thành ; năm Gia-Long 16 (1818), uống thuốc độc tự-tử, vì bị vua, theo lời mật-tấu của Lê-văn-Duyệt, lầm-tưởng là tòng phạm mưu phản với con là Nguyễn-văn-Thuyền, theo bằng chứng ở một bài thơ của Thuyền, gởi mời hai nhà văn đến chơi.

NGUYỄN-VĂN-THOẠI

Trong quận 4, từ đ.l. Hùng-Vương đến ranh-giới Đô-thành.

Nguyễn đường này đặt tên Maréchal Foch, đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Nguyễn - văn - Thoại, sanh năm 1762 tại Quảng-Nam ; lúc còn nhỏ đã có vào Nam, đến năm 1777 theo phò Nguyễn-Ánh đánh với Tây-Son ; làm quan 2 triều Gia-Long và Minh-Mạng ; năm Minh-Mạng thứ 2, lãnh ấn bảo-hộ Cao-Miên ; chánh-sách nhơn-chánh, khiến vua Cao-Miên cảm-phục, cắt đất 3 phủ mà dâng cho nước ta để tỏ lòng cảm-ơn, vì vậy mà tiếng Bảo-hộ Thoại được lưu-truyền ; chỉ-huy đào 2 con kinh, 1, từ Long-Xuyên đi núi Sập, vua Gia-Long đặt tên Thoại-Hà (Thoại là tên ông) và 2, từ Châu-Đốc đến Hà-Tiên đặt tên Vĩnh-Tế (Tế là tên của bà). Ông mất vào năm 1829, mộ ở tại làng Vĩnh-Tế (Châu-Đốc) ; hiện nay còn đền thờ trên núi Sập.

NGUYỄN-XUÂN-PHỤNG

Trong quận 7, từ bến Phú-Lâm đến Tháp-Mười, *Nguyễn đường này đặt tên Jantet, đổi tên mới từ 19-10-1955.*

Nguyễn-Xuân-Phụng, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Đoàn-Công-Bửu khởi-nghĩa chống Pháp tại Cầu-Ngang (Trà-Vinh) năm 1874.

PETRUS KÝ

Trong quận 4, từ đ.l. Trần Hưng-Đạo đến Trần-Quốc-Toản nổi dài.

Petrus Ký, tức là Trương-Vĩnh-Ký (1837 - 1898) gốc ở Cái-Mơn (Bến-Tre) người công-giáo, từng học tại Pénang (Mã-Lai), nói và viết được nhiều thứ tiếng, được liệt vào hàng bác-học thế-kỷ XIX, có công trong việc phổ-biến chữ quốc-ngữ và phổ-biến văn-hoá Trung-Hoa bằng quốc-ngữ ; trước-tác Pháp-Việt tự-diễn, Minh-tâm Bửu-giám, Nam-Việt sử-ký... và chủ-trương xuất-bản Nguyệt-san Thông-loại Khoa-trình ; hiện còn tượng đồng dựng tại Công-viên Thống-Nhút.

PHẠM-ĐÌNH-HỒ

Trong quận 7, từ Phạm-văn-Chí đến Lục-Tĩnh.

Nguyên đường này tên Danel, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phạm - Đình - Hồ, tự Tùng - Hiên, tục gọi là Chiêu - Hồ, người làng Đan - Loan (Hải - Dương) một bậc hay chữ, còn để lại nhiều tác-phẩm như Vũ-trung tùy-bút, Lê-triều hội-diễn, Ban-giao điển-lệ, An-Nam chí, Ô-Châu lục. . .

PHẠM-ĐÔN

Trong quận 4, từ đ.l. Khổng-Tử đến Đồng-Khánh.

Nguyên đường này đặt tên Artisans, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phạm-Đôn, người phổ-biến nghề dệt chiếu vào năm Thiên-Phúc (980 - 989) triều Lê-Đại-Hành, dạy cách dùng lát cho dân cư vùng Hải-Thiên (Nam-Định), nay còn đền thờ ở đó ; được thợ dệt chiếu thờ làm tiên-sư.

Bác-sĩ PHẠM-HỮU-CHÍ

Trong quận 4, từ Nguyễn-Kim đến Dương-Công-Trùng

Nguyên đường này đặt tên Hôpital, đổi tên Mạc-Đĩnh-Chi từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí, người làng Phước-Lễ (Bà-Rịa) ; lúc còn học trường trung-học Mỹ-Tho và

Chasseloup-Laubat (1916 - 1922) tỏ khiếu thông-minh hơn chúng bạn ; sau sang du-học bên Pháp, đậu y-khoa tấn-sĩ, nội-trú dưỡng-đường Paris ; sau trở về nước ; tương-lai rất tốt đẹp, chẳng may mất sớm, trước trận giặc 1939 - 1945, để lại tiếng-tâm tốt đẹp trong giới y-học Việt và Pháp.

PHẠM-PHÚ-THỨ

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bình-Tiên.

Nguyên đường này đặt tên Poste de Police, đổi tên Coffyn từ 23-1-1943, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phạm - Phú - Thứ (thế-kỷ XIX), người làng Đông-Phần (Quảng-Nam) đỗ tấn-sĩ năm 1913, có tài chánh-sự, văn-chương và là bậc thức-thời ; năm 1863 đi sứ qua Pháp và Tây-Ban-Nha cùng Phan-Thanh-Giản và Ngụy-Khắc-Đản ; về làm Tổng-đốc Hải-An (Hải-Dương, Quảng-Yên) kiêm chức Tổng-lý Thương-chánh Đại-thần.

PHẠM-THẾ-HIÊN

Trong quận 4 và 5, từ rạch Ông-Lớn đến rạch Cát.

Nguyên đường này đặt tên Route Sud du Canal de Doublement, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phạm - Thế - Hiền, người miền Nam, cùng Nguyễn-Tri-Phương giao-chiến kịch-liệt với quân Pháp ở Chí-Hoà .

PHẠM - VĂN - CHÍ

Trong quận 7, từ Bình-Tây đến bến Lò-Gổm.

Nguyên đường này tên Thor-Ký, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phạm-văn-Chí, tục danh là Trùm Chí, người làng Bình-Đông (Chợ-Lớn) tánh-khí can-trực, tham-gia cuộc tấn-công miền Tây-Nam Chợ-Lớn (tháng 3-1862), bị quân Pháp bắt với nhiều đồng-chí ; vì tinh-thần bất-khuất nguyên - rửa quân địch đến đều, phải bị xử tử-hình tại Bình-Đông (tháng 2-1862) ; anh-linh hiện nay còn hiển - hích, dân-chúng lập miếu thờ tại đường này và lập hội Bình-Hoà đề cúng-tế.

PHAN - HUY - CHÚ

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Triệu-Quang-Phục.

Nguyên đường này đặt tên Cité Wang-Tai, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phan-Huy-Chú, hiệu Mai-Phong, người làng Thụy-Khê (Sơn-Tây) ; làm quan đời Gia-Long, Minh-

Mạng ; hai lần sang sứ Trung-Hoa và một lần sang sứ Pháp ; một nhà bác-học văn-tài lỗi-lạc ; tác-giả Lịch-triều Hiền-Chương, Hoàng-Việt địa-dư, Hoa-triều ngâm-lục .

PHAN-PHÙ-TIÊN

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Đồng-Khánh.

Nguyên đường này đặt tên Landes, nay đổi tên mới từ 19 - 10 1955.

Phan-Phù-Tiên, người làng Đông-Ngạc (Hà-Đông) soạn tiếp bộ Đại-Việt sử-ký của Lê-văn-Hưu.

PHAN-VĂN-TRỊ

Trong quận 4, từ đ.l. Cộng - Hoà đến An - Bình.

Nguyên đường này số 4, đặt tên này từ 4-5-1954.

Phan-Văn-Trị, tục gọi Cử Trị, người làng Hanh-Thông (Gia-Định) đỗ cử-nhơn khoa Kỷ-Dậu (1849) thời Tự-Đức, chuyên dạy học, đồng-thời với Tôn-Thọ-Tường, thơ hay chữ giỏi, thường làm thơ chế - nhạo tân-trào và những kẻ nào xu-thời vong bản.

PHỐ-CƠ ĐIỀU

Trong quận 4, từ Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chí đến đ.l. Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đường này đặt tên Gaillard, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Phó-cơ Điều, tức là Nguyễn-văn-Điều cùng Chánh-cơ Nguyễn-Trung-Trực chống lại Pháp ở đồng Thấp-Mười, Rạch-Giá, Hòn-Chong; nay còn đền thờ tại làng Vĩnh-Hoà-Hiệp (Rạch-Giá)

PHONG-PHÚ

Trong quận 4, từ Tùng-Thiện-Vương đến Kinh - Đồi.

Phong-Phú, tên làng cũ của vùng này.

PHÚ-ĐỊNH

1 - bến, trong quận 7, từ cầu Nhà - Sanh đến bót Phú-Định;

2 - đường, trong quận 4, từ Nguyễn - Ân đến Lương-Nhữ-Hộ.

Phú-Định, tên làng của vùng này.

PHÚ-GIÁO

Trong quận 4, từ Tổng-Duy-Tân đến đ.l. Hồng-Bàng.

Phú-Giáo, tên làng cũ của vùng này.

PHÚ-HỮU

Trong quận 4, từ Tổng-Duy-Tân đến đ.l. Hồng-Bàng.

Phú-Hữu, tên làng cũ của vùng này.

PHÚ-LÂM

1 - bến, trong quận 7, từ Minh - Phụng đến đường Phú-Lâm; 2 - đường, trong quận 7, từ bến Phú-Lâm đến Lục-Tĩnh.

Phú-Lâm, tên làng cũ của vùng này.

PHÙ-ĐỒNG THIÊN-VƯƠNG

Trong quận 4, từ đ.l. Đồng-Khánh đến đ.l. Hồng-Bàng.

Nguyên đường này gồm 2 đoạn: 1, từ Đồng-Khánh đến Nguyễn-Trãi, đặt tên Barbé, đổi ra Mosquée từ 23-1-1943; 2, từ Nguyễn-Trãi, đến Hồng-Bàng, đặt tên Clochetons; nay toàn-thể đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phù-Đồng Thiên-Vương, thần-dồng ở làng Phù-Đồng, nay huyện Võ-Giàng (Bắc-Ninh) đánh đuổi giặc Ân, giải-phóng đất nước.

PHÙNG - HƯNG

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến đ.l. Hồng-Bàng.

Nguyên đường này đặt tên Paris, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Phùng - Hưng, tức Bó-cái Đại-vương, khởi quân phá phủ Đô-hộ (Trung-Hoa) giải-phóng quốc-gia (791) được dân-chúng kính thương như cha mẹ.

PHƯỚC - HƯNG

Trong quận 4, từ Nguyễn-Trãi đến đl. Hồng-Bàng.

Phước - Hưng, tên một người Trung - Hoa (Phước-Kiến) nổi tiếng giàu có ở tại đường ấy.

PHÚ - THỌ

Trong quận 7, từ Lục-Tĩnh đến đường làng 14.

Nguyên đường này gồm hai đoạn : 1, tên Ariès ; 2, đường quân-sự số 9, toàn thể đặt tên Phú-Thọ.

Phú - Thọ, tên làng ở gần vùng này.

ROUSSEAU J. J.

X. Jean Jacques Rousseau.

RẠCH - CÁT

Trong quận 5, từ bến Mễ-Cốc đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này số 151, đặt tên Rạch-Cát từ 23 - 1 - 1943.

Rạch-Cát, danh-từ địa-lý, chỉ một đoạn rạch đi từ rạch Cần-Giuộc đến ngã tư Kinh-Đôi, kinh Lò Gốm và rạch Ruột-Ngựa.

SANH - HOÀ

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến đl. Không-Tử

Nguyên đường này gồm 2 đoạn : 1, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Trịnh-Hoài-Đức, đặt tên Sanh-Hoà ; 2, từ Trịnh -Hoài-Đức đến đl. Không-Tử, đặt tên Thouroude ; nay hiệp một từ 19 - 10 - 1955.

Sanh - Hoà, tên một hiệu buôn của một Hoa-kieu tại đây.

SƯ VẠN - HẠNH

Trong quận 4, từ đl. Hồng-Bàng đến đl. Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đường này đặt tên Lorgeril, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Sư Vạn - Hạnh, họ Nguyễn, người làng Cổ-Pháp (Bắc-Ninh) cùng làng với Lý-Thái-Tồ, tinh-thông về thiên-học ; được phong làm Quốc-sư khi Lý-Thái-Tồ thay nhà Lê ; nay còn đền thờ ở Hà-Nội.

TẢN - ĐÀ

1 — đường, trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đl. Nguyễn-Trãi ; 2 — hẻm, trong quận 4, từ Phan-Phù-Tiên đến đl. Tản-Đà.

Nguyên đường và hẻm này đặt tên Jaccaré, đường đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955, hẻm, từ 19 - 10 - 1955.

Tản-Đà tức Nguyễn-Khắc-Hiếu (1889-1939), người xã Khê - Thượng, huyện Bất - Bạt, tỉnh Sơn-Tây, vốn theo nho học và có đi thi hương ; sau khi

hồng khoa nhâm-tí (1912), bắt đầu viết quốc-văn ; năm 1921, làm chủ-bút Hữu - Thanh tạp - chí ; năm 1926, đứng chủ-trương tờ An-Nam tạp-chí ; một thi-sĩ với ý-nghĩa đầy-dủ của danh-từ.

Tác-phẩm : Vận-văn : Khố tình con, quyền I, II và III ; Tiểu - thuyết : Giác mộng con, Giác mộng con thứ hai, Giác mộng lớn, Thề non nước, Trần-ai tri-kỷ ; Luận-thuyết : Khố tình, Bản chính và bản-phụ ; Giáo-khoa : Lên sáu, Lên tám, Đài - gương, Quốc-sử huấn-mông ; Phiên-dịch : Đại-học, Kinh-Thi.

TĂNG-BẠT-HỒ

Trong quận 4, từ Nguyễn-Kim đến đ l. Nguyễn-văn-Thoại.

Nguyên đường này đặt tên Tirant, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Tăng-Bạt-Hồ, một chiến - tướng Cần - vương trong nhóm Mai-Xuân-Thưởng (Bình-Định) châu-du các nước Trung-Hoa, Nhật-Bồn, Xiêm-La, mưu việc giải-phóng dân-tộc khỏi ách Pháp, hiệp-tác với Phan-Bội-Châu trong phong-trào Đông-du.

TÂN-HÀNG

Trong quận 4, từ đ l. Tân-Đà đến Phạm-Đôn.
Tân-Hàng, tên một làng cũ của vùng này.

TÂN-HƯNG

Trong quận 4, từ Lương-Nhữ-Hộc đến Mạnh-Tử.
Tân-Hưng, tên làng cũ của vùng này.

TÂN-KHAI

Trong quận 4, từ đ l. Thuận-Kiều đến đ l. Tôn-Thọ-Trường.

Nguyên đường này số 42, đặt tên Đoàn-Thị-Điểm từ 4 - 5 - 1955, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Tân-Khai, một danh-từ hán-việt thông-thường có nghĩa là mới mở.

TÂN-PHƯỚC

Trong quận 4, từ đ l. Nguyễn - Tri-Phương đến Lê-Đại-Hành.

Tân-Phước, tên làng cũ của vùng này.

TÂN - THÀNH

Trong quận 4, từ đ l. Cộng-Hoà đến Dương-Công-Trùng.

Tân-Thành, tên làng cũ của vùng này.

THÀNH - THÁI

Trong quận 4, từ đ.l. Cộng-Hoà đến đ.l. Nguyễn-Hoàng.

Nguyên đ.l. này là một đoạn của đ.l. Marchand trong địa-phận Chợ-Lớn (đ.l. này trước kia tên Maréchal Pétain, 7-1-1942) mới thực hiện được từ 1954.

Thành-Thái (1879 - 1954), húy Bửu-Lân, con của vua Dục-Đức ; nên 10 tuổi khi vua Dục-Đức bị Nguyễn-văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết hạ-sát ; đang cùng bị giam với mẹ ở trong ngục, bỗng được rước ra tôn lên làm vua, lấy niên-hiệu Thành-Thái ; trong khi trị-vì thì trong nước nổi lên nhiều cuộc khởi-nghĩa ; nhân lúc Cường-Đề xuất-dương sang Nhật, bị tình-nghi liên-hệ nên bị truất (1906) rồi bị dời về Vũng-Tàu ; ở đây 9 năm bị đày sang đảo Réunion (1916) mãi đến trên 30 năm mới được trở về Vũng-Tàu (1947) sau về Sài-Gòn rồi từ-trần ở đó (1954).

THẤP - MƯỜI

Trong quận 4, từ Võ-Di-Nguy đến Phạm-Đình-Hồ.

Thấp - Mười, tên của một vùng đồng trũng ở trung-bộ Nam-Việt, có ruộng sạ, cá nhiều, một căn-cứ kháng-chiến chống Pháp.

THUẬN - KIỀU

Trong quận 4, từ đ.l. Hùng-Vương đến Lê-Đại-Hành.

Thuận-Kiều, tên một đồn binh Đàng-Cự ở cách Sài-Gòn 12 cây số ngàn, cất trên đường đi Đức-Hoà, cách xa lộ đi Nam-Vang 2 cây số ngàn.

TÔN - THỌ - TƯỜNG

Trong quận 4, từ đ.l. Hồng-Bàng đến đ.l. Trần-Quốc-Toàn.

Nguyên đường này số 48, đặt tên này từ 4-5-1954.

Tôn - Thọ - Tường (1825 - 1877) tục kêu là Phủ Ba Tường, người huyện Bình-Dương (Gia-Định) con Tuần-phủ Thuận-Khánh Tôn-Thọ-Đức ; sau thất-thời, phải ra làm việc cho Pháp (1862) được Pháp chọn làm từ-hàn theo Phan-Thanh-Giản đi sứ sang Pháp ; có churn trong Hội-đồng toà Kháng-cáo ; có dạy chữ hán trường Chủ-tĩnh tập-sự ; làm quan với tân-trào được thăng đến Đốc-phủ-sứ ; có tài thi-văn ; thường xướng hoạ bút-chiến với Cử Trị ; làm nhiều thơ quốc-ngữ, bài hành-trình sang Pháp, tả cuộc đấu-xảo nông-nghe năm 1867 ở Paris và bài hịch cho dân-chúng ở Vũng-Liêm (1872).

TỔNG-ĐỐC LỘC (1)

Trong quận 4, từ Lê-Quang-Hiền đến Bà Lài.

Nguyên đường này đặt tên Francis Garnier gồm cả đường quân-sự số 7, đổi tên mới từ 23-1-1943.

Tổng-đốc Lộc, chánh danh Trần - Bá - Lộc, một người cộng-tác của Pháp hồi Pháp mới xâm-chiếm Nam-Việt.

TỔNG-ĐỐC PHƯƠNG

Trong quận 4, từ Khổng-Tử đến đ.l. Hồng-Bàng.

Tổng-đốc Phương, tên Đỗ-Hữu-Phương, người gốc Chợ-Lớn, cộng sự với Chánh-phủ Pháp-thuộc hồi Pháp mới chiếm Nam-Việt với chức Hộ-trưởng ở Chợ-Lớn, được triều-đình Huế ân-tứ Tổng-đốc danh-dự.

TỔNG-DUY-TÂN

Trong quận 4, từ đ.l. Khổng-Tử đến đ.l. Đồng-Khánh.

Nguyên hẻm này đặt tên Ruelle de Fou-Kien, nay đổi tên mới từ 6-10-1955.

Tổng-Duy-Tân, một nhà ái-quốc theo phong-trào Cần-vương, khởi nghĩa-bình chống Pháp tại Thanh-Hoá.

(1) Các đường Chợ-Lớn đã đặt tên Việt-Nam trước 1955, còn đề nguyên chưa sửa đổi.

TRANG-TỬ

Trong quận 4, từ Lý-Thành-Nguyên đến Dương-Công-Trùng.

Nguyên đường này đặt tên Quai de Fou-Kien, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Trang-Tử, nhà triết-học của Lão-giáo, có làm bài Trang-Tử cồ-bồn ca còn truyền-tụng đến ngày nay.

TRẦN-BÌNH

Trong quận 7, từ bến Nguyễn - văn - Thành đến Tháp-Mười.

Nguyên đường này đặt tên P. Beau, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Trần-Bình, người hưởng-ứng phong-trào Cần-vương, cùng Lê-Tấn-Kế, khởi nghĩa chống Pháp tại Ba-Động (Trà-Vinh) (1875)

TRẦN BÌNH-TRỌNG

Trong quận 4, từ bến Hàm-Tử đến đ.l. Lý-Thái-Tồ.

Nguyên đường này đặt tên Eglise, đổi tên Paulus Của từ 4-5-1954, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Trần-Bình-Trọng, tướng của Trần Hưng-Đạo, chống giặc Mông-Cồ, bị Thát-Hoan vây bắt trong

trận đánh nhau tại tỉnh Hưng-Yên. Thát - Hoan biết Bình-Trọng là tướng tài, muốn dụ về đầu Trung-Hoa, mới hỏi : « Có muốn làm Vương đất Bắc không ? » Ông liền trả lời : « Ta thà làm quỷ nước Nam chớ không muốn làm Vương đất Bắc ». Thát - Hoan thấy không thể dụ được bèn ra lệnh chém.

TRẦN-CHÁNH-CHIẾU

Trong quận 4, từ Phú-Hữu đến Dương - Công - Trùng.

Nguyên đường này đặt tên Tamariniers, đổi tên Ngô-Tùng-Châu từ 4 - 5 - 1954, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần-Chánh-Chiếu, tục gọi Gilbert Chiếu, trước làm giáo-thọ, sau sang ngạch hành-chánh lỗi 1910, ngồi Tri-phủ tại Rạch-Giá ; theo phong-trào Duy-Tân, ám-tuyển học-sanh gởi du-học qua Nhật ; quyn tiền gởi ra ngoại-quốc ; mưu đồ bại-lộ, bị bắt giam tại Long-Xuyên ; sau được toà đại-hình (nhóm ở Long-Xuyên) trả tự-do.

TRẦN-ĐIỆN

Trong quận 4, từ đ.l. Vạn-Kiếp đến đ.l. Đồng-Khánh

Nguyên đường này đặt tên Mousses, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần - Điền, Trần - Hoà và Trần-Điện, ba anh em đã thọ-học và áp-dụng nghề thợ bạc với Trung-Hoa (thế - kỷ thứ VI) được thợ bạc thờ làm tiên-sư.

TRẦN HƯNG-ĐẠO

Trong quận 2 (phần Sài-Gòn) và quận 4 (phần Chợ-Lớn) từ C. T. Diên-Hồng đến đ.l. Cộng - Hoà (phần Sài-Gòn) và từ đ.l. Cộng - Hoà đến An - Bình (phần Chợ-Lớn).

Nguyên đường này đặt tên Galliéni (từ Diên-Hồng đến An-Bình) đổi tên Trần Hưng-Đạo (phần Chợ-Lớn) từ 30 - 10 - 1950.

Trần Hưng-Đạo (X. phần Sài-Gòn)

TRẦN-NGUYỄN-HÃN

Trong quận 4, từ bến Bình - Đông đến Tùng - Thiện-Vương.

Nguyên đường này đặt tên Montjon, đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955,

Trần - Nguyễn - Hãn, người làng Hoắc-Sa (Sơn-Tây) cháu Tư-dồ Trần-Nguyên-Đán, cùng Nguyễn-Trái theo giúp Lê-Lợi khởi-nghĩa ở Lam-Son ; sau khi bình Ngô, được phong Tướng-quốc, cáo quan về làng,

có kẻ vu là mưu phản ; Lê-Thái-Tôn cho bắt về tra hỏi, giải trên thuyền, qua bến Sơn-Đông, bị đâm chết đuối ; nay còn đền thờ ở bờ sông đó.

TRẦN-NHÂN-TÔN

Trong quận 4, từ đl. Nguyễn - Hoàng đến đl. Minh-Mạng.

Nguyên đường này đặt tên Hoả-Lò, đổi ra tên Nguyễn - Trãi từ 4 - 5 - 1954, nay đổi tên mới từ 6 - 10 - 1955.

Trần-Nhân-Tôn (1279 - 1293) vua thứ 3 đời Trần, thông-minh, nhiều sáng-kiến, tuy phải chống giặc Lèo và Mông-Cồ, song vẫn tổ-chức việc nước hân-hối, phát-triển chánh-trị và văn-học.

TRẦN-QUÝ

Trong quận 4, từ Lê-Đại-Hành đến Dương-Công-Trừng.

Nguyên đường này số 40, đặt tên Xavier de Condappa, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần-Quý, người phổ-biến nghề dệt tơ lụa, triều Minh-Mạng (1820 - 1841) được thợ dệt tơ lụa thờ làm tiên-sư.

TRẦN-QUỐC-TOẢN

Trong quận 4, từ Petrus Ký đến Dương-Công-Trừng.

Nguyên đl. này đặt tên Ceinture, đổi ra Pavie từ 23 - 1 - 1943, lại sáp-nhập với Lacaze đổi ra Lý-Thái-Tổ từ 4 - 5 - 1954, nay tách ra đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần Quốc - Toản, tướng của Hưng-Đạo-Vương, cùng Trần-Nhật-Duật thắng quân Toa-Đô ở bến Hàm-Tử và cùng Trần Quang-Khai và Phạm-Ngũ-Lão thắng quân Nguyên tại bến Chương-Dương.

TRẦN-TƯƠNG-CÔNG

Trong quận 4, từ Triệu-Quang-Phục đến Lương-Nhữ-Hộc.

Nguyên đường này đặt tên Ebénistes, nay đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.

Trần-Tương-Công, người đi sứ Trung-Hoa triều Lê-Nhân-Tôn (1443 - 1460) học nghề sơn mài ở tỉnh Hồ-Nam, đem về xứ phổ-biến, được thợ sơn mài thờ làm tiên-sư.

TRIỆU-ĐÀ

Trong quận 4, từ đl. J. J. Rousseau đến đl. Trần-Quốc-Toản.

Nguyên đường này đặt tên Ducos, nay đổi tên mới từ 22 - 3 - 1955.

Triệu - Đà, gốc người Trung-Hoa, sang đánh An-Dương-Vương, chiếm lấy nước ta, xưng nước độc-lập, cải tên Âu-Lạc ra Nam-Việt.

TRIỆU-QUANG-PHỤC

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bà-Triệu.

Nguyên đường này đặt tên Canton, nay phân ra 2 đoạn, đổi tên mới từ 19-10-1955 (X. Lý-Nam-Đế)

Triệu-Quang-Phục, con quan Thái-phó Triệu-Túc, người Châu-Diên (Vinh-Trường, Vinh-Yên) giúp Lý-Nam-Đế, chống quân nhà Lương, lập căn-cứ kháng-chiến tại vùng Dạ-Trạch (Khoái-Châu, Hưng-Yên) là vùng bùng-biến, áp-dụng lối du-kích, sau đánh thắng quân Lương, lấy lại Thủ-đô là thành Long-Biên.

TRỊNH-HOÀI-ĐỨC

Trong quận 4, từ đ.l. Vạn-Kiếp đến Vạn-Tượng.

Nguyên đường này gồm : 1, đường Gia-Long cũ, từ Nguyễn-văn-Thạch đến Vạn-Tượng đổi tên Trịnh-Hoài-Đức từ 7-7-1950 ; 2, hẻm Marché cũ từ đ.l. Vạn-Kiếp đến Mạc-Cửu (Marché cũ) ; nay 2 đường nhập lại, đổi tên mới từ 19-10-1955.

Trịnh-Hoài-Đức, gốc người Trung-Hoa, không từng-phục nhà Thanh sang xin thần-phục chúa

Nguyễn ở Trấn-Biên (Biên-hoà), theo học với Võ-Trường-Toản, có tham-gia các trận đánh với Tây-Son, sau được lệnh đi sứ Trung-Hoa, rồi được bổ làm Hiệp-Tổng-Trấn Thành Gia-Định với Nguyễn-văn-Nhân.

TRƯƠNG-TẤN-BỬU

Trong quận 4, từ Võ-Di-Nguy đến Phạm-Đình-Hồ.

Nguyên đường này đặt tên bến Chantiers, nay đổi tên mới từ 4-5-1954.

Trương-Tấn-Bửu (1752-1827), con Trương-Tấn-Khương, người làng Hưng-Lễ, tổng Bảo-Phước (Bến-Tre) đã tận-tụy theo phò Chúa Phúc-Ánh từ hồi chống Tây-Son đến khi thống-nhất ; sau theo phò vua Minh-Mạng, đến 74 tuổi mới hồi-hưu ; năm Đinh-Vị (1787) nửa đêm đón tiếp đưa Phúc-Ánh sang cù-lao Cồn-Đất, giữa sông Hàm-Luông chờ mộ nghĩa-quân chống Tây-Son, từng theo Nguyễn-Ánh bôn-tàu từ Nam ra Trung Bắc ; năm Bính-Dần (1806) thế Nguyễn-văn-Thành làm Tổng-trấn Bắc-Thành ; năm Canh-Ngũ (1810) lãnh chức Tổng-trấn thành Gia-Định ; năm Nhâm-Thân (1812) làm Phó-tổng-trấn trong lúc Lê-văn-Duyệt làm Tổng-trấn ; năm Bính-Tý (1816) đắp thành Châu-Đốc ; năm Quý-Mùi (1823) vét kinh Vĩnh-Tế.

TUY - LÝ - VƯƠNG

Trong quận 4, từ Nguyễn-văn-Cửa đến Nguyễn-Chế-Nghĩa.

Nguyên đường này đặt tên Route Médiane, nay đổi tên mới từ 19-10-1956.

Tuy - Lý - Vương (1820 - 1897) tên Miên-Trình, hiệu Vĩ - Dã, con thứ 11 vua Minh-Mạng, giữ chức Hữu-tân-chánh về đời Tự-Đức; khi Tự-Đức mất rồi, bị giam rồi bị đày ra Quảng-Ngãi (1883); đến khi Đồng-Khánh lên ngôi (1885) mới được về Kinh; khi Thành-Thái còn nhỏ, làm Phụ-chánh Thân-thần; thọ 69 tuổi; có tiếng hay thơ; tác-giả Vĩ-Dã hợp-tập.

TÙNG - THIỆN - VƯƠNG

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Kinh-Đôi (Cầu Nhị-Thiên-Đường).

Nguyên đường này đặt tên Dellefosse, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Tùng - Thiện - Vương (1819 - 1870) tên Miên-Thâm, tự Thận-Minh, hiệu Thương-Sơn, biệt-hiệu Bạch-Hào-Tử, con thứ 10 vua Minh-Mạng, có giữ chức Tả-tôn-nhân (đời Tự-Đức); có tiếng hay thơ; tác-giả Thương-Sơn thi-tập, Nạp-Bi tập.

ƯU - LONG

Trong quận 4, từ Nguyễn-Quyền đến Vĩnh-Nam.

Ưu - Long, tên làng cũ của vùng này.

VẠN - KIẾP

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến đ. Không-Tử.

Nguyên đường này đặt tên Rodier, nay đổi tên mới từ 22-3-1955.

Vạn - Kiếp, một ngọn sông trong hệ - thống sông Thái-Bình, Bạch-Đằng, chỗ quân của Hưng-Đạo-Vương, dưới quyền chỉ-huy của Nguyễn-Khoái và Phạm-Ngũ-Lão đánh bại quân Nguyên, làm cho Thát-Hoan phải trốn trong ống đồng chạy về Trung-Hoa (1285).

VẠN - TƯỢNG

Trong quận 4, từ bến Lê-Quang-Liêm đến đ. Không-Tử.

Nguyên đường này đặt tên Yunnan, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Vạn-Tượng, tên kinh-thành của xứ Ai-Lao.

VĨNH - HƯNG

Trong quận 7, từ bến Lê-Quang-Liêm đến Bình-Tây.

Vĩnh-Hưng, tên làng hay là ấp cũ của vùng này.

VĨNH - NAM

Trong quận 4, từ bến Bình-Đông đến Tùng-Thiện-Vương.

Vĩnh-Nam, tên làng hay ấp cũ của vùng này.

VĨNH - VIỄN

Trong quận 4, từ Petrus Ký đến Lê-Đại-Hành.

Vĩnh-Viễn, tên làng cũ của vùng này.

VÕ-TRƯỜNG-TOẢN

Trong quận 4, từ đ.l. Hồng-Bàng đến Trần-Quý.

Nguyên đường này, số 37, đặt tên mới từ 4-5-1954.

Võ-Trường-Toản (- 1792), người tỉnh Gia-Định, học sâu, biết rộng, gặp thời Tây-Son, về ở ẩn, chuyên lo dạy học ; đào-tạo nhiều cao-đệ như Ngô-Tùng-Châu, Trịnh-Hoài-Đức, Ngô-Nhân-Tĩnh . . . ; thường được vua Gia-Long vời đến hỏi ý kiến mỗi khi

vua ngự vào Gia-Định ; lúc mất, được vua ban hiệu là « Gia-Định Xử-sĩ, Sùng-đức Võ-tiên-Sanh » để khắc bia dựng ở mộ.

VŨ-PHẠM-HÀM

Trong quận 5, từ bến Mễ-Cốc đến Kinh-Đôi.

Nguyên đường này đặt tên Quai Ouest du Canal Transversal n^o 3, nay đổi tên mới từ 19-10-1955.

Vũ-Phạm-Hàm, người làng Đôn-Thư (Hà-Đông), đỗ Thám-hoa, có làm quan ở Bắc-Việt, là một bậc khoa-mục tối-cao vào hồi gần đây, thi-văn xuất-sắc.

XÓM - CỬI

Trong quận 4, từ Bình-Đông đến Ụ-Cây (Bassin aux Bois).

Xóm-Cửi, tên ấp của vùng này.

XÓM - VÔI

Trong quận 4, từ Trang-Tử đến đ.l. Hồng-bàng.

Xóm-Vôi, tên xóm có trại bán vôi ở vùng này.

YẾT-KIÊU

Trong quận 4, cặp hồ tắm Chợ-Lớn, từ đ.l. Hồng-Bàng đến đ.l. Hùng-Vương.

Nguyên đường này mới mở hồi lập chợ An-Đông (1954), đặt tên từ 6-10-1955.

Yết-Kiêu, một trong 2 tùy-thuộc của Hưng-Đạo-Vương, đưa thuyền Hưng-Đạo-Vương từ Chi-Lăng về Vạn-Kiếp, khi quân Thoát-Hoan thắng thế đánh đuổi.

Sài-Gòn, 1955

THUẦN-PHONG

stru-tập



THAM - KHẢO

A. BAUDRIT.— Guide historique des rues de Saigon.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM.— Việt-Nam Văn-học sử-yếu, bản 1950 của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Hà-Nội.

ĐÀO-VĂN-HỘI.— Danh-nhân nước nhà, nhà in Lý-Công-Quận, Sài-Gòn, 1951.

HÀNH-SON.— Cụ Trần-Cao-Vân, nhà xuất-bản Minh-Tân, Paris, 1952.

HOÀNG-XUÂN-HÃN.— La-Sơn Phu-Tử, nhà xuất-bản Minh-Tân, Paris, 1952.

HÙNG-NGÔN và BUI-ĐỨC-TỊNH.— Lịch-sử Giải-Phóng Việt-Nam, nhà xuất-bản Đại-Chúng, Sài-Gòn, 1948.

LÊ-NGÔ-CÁT và PHẠM-ĐÌNH-TOÁI.— Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-ca, tựa và dẫn của Hoàng-Xuân-Hãn, nhà xuất-bản Sông Nhị, Hà-Nội, 1949.

PHẠM-VĂN-SON.— Việt-Nam Tranh đấu sử, nhà xuất-bản Vũ-Hùng, Hà-Nội, 1951.

TRẦN-TRỌNG-KIM.— Việt-Nam Sử-lược, nhà xuất-bản Tân-Việt, Sài-Gòn, 1949.

Tạp-chí Tri-Tân, Hà-Nội.

Hồ Gươm, 1955.

Các báo hằng ngày, Sài-Gòn 1955.

* *

Ngoài ra, chúng tôi còn nhờ tài-liệu của quý Ông :
Đoàn - Vĩnh - Vững, Kỹ - Sư, Đại-diện Ty Kỹ-Thuật
Chợ - Lớn, Kha - Văn - Dưỡng, Nghị - viên Đô-Thành
Sài - Gòn Chợ-Lớn, Trưởng-quận Quận Tư, Nguyễn-
văn - Hai tự An, Nghị - viên Đô-Thành Sài-Gòn Chợ-
Lớn, Trưởng - quận Quận Bảy và Trần-văn-Kiệt,
Thanh - tra các trường tiểu - học Sài - Gòn Chợ - Lớn.

Chúng tôi xin thành-thật ghi ơn.

T. P.



BỔ - TÚC

BẢNG ĐỐI-CHIẾU TÊN ĐƯỜNG CŨ

với

TÊN ĐƯỜNG MỚI

Trong BẢNG ĐỐI-CHIẾU TÊN ĐƯỜNG CŨ với TÊN ĐƯỜNG MỚI ở trang 3, chỉ liệt-kê những tên cũ đổi ra mới trong vòng 1955. Dưới đây, xin liệt-kê thêm những tên cũ đã đổi ra tên mới sắp theo thứ-tự trước sau, trong thời-kỳ 1943 - 1954.

SÀI-GÒN

Tên đường cũ	Tên đường mới
Eparges (Ruelle des)	Lê-văn-Thạnh
Garcerie	Duy-Tân
Larclauze	Verdun, Trần-Cao-Vân
Mac Mahon	De Gaulle, Công-Lý, De Lattre de Tassigny
Milice	Tô-Hiến-Thành
Nancy	Khải-Định, Cộng-Hòa
Tân-Dinh (ruelle de)	Trần-Tấn-Phát
Verdun	Nguyễn-van-Thinh, Thai-Lập-Thành, Chanson, Lê-van-Duyết

CHỢ-LỚN

Abattoir	Phạm-Ngũ-Lão, Hưng-Phú
Annam	Mạc-Thiên-Tích
Cây Mai	Hartemann, Marshal Joffre, Quang-Trung, Nguyễn-Trại
Ceinture	Dương-Công-Trừng
Chantiers	Trương-Tấn-Bửu
Cho-Quan	Ngô-Quyền, Hàm-Tử
Distillerie	Nguyễn-văn-Thành
Dupré	Nguyễn-văn-Của
Eglise	Paulus Của, Trần-Bình-Trọng
Filaos	Đào-Duy-Từ
Filippini	Lý-Thường-Kiệt
Gia-Long	Trịnh-Hoài-Đức

Tên đường cũ	Tên đường mới
Hoa-Lo	Nguyễn-Trãi, Trần-Nhân-Tôn
Jardins	Nguyễn-văn-Thạch
Jonques	Lý-Thái-Tồ, Bình-Đông
Marchand	Thành-Thái
Marché (rue)	Mạc-Cửu
Ohier	Lê-Quang-Hiến
Palikao	Ngô-Nhân-Tịnh
Pavie	Lý-Thái-Tồ, Trần-Quốc-Toản
Peiho	Chu-văn-An
Poteries	Lê-Lai, Mễ-Cốc
Renault	Bạch-Đăng, Hậu-Giang
Route Nord du Champ de Courses	Trương-Minh-Giảng, Lữ - Gia
Tamariniers	Ngô-Tùng-Châu, Trần-Chánh-Chiếu
Vignes	Nguyễn - Công - Trứ, Nguyễn-Duy - Dươg
Sô 4	Phan-văn-Trị
Sô 5	Huỳnh-Mẫn-Đạt
Sô 6 và 12 -	Phan - Bội - Châu, Nghĩa-Thục
Sô 7	Bùi-Hữu-Nghĩa
Sô 7 Quân-Su	Tổng-Đốc Lộc
Sô 8	Bạch-Vân
Sô 9	Nguyễn-Huỳnh-Đức
Sô 37	Võ-Trường-Toản
Sô 40	Xavier de Condappa, Trần-Quý
Sô 42	Đoàn-Thị-Điễm, Tân-Khai
Sô 48	Tôn-Thọ-Tường

Người học tiếng Việt

phải có :

THÀNH-NGŨ ĐIỀN-TÍCH

của

DIỀN-HƯƠNG



Phụ-nữ nào cũng đọc :

SẢN-DỤC VỆ-SANH

của

TRẦN-NGỌC-ẤN

**MỘT TIN MỪNG VỀ VIỆC BẢO-KÊ
CÁC LOẠI XE :**

HIỆN-ĐOÀN HỖ-TU'ONG BẢO-HIỂM

Trụ-sở Trung - Ương số 14, đường Lê-văn-Duyệt,
Sài-Gòn — Điện-thoại số 20.868

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM :

- 1.— **Sửa đổi :** Tất cả lề-lối, thủ-tục từ xưa làm mất thì giờ, hao tiền bạc của Quý vị.
- 2.— **Đóng góp dễ-dàng :** Có thể đóng thêm một hay hai tháng cho đủ ngày tháng xét xe, không buộc đóng trội tiền. Hơn nữa, tiền đóng Bảo-Hiểm lại nhẹ hơn rõ-rệt.
- 3.— **Đền bồi mau-lẹ :** Khi xảy ra tai-nạn có đại-diện đến nơi lo liệu, mọi việc không cần nhiều giấy-tờ phiền-phức mới được bồi-thường.
- 4.— **Nhận treo, trả, sang Bảo-Hiểm của chủ này qua chủ khác hoặc xe này qua xe kia không tốn phí chi cả.**

5. — Cuối năm được trả lại tiền đóng góp còn dư : Khi ít tai-nạn, tiền bồi - thường trả ít cuối năm Quý vị sẽ được hoàn lại số tiền góp còn dư theo điều-lệ.

6. — LIÊN - ĐOÀN HỖ - TƯƠNG BẢO - HIỂM

Là Hội của tất cả Quý vị tư-nhơn cùng Anh Chị em trong ngành vận-tải có xe hơi, xe máy-dầu hoặc xe xích lô máy đã ưng-thuận đóng tiền Bảo-Hiểm xe mình vào Liên-Đoàn HỖ-Tương Bảo-Hiểm do Tổng Liên-Đoàn Lao-Công Việt-Nam sáng-lập với mục-dịch :

a) Bảo - vệ trực-tiếp quyền-lợi của Quý vị : đóng góp đã ít, cuối năm lại còn có thể lấy về tiền còn dư.

b) Góp phần tranh-đấu cho nền kinh-tế Quốc-Gia mong giành lại phần nào quyền-lợi về tay người Việt-Nam.

Xin Quý vị có xe trước khi muốn Bảo-Hiểm xe mình nên thân-hành đến hay cho chúng tôi biết để chúng tôi gửi bản điều-lệ hầu Quý vị được hiểu qua tất cả quyền-lợi thiết-thực cùng mục-dịch ích chung của Liên-Đoàn dành cho Quý vị.



Đời khoa-học mà không đọc

KHOA - HỌC PHỔ - THÔNG

là một khuyết-diễm đáng tiếc.

KHOA - HỌC PHỔ - THÔNG

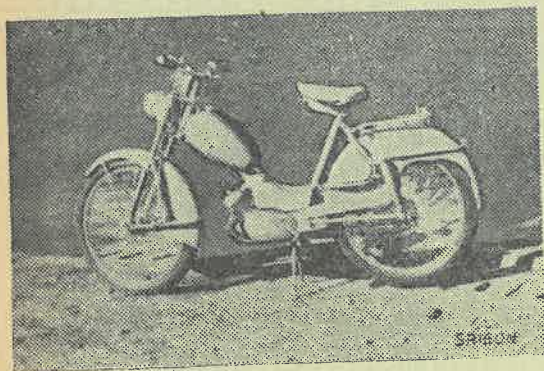
là tạp-chi xuất-bản mỗi tháng hai kỳ
đăng những bài
khoa-học mới phát-minh
và những bài
khoa-học thực-dụng
cần-thiết cho
đời sống mới lành-mạnh

Chủ-nhiệm : Ô. LÂM-VĂN-VÃNG

Toà-soạn : 34 A, đường Châu-văn-Tiếp, Gia - Định

XE GẮN MÁY ĐỨC- QUỐC
HIỆU

SAVICO



—*—
MÁY LẠNH KỸ-NGHỆ
SURELY
LÀM PHÒNG LẠNH
LÀM NƯỚC-ĐÁ
LÀM CÀ-REM CÂY

SAVICO

41, Bến Chương-Dương (Quai de Belgique), SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN TOÀN CỠ VIỆT-NAM

SAVICO

SOCIÉTÉ ANONYME VIETNAMIENNE DE COMMERCE

41, Bến Chương-Dương (ex Quai de Belgique)

SAIGON

Giấy nói : 21.080 và CARDI 073

Điện-tín : VICOME



XUẤT - NHẬP - CẢNG
ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN
VỎ RUỘT XE HƠI HIỆU

BRIDGESTONE

ĐỦ CÁC LOẠI, ĐỦ CỠ, ĐỦ HẠNG VÀ LOẠI

TUBELESS
VỎ KHÔNG CẦN RUỘT



THUỐC HO CON BÒ

là một thứ thuốc đặc-biệt trị phổi nám, sát trùng lao cùng các chứng ho phong, ho gió, ho ra máu. Đàn-bà ho sản-hậu uống vô công-hiệu cấp-kỳ.

THUỐC NGÂM RƯỢU SỐ 38 PHONG THẤP ĐƯỢC BÁNH

của hiệu TỒN-TÂM-TẾ (nhân con Bò) chuyên trị bệnh tê-bại, mình-mẩy đau nhức, xương-cốt tê-liệt.

Danh-tiếng khắp nơi, ai ai cũng đều công-nhận hay nhứt.

CÓ BÁN KHẮP NƠI NHÀ THUỐC TỒN-TÂM-TẾ

Số 38, Đường Nguyễn-văn-Thịnh (đ'Ormay)

SAIGON



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN INDO-COMPTOIRS

130-136, ĐẠI-LỘ TRẦN HUNG-ĐẠO

SAIGON

RẠP CHIẾU BÓNG MỚI THANH - CHUNG.



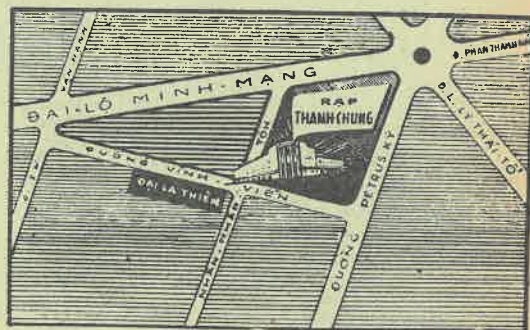
- ◎ Kiến-trúc vĩ-dại
- ◎ Trình-bày sang-trọng
- ◎ Ánh-sáng huy-hoàng
- ◎ Phòng hát rộng-rãi, mát-mẻ
- ◎ Tuồng chọn-lọc

CHẮC-CHẮN QUÍ NGÀI SẼ HÀI-LÒNG

Chương-trình **TÂN-NHẠC** thật đặc-biệt
XÂY - DỰNG LÀNH - MẠNH
VUI - VẺ, HÀO - HỨNG

RẠP CHIẾU BÓNG MỚI THANH - CHUNG

Góc đường VĨNH-VIỄN — TRẦN-NHÂN-TÔN
CHỢ - LỚN
NGÃ BẢY VƯỜN LÀI (Sau Thành Petrus)



RẠP CHIẾU BÓNG

THANH - CHUNG

là một rạp chiếu bóng hoàn-toàn vừa ý của quý ngài
hâm-mộ màn-ảnh đã mong đợi từ lâu. Một nơi giải-
trí lành-mạnh, êm-đẹp và thanh-nhã.

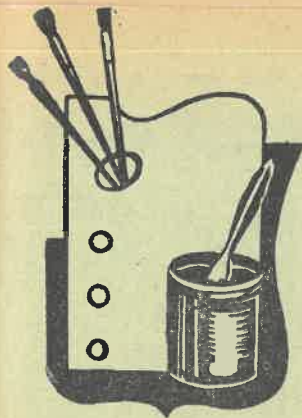
BALANG

NHÀ IN HỌA - ĐỒ
BÁN GIẤY IN HỌA - ĐỒ



MỸ - THUẬT — MAU - LẺ
MÁY - MÓC TỐI - TÂN

294, ĐẠI - LỘ TRẦN HƯNG - ĐẠO
(Bd Galliéni) SAIGON



NHÀ QUẢNG - CÁO
NGHỆ - TIẾN

28, Đại-lộ Trần Hưng-Đạo

SÀI - GÒN



- ◎ Vẽ quảng - cáo, bảng-hiệu.
- ◎ Trình-bày sách báo, bích-chương, biểu-ngữ, nhãn-hiệu.
- ◎ Họa hình, tranh-cảnh bằng sơn dầu
- ◎ Trang-hoàng nhà phố v. v...

DO NHỮNG NHÀ CHUYÊN - MÔN
ĐẢM - NHẬN

NƠI TẬP - TRUNG HỌA - CÔNG
LÀNH - NGHỀ



XIN HỎI CÁC TIỆM

THUỐC BẮC ĐỀU CÓ BÁN

TAM-TINH
HẢI-CẦU ĐỒ-THẬN
VÕ-VĂN-VÂN
TRỊ LÀNH BỊNH
DI-TINH

SỞ' PHÁT-HÀNH

NHÀ THUỐC

VÕ-VĂN-VÂN

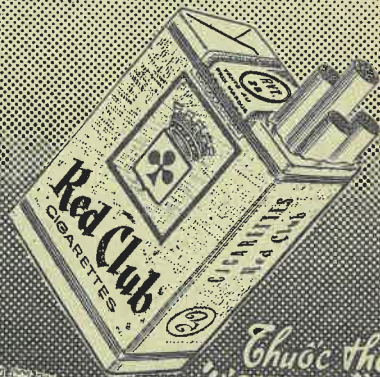
201 - 211, Đại-lộ NGUYỄN-THÁI-HỌC

SAIGON

ĐIỆN-THOẠI : 21.505



Red Club



Thuốc thơm
"ÁCH CHUÔNG ĐỎ"
Giá trị cao

8\$

CLICHÉ PUBLICITÉ SAIGON

74, Đường TÔN - THẮT ĐAM (Chaigneau)

SAIGON

Điện-thoại : 21.759



LÀM BẢN KẼM
CHO BÁO - CHÍ VÀ NHÀ - IN

QUẢNG - CÁO
CÁC NHÀ BUÔN, NHÀ KỸ - NGHỆ

*vẽ bảng-hiệu, nhãn-hiệu, biểu-ngữ,
bích - chương, tranh - ảnh v. v. . .*

MÁY - MÓC TỐI - TÂN
LÀM MAU - LẺ
ĐẸP VÀ KỸ - LƯƠNG

CÔNG - VIÊN

PHẦN SÀI - GÒN

(X. xem *Tiểu-Sử Danh-Nhân, Phần Sài-Gòn*)

BÙI - THỊ - XUÂN

Tên danh-nhân, đã đặt cho đường Duranton cũ,
lại đặt cho công-viên ở đường ấy.

*Vị trí : Đường Búi-thị-Xuân, Đường Ngô-tùng-
Châu.*

CHI - LĂNG

Tức Đồng Mỏ, Lạng - sơn. Vua Lê - đại - Hành
phá quân Tống, Đức Hưng - Đạo đuổi quân Nguyên,
vua Lê - thái - Tổ phá quân Minh chém Liễu - Thăng ở
đây cả.

*Tứ cận : Đường Tự - Do, Lê-thánh-Tôn, Gia-
long, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.*

CHỈ - LINH

Tên một huyện ở Hải-dương, ở đó Đức Trần Hưng-Đạo đại phá quân Mông-Cồ và là nơi Ông Lê-Lai trá hình chết thay cho vua Lê-Thái-Tô.

Tứ-cận : Lê - Thánh - Tôn, Toà Đô - Chính, Toà Đại-Biêu Chánh-Phủ tại Nam-Việt.

CHIẾN - SĨ

Danh-từ hán-việt đã đặt cho công-trường M.Jofre cũ, lại đặt cho công-viên ở công-trường ấy.

Vị trí : Công-trường Chiến-Sĩ.

DIÊN - HỒNG

Tên cuộc hội-ngập bô-lão đề Hưng-Đạo-Vương hỏi ý định hoà hay chiến đối với các cuộc xâm-lăng của quân Tàu ; đã đặt cho công-trường Cuniac cũ, lại đặt cho công-viên tại công-trường này.

Vị trí : Công-trường Diên - Hồng.

CỘNG - HOÀ

Danh-từ hán-việt, đã đặt cho công-trường và đại-lộ Khải-Định cũ, lại đặt cho công-viên này.

Vị-trí : Công-trường Cộng-Hoà.

DUY - TÂN

Tên danh-nhân, đã đặt cho đường Garcerie và Blancsubé cũ, lại đặt cho công-viên ở đường ấy.

Đường Duy - Tân, « Cercle Boule Gauloise », Quần-vợt Đô-Thành.

ĐỒNG - ĐA

Địa-danh ở cạnh Thái-Hà-ấp gần Hà-Nội, chỗ Nguyễn-Huệ vây Sầm-Nghi-Đồng, khiến Đồng phải thắt cổ chết (1789).

Tứ cận : Đại-lộ Nguyễn - Huệ, Đại-lộ Lê - Lợi, Toà Đô-Chính.

HOÀ - BÌNH

Danh-từ hán - việt, tên công-trường Pigneau de Béhaine cũ, đặt lại cho công-viên tại công-trường này.

Tứ cận : Công-trường Hoà-Bình, Sở Bưu-Điện, Nhà Thờ Đức-Bà, Trường Đạo.

LAM-SƠN

Địa-danh, tên công-trường Foray cũ, đặt lại cho công-viên ở trước nhà hát Đô-Thành.

Vị-trí : Công-trường Lam-Sơn.

LÊ-LAI

Tên danh-nhân đã đặt cho đường Boudonnet cũ, lại đặt cho công-viên ở đường ấy.

Tứ cận : Đường Võ-Tánh, Đường Bùi-Chu, Đường Lê-Lai.

LÊ-LỢI

Tên danh-nhân, đã đặt cho đại-lộ Bonard và công-trường F. Garnier, lại đặt cho công-viên ở công-trường này.

Tứ cận : Đại-lộ Lê-Lợi, Đại-lộ Nguyễn-Huệ, Nhà hát Tây cũ.

LÊ-VĂN-DUYỆT

Tên danh-nhân đã đặt cho đường Thủ-Tướng Thịnh, Thái-lập-Thành, Chanson, lại đặt cho công-viên ở góc T. T. Thịnh và Hồng-Thập-Tự.

Tứ cận : Đại-lộ Lê-văn-Duyệt, Hồng-thập-Tự, Sở Y-tế Nam-Việt, Hồng-thập-Tự Pháp.

LIÊN-HIỆP

Danh-từ hán-việt, tiêu-biểu sự đoàn-kết nói chung.

Tứ cận : Đường De Lattre de Tassigny, Đường Gia-long, Nhà tư-nhân.

MÊ-LINH

Kinh-đô của Trung-Nữ-Vương thuộc Yên-Lăng tỉnh Phúc-Yên.

Vị-trí : Bến Bạch-Đằng, đầu đường Hai Bà Trưng.

NGẢ SÁU

Tên địa-phương, chỗ vùng công-viên này, nơi giao-tiếp đường Lê-văn-Duyệt, Ngô-tùng-Châu, Võ-Tánh, Gia-Long, Phạm-Hồng-Thái, Phan-văn-Hùm.

Tứ cận : Đường Lê-văn-Duyệt, Ngô-tùng-Châu, Võ-Tánh, Gia-long.

NGÔ-TÙNG-CHÂU

Tên danh-nhân đã đặt cho đường Phan-thanh-Giản cũ, lại đặt cho công-viên ở đường ấy.

Tứ cận : Đường Ngô-tùng-Châu, Nhà tư-nhân, Đường Nguyễn-văn-Tráng.

PHẠM-NGŨ-LÃO

Tên danh-nhân, đã đặt cho đường Grimaud cũ, lại đặt cho công-viên tại đường ấy.

Tứ cận : Công-trường Diên-Hồng, Đường Phạm-ngũ-Lão, Đại-lộ Trần Hưng-Đạo, Đại-lộ Hàm-Nghị.

PHONG-CHÂU

Kinh-đô nước Việt-Nam đòi Hùng-Vương, nay ở huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên.

Vị-tri : Hồng-thập-tự, Phạm-viết-Chánh.

TAO-ĐÀN

(Tên cũ : Parc Maurice Long ; tên tục : Vườn Bờ-rô, vườn Ông Thượng)

Đàn văn-thơ do vua Lê-thánh-Tôn lập ra, chọn 28 văn-thần sung vào gọi là Tao-dàn nhị-thập-bát tú, vua tôi cùng nhau xướng họa văn-thơ.

Tứ cận : Hồng-Thập-Tự, Nguyễn-Du, Công-Chúa Huyền-Trân, Lê-văn-Duyệt.

THỐNG-NHỨT

Danh-từ hán-việt, đã đặt cho đại-lộ Norodom cũ, nay lại đặt cho bốn cỏ hai bên đường này.

Tứ cận : Đường A. de Rhodes, Hàn-Thuyên, Hoà-Bình, De Lattre de Tassigny.

VẠN-XUÂN

Quốc-hiệu Việt-Nam dưới triều Lý-Nam-Đế (544 - 548)

Tứ cận : Đường Trần-quý-Cáp, Pasteur, Sân tập thể-dục.

VŨ-QUANG

Một căn-cứ đồn-diên của Phan-đình-Phùng tại Hà-Tĩnh, nơi cụ cùng Cao-Thắng đã đánh thắng quân Pháp một trận vẻ-vang, làm quân Pháp chết 3 sĩ-quan, mất 100 khẩu súng và rất nhiều lương-thảo (1889).

Tứ-cận : Marc Pourpe, Nhà bơm nước, Sân quần vợt Đô-Thành.



CÔNG-VIÊN

PHẦN CHỢ-LỚN

(X. xem *Tiểu-Sử Danh-nhân, Phần Chợ-Lớn*)

ÂU-LẠC

Quốc-hiệu Việt-Nam hồi đời An-Dương-Vương
(257 - 207 tr. G. T.)

*Tứ-cận : Công-trường Cộng-Hoà, đất tư nhân,
đại-lộ Nguyễn-Hoàng, đường Hoả-xa Sài-gòn - Mỹ-
tho, đại-lộ Hùng-Vương.*

CÂY-MAI

Tên một đồn binh ở vùng Phú-Lâm, Chợ-Lớn.

*Tứ-cận : Đại-lộ Nguyên-Trãi, đại-lộ Hồng-Bàng,
Xóm voi, Hồng-Bàng.*

CỘNG-HOÀ

X. phần Công-viên Sài-Gòn.

ĐẠ-TRẠCH

Vùng sinh lầy trong huyện Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên, chỗ căn-cứ du-kích kháng-chiến của Triệu-Quang-Phục chống quân nhà Lương.

Vị-trí : Trước nhà Thờ J. D'Arc.

DÂN-ƯỚC

Danh-từ hán-việt, dịch tên quyền « Du Contrat Social » của J. J. Rousseau.

Tứ-cận : Đại-lộ Nguyễn-tri-Phương, đất Quốc-Gia, đại-lộ Minh-Mạng, đại-lộ J. J. Rousseau.

HÙNG-VƯƠNG

Tên danh-nhân đã đặt cho đường Drouhet cũ, lại đặt cho công-viên ở góc đường này và đường J. J. Rousseau.

Vị-trí : Góc đường J. J. Rousseau, Hùng-Vương.

KHÔNG-TỬ

Tên danh-nhân, đã đặt cho đl. Bonhoure cũ, lại đặt cho công-viên này.

Tứ-cận : Đường Triệu-quang-Phục, đường Lương-nhữ-Hộc, đại-lộ Không-Tử.

NGẢ BẢY

Tên địa-phương, chỗ vùng công-viên này, nơi giao-tiếp những đường Phan-thanh-Giản, Lý-Thái-Tồ, Minh-Mạng, P. Ký.

Tứ-cận : Góc đường Minh-Mạng, đường Phan-thanh-Giản, đại-lộ Lý-Thái-Tồ.

PHẠM - ĐÌNH - HỒ

Tên danh-nhân, đã đặt cho đường Danel cũ, lại đặt cho công-viên này.

Tứ-cận : Đường Phạm-đình-Hồ, Bến Trương-Tân-Bửu, đường Trang-Tử.

THĂNG - LONG

Tên cũ thành Hà-Nội.

Tứ-cận : Đường Gò-Công, đường Ngô-Nhân-Tịnh, đường Trần-thanh-Cần, đường Trang-Tử.

TRỊNH - HOÀI - ĐỨC

Tên danh-nhân, đã đặt cho đường Gia-Long cũ, lại đặt cho công-viên này.

Vị-trí : Sau Bưu-Điện Chợ-Lớn.

TRUNG - DUNG

Tên bộ sách của Khổng-Tử chủ-trương thuyết ở đời nên theo lẽ chiết-trung.

Tứ-cận : Đại - lộ Khổng - Tử, Sở Bưu-Điện, đại-lộ Tồng-đốc Phương.

VĂN - LANG

Là quốc-hiệu cờ nhút của nước ta, về đời Hùng-Vương, kinh-đô ở Châu-Phong, chia làm 15 bộ, gồm đất Bắc-Việt, miền Bắc Trung-Việt, lấy đèo Ngang làm giới-hạn.

Tứ-cận : Đường Ngô - Quyền, đại - lộ Hồng-Bàng, đường Hòa-xa Sài-gòn Mỹ-tho, đại-lộ Hùng-Vương, đất tư-nhân.

YÊN - THẾ

Chiến-khu danh-tiếng của Đê-Thám ở Bắc-Giang.

Tứ-cận : Đại - lộ Tồng - đốc Phương, đại - lộ Khổng-Tử, đại-lộ Đồng-Khánh.



BẢNG ĐỔI - CHIẾU

TÊN ĐƯỜNG CŨ VỚI TÊN ĐƯỜNG MỚI Ở CÁC TỈNH



(Ngoại-trừ một ít tên địa - phương, hầu hết danh-nhân có tên đặt cho đường phố ở các tỉnh, đều có tiểu-sử trong chương « Tiểu-sử danh-nhân » phần Sài-Gòn và Chợ-Lớn).

BẮC - LIÊU

Những tên đường này đổi mới do Nghị-định số
1323/HCSV ngày 13 tháng 5 năm 1955

THỊ-XÃ BẮC-LIÊU

Tên đường cũ	Tên đường mới
Quai de Châu-dộc	Đường Hòa-Bình
Rue de Thudâumôt	— Lý - thường - Kiệt
— Garde Marec et R. de Saigon	— Triệu-Âu
Avenue du Tribunal	— Công-Lý
Rue de Cánhô	— Trung-Trắc
— Victor Hugo	— Trưng-Nhị
— Lamothe de Carrier	— Trương-vinh - Ký
— Faid'herbe	— Phan-thanh - Giản
Quai Rigault de Genouilly	— Thái-lập - Thành
Rue de Vinhlong	— Phan-đình - Phùng
— de Bària	— Tự-Do
— de Biênhoà	— Dân-chủ
— de Filippini	— Lê-văn-Duyệt
— Amiral Courbet	— Phan-châu - Trinh

Tên đường cũ	Tên đường mới	Tên đường cũ	Tên đường mới
— Paul Bert	Đường Hùng-Vương	Quai de Commerce	Đường Phạm-ngũ-Lão
— de la Milice	— Cần-lao	Rue des Chateaudun	— Nguyễn-Trãi
Avenue Chanzy	Đại-lộ Độc-Lập	— de Champigny	— Nguyễn-Du
Rue de l'Inspection	Đường Đoàn - thị - Điền	Quai des Bonzeries	— Hương-Thiên
— de Cholon	— Nguyễn-bình-Khiêm	Rue du Pont en fer	— Võ-di-Nguy
— de la Régie	— Gia-Long	Avenue de la mer	— Mạc-đĩnh-Chi
Quai des Tirailleurs	— Nguyễn-thái-Học	Quai des petites jonques	— Tô-hiến-Thành
— de la Distillerie	— Nguyễn-Huệ	— Commandant Rivière	— Ng-trung-Trực
Rue de Camau	— Pasteur	— Le Myre de Vilers	
Quai de Rachgia et de		— de Bangkok	— Đồng-Đa
Longxuyên	— Võ-Tánh	— de Baclicu	
Rue de Travinh	— Nguyễn-trường-Tộ	— Séville	— Thống-Nhút
— de Soctrang	— Phan-bội-Châu	Rue Bonaparte	— Tôn - thọ - Tường
— Gambetta	— Trần - quốc - Tuấn	— de Pétrograd	— Ng-công-Trứ
— Lamothe de Carrier		— de Bourgogne	— Thiên-đường
prolongée	— Hoàng-Diệu	— de la Pagode	— Ngô - tùng - Châu
— de Saigon prolongée	— Alexandre de Rhodes	Boulevard Joffre	— Đồng-Khánh
Quai de la Pagode	— Hạnh-Phúc	Quai de l'Annam	— Đỗ - thanh - Nhơn
Rue de Gocông	— Thủ - khoa Huân	— Pétain	— Duy-Tân
Rue de Tâyninh	— Lê-Lợi	Rue de Phnom-Penh	— Thành-Thái
— de Bêntre	— Trương-công-Định	— Rouget de Lisle	— Hàm-Nghi
— de Mytho	— Đinh-tiên - Hoàng	— du Tonkin	— Ng-đình-Chiêu
— de Thudáumôt prolongée	— An-Lạc	— de Paris	— Phan-văn-Trị
Quai de Giông-Me	— Thắng-lợi	— de Bruxelles	— Lê-Lai
— Francis Garnier	— Bình-Đẳng	— Picardi	— Bạch-Đẳng
Rue de Traverserie	— Dân-Quyền	— de Londres	— Đào-duy-Từ
Quai des Grandes Jonques	— Ng-huỳnh-Đức	Rue de Nancy	— Trịnh-hoài-Đức
Rue du Marché	— Thủ-Tướng Thịnh	— de Champagne	— Bùi-hữu-Nghĩa
Quai des Pêcheurs	— Ng-văn-Thành	— de Cambodge	

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Mac Mahon	Đường Trần-bình-Trọng
Boulevard de la République	— Minh-Mạng
Quai de Huê	
— Ngo-Dân	
— Hanoi	

QUẬN-LY GIÁ-RAI

Rue Chénieu	Đường Thái-lập - Thành
Quai l'Ambulance	— Gia-Long
— Courbeil	— Lê-Lợi
Rue Picanon	— Trung-Trắc
— Lamothe	— Trung-Nhị
— Rodier	— Lý-thường-Kiệt
— Bonhoure	— Trần Hưng-Đạo
— Ceinture	— Võ-Tánh
Route Communale No 9	— Phan-thanh-Giản
Rue Fourrès	— Nguyễn-Huệ
— Vincentie	— Lê-văn-Duyệt
— de l'école	— Minh-Mạng
— Daniel	— Ngô-Quyền

QUẬN-LY CÀ-MAU

Quai Boutonnet	Đường Lê-Lợi
— Le Strat	— Gia-Long
— Denys	— Quang-Trung
Bd. Cognacq	— Đ. I. Ngô-Quyền

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Plantié	Đường Trần Hưng-Đạo
— Delourme	— Lý-Bôn
Bd de l'Ecole	— Lý-thái-Tôn
Rue de l'Infirmier	Đường Hoàng-Diệu
— Oblique	— Đề-Thám
Route Camau - Rachgia	— Cà-mau - Rạchgiá
— Circulaire	— Ng-hiền-Năng
Rue de l'Ecole centrale	— Phan-đình-Phùng
Đường hông chợ (phía Đông)	— Trung-Trắc
— hông chợ (phía Tây)	— Trung-Nhị



BÀ - RỊA

Những đường này đổi tên mới do Nghị - định
số 2362 - Cab/DAPA ngày 19 - 5 - 1950 và số
3132 - HCSV ngày 9 - 10 - 1954

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue de Bucarest	Đường Cả Tân
— de Belgrade	— Đ. c. Tòng
— de Belgique	— Giáo-Định
— Wilson	— B.s. Phạm-hữu-Chí
— de Lisbonne	— Phủ Thồ
— de Tokio	— Đốc-Pủ Miên
Le rond point du carrefour de la route de Long - Diên et de la route du Cap Saint-Jacques	C. t. Lê-thành-Sơn
Rue de Siam	Đường Châu - văn - Tiếp
— de Washington	— Phan-thanh-Giản
Avenue de la Marne	— Lê-Lợi
Rue de Belgique	— Nguyễn-Du
— de l'Isère	— Đồ Chiêu
— de Verdun	— Alexandre de Rhodes

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue de Londres	— Thống-Chế de Latre de Tassigny
Chemin de Ronde	— Chi-Lăng
Rue de Rome	— Bạch-Đằng
Quai d'Annam	— Huỳnh-quan-Minh
Boulevard Galliéni	Đại-lộ Thành-Thái
Đường từ Avenue de la Marne đến Quai d'Annam	Đường Trương-minh-Ký



BẾN - TRE

*Những tên đường cũ và đường chưa có tên đặt
tên mới do Nghị-định số 3027/HCSV
ngày 25 - 9 - 1954*

Tên đường cũ và đường chưa có tên	Tên đường mới
Bd Maréchal Foch	Đại-lộ Phan-thanh-Giản
Av. Maréchal Joffre	Đại-lộ Trương-vĩnh-Ký
Rue Adteur Crestien	Đường Ng - đình - Chiều
— Paul Bert	— Trương - tấn - Bửu
— Paul Bert (tiếp theo)	— Yersin
Quai de la Marne và	
Quai de l'Yser	— Hùng-Vương
Rue Clémenceau	— Lê-Lợi
— Verdun	— Lê-văn-Duyệt
— Adteur Luciana	— Trần - quốc - Tuấn
— Luciana (tiếp theo)	— Huỳnh - văn - Sắc
— Lagrandière	— Ng-tri-Phương
— Lagrandière (tiếp theo)	— Ng-huỳnh-Đức
— de Reims	— Trưng-nữ-Vương
— Gialong	— Gia-Long
— Adteur Bosc	— Ng-trung-Trực
— Adteur Ponchon	— Lý - thường - Kiệt

Tên đường cũ và đường chưa có tên	Tên đường mới
Rue Adteur Turc	— Lê-Lai
— Petrus Ky	— Tôn - thọ - Trường
— Adteur Villard	— Nguyễn-Du
— Palasme de Champeaux	— Nguyễn-Trãi
— de la Pagode	— Ng-bình-Khiêm
— Đỗ-hữu-Vị	— Đỗ-hữu-Vị
— Doumer	— Nguyễn-Huệ
— de la Somme	— Ngô-Quyền
— de l'Eglise	— Thủ - khoa Huân
— de la Victoire	— Đình-tiên - Hoàng
— Lanessan	— Châu-văn-Tiếp
— Docteur Cecconi	— Thủ - khoa Nghĩa
— từ Rue Cecconi đến	
R. Paul Bert	— Nguyễn-công-Trứ
— từ « Rue Cecconi »	
đến Lagrandière	— Ngô-tùng-Châu
— từ Cầu Cái - cá đến	
Cầu Kiến-vàng	— Võ-Tánh
C. V. chung quanh bờ hồ	Công - Viên Bạch - Đằng



BIÊN - HOÀ

Những đường này đổi tên mới do Nghị - định
số 3120/HCSV ngày 7 - 10 - 1954,
số 3474/HCSV ngày 24 - 11 - 1954
và số 1917/HCSV ngày 11 - 7 - 1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Avenue Oderra	Đại-lộ Trịnh - hoài - Đức
Rue Palasme de Champeaux	Đường Lê-văn-Lố
— Philastre	— Nguyễn-hữu-Lễ
— Barbé	— Võ-Tánh
— Henry	— Ng - hiền - Vương
Quai Doumer	— Trần-thượng-Xuyên
Boulevard Picanon	Đại-lộ Lê-thánh-Tôn
Route Cù-lao Phô	Đường Hàm-Nghi
Boulevard du Théâtre	— Thành-Thái
Route Interprovinciale 24	— Phan-đình-Phùng
Avenue de la Gare	— Hưng-Đạo-Vương
Rue Bataille	— Nguyễn-thị-Giang
— Bonal	— Nguyễn - thái - Học
— Pont	— Lương-văn-Thượng
— Marquis	— Nguyễn-Trái

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Delanoue	— Phan-châu - Trinh
— Rodier	— Lê-văn-Duyệt
— Gaillard	— Quang-Trung
— Bocquet	— Lý-thường-Kiệt
Place Ecole d'Art	— C. T. Khải-Định
Đường làng số 17	— Đức Bà C.H.M.T.T.T.
Quốc-lộ số 1 (từ Cầu Đồng Tràm đến suối Săng Máu)	— Bác-sĩ Ng-văn-Hoài



CẦN-THO'

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định
số 239/Cab/DAA ngày 26-1-1951, số 443/HCSV
ngày 18-2-1955, và số 2525/HCSV
ngày 21-9-1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Quai du Commerce Rue des Quatre Congrè- gations	Bến Lê-Lợi
— de la Paierie	Đường Trần-quốc - Tuấn
— Gia-long	— Lý - thường - Kiệt
— du Tribunal	— Ng-trường-Tộ
— des Pépinières	— Gia-Long
— des Sports	— Võ-Tánh
— du Bac	— Quang-Trung
— des Ecoles	— Thủ-khoa Nghĩa
— du Marché	— Trung-Trắc, Trung-Nhị
Đại-lộ Nguyễn-Trãi (từ cầu đôi đến C. T. Tự-Do	— Phan-bội-Châu
Đường Lữ-Gia	Đại-lộ Hai Bà Trưng
Đường Phan-châu-Trình	Đường Phan-thanh-Giản
	— Ng-thần-Hiến

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đại-lộ Lý-thái-Tồ (từ C. T. Hoà - Bình đến C. T. Độc - Lập	Đại-lộ Hoà-Bình
Đại-lộ Tô-hiến-Thành	Đại-lộ Hoà-Bình
— Đồng-Đa	Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
— Thủ-khoa Huân	Đại-lộ Nguyễn-an - Ninh
Đường Triệu-Au Rue des Villas	Đường Bà Triệu
Route Communale N° 2 (từ ngã tư Tham-Trưởng đến cầu sắt mé sông Cái- Răng)	— Nguyễn-Du
Route Communale N° 2 (từ ngã tư Tham-Trưởng đến Rạch Ngổng)	— Ng - thanh - Trung
Đường Galliéni nối dài	— Tà-thu-Thâu
Đường Saintenoy nối dài (từ phong tên nước vô xóm)	— Đề-Tnám
Đường mé sông (từ ngã ba Lữ-Gia đến Rạch Ngổng, ngang vườn Thầy Cầu)	— Mạc-dĩnh-Chi
Đường chợ Thới - Bình xuống sông (ngang đình Thới-Bình)	— Cống-Quỳnh
Boulevard Paul-Doumer	— Trạng-Trình
Rue Paul Emery	Đại-lộ Nguyễn-Trãi
Avenue Capitaine d'Hers	Đường Duy-Tân
Rue Pierre Lebrun	— Lữ-Gia
	— Phan-châu - Trình

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Lamarre	Đường Ng-tri-Phương
Boulevard Saintenoy	Đại-lộ Ngô-Quyền
Rue Đốc-phủ Trứ	Đường Hàm-Nghị
Bd Colonel Dessert	Đại-lộ Lý-Thái-Tồ
Boulevard Luro	Đại-lộ Tô-hiến-Thành
— Galliéni	Đại-lộ Đồng-Đa
— Paul-Bert	Đại-lộ Thủ-khoa Huân
Rue Paul-Beau	Đường Thành-Thái
— Mézin	— Lê-văn-Duyệt
Avenue Aristide Briand	— Nguyễn-công-Trứ
Rue des Douanes	— Triệu-Ấu
— Đốc-Trung	— Đào-duy-Từ
Bd Van Vollenhoven	Đại-lộ Ng-huỳnh-Đức
— Delanoue	Đại-lộ Phan-đình-Phùng
Rue Carency	Đường Lê-Thánh-Tôn
Place Maurice Long	Công-trường Tự-Do
— de l'Hôpital	Công-trường Hoà-Bình
— Aristide Priand	C. T. Đình-Tiên-Hoàng



CHÂU-DỐC

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số
1027/HCSV ngày 17-5-54 và số 3575/HCSV
ngày 6-12-54

Tên đường cũ	Tên đường mới
Quai de l'Abattoir	Đường Lê-Lợi
— de l'Hôpital, de l'Yon, du roi Albert 1er, Venturini	— Gia-Long
— de Belgique	— Trần Hưng-Đạo
— de la Distillerie	— L. Pasteur
Rue de l'Ecole	— Ng-đình-Chiều
— du Cimetière	— Thủ-khoa Nghĩa
— de Ceinture	— Thủ-khoa Huân
— de l'Abattoir	Đại-lộ Nguyễn-trường-Tộ
— Phan-van-Tuyên	Đường Trung-Nu-Vương
— Clémenceau	— Triệu-Ấu
— Kitchener	— Hùng-Vương
— Président Wilson	— Thái-lập-Thành
— Maréchal Foch	— Ng-hữu-Cảnh
Square de Verdun	— Bạch-Đăng

Tên đường cũ	Tên đường mới
Square de la Marne Rue Galliéri — Maréchal Joffre — Phu-Cui	Đường Chi-Lăng Đại-lộ Quang-Trung Đại-lộ Phan-đình-Phùng Đường Cử-Trị

QUẬN TÂN - CHÂU

Từ nhà máy nước đến đường Trương - công - Định (bên hông chợ)	Đường Đốc-phủ Thu
Từ đường Nguyễn-trung- Trực (bên hông chợ) tới đường Vĩnh - An (mé kinh Vĩnh-An)	Đường Chùa Ông
Từ xóm Cao-Đài đến cầu sắt ngang kinh Vĩnh-An	— Thủ-Tướng Thịnh
Từ đường máy nước (góc sau trường Nam) tới đường Vĩnh-An (mé kinh Vĩnh-An)	— Nhà thương
Từ đường nhà thương, dọc theo phía sau trường Nam, đến đường Cửu-Long	— Máy nước
Từ đường Thủ-tướng Thịnh tới đường Cửu-Long	— Phủ Tài
Đường ở phía hông trái chợ, từ đường Thủ-tướng Thịnh đến đường Cửu-Long	— Trương-công-Định

Tên đường cũ	Tên đường mới
Từ đường Thủ - tướng Thịnh (trước bót Cảnh- Sát) đến đầu trong của nhà lồng chợ	— Quang-Trung
Đường ở phía hông mặt chợ, từ đường Cửu-Long đến đường Thủ - tướng Thịnh.	— Ng-trung-Trực
Từ Thủ-tướng Thịnh đến đường chùa Ông	— Ng-đình-Chiều
Từ đường nhà thương (sau nhà thương) đến đường Thủ-tướng Thịnh	— Thủ-khoa Nghĩa
Đường dọc theo mé kinh Vĩnh - An từ Đình thần Long-Phú đến đầu đường Cửu-Long	— Vĩnh-An
Đường dọc theo kinh Vĩnh- An, từ đầu đường địa- hạt 53 (Tân-Châu Châu- đốc), đến đầu đường địa- hạt 54 (Tân-châu Hoà- hảo)	— Thái-lập - Thành
Từ đường Thái-lập-Thành đến Vận-động-Trường	— sân Vận-động

CHỢ' - LỚN

QUẬN CẦN - GIUỘC

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định
số 804/Cab/DAA ngày 14-4-1951

Tên đường cũ	Tên đường mới
Place Bocquet	Công-trường Phước-Lộc
Rue Forestier	Đường Đồ-Chiều
Quai Nicolai	— Lãnh - Bình Thái
Avenue de Brière	— Thượng-nghi-Trung
Rue Đồ - Chiều « Đông »	— Mỹ-đức-Hậu
— Houet	— Đường Viên-Ngô
— Champeaux	— Thống-Chế Sĩ
— Bourchet	— Trương-công-Định
— Luciana	— Chùa Bà
— du Bac	— Bến Đồ
— Tòng-Đốc Phương	— Tòng-Đốc Phương
— Đốc phủ Tinh	— Đốc-Phủ Tinh
— Đốc phủ Lý	— Đốc-Phủ Lý
— Dangla	— Rạp Hát

GIA - ĐỊNH

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số
347/HCSV ngày 8-2-1955

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Avenue de l'Inspection (từ cầu mới tới nhà ga xe điện cũ)	Đại-lộ Bạch-Đặng
Avenue de l'Inspection và R. l. P. 22 (từ nhà Dây Thép tới ngã tư Phú-Nhuận)	Đại-lộ Chi-Lăng
Công-trường trước Chợ	Công-trường Hồng-Bàng
Đường Quốc-Gia số 1 tới cầu Bàng-Ky	Đường Nguyễn-văn-Học
Đường Hàng Tinh số 15	— Lê-quang-Định
Rue de la Pagode	— Châu-văn-Tiếp
— de la Poste	— Trịnh - hoài-Đức
Đường làng 22	— Phan-văn-Trị
Rue de la Milide	— Đỗ - thành - Nhân
— de l'Eglise	— Bùi - hữu - Nghĩa
— de Thôt-Nôt	— Ngô-văn-Tịnh

Tên đường cũ hay đường
chưa có tên

Place du Marché
Rue de l'Abattoir
— Paulin Vial
— Belland
— J. Bosc
— Villard
— Bataille
— Boresses
Quai Doceuil
Rue Philastre
— d'Arfeuilles

Tên đường mới

Đường Diên Hồng
— Ng-văn-Thành
— Võ-trường-Toản
— Phan-bội-Châu
— Phan-đình-Phùng
— Phan-châu-Trình
— Ng-văn-Trương
— Nguyễn-an-Ninh
— Đồng-Đa
— Vạn-Kiếp
— Trần-kế-Xương

THỊ-TRẦN PHÚ - NHUẬN

Đường Louis Berland và L.
Berland nối dài (Route
Communale 17)
Route Interprovinciale 22
(từ ngã tư Phú nhuận tới
ngã tư Noguès)
Đường Capitaine Faucon
— Chùa Phật
— Bùi-tấn-Nhứt
Rue du Marché
Đường làng 19
— làng 20
— làng kêu tên tức là
đường Hương-Mão
— Lê-văn-Bền

Đại-lộ Võ-di-Nguy

— Võ-Tánh
Đường Trương-tấn-Bửu
— Ng-huỳnh-Đức
— Trương-quốc-Dung
— Xã Tài
— Nguyễn-Huệ
— Ngô-tùng-Châu
— Thái-lập-Thành
— Ng-đình-Chiều

Tên đường cũ hay đường
chưa có tên

Tên đường mới

THỊ-TRẦN THỊ - NGHÈ

Route Interprovinciale 22
(từ cầu Phú-Mỹ tới Ngã
ba Hàng Sanh)
Rue Guyonnet
— Magnanerie
Đường làng số 23
— Phú-An
— Lý-Lập
Rue du Marché
Place du Marché
— du Château d'Eau

— Hùng-Vương
— Ng-hữu Thoại
— Huỳnh-mẫn-Đạt
— Nguyễn-văn-Lạc
— Dương-công-Trừng
— Ng-văn-Nhàn
— Tôn-thọ-Tường
Công-trường Hoà-Bình
Công-trường Tự-Do

QUẬN THỦ - ĐỨC

Quốc lộ số 1
Đường Chợ
— André Soulier
— Chùa Bà (Bến xe
ngựa)
Nguyễn-xuân-Phong (đường
ga)
Đường xe ngựa Tăng-
Nhơn-Phú
— Quận
Đường Chùa Bà
— Urbaine
— Tiệm Rượu

Đường Ng-tri-Phương
— Thủ-khoa Đức
— Tạ-dương-Minh
— Thủ-khoa Huân
— Lê-thái-Tồ
— Lam-Son
— Nguyễn-Trãi
— Trưng-Nữ-Vương
— Trần-bình-Trọng
— Nguyễn-thị-Hiền

Tên đường cũ và đường chưa có tên	Tên đường mới
Đường Nhà Thờ	Đường Hoàng-Diệu
— Milice	— Ngô-Quyền
— Công-xi Heo	— Phan-văn-Trị

QUẬN HỐC - MÔN

R.P. 15, từ ngã Ba Hốc-môn đi Đông-Thạnh đến chùa Hốc-môn
 R.P. 15, từ chùa Hốc-môn đến Ngã tư Xuân-thới-Sơn
 R.C. 6, từ chùa Hốc-môn đến Trường Tổng
 Đường ngang trước chùa và sân Tennis
 Đường đi giếng nước ra đến Quốc lộ số 1
 R.C. 7, từ Ngã ba Ga xe lửa đến nhà việc Tân-thới-Trung
 R.P. 15 phía trước chợ đến bìa ruộng đường đi Tân-Thạnh-Đông
 Đường bên ghe Hốc-môn sau Chợ
 — bên hông trái Chợ Hốc-môn từ bến ghe đến đình

Đại-lộ Quang-Trung
 — Lý-thường-Kiệt
 Đường Lê-Lợi
 — Lý-nam-Đế
 — Triệu-Âu
 — Trần Hưng-Đạo

Đ 1. Trung-Nữ-Vương
 Bến Ngô-Quyền
 Đường Lê-Lai

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Đường bên hông mặt Chợ Hốc-môn từ bến ghe đến chùa — bến xe Tân-thạnh-Đông, từ bến ghe đến ngay hông nhà binh Tiều Đoàn 62	Đường Trần-bình-Trọng — Trần-khắc-Chơn

QUẬN GÒ - VẤP

Đường Địa-hạt 15, từ cầu-hang tới Ngã Năm Hàng Điện
 Đường Chợ, từ Sở Bru-Điện tới Ga Gò-vấp
 — làng 16, từ đường địa hạt 15 tới kho súng đạn
 — Rạch Bến Cát tới Nhà thương Roques, đường làng 18
 — Xóm Thơm, từ đường địa hạt 15 tới ga Xóm Thơm
 — Akas, từ sở Bru-Điện tới trước thành lính Lê-Dương
 — Lò-Heo, từ đường địa hạt 15 tới đường Vung Bèo.

— Gia-Long
 — Trung-Nữ-Vương
 — Nguyễn-Du
 — Phan-thanh-Giản
 — Lê-Lợi
 — Lý-thường-Kiệt
 — Lê-văn-Thạnh

Tên đường cũ và đường
chưa có tên

Đường Đình, từ đường làng
18 tới Ngã ba lò heo
— Phủ Phát, từ Ngã
Ba Cây Dương tới cầu
hang dưới
— Lê-văn-Duyệt, từ
Ngã Ba Cây Dương tới
sân vận động Lê-văn-
Duyệt
— Nhà Thờ, từ Ngã
ba đường làng 18 tới
ngã ba xóm Thơm



Tên đường mới

— Võ-Tánh
— Trần-quốc - Tuấn
— Lê-văn-Duyệt
— Trương-vĩnh-Ký

GÒ - CÔNG

*Những đường này đổi tên mới do Nghị - định
số 290 - AG ngày 12-12-1952 và số 3768/HCSV
ngày 24-12-1954*

Tên đường cũ

Tên đường mới

Bd Rodier
— Escoubet
— de la République
Avenue Paul Bert
Rue Séville
— L. Cudenet
— Champeaux
— Sandret
— Rousseau
— Moreau
— Berland
Đường Đốc-phủ Đức (từ
cầu Long Chánh đến
Phòng Thông Tin)
Đường Đốc-phủ Đức (từ
Phòng Thông - Tin đến
đường Renault)
Đường Bonhoure

Đại-lộ Phạm-dăng-Hưng
— Từ-Dũ
— Thái-lập - Thành
— Ng-văn-Thịnh
Đường Võ-Tánh
— Lê-Lợi
— Phan-thanh-Giản
— Trần Hưng-Đạo
— Gia-Long
— Lê-văn-Duyệt
— Trương-công-Định
— Trưng-Nữ-Vương
— Duy-Tân
— Hàm-Nghi

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường Paulus Cua	Đường Nguyễn-Du
— Phó-tổng-Giang	— Ng-thái-Học
— Chủ Phước	— Phan-bội-Châu
— Renault	— Phan-châu-Trinh
— Beylié	— Phan-đình-Phùng
— Forestier	— Nguyễn-Trái
— Aymard Rapine	— Lý-thường-Kiệt
— Garrido	— Đỗ-Chiều
— Ban That	— Paulus Cua
— Langlais	— Ng-tri-Phương
— Hugon	— Trịnh-hoài-Đức
Voie N° 13	— Ng-trường-Tộ
Đường Nudjib Suran	— Nguyễn-công-Trứ
Bến xe đò	Công-trường Bạch-Đăng



HÀ - TIÊN

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số 813/Cab/DAA ngày 17-4-52, số 3671/HCSV ngày 16-12-1954 và số 2560/HCSV ngày 23-9-1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Place du Marché	C. T. Gia-Long
Rue du Marché, côté Est	Đường Tham-Tuong Sanh
— du Marché, côté Ouest	— Tuần-Phủ Đạt
— de l'Hôpital	— Thủ-Tướng Thịnh
— de Kampot	— Phương-Thành
— de l'Inspection	— Mạc-công-Du
— de la Poste	— Tô-Châu
— des Cocotiers	— Bạch-Đăng
— de la Pagode	— Lam-Son
— de Mui Nai	— Chi-Lăng
— de l'Ecole	— Đồng-Đa
Bd du Pháo Đài	Đại-lộ Mạc-thiên-Tích
Quai de Rachgia	Bến Nam-Phổ
— Doceuil	— Trần-Hầu
Avenue Foch	Đường Mạc-tử-Hoàng
Rue Laballivière	— Ng-thần-Hiến
— Fournier	— Nhựt-Tảo
Bến Nam-Phổ	Bến Nguyễn-văn-Hải

LONG-XUYÊN

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số
3807/HCSV ngày 29-12-1954 và số 2558/HCSV
ngày 23 - 9 - 1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường Aymard Rapine, Châu-văn-Tiếp và Huỳnh- quang-Miêng, nhập lại từ đường liên-tỉnh số 9 đến mé sông Hậu-Giang Place Jeanné d'Arc Công-Trường Trưng-Vương Đường Paul-Doumer — Van-Vollenhoven — Rolland Garros Quai Bassac Đường Lê-văn-Chiếu — Tổng-Đốc Lộc — Barthouil de la Taillac — Cabane de Laprade — Bertin d'Avesne — Paulinier	Đại-lộ Phạm-hồng-Thái C. t. Trưng-Nữ-Vương Đường Phan-đình-Phùng — Thành-Thái — Châu - văn - Tiếp — Ng-đình-Chiều — Bạch-Đẳng — Phan-châu-Trình — Nguyễn-Trãi — Ngô-Quyền — Phan-bội-Châu — Ng-tri-Phương — Ng-bình - Khiêm

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường Moreau — Valentin — Emile Davant Paul Bert — Liên-sanh-Hậu — Long - Xuyên Châu- Đốc (từ đường Phan-bội- Châu đến đường liên tỉnh số 9) Cầu máy mới Cầu Đúc Henri	Đường Phạm-ngũ-Lão — Lê-quí-Đôn — Nguyễn-Du — Đinh-tiên - Hoàng — Nguyễn-thái-Học — Tạ-Thu-Thâu Cầu Nguyễn-trung - Trục — Hoàng-Diệu



MỸ-THO

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định
số 740/HCSV ngày 7 tháng 4 năm 1954

Tên đường cũ	Tên đường mới
Boulevard Bourdais	Đại-lộ Hùng-Vương
Avenue d'Ariès	— Lê-Lợi
— Clémenceau (từ bến đò Mỹ-tho đến nhà thuốc tây Lê-văn-Phan)	— Gia-Long
Quai Gallieni (từ nhà thuốc tây Lê - văn - Phan đến A. Buissière)	Đường Trung-Trắc
Boulevard De Castelnaud	Đại-lộ Trần - quốc- Tuấn
Avenue Pierre Pasquier	— Đinh-bộ-Linh
Rue Đỗ - hữu - Vĩ	Đường Nguyễn-Huệ
Place devant Lycée Nguyễn - đình-Chiều	C. T. Hàn-Thuyên
— devant Hall d'Infor- mation et Conserva- tion Foncière	— Chi-Lăng
Rue Albert Buissière	Đường Ngô-Quyền
— Francis Garnier	— Nguyễn-Trải
— Landes	— Lê-đại-Hành

Tên đường cũ	Tên đường mới
Avenue Desvaux	Đại-lộ Thủ - khoa - Huân
Rue Dellefosse	Đường Lý-thường - Kiệt
— Paul Bert	— Lý-công-Uân
Quai Delibes	— Phan-thanh-Giản
Bd Maréchal Foch	Đl. Nguyễn-tri-Phương
Jardin devant Hôtel de l'Inspection	Công-viên Bạch-Đặng
Avenue Clémenceau (từ bến đò Mỹ-tho đến Vòng Nhỏ)	Đại-lộ Ngô - tùng - Châu
Quai Gallieni (từ A. Buissière đến de Castelnaud)	Đường Alexandre de Rhodes
Rue Maréchal Joffre	— Ng-huỳnh-Đức
— Maréchal Foch	— Võ-Tánh
— Rolland Garros	— Tô - hiến - Thành
— Van Vollenhoven	— Ng-văn-Thành
— Thompson	— Trương-vĩnh - Ký
— Jauréguiberry	— Phan-Hiền - Đạo
— Pigneau de Béhaine	— Pigneau de Béhaine
— Le Myre de Vilers	— Châu-văn-Tiếp
— Filippini	— Huỳnh-tịnh - Của
— Quarnel	— Delibes
— Amiral Courbet	— Đỗ-hữu-Vĩ
— Rousseau	— Ng - bình - Khiêm
— Colombert	— Albert Buissière
— Trần-văn-Trận	— Trần-văn-Trận
— Carnot	— Lê-văn-Duyệt
— de la Pagode	— Trịnh - hoài - Đức
— Savorgnan de Brazza	— Học Lạc

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Pasteur	Đường Pasteur
— Doudart de Lagrée	— Yersin
— Petit Tour de l'Inspection	— Vòng Nhỏ
— devant la Pagode	— Phan-văn-Trị
— Lagrandière	— Thái-lập-Thành
— Blancsubé	— Lê-văn-Thạnh
Đường Châu - văn - Tiếp (khoản từ Hùng - Vương đến Huỳnh-tịnh-Cửa, sau trường trung học Nguyễn- đình-Chiều)	— Nguyễn-công-Trứ
Place Gambetta	Công-trường Võ - Tánh



RẠCH - GIÁ

*Những đường dưới đây đổi tên mới do Nghị - định
số 409 /DAA ngày 10 /10 - 1952 và số 627 /HCSV
ngày 10 - 3 - 1955*

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Rue Yersin	Đường Đinh-tiên-Hoàng
— Hyacinthe Le Nestour	— Mạc-đĩnh-Chi
— Attenant au Camp d'aviation	— Lạc-Hồng
— Allant vers la Rizerie incendiée	— Chi-Lăng
— Phủ Đầu	— Bạch-Đăng
— Aviateur Rolland Garros	— Ng-thái-Học
— Avenue Cả Bé (Du pont au Camp d'Avi- ation)	— Trần Hưng-Đạo
— des Rizeries	— Ngô-Quyền
— de l'Hôpital	— Đào-duy-Từ
— Lê-xuân-Kỳ	— Lê-văn-Duyệt
— de la Mairie	— Trương-vĩnh - Kỳ
— de l'Annam	— Hàm-Nghi
— de Triêu-Châu	— Duy-Tân

Tên đường cũ
hay đường chưa có tên

Rue Petrus Ky (côté Nam-Mỹ)
— de Siam (côté Lý-phong-Mậu)
— Nhan Cao
— Hai-Nam
Quai Nansot
Rue des Halles (côté droit en allant du Pont)
— du Commerce (côté gauche)
Quai de la Marine
Rue Grappeuil
— Chevassieux
Ruelle attenant à la salle d'Information
Rue de la République
— Parallèle au Bd Ông Hiền (côté de la Pagode Quan Đế)
— Parallèle au Bd Ông Hiền (côté ancien d'ortoir Rạng Đông)
Rue de Vinh-Huê
— Trân-quang-Huy
— Tổng-Đốc Tươi
— Nguyễn-van-Hải

Tên đường mới

Đường Ng - đình - Chiêu

— Nguyễn-Du
— Phan-bội-Châu
— Phan-châu-Trình
— Phan-thanh-Giản

— Đồng-Khánh

— Hoàng-hoa-Thám
— Hoàng-Diệu
— Huỳnh-tĩnh - Của
— Thành-Thái

— Phạm-hồng - Thái
— Hùng-Vương

— Lê - quang - Liêm

— Ngô - nhân - Tịnh
— Phủ-Chiếu
— Võ-Tánh
— Trịnh - hoài - Đức
— Thủ-khoa Nghĩa

Tên đường cũ
hay đường chưa có tên

Rue Paulus Cua (Rue de Sadec)
Quai Doumer
Rue attenant au bord de la mer
Quai Francis Garnier
Rue passant devant le Bungalow
Rue de la Poste
— Edmond Royer
— Isnard et de l'Eglise réunies
— Doudart de Lagrée
Bd Maréchal Foch
Rue de la Tortue
— des Filao
— des Tirailleurs
Avenue Caford
Rue Lagrange
— de la Milice (tronçon non occupé)
— Saintenoy
— de la Pagode Cambodgienne
Bd de l'Inspection
Bd Luro (côté derrière Mont de Piété)
Bd Luro (côté d'en face)
Rue du Cimetière

Tên đường mới

Đường Cũ Trị

— Ng-thoại-Hầu

— Kiên-Giang
— Ng-trung-Trực

— Ng-công-Trứ
— Ng-văn-Cầm
— Ng - tri - Thương

— Vạn-Kiếp
— Đỗ - thanh - Nhân
Đại-lộ Khải-Định
Đường Trương-tấn-Bửu
— Ng - huỳnh - Đức
— Dương-công-Trùng
— Lý - thường - Kiệt
— Võ-trường - Toản

— Lê - quang - Định
— Ng - bình - Khiêm

— Quang-Trung
— Trần-quốc - Tuấn

— Châu-văn-Tiếp
— Ngô - tùng - Châu
— Trần-bình - Trọng

Tên đường cũ
hay đường chưa có tên

Rue du Tonkin
— Père Gonet
— Père Charles
— Père Blondet
— des Bonzeries
Quai Longxuyên
Quai du Commerce

Tên đường mới

Đường Mạc-Cửu
— Nguyễn-Trãi
— Phạm-ngũ-Lão
— Tôn-thọ-Tường
— Ng-văn-Lạc
— Ng-trường-Tộ
— Bờ sông Thái-Lập-Thành

CÔNG - TRƯỜNG

Vườn Bông ngang Chợ
Place vide devant la Poste
— Cimentée du Marché
Carrefour (Ecoles et Maisson commune)
Stade de Sports (Bonne-main)

C. t. Hoàng-Tử Cảnh
— Thủ-tướng Thịnh
— Trưng-Nữ-Vương
— Triệu-Ấu
Vận-dộng-trường



SA - DEC

Những đường này đổi tên mới do Nghị-Định
số 2305 / Cab / DAA ngày 12-10-1950

Tên đường cũ

Tên đường mới

Quai Tân-qui-Dông
Boulevard de l'Inspection
Rue des Pêcheurs
— du Bungalow
Quai Tân-Hung
Rue du Grand Pont
— — Canal de Ceinture
(Première section du Rạch Cái
Sơn au Rạch Miễu Tồ)
Rue de Long-xuyên et rue
de Vinh-long réunies
Quai Vinh-Phuoc, Tân-
Phu-Dông et Cấn-tho
réunis
Rue de l'abattoir
— Bà-Lâm
— Quan Dê
— Ecole des Garçons
— — — Filles

Đường Lê-Lợi
Đại-lộ Gia-Long
Đường Nguyễn-Trãi
— Yersin
— Pasteur
— Lê-văn-Duyệt
— Ng-tri-Phương

— Tổng-phước-Hoà

— Phan-thanh-Giản
— Quan-Thánh
— Ng-trường-Tộ
— Nguyễn-Du
— Đồ-Chiều
— Trưng-Vương

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue de l'Usine	Đường Hoàng-Diệu
— Dinh Cao	— Phan-châu - Trinh
— du Théâtre	— Quang-Trung
— Tân-Quy-Tây	— Phan - bội - Châu
— du Bac	— Võ-Tánh
— de la Pagode et rue du Marché réunies	C. T. Trần Hưng-Đạo
— du Canal de Ceinture (Section du Rạch Cái-Sơn au Canal Rạch Rang)	Đường Bác-sĩ Thịnh



SỐC - TRĂNG

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số 2786/Cab/DAA ngày 6-12-1950, số 1081/Cab/DAA ngày 26-5-1952 và số 409/HCSV ngày 14-2-1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue de l'Inspection	Đường Lê-Lợi
— des Flamboyants	— Nguyễn-Du
Chemin du Campement	— Võ-Tánh
Boulevard de la Somme	— Yersin
Rue Maréchal Pétain	— Pasteur
— de Champagne	— Alexandre de Rhodes
— non encore dénommée devant la rangée de compartiments à étage, propriété du Village de Khanh-Hung à côté du Marché (entre le Boulevard Maspéro et la rue Maurice Long)	
— Verdun	— Trần Hưng-Đạo
— La Marne	— Châu - văn - Tiếp
Quai du Marché	— Phan - bội - Châu
	— Quang-Trung

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Raymond Poincaré — Clémenceau	Đường Sơn-Diệp — Thủ-tướng Thịnh
Boulevard Maspéro (côté droit) en partant du Quai Maspéro	— Thái-lập - Thành
(Côté gauche) en partant du même Quai	— Général Chanson
Rue de l'Ecole Pâli — Galliéri	— Lê-văn-Duyet
Avenue de Đại-Ngãi	— Phan-châu-Trinh
Rue Chasseloup Laubat	Đại-lộ Trưng-Vương
— Bonard	Đường Võ-đình-Sâm
— Paul Bert	— Trần-văn-Hoà
Nouvelle rue desservant le futur groupe scolaire	— Ng - huỳnh - Đức
	— Ng - đình - Chiêu

HỘ HÀNH-CHÁNH và QUÂN-SỰ

Quai Delanoue	Đường Ng-bình - Khiêm
Rue Maréchal Foch — Francis-Garnier	— Phùng-khắc-Khoan
Rue Yersin — Lagrandière	— Ng-hữu-Tiểu
— Escoubet	— Yersin
— Paul Doumer	— Hoàng-ngũ-Phúc
— Van-Vollenhoven	— Phạm-công-Trứ
	— Triệu-quang-Phục
	— Tô - hiến - Thành

HỘ DÂN - SỰ

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Charles — Doceuil — Laffont — Villard	Đường Trần-quang-Khai — Phạm-ngũ-Lão
Quai Maspéro	— Đào-duy-Từ
Rue Pigneau de Béhaine	— Mạc-đĩnh-Chi
— Maurice Long	— Lý-thường-Kiệt
— Paul Beau	— Hàm-Nghi
— Pasteur	— Hoàng-Diệu
— Bertin	— Nguyễn-Trãi
— Nouet	— Pasteur
— Arbod	— Phan-đình-Phùng
— Bertaut Levillain	— Ngô-Quyền
— Mottet	— Đinh-tiên-Hoàng
— Pech	— Duy-Tân
— Alexandre de Rhodes	— Minh-Mạng
	— Tự-Đức
	— Thành-Thái

HỘ NHÀ THỜ

Quai Marcellot	Đường Ng - tri - Phương
Rue Davoine — Charner	— Tôn-thất-Đạm
— Aristide Briand	— Lý-thái-Tổ
— Hugon	— Tôn-Đản
— Taberd	— Trần-bình - Trọng
— Guynemer	— Calmette
Quai Sœur Félicienne	— Lý-đạc-Thành
	— Triệu-Ấu

TÂN-AN

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số
2854/HCSV ngày 3 - 9 - 1954

Tên đường cũ	Tên đường mới
Boulevard Belgique	Đại-lộ Gia-Long
Bd Général Beylié	— Ng - huỳnh - Đức
Rue Bertin d'Avesne	Đường Lê-văn-Duyệt
— Bonhoure	— Lê-Lợi
— Villard	— Thủ-Tướng Thịnh
— Berthaut Levillain	— Ng - đình - Chiêu
— Rössigneux	— Trần Hưng-Đạo
— Tổng Tôn	— Trưng-nữ-Vương
— Lalan de Calan	— Quang-Trung
— Escoubert	— Võ-Tánh
— Huyện Lâm	— Lý-công-Uân
— Barbe	— Lý-thường - Kiệt
— Gougéard	— Ngô-Quyền
— Bastard	— Thái - lập - Thành
— Phủ Cung	— Thủ - khoa Huân
— Lagrange	— Phan-đình-Phùng
— Garrido	— Phan-thanh-Giản
— Lamothe de Carrier	— Hoàng-hoa-Thám
— Phủ Chánh	— Trương-vĩnh - Ký

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Đốc Mân	Đường Phan-châu-Trinh
— Santerre	— Phan-bội - Châu
— Tổng Ngọc	— Bạch-Đăng
— Vincenti	— Hùng-Vương
— Déviation Villard	— Ng-trung-Trực



TÂY - NINH

Những đường này đổi tên mới do Nghị-định số 626/HCSV ngày 10-3-1955 và số 2500/HCSV ngày 19-9-1955

QUẬN CHÂU - THÀNH

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường Savin Larclauze	Đường Phan-thanh-Giản
— De Gaulle	— Trần Hưng-Đạo
— lalande de Calan	— Trưng-nữ-Vương
— Couffinal	— Tự-Đức
— Marchaise	— Hàm-Nghi
— La Pagode	— Yết - Ma Lượng
— Hôpital	— Pasteur
— Boutroy	— Lãnh-Binh Định
— Rheinard	— Huyện Vĩnh
Quai Libération	— Quang-Trung
— Larclauze	— Phan-châu-Trình
Đường Kompong - Cham	— Huỳnh-công-Giảng
— Địa-Hạt số 4	— Dương-minh-Đặng
— Địa-Hạt số 5	— Huỳnh - văn - Tấn
— Tâm-Long	— Võ-duy - Dương

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường Công-sở Thái-Hiệp- Thành	Đường Trương-Huệ
— Công-sở xuống chợ	— Hồ-huân-Nghiệp
— Arnaud	— Huỳnh - văn - Lại
— Abattoir	— Ng-văn-Buôn
Place du Marché	Công-Trường Duy-Tân

QUẬN TRẢNG - BÀNG

Đường tục kêu đường Chợ	Đại-lộ Đặng-văn-Trước
— Cầu-Cống	Đường Quang-Trung
— trước Văn - Phòng	
Quận	— Gia-Long
— đi An-Tĩnh	— Trưng-Trắc
— đến Lò Heo	— Trưng-Nhị
— Rạp Hát	— Lãnh-Binh Tòng
— Miếu Ngũ-Hành	— Duy-Tân
— nối liền đường rạp	
hát và đường Chợ trước	
bót Cảnh-Sát	— Võ-Tánh
— đi Trà-Đon	— Lê-Lợi
— Giếng Mạch	— Ng-văn-Kiên

QUẬN GÒ-DẦU-HẠ

Đường dọc theo mé sông	Đường Gia-Long
— hông chợ bên tả	— Phan-thanh-Giản
— hông chợ bên hữu	— Lê-văn-Duyệt

Tên đường cũ	Tên đường mới
Đường từ mé sông chạy ngang nhà Công-sở xuống Đình	Đường Trương-vĩnh-Ký
— từ Công-sở Thanh-Phước đến ngã năm RN. 22	Đại-lộ Quang-Trung
— đi Suối Cao (từ ngã năm RN, 22 đến ấp Thanh-tân)	Đường Hùng-Vương
— từ ngã năm RN. 22 đến Quốc-lộ số 1	— Trần Hưng-Đạo
— từ đồn Vệ-Binh-tỉnh Gò - dầu - hạ nổi liền đường Quốc - lộ số 22 chạy ngang ngã năm đến lộ số 1	— Lê-Thái-Tồ
— vô sân Vận-Động	— Trần - văn - Giám
— từ cầu ngang sông đến ngã ba nổi liền đường Quốc-lộ số 1	Đại-lộ Trung-nữ-Vương
— Lò Heo	Đường Nhà Máy



THỦ - DẦU - MỘT <i>Những đường này đổi tên mới do Nghị - định số 1327/HCSV ngày 13-5-1955</i> QUẬN - LỸ LÁI - THIÊU Làng Tân - Thới	
Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Rue Calmette	Đường Ng-thái-Học
— Renault	— Lê-Lợi
— Pasteur	— Pasteur
— Paul Doumer	— Nguyễn-Huệ
— Pasquier	— Trần - quốc - Tuấn
— Caillard	— Đỗ - thanh - Nhân
— Clémenceau	— Trưng-nữ-Vương
Maréchal Foch	— Nguyễn-Trãi
— Maréchal Joffre	— Phan-châu-Trinh
— Huyện Vinh	— Phan-đình-Phùng
Quai Outrey	— Châu - văn - Tiếp
Đường từ ngã năm đi Thủ-Đức tới rạp hát cũ	— Ng - huỳnh - Đức

Làng Phú - Long

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Đường Huyện Vĩnh nổi dài (từ Cầu Đức chợ tới Quốc-lộ 13) — tục gọi đường ra Bến đò cũ	Đường Hoàng-hoa-Tham — Phó - đức - Chính

Làng An - Thanh

Đường tục kêu là đường	Đường Đờ-Chiêu
— sau nhà việc	
— hông Chợ Búng	— Võ-Tánh
(phía trái)	
— hông Chợ Búng	— Lê-văn-Duyệt
(phía mặt)	
— khởi từ Quốc-lộ 13	— Thủ-khoa Huân
đến cổng xe lửa	

QUÂN HỚN - QUẢN

Làng Tân - Lập - Phú

Đường tục kêu là đường	Đường Chu-văn-An
Tổng Hấn	
— tục kêu là đường	— Phạm-ngũ-Lão
Wolf	
— khởi từ Quốc-lộ 13	— Trưng-Vương
đến đường Chu-văn-An	

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Đường khởi từ Quốc-lộ 13 đến đường cũ đi Kratié	Đường Phan - bội - Châu
— khởi từ Quốc-lộ 13 đến đường Hùng-Vương qua Quận đường Hón- quán	— Lý-thường-Kiệt
— khởi từ Quốc-lộ 13 đến đường đi Quản-Lợi, tục kêu đường cũ đi Kratié	— Nguyễn-Du
— từ Ngã ba đường Quản - Lợi đến Quốc - lộ 13	— Hùng-Vương
— hông chợ (phía trái)	— Trần-quốc-Tiến
— hông chợ (phía mặt)	— Lê-Lợi
— từ đường cũ đi Kra- tié đến ga xe lửa	— Phạm-hồng-Thái
— từ đường cũ đi Kratié đến Sở sáo-su Quản-Lợi	— Nguyễn-Trãi

QUẬN CHÂU - THÀNH

Làng Phú-Cường, Chánh-Hiệp

Đường tục kêu là đường
Chanson từ đường Bạch-
đăng đến công trường
Gia-long

Đường Doan-tran-Nghiep

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
— nối liền Quốc-lộ 13 France từ bót Chánh- Hiệp	Quốc-Lộ 13
— tục kêu đường Mo- ricet, từ thành lính đến bót Chánh-Hiệp	Đường Châu-văn-Tiếp



TRÀ - VINH

*Những đường này đổi tên mới do Nghị - định
số 2634/HCSV ngày 29 - 9 - 1955*

Tên đường cũ	Tên đường mới
Quai Doumer	Bến Bạch-Đằng
Avenue Lyautey	Đại-lộ Lý - thường - Kiệt
Rue Rolland Garros	Đường Thành-Thái
— Mangin	— Ng - đình - Chiêu
Bd Krautheimer	Đại-lộ Gia-Long
Rue Président Nguyễn-văn- Thỉnh	Đường Thủ-Tướng Ng- văn-Thỉnh
Rue Ba Tiêu, Faure, Texier	Đường Lê-Lợi
— Luciana	— Bà Triệu
— Neuve	Bến Ngô-Quyền
Quai Bertin	Đường Ng-an-Ninh
Rue Jaboint	— Phan-đình-Phùng
— Cazano	— Thái-lập - Thành
— Mosay	— Ng-thái-Học
— Maréchal Joffre	— Phạm-ngũ-Lão (?)
— Maréchal Foch	— Lê - quang - Liêm
— Barbagelata	— Quan-Trung
— Poincaré	

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue Langlais	Đường Châu - văn - Tiếp
— Moti	— Phan-châu-Trinh
— de l'Eglise	— Trương-vĩnh-Ký
— de la Sainte Enfance	— Calmette
Boulevard Caillard	Đại-lộ Trưng-nữ-Vương
Rue Sellier	Đường Nguyễn-Trãi
— De lalande Caland	— Lê-văn-Duyệt
Avenue Blanchard de la Brosse	
Rue Đỗ-hữu-Vị	Đại-lộ Lý-Thái-Tổ
— Osmont	Đường Đỗ-hữu-Vị
— Saliceti	— Lê-thánh-Tôn
Place du Marché	— Phan-thanh-Giản
Boulevard Galliéri	Công-trường Diên-Hồng
Rue Marquis	Đại-lộ Tôn-thọ-Tường
— Henry	Đường Phạm-hồng-Thái
— Chenieux	— Trần-quốc-Tuấn
	— Ng-tri-Phương



VĨNH - LONG

*Những đường này đổi tên mới do Nghị - định số
755/HCSV ngày 23 - 3 - 1955*

Tên đường cũ hay đường chưa có tên	Tên đường mới
Boulevard Poincaré	Đại-lộ Phan-thanh-Giản
— Gia-Long	— Gia-Long
Rue Saliceti	Đường Tông-phuoc-Hiệp
Quai Apiétôt	— Quang-Trung
Rue Sadec	— Lê-thái-Tổ
— Citadelle	— Hưng-Đạo-Vương
— Doumer	— Hùng-Vương
— Ravel	— Trưng-nữ-Vương
— Đồng-Khánh	— Đồng-Khánh
— Pasquier	— Lê-văn-Duyệt
— Bonard	— Trương-vĩnh-Ký
— Châu-văn-Tiếp	— Châu-văn-Tiếp
— Krautheimer	— Võ-Tánh
— Hà-Tiên	— Ng-bình-Khiêm
— Aristide Briand	— Thọai-ngọc-Hầu
— Pigneau de Béhaine	— Ng-trường-Tộ
— Vieux fossés	— Cồ-Trì
— Matelot Evêque	— Lý-thường-Kiệt
— Dương-văn-Ngo	— Ng-văn-Nhã
— Calmette	— Calmette

Tên đường cũ hay đường chưa có tên
Rue Cuny
— Thành-Hoàng
— Luro
— du Marché
Ruelle Chinoise
Rue Pasteur
— Chaigneau
— Phan-thanh-Gian
— de Cầu-Lầu
Quai Canal Ceinture
Đường hông chợ (bên trái)
— — — (bên mặt)
Rue Trần-công-Lại
Quai Xóm Bún
— Cái Cá
Rue Nguyễn-hữu-Nghĩa
Đường từ ngã ba Cần-thor
ra mé sông Cồ-Chiên
Rue Lê-minh-Thiệp
— Trần-minh-Tại
— Lê-văn-Vĩ
— Lê-văn-Lực

Công - Trường, Huê - Viên

Square Tribunal
Nouveau square
Station auto
Square Cửa Hữu
Stade Saliceti

Tên đường mới
Đường Đoàn-thị - Điềm
— Ng-thái-Học
— Lê-Lai
— Nguyễn-Trãi
— Ng-huỳnh - Đức
— Pasteur
— Ng-công-Trứ
— Ng - đình - Chiêu
— Cường-Đề
— Nguyễn-Du
— Chi-Lăng
— Bạch-Đăng
— Trần - công - Lại
Xóm Bún
Cái Cá
Đường Thủ-khoa Nghĩa
Xóm Chài
Đường Lê - minh - Thiệp
— Trương-tấn - Bửu
— Văn-Thánh
— Công-Thần

Công-viên Độc-Lập
— Thống-Nhất
C. T. Ng-văn-Thinh
Huê-viên Cửa Hữu
Sân vận-dộng Diên-Hồng

VỮNG - TÀU

Những đường này đổi tên mới do Nghị - định số
754/HCSV ngày 23 - 3 - 1955 và số 2730/HCSN
ngày 10 - 10 - 1955

Tên đường cũ	Tên đường mới
Quai de Lanessan	Đường Quang - Trung
Bd des Landes	Đại-lộ Gia-long
— Escoubet	— — Trần Hưng - Đạo
Route Bến-Đinh	Đường Lê - Lợi
Rue de Beaumont	— Nguyễn-thái-Học
— Bouzigon	— Phan-thanh-Giản
— Labuissière	— Lý - thường - Kiệt
— Rougeot	— Nguyễn-Du
— Arduzer	— Nguyễn-Trãi
— Luciana	— Ng-trường-Tộ
— Mourins d'Arfeuille	— Hoàng-Diệu
Route de Baria	— Trương-công-Định
— de Tiwan	— Hoàng-hoa-Thắm
Rue de Garrido	— Duy-Tân
— Richaud	— Đồ-Chiều
— Archinard	— Thành-Thái
— Henri	— Lê-Lai

Tên đường cũ	Tên đường mới
Rue de la République	Đường Triệu-Âu
— de la Concession	— Phan-bội-Châu
— des Carrières	— Phan-châu-Trình
Route des Grandes Corniches	— Lê-văn-Duyệt
— — Petites Corniches	— Võ-Tánh
Place de Marché { côté Est	— Trưng-Trắc
— — Ouest	— Trưng-Nhị
Vườn bông trước Văn- Phòng Thị Xá	Công - Trường Độc - Lập
Route Militaire No 1	Đường Ng - tri - Phương
— — No 6	— Phạm - hồng - Thái
Voie de Rcade	— Nguyễn-an - Ninh
Rue Marcellot	— Trương-vĩnh - Ký
— Blancsubé	— Thủ - khoa Huân
— Filippini	— Tạ-thu-Thâu
— Général Delambre	— Đinh-tiên-Hoàng
— de la Douane	— Ngô - tùng - Châu
— Reynaux	— Phan-đình-Phùng
— de la Liberté	— Tự-Do
— Champeaux	— Ngô-Quyền
— Duperré	— Cường-Đề



BẢNG CHỈ ĐƯỜNG BỘ NAM - VIỆT

Từ SÀI-GÒN đi :

Bắc-Liêu	: 276 km
Bà-Rịa	: 101 —
Bến-Tre	: 86 —
Biên-Hoà	: 30 —
Cần-Thơ	: 166 —
Châu-Đốc	: 243 —
Chợ-Lớn	: 5 —
Gia-Định	: 5 —
Gò-Công	: 58 —
Hà-Tiên	: 369 —
Long-Xuyên	: 186 —
Mỹ-Tho	: 71 —
Rạch-Giá	: 284 —
Sa-Đéc	: 139 —
Sóc-Trăng	: 225 —
Tân-An	: 45 —
Tây-Ninh	: 96 —
Thủ-Dầu-Một	: 29 —
Trà-Vinh	: 198 —
Vinh-Long	: 133 —
Vũng-Tàu	: 123 —

Từ BẮC-LIÊU đi :

Sài-Gòn	: 276 km
Bà-Rịa	: 377 —
Bến-Tre	: 225 —
Biên-Hoà	: 306 —
Cần-Thơ	: 108 —
Châu-Đốc	: 222 —
Chợ-Lớn	: 271 —
Gia-Định	: 281 —
Gò-Công	: 244 —
Hà-Tiên	: 286 —
Long-Xuyên	: 170 —
Mỹ-Tho	: 210 —
Rạch-Giá	: 186 —
Sa-Đéc	: 163 —
Sóc-Trăng	: 56 —
Tân-An	: 225 —
Tây-Ninh	: 370 —
Thủ-Dầu-Một	: 301 —
Trà-Vinh	: 122 —
Vinh-Long	: 142 —
Vũng-Tàu	: 399 —

Từ BÀ-RỊA đi :

Sài-Gòn	: 101 km
Bắc-Liêu	: 377 —
Bến-Tre	: 225 —
Biên-Hoà	: 71 —
Cần-Thơ	: 267 —
Châu-Đốc	: 344 —
Chợ-Lớn	: 106 —
Gia-Định	: 96 —
Gò-Công	: 459 —
Hà-Tiên	: 470 —
Long-Xuyên	: 281 —
Mỹ-Tho	: 172 —
Rạch-Giá	: 385 —
Sa-Đéc	: 240 —
Sốc-Trăng	: 326 —
Tân-An	: 146 —
Tây-Ninh	: 172 —
Thủ-Dầu-Một	: 92 —
Trà-Vinh	: 299 —
Vĩnh-Long	: 234 —
Vũng-Tàu	: 22 —

Từ BẾN-TRE đi :

Sài-Gòn	: 86 km
Bắc-Liêu	: 225 —
Bà-Rịa	: 187 —
Biên-Hoà	: 116 —
Cần-Thơ	: 115 —
Châu-Đốc	: 230 —
Chợ-Lớn	: 81 —
Gia-Định	: 91 —
Gò-Công	: 49 —
Hà-Tiên	: 314 —
Long-Xuyên	: 176 —
Mỹ-Tho	: 14 —
Rạch-Giá	: 213 —
Sa-Đéc	: 95 —
Sốc-Trăng	: 175 —
Tân-An	: 39 —
Tây-Ninh	: 182 —
Thủ-Dầu-Một	: 115 —
Trà-Vinh	: 152 —
Vĩnh-Long	: 87 —
Vũng-Tàu	: 204 —

Từ BIÊN-HOÀ đi :

Sài-Gòn	: 30 km
Bắc-Liêu	: 306 —
Bà-Rịa	: 71 —
Bến-Tre	: 116 —
Cần-Thơ	: 196 —
Châu-Đốc	: 273 —
Chợ-Lớn	: 35 —
Gia-Định	: 25 —
Gò-Công	: 88 —
Hà-Tiên	: 399 —
Long-Xuyên	: 216 —
Mỹ-Tho	: 101 —
Rạch-Giá	: 314 —
Sa-Đéc	: 169 —
Sốc-Trăng	: 255 —
Tân-An	: 75 —
Tây-Ninh	: 103 —
Thủ-Dầu-Một	: 23 —
Trà-Vinh	: 228 —
Vĩnh-Long	: 163 —
Vũng-Tàu	: 93 —

Từ CẦN-THƠ đi :

Sài-Gòn	: 166 km
Bắc-Liêu	: 108 —
Bà-Rịa	: 261 —
Bến-Tre	: 115 —
Biên-Hoà	: 196 —
Châu-Đốc	: 114 —
Chợ-Lớn	: 161 —
Gia-Định	: 171 —
Gò-Công	: 137 —
Hà-Tiên	: 218 —
Long-Xuyên	: 62 —
Mỹ-Tho	: 102 —
Rạch-Giá	: 118 —
Sa-Đéc	: 56 —
Sốc-Trăng	: 59 —
Tân-An	: 118 —
Tây-Ninh	: 262 —
Thủ-Dầu-Một	: 195 —
Trà-Vinh	: 99 —
Vĩnh-Long	: 33 —
Vũng-Tàu	: 283 —

Từ CHÂU-ĐỐC đi :

Sài-Gòn	: 243 km
Bắc-Liêu	: 222 —
Bà-Rịa	: 344 —
Bến-Tre	: 230 —
Biên-Hòa	: 273 —
Cần-Thơ	: 114 —
Chợ-Lớn	: 238 —
Gia-Định	: 248 —
Gò-Công	: 251 —
Hà-Tiên	: 227 —
Long-Xuyên	: 53 —
Mỹ-Tho	: 216 —
Rạch-Giá	: 128 —
Sa-Đéc	: 99 —
Sốc-Trăng	: 173 —
Tân-An	: 232 —
Tây-Ninh	: 339 —
Thủ-Dầu-Một	: 272 —
Trà-Vinh	: 213 —
Vĩnh-Long	: 147 —
Vũng-Tàu	: 366 —

Từ CHỢ-LỚN đi :

Sài-Gòn	: 5 km
Bắc-Liêu	: 271 —
Bà-Rịa	: 106 —
Bến-Tre	: 81 —
Biên-Hoà	: 35 —
Cần-Thơ	: 161 —
Châu-Đốc	: 238 —
Gia-Định	: 10 —
Gò-Công	: 53 —
Hà-Tiên	: 364 —
Long-Xuyên	: 181 —
Mỹ-Tho	: 66 —
Rạch-Giá	: 279 —
Sa-Đéc	: 134 —
Sốc-Trăng	: 220 —
Tân-An	: 40 —
Tây-Ninh	: 101 —
Thủ-Dầu-Một	: 34 —
Trà-Vinh	: 193 —
Vĩnh-Long	: 128 —
Vũng-Tàu	: 128 —

Từ GIA-ĐỊNH đi :

Sài-Gòn	: 5 km
Bắc-Liêu	: 281 —
Bà-Rịa	: 96 —
Bến-Tre	: 91 —
Biên-Hoà	: 25 —
Cần-Thơ	: 171 —
Châu-Đốc	: 248 —
Chợ-Lớn	: 10 —
Gò-Công	: 63 —
Hà-Tiên	: 374 —
Long-Xuyên	: 191 —
Mỹ-Tho	: 76 —
Rạch-Giá	: 229 —
Sa-Đéc	: 144 —
Sốc-Trăng	: 230 —
Tân-An	: 50 —
Tây-Ninh	: 91 —
Thủ-Dầu-Một	: 24 —
Trà-Vinh	: 203 —
Vĩnh-Long	: 138 —
Vũng-Tàu	: 118 —

Từ GÒ-CÔNG đi :

Sài-Gòn	: 58 km
Bắc-Liêu	: 244 —
Bà-Rịa	: 459 —
Bến-Tre	: 49 —
Biên-Hoà	: 88 —
Cần-Thơ	: 137 —
Châu-Đốc	: 251 —
Chợ-Lớn	: 53 —
Gia-Định	: 63 —
Hà-Tiên	: 355 —
Long-Xuyên	: 199 —
Mỹ-Tho	: 35 —
Rạch-Giá	: 255 —
Sa-Đéc	: 48 —
Sốc-Trăng	: 196 —
Tân-An	: 59 —
Tây-Ninh	: 154 —
Thủ-Dầu-Một	: 87 —
Trà-Vinh	: 111 —
Vĩnh-Long	: 108 —
Vũng-Tàu	: 181 —

Từ HÀ - TIÊN đi :

Sài-Gòn	: 369 km
Bắc-Liêu	: 286 —
Bà-Rịa	: 470 —
Bến-Tre	: 310 —
Biên-Hoà	: 399 —
Cần-Thơ	: 218 —
Châu-Đốc	: 227 —
Chợ-Lớn	: 364 —
Gia-Định	: 374 —
Gò-Công	: 355 —
Long-Xuyên	: 175 —
Mỹ-Tho	: 320 —
Rạch-Giá	: 100 —
Sa-Đéc	: 206 —
Sóc-Trăng	: 248 —
Tân-An	: 236 —
Tây-Ninh	: 465 —
Thủ-Dầu-Một	: 398 —
Trà-Vinh	: 317 —
Vĩnh-Long	: 251 —
Vũng-Tàu	: 492 —

Từ Long-Xuyên đi :

Sài-Gòn	: 186 km
Bắc-Liêu	: 170 —
Bà-Rịa	: 287 —
Bến-Tre	: 176 —
Biên-Hoà	: 216 —
Châu-Đốc	: 62 —
Chợ-Lớn	: 53 —
Gia-Định	: 191 —
Gò-Công	: 199 —
Hà-Tiên	: 175 —
Mỹ-Tho	: 124 —
Rạch-Giá	: 75 —
Sa-Đéc	: 46 —
Sóc-Trăng	: 121 —
Tân-An	: 141 —
Tây-Ninh	: 282 —
Thủ-Dầu-Một	: 215 —
Trà-Vinh	: 161 —
Vĩnh-Long	: 95 —
Vũng-Tàu	: 309 —

Từ MỸ - THO đi :

Sài-Gòn	: 71 km
Bắc-Liêu	: 210 —
Bà-Rịa	: 172 —
Bến-Tre	: 14 —
Biên-Hoà	: 101 —
Cần-Thơ	: 102 —
Châu-Đốc	: 216 —
Chợ-Lớn	: 66 —
Gia-Định	: 76 —
Gò-Công	: 35 —
Hà-Tiên	: 320 —
Long-Xuyên	: 124 —
Rạch-Giá	: 220 —
Sa-Đéc	: 83 —
Sóc-Trăng	: 161 —
Tân-An	: 25 —
Tây-Ninh	: 167 —
Thủ-Dầu-Một	: 100 —
Trà-Vinh	: 138 —
Vĩnh-Long	: 73 —
Vũng-Tàu	: 194 —

Từ RẠCH-GIÁ đi :

Sài-Gòn	: 284 km
Bắc-Liêu	: 186 —
Bà-Rịa	: 385 —
Bến-Tre	: 213 —
Biên-Hoà	: 314 —
Cần-Thơ	: 118 —
Châu-Đốc	: 128 —
Chợ-Lớn	: 279 —
Gia-Định	: 229 —
Gò-Công	: 255 —
Hà-Tiên	: 100 —
Long-Xuyên	: 75 —
Mỹ-Tho	: 220 —
Sa-Đéc	: 106 —
Sóc-Trăng	: 148 —
Tân-An	: 239 —
Tây-Ninh	: 380 —
Thủ-Dầu-Một	: 313 —
Trà-Vinh	: 216 —
Vĩnh-Long	: 151 —
Vũng-Tàu	: 407 —

Từ SA-ĐÉC đi :

Sài-Gòn	: 139 km
Bắc-Liêu	: 163 —
Bà-Rịa	: 240 —
Bến-Tre	: 95 —
Biên-Hoà	: 169 —
Cần-Thơ	: 56 —
Châu-Đốc	: 99 —
Chợ-Lớn	: 134 —
Gia-Định	: 144 —
Gò-Công	: 48 —
Hà-Tiên	: 206 —
Long-Xuyên	: 46 —
Mỹ-Tho	: 83 —
Rạch-Giá	: 106 —
Sốc-Trăng	: 115 —
Tân-An	: 94 —
Tây-Ninh	: 235 —
Thủ-Dầu-Một	: 168 —
Trà-Vinh	: 89 —
Vĩnh-Long	: 25 —
Vũng-Tàu	: 263 —

Từ Sốc - Trăng đi :

Sài-Gòn	: 225 km
Bắc-Liêu	: 56 —
Bà-Rịa	: 326 —
Bến-Tre	: 175 —
Biên-Hoà	: 255 —
Cần-Thơ	: 59 —
Châu-Đốc	: 173 —
Chợ-Lớn	: 220 —
Gia-Định	: 230 —
Gò-Công	: 196 —
Hà-Tiên	: 248 —
Long-Xuyên	: 121 —
Mỹ-Tho	: 161 —
Rạch-Giá	: 148 —
Sa-Đéc	: 115 —
Tân-An	: 180 —
Tây-Ninh	: 321 —
Thủ-Dầu-Một	: 254 —
Trà-Vinh	: 72 —
Vĩnh-Long	: 92 —
Vũng-Tàu	: 348 —

Từ TÂN-AN đi :

Sài-Gòn	: 45 km
Bắc-Liêu	: 225 —
Bà-Rịa	: 146 —
Bến-Tre	: 39 —
Biên-Hoà	: 75 —
Cần-Thơ	: 118 —
Châu-Đốc	: 232 —
Chợ-Lớn	: 40 —
Gia-Định	: 50 —
Gò-Công	: 59 —
Hà-Tiên	: 236 —
Long-Xuyên	: 141 —
Mỹ-Tho	: 25 —
Rạch-Giá	: 239 —
Sa-Đéc	: 94 —
Sốc-Trăng	: 180 —
Tây-Ninh	: 141 —
Thủ-Dầu-Một	: 74 —
Trà-Vinh	: 153 —
Vĩnh-Long	: 88 —
Vũng-Tàu	: 168 —

Từ TÂY-NINH đi :

Sài-Gòn	: 96 km
Bắc-Liêu	: 370 —
Bà-Rịa	: 172 —
Bến-Tre	: 182 —
Biên-Hoà	: 103 —
Cần-Thơ	: 262 —
Châu-Đốc	: 339 —
Chợ-Lớn	: 101 —
Gia-Định	: 91 —
Gò-Công	: 154 —
Hà-Tiên	: 465 —
Long-Xuyên	: 282 —
Mỹ-Tho	: 167 —
Rạch-Giá	: 380 —
Sa-Đéc	: 235 —
Sốc-Trăng	: 321 —
Tân-An	: 141 —
Thủ-Dầu-Một	: 80 —
Trà-Vinh	: 294 —
Vĩnh-Long	: 229 —
Vũng-Tàu	: 196 —

Từ Thủ-Dầu-Một đi :

Sài-Gòn	: 29 km
Bắc-Liêu	: 301 —
Bà-Rịa	: 92 —
Bến-Tre	: 115 —
Biên-Hoà	: 23 —
Cần-thơ	: 195 —
Châu-Đốc	: 272 —
Chợ-Lớn	: 34 —
Gia-Định	: 24 —
Gò-Công	: 87 —
Hà-Tiên	: 398 —
Long-Xuyên	: 215 —
Mỹ-Tho	: 100 —
Rạch-Giá	: 313 —
Sa-Đéc	: 168 —
Sốc-Trăng	: 254 —
Tân-An	: 74 —
Tây-Ninh	: 80 —
Trà-Vinh	: 227 —
Vĩnh-Long	: 162 —
Vũng-Tàu	: 114 —

Từ TRÀ-VINH đi :

Sài-Gòn	: 198 km
Bắc-Liêu	: 122 —
Bà-Rịa	: 299 —
Bến-Tre	: 152 —
Biên-Hoà	: 228 —
Cần-Thơ	: 99 —
Châu-Đốc	: 213 —
Chợ-Lớn	: 193 —
Gia-Định	: 203 —
Gò-Công	: 111 —
Hà-Tiên	: 317 —
Long-Xuyên	: 161 —
Mỹ-Tho	: 138 —
Rạch-Giá	: 216 —
Sa-Đéc	: 89 —
Sốc-Trăng	: 72 —
Tân-An	: 153 —
Tây-Ninh	: 294 —
Thủ-Dầu-Một	: 227 —
Vĩnh-Long	: 65 —
Vũng-Tàu	: 321 —

Từ VĨNH-LONG đi:

Sài-Gòn	: 133 km
Bắc-Liêu	: 142 —
Bà-Rịa	: 284 —
Bến-Tre	: 87 —
Biên-Hoà	: 163 —
Cần-Thơ	: 33 —
Châu-Đốc	: 147 —
Chợ-Lớn	: 128 —
Gia-Định	: 138 —
Gò-Công	: 108 —
Hà-Tiên	: 251 —
Long-Xuyên	: 95 —
Mỹ-Tho	: 73 —
Rạch-Giá	: 151 —
Sa-Đéc	: 25 —
Sốc-Trăng	: 92 —
Tân-An	: 88 —
Tây-Ninh	: 229 —
Thủ-Dầu-Một	: 162 —
Trà-Vinh	: 65 —
Vũng-Tàu	: 256 —

Từ VŨNG - TÀU

(Cap St Jacques) đi :

Sài-Gòn	: 123 km
Bắc-Liêu	: 399 —
Bà-Rịa	: 22 —
Bến-Tre	: 204 —
Biên-Hoà	: 93 —
Cần-Thơ	: 283 —
Châu-Đốc	: 366 —
Chợ-Lớn	: 128 —
Gia-Định	: 118 —
Gò-Công	: 181 —
Hà-Tiên	: 492 —
Long-Xuyên	: 309 —
Mỹ-Tho	: 194 —
Rạch-Giá	: 407 —
Sa-Đéc	: 263 —
Sốc-Trăng	: 348 —
Tân-An	: 168 —
Tây-Ninh	: 196 —
Thủ-Dầu-Một	: 114 —
Trà-Vinh	: 321 —
Vĩnh-Long	: 256 —

BẢNG CHỈ ĐƯỜNG BỘ TRUNG-VIỆT

Từ HUẾ đi các TỈNH :

Ban-Mê-Thuôt	755 km
Đà-Lạt	835 —
Đà-Năng (Tourane)	105 —
Hà-Tĩnh	313 —
Kontum	570 —
Nha-Trang	630 —
Nghệ-An	360 —
Phan-Thiết	880 —
Phan-Rang	730 —
Pleiku	542 —
Quảng-Nam	120 —
Quảng-Ngãi	230 —
Quảng-Bình	166 —
Quảng-Trị	60 —
Qui-Nhơn	400 —
Song-Cầu	450 —
Thanh-Hoá	500 —

BẢNG CHỈ ĐƯỜNG BỘ BẮC-VIỆT

Từ HÀ-NỘI đi các TỈNH

Bắc-Kạn	: 142 km	Nam-Định	: 89 km
Bắc-Ninh	: 29 —	Ninh-Bình	: 91 —
Bắc-Giang	: 50 —	Phủ-Thọ	: 85 —
(Phủ - Lạng - Thương)		Phủ-Lý	: 57 —
Cao-Bằng	: 225 —	Phát-Diem	: 100 —
Đông-Triều	: 83 —	Phúc-Yên	: 44 —
Đồ-Sơn	: 126 —	Phu-Lang-Thuong	: 50 —
Hà-Đông	: 11 —	Quảng-Yên	: 123 —
Hoà-Bình	: 69 —	Sơn-Tây	: 41 —
Hải-Phòng	: 104 —	Sơn-La	: 311 —
Hưng-Yên	: 48 —	Sầm-Nứa	: 240 —
Hà-Giang	: 260 —	Thái-Nguyên	: 65 —
Hải-Dương	: 57 —	Thái-Bình	: 93 —
Hà-Nam	: 57 —	Tiên-Yên	: 228 —
Kiến-An	: 114 —	Tuyên-Quang	: 145 —
Lào-Cay	: 320 —	Yên-Báy	: 140 —
Lạng-Sơn	: 140 —	Vĩnh-Yên	: 43 —
Lai-Châu	: 496 —	Việt-Trì	: 70 —
Móng-Cáy	: 300 —		

ĐỊA - CHỈ CÔNG-SỞ

Các Toà và Nha trực - thuộc PHỦ TỔNG - THỐNG

- 1^o Toà Tổng-Ủy Di-Cư, 25 - 27, Đại-Lộ Thống-Nhứt
- 2^o — Đặc - Ủy Công-Dân-Vụ, 212 A, đường Trần Hưng-Đạo
- 3^o Nha Tổng Thanh-Tra các Sở Hành-Chánh và Tài-Chánh, 206, đường Công-Lý
- 4^o Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ, 233, đường Tự-Do
- 5^o — Tổng Giám - Đốc Kế - Hoạch, 29 bis, đường Phan-Đình-Phùng
- 6^o Nha Giám-Đốc Ngân-Sách, Dinh Độc-Lập
- 7^o — Tổng Giám - Đốc Bảo - An - Đoàn, 76, đường Hồng-Thập-Tự
- 8^o Học - Viện Quốc - Gia Hành - Chánh, 4, đường Alexandre de Rhodes

CÁC BỘ

- Bộ tại Phủ Tổng - Thống, Dinh Độc - Lập, Đại - Lộ
Thống-Nhứt
- Nội-Vụ, 164, đường Tự-Do
 - Tư-Pháp, 12, đường Mạc-Đĩnh-Chi
 - Ngoại-Giao, 6, đường Alexandre de Rhodes
 - Quốc-Phòng, 63, đường Gia-Long
 - Tài-Chánh, 1, đường Nguyễn-Du
 - Kinh-Tế, 36, đường Nguyễn-Du
 - Thông-Tin và Thanh-Niên, 170, đường Phan-Đình-Phùng
 - Quốc-Gia Giáo-Dục, 70, Lê-Thánh-Tôn
 - Nha Văn-Hoá, Viện Khảo-Cổ, 266, Công-Lý
 - Bộ Xã-Hội và Y-Tế
 - Xã-Hội, 46, đường Tự-Đức
 - Y-Tế, 59, đường Hồng-Thập-Tự
 - Lao-Động, 159, đường Pasteur
 - Canh-Nông, 58, đường Nguyễn-Bình-Khiêm
 - Công-Chánh và Giao-Thông, 94, đường De Lattre de Tassigny
 - Điền-Thổ và Cải-Cách Điền-Địa, 28, đường Mạc-Đĩnh-Chi

TY, SỞ CỦA ĐÔ - THÀNH SÀI-GÒN CHỢ-LỚN

Toà Đô - chánh Sài - Gòn Chợ - Lớn, (Toà Phó Đô - trưởng Sài-gòn, Ty Hành - Chánh và nhơn - viên, Ty Tài-chánh, Phòng thu các sắc thuế thuộc Đô - thành, Ty Vệ-Sinh, Phòng Hộ-tịch, Ty Kỹ - Thuật, Ty Kiêu-lộ, Ty Công-Xá, Ty Biện-Thiết, Ty Họa - Đồ, Ty Thủy - điện, Gia - cư liêm-giá-cuộc, Ty Trồng-tĩa), 86, đường Lê-thánh-Tôn, Sài-Gòn

Toà Phó Đô - trưởng Chợ - Lớn và các ty tùy - thuộc, 218, đl. Đồng-Khánh, Chợ-Lớn

Văn-phòng Chủ-tịch và văn-phòng Hội-dồng Đô-thành Sài-Gòn Chợ-Lớn, trên lầu toà Đô - chánh, 86, đường Lê-thánh-Tôn, Sài-Gòn

Văn-phòng Thanh-Tra các trường tiểu-học, 94, Phan-Đình-Phùng, Sài-Gòn

Nha Giám-Đốc Cảnh-Sát, 268, đl. Trần Hưng-Đạo, Sài-Gòn

Sở Cứu-Hỏa, 258, đl. Trần Hưng-Đạo, Sài-Gòn

Công-Xưởng Đô-thành, 262, đl. Trần Hưng - Đạo, Sài-Gòn

Thị-sảnh quận nhứt, 86, Lê-Thánh-Tôn, Sài-Gòn

— — nhì, góc đường Trần Hưng-Đạo và B. S. Yersin, Sài-Gòn

— — ba, 200, Hai Bà Trưng, Sài-Gòn

— — tư, 218, Đồng-Khánh, Chợ-Lớn

— — năm 301, Bến Bình-Đông, Chợ-Lớn

— — sáu 5, Đoàn-Nhữ-Hải, Sài-Gòn

— — bảy 10, Minh-Phụng, Chợ-Lớn



CÁC CƠ-QUAN THUẾ-VỤ

Nha Tổng Giám-Đốc Thuế-Vụ

— Thuế Trực-Thâu

— Thuế Gián-Thâu

— Tổng Thanh-Tra Thuế-Vụ

Ty Thuế Môn-Bài Sài-Gòn

— Thuế Lợi-Tức Tư-nhân
Sài-Gòn

— Thuế Lợi-Tức Pháp-nhân
Sài-Gòn

— Thuế Lương-Bổng

85, đại-lộ Hàm-Nghi

Ty Thuế Điền-Thô Sài-Gòn

Phòng Thâu Thuế Gián-Thâu
Yersin cũ

59, đường De Lattre
de Tassigny

Phòng Thâu Thuế Gián - Thâu Tổng - đốc Phương,
144, đường Tổng-dốc Phương

Ty Thuế Trực-Thâu (Ty Điền-Thô và Lợi-Tức)

Phòng Thâu Thuế Gián - Thâu Hồng - thập - Tự, 18,
đường Hồng-thập-Tự

Phòng Thâu Thuế Gián - Thâu Võ - di - Nguy, 117,
đường Võ-di-Nguy

Phòng Thâu Thuế Gián - Thâu Trương - tấn - Bửu, 64,
đường Trương-tấn-Bửu

Phòng Thâu Thuế Gián - Thâu Quang - Trung, 580,
đường Nguyễn-Trái

CÁC BỆNH-VIỆN, Y-VIỆN, CHẨN-Y-VIỆN VÀ NHÀ BẢO-SANH CÔNG-LẬP TẠI ĐÔ - THÀNH SÀI - GÒN ~ CHỢ - LỚN

SÀI - GÒN

Dejean de la Bâtie (Trị bệnh và thí thuốc từ 7 giờ
đến 10 giờ 30, có phòng gát thường trực ngày
và đêm), Đường Lê-Lợi, ngang chợ Sài-Gòn

Bệnh-viện khẩn-cấp Đô-Thành (Dưỡng bệnh, sáng từ
7 giờ đến 10 giờ 30, chiều 14 giờ 30 đến 17
giờ), 74, đường Huỳnh-thúc-Kháng

Chẩn-y-viện Võ - Tánh (Thí thuốc trẻ em và đàn bà có
thai, sáng từ 6 g. đến 10 g., chiều 14 g. 30 đến
17 g.), chúa nhật và ngày lễ có gát từ 7 g. đến
9 g.), góc đường Võ-Tánh và Khải-Định

Y-viện Bạc-Hà (Khám bệnh và trị bệnh huê-liều, sáng
từ 7 g. đến 10 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g.),
8, đường Hồ-xuân-Hương

Chẩn-y-viện Chí-Hoà (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ
7 g. 30 đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30),
Đường Lê-văn-Duyệt

Y - viện Tân - Định (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. 30 đến 10 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g., có phòng gát thường trực ngày và đêm), 338 Đường Hai Bà Trưng

Chân-y-viện Pierre Tập (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. 30 đến 10 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g.), 9 và 10, Cư-Xá Trưng-tấn-Bửu

Chân-y-viện Vườn-Chuối (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. 30 đến 10 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g.), số 106, Đường Phan - đình - Phùng, gần bót Cảnh - Sát Vườn - Chuối

Chân-y-viện Chợ-Lớn (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), 817, Đại-lộ Hồng-Bàng

Chân-y-viện Phú-Thọ (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), Đường Lê-dại-Hành nổi dài

Chân-y-viện Nguyễn-tri-Phương (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), Công-Trường Nguyễn-tri-Phương

Chân-y-viện Tân-Kiến (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), Đường Trần Hưng-Đạo (tại Đình Tân-Kiến)

Chân-y-viện Ngã-Sáu (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30.), Đường Sư Vạn-Hạnh

Chân-y-viện Xóm-Củi (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), Đường Tùng-thiện-Vương

Chân-y-viện Bình-Đông (Có nhà Bảo-sanh, trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g. 30, chiều 14 g. 30 đến 17 g. 30), Đường Mễ-Cốc (Lê-Lai cũ)

Chân-y-viện Khánh-Hội (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g., chiều 14 g. 30 đến 17 g., có gát ngày và đêm), Đại-lộ Hoàng-Diệu

Chân-y-viện Xóm-Chiếu (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g., chiều 14 g. 30 đến 17 g., có gát ngày và đêm.), Đường Kinh-Đôi

Chân-y-viện Vĩnh-Hội (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g., chiều 14 g. 30 đến 17 g., có gát ngày và đêm.), Bến Vân-Đồn

Chân-y-viện Phú-Lâm (Có nhà Bảo-sanh, trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g., chiều 14 g. 30 đến 17 g., có gát ngày và đêm.), Đường Lục-Tĩnh

Chân-y-viện Quận Bảy (Trị bệnh và thí thuốc, sáng từ 7 g. đến 11 g., chiều 14 g. 30 đến 17 g., có gát ngày và đêm.), Đường Phạm-đình-Hồ

CHỈ - DẪN CẦN - THIẾT

SỨ-QUÁN NGOẠI-QUỐC

ADRESSES UTILES

Haut Commissariat de la République Française au Viêt-Nam

Cabinet du Haut Commissaire, 27, rue Hồng-thập-Tự
(ex Chasseloup Laubat)

Bureau du Conseiller, 138, rue Hồng-thập-Tự

— -- Chargé d'Affaires, 138, rue Hồng-thập-Tự

— — Chef de Cabinet, 138, rue Hồng-thập-Tự

Chef du Service Diplomatique, 138, rue Hồng-thập-Tự

Hôtel du Haut Commissaire, 168, rue Hai Bà Trưng
(ex Paul Blanchy)

Appartement de passage, 45, rue Duy-Tân (ex Garcerie)

Service de Protection de la Représentation Civile Fran-
çaise et du Corps Expéditionnaire au Sud Viêt-
Nam, 242, rue Trần-bình-Trọng (ex Paulus Cửa)

AMBASSADES, LÉGATIONS ET CONSULATS

Ambassades des Etats-Unis d'Amérique, 4, rue Võ-di-Nguy (ex Georges Guynemer)

Services Américains d'Information, 36, Passage Eden
Section Films et Radio, 35 bis, rue Gialong (ex La-
grandière)

Bibliothèque et Section Culturelle, 35 bis, rue Gia-Long
Attachés Militaire, Naval et de l'Air, 5 rue Lê-Lợi
(ex place Francis-Garnier)

Mission Spéciale Technique et Économique (STEM),
32, rue Ngô-thời-Nhiệm (ex Jauréguiberry)

Bureau du Contrôleur, 26, rue Gia-Long (ex Lagran-
dière (1er étage)

Bureau d'Education et d'Information, 106, Bd Nguyễn-
Huệ (ex Bd Charner (2ème étage)

Ambassade de Grande Bretagne

Bureaux, 1, rue Võ-di-Nguy (ex Georges Guynemer)

Service d'Information, 123, rue Lê-Lợi (ex bd Bonard)

Légation d'Australie, Bureaux, 149-151, rue Pasteur
(ex Pellerin)

Légation d'Italie, Ministre d'Italie, 35, rue Phủ Kiệt
— — Chancellerie, 35, rue Phủ Kiệt

Légation du Japon, 106, rue Phan-dinh-Phùng (ex Richaud)

Légation de Thaïlande (Royale), 253, rue Phan-thanh-Giản (ex Legrand de la Liraye)

Consul Général de Chine, 47, rue Pasteur (ex Maréchal Leclerc)

— — de l'Inde, 213, rue Tự-Do (ex Catinat) (1er étage B)

— — des Pays-Bas, Chancellerie, 139, B^d Nguyễn-Huệ (ex B^d Charner)

— — de Belgique, 26, rue Gia-Long (ex Lagrandière)

Consulat du Danemark, 11, rue Nguyễn-công-Trứ (ex Lefèbvre)

— du Portugal, 39, Bến Chương-Dương (ex quai Belgique)

— Royal de Grèce, Bureau du Consul, 7 bis, Bến Chương-Dương (ex quai Belgique)

— Royal de Norvège, 132, rue Maréchal de Latre de Tassigny

— de Suède, 9, rue Nguyễn-công-Trứ (ex Lefèbvre)

Consulat de Suisse, 29, quai Chương-Dương (ex quai Belgique)

REPRÉSENTANTS DIPLOMATIQUES

Représentant Diplomatique du Gouvernement du Japon, 106, rue Phan-dinh-Phùng (ex Richaud)

Représentant du Gouvernement Laotien, 181, rue Hải Bà Trưng (ex Paul Blanchy)

Délégation du Cambodge auprès du Commissariat Général de France en Indochine, 91, rue Phan-dinh-Phùng (ex Richaud)



ĐỊA-CHỈ CẦN BIẾT

NGÂN-HÀNG

Bank of China, 11, bến Chương-Dương
 Bank of Communications, 11, Nguyễn-công-Trứ
 Bank of East Asia LTD, 6, Võ-di-Nguy
 Banque Franco Chinoise (Pháp Hoa), 32, đại-lộ
 Hàm-Nghi

Chi-ngánh (B. F. C.)

386, đại-lộ Đồng - Khánh, Chợ-Lớn

178, đường Lê-thánh-Tôn, Sài-Gòn

Banque Nationale (B. N. C. I.), 36, Tôn-thất Đạm

B. I. C. (Đông - Dương Ngân - Hàng), góc Chương-Dương và Pasteur

Chartered Bank of India, Australia and China, 3, Võ-di-Nguy

Hongkong et Shanghai banque, 9, bến Chương-Dương

Việt-Nam Thương-Tín, góc Bến Chương-Dương và Tôn-thất Đạm

GIAO-THÔNG

Hàng-không

Air Việt-Nam { Ban Giám-Đốc, góc đại-lộ Nguyễn-Huệ, Lê-thánh-Tôn. Bến khởi-hành và hàng - hóa, 61, đại-lộ Lê-Lợi

Aigle Azur, 65, đường Lê-thánh-Tôn

Air France, 12, đại-lộ Thống-Nhứt

Air Laos, 65, đường Lê-thánh-Tôn

Cathay Pacific Airways, 31, đường Tự-Do

Cosara, 9, đường Hồ-Huân-Nghiep

P. A. A., 31, đường Tự-Do

T. A. I., 46, đường Tự-Do

U. A. T., 16, bến Chương-Dương

GIỜ Ô-TÔ-RAY VÀ XE LỬA CHẠY :

Sàigòn	đến	Tân-An	đến	Mỹ-Tho
4 giờ 15	—	5 giờ 51	—	6 giờ 40
6 , 02	—	7 , 29	—	8 , 13
7 , 38	—	9 , 06	—	9 , 54
9 , 10	—	10 , 35	—	11 , 17
11 , 45	—	13 , 27	—	14 , 14
13 , 55	—	15 , 22	—	16 , 10
15 , 30	—	17 , 30	—	18 , 03
17 , 27	—	18 , 55	—	19 , 35
18 , 28	—	19 , 49	—	20 , 27

LINH-TINH

Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ Nam-Việt, 14, Lê-văn-Duyệt

Hồng-Thập-Tự Pháp, 38, đường Tú-Xương

— Việt-Nam, 201, đường Hồng-Thập-Tự

Hợp-tác-xã Nông-Phổ và Tiểu-Công, 122, đường De
Lattre de Tassigny

Nghiep - đoàn Nhà máy xay Việt-Nam, 117, đại-lộ
Hàm-Nghi

— Nông-gia Việt-Nam, 196, đường Hồng-
Thập-Tự

— Chợ-Chuyên đường bộ Nam-Việt, 46,
đường Phạm-hồng-Thái

— Thương-gia và Kỹ-nghệ-gia Việt-Nam,
45, bến Chương-Dương

Nha Kinh-tế N. V., 72, đường Nguyễn-Du

Quý Bà-Trừ Phụ-Cấp Gia-Đình, phòng Thương-mãi
Sài-gòn (tùng dưới đất)

Thành lính Ô-Ma, góc Cống-Quỳnh, Võ-Tánh

— Francis Garnier, bến Bạch-Đằng

Thông-Tấn-Xã Pháp, 11, đường Trương-minh-Giang

— Reuter, 40, đường Hồng-Thập-Tự

— Việt-Nam, 136, đường Công-Lý

Thơ-Viện Nam-Việt, 34, đường Gia-Long

— Pháp, 32, đường Nguyễn-Du

Thương-Cảng, 2, đường Công-Lý

Thủy-Điện C.E.E. Sài-Gòn, 72, đường Hai Bà Trưng

— Chợ-Lớn, 86, đường Tân-Hưng

Tổng Liên-Đoàn Lao - Công Thiên - Chúa - Giáo, 14,
đường Lê-văn-Duyệt

— Lao-Động V. N., 40, đ. Lý-thái-Tổ

Viện Dục - Anh, góc đường Võ - Tánh, Cống - Quỳnh

CÁC TRƯỜNG CÔNG-LẬP

I. — Đại-Học

Cao-Đẳng Mỹ-Thuật, 129, Chi - Lăng, Gia - Định

— Công-Chính, 25b, Hồng-thập-Tự, Sài-Gòn

Vô-tuyển-điện	} Khu Kỹ - Thuật Phú - Thọ,
Việt-Nam Hàng-Hải	

II. — Trung-Học chuyên-nghiep

Kỹ-Thuật Huỳnh-thúc-Kháng, 65, Huỳnh-Thúc-Kháng,
Sài-Gòn

Kỹ-Thuật Phan-đình-Phùng, 48, Phan - đình - Phùng,
Sài-Gòn

Thực-Nghiep, 25 b, Hồng-thập-Tự, Sài-Gòn

Mỹ-Nghệ thực-hành, Chi-Lăng, Gia-Định

III. — Trung-Học Phổ-Thông

Petrus Trương-vinh-Ký, Đại-lộ Cộng-Hoà, Sài-Gòn

Nữ trung-học Gia-Long, 275, Phan-thanh-Giản, Sài-Gòn

Sư-Phạm, đ. Nguyễn-Bình-Khiêm, Sài-Gòn
 Quốc-Gia Sư-Phạm, đ. Thành-Thái, Sài-Gòn
 Chu-vầu-An, đ. Cộng-Hoà, Sài-Gòn
 Nữ trung-học Trưng-Vương, trường Gia-Long, Sài-Gòn
 Hồ-ngọc-Cần, đ. Bùi-thị-Xuân, Sài-Gòn
 Nguyễn-Trãi, trường Tiểu-học Trương-minh-Ký, đ. 1.
 Trần Hưng-Đạo, Sài-Gòn
 Trần-Lục, trường Tiểu-học Đỗ-Chiều, đ. Nguyễn-đình-
 Chiều, Sài-Gòn

IV.— Tiểu - Học

Tôn-Thọ-Tường (Nữ), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm,
 Trần Hưng-Đạo
 Trương-minh-Ký (Nam), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm,
 Góc Nguyễn-thái-Học và Trần Hưng-Đạo
 Cầu-Kho (Hỗn-hợp), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm,
 81, Phát-Diệm
 Đỗ-Chiều (Nữ), lớn Nhứt đến lớp Năm, 12, Nguyễn-
 đình-Chiều
 Tân-Định (Nam), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm, 12,
 Nguyễn-đình-Chiều
 Đa-Kao (Nữ), lớp Nhứt đến lớp Năm, 67, Đinh-
 tiên-Hoàng

Lê-văn-Duyệt (Nam), Tiếp-liên đến lớp Năm, Hẻm
 94, Phan-đình-Phùng
 Bàn-Cờ (Chánh, Hỗn-hợp), lớp Năm, Hẻm 526,
 Phan-đình-Phùng
 Bàn-Cờ (Ngánh, Hỗn-hợp), lớp Ba đến lớp Năm,
 Hẻm 493, Phan-đình-Phùng
 Chí-Hoà (Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm, 493,
 Hẻm Lê-văn-Duyệt
 Trương-minh-Giang (Hỗn-hợp), lớp Ba đến lớp Năm,
 386, Trương-minh-Giang
 Nữ Chợ-Lớn, lớp Tiếp-liên đến lớp Năm, 6, Bà-Triệu
 Đỗ-hữu-Phương (Nam), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm,
 34, Hùng-Vương
 Nguyễn-tri-Phương (Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm,
 Khu Nguyễn-tri-Phương
 Ngã-Sáu (Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm, 322,
 Nguyễn-tri-Phương
 Chợ-Quán (Hỗn-hợp), lớp Tiếp-liên đến lớp Năm,
 224, Đồng-Khánh
 Xóm-Củi (Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm, 283,
 Tùng-thiện-Vương
 Phú-Thọ (Hỗn-hợp) , , Tôn-
 thọ-Tường.

Chánh-Hưng (Hỗn-hợp), lớp Ba đến lớp Năm, 102,
Bến Chánh-Hưng

Lý-Thái-Tồ (Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm, Bến
Bình-Đông

Bình-Đông (Hỗn-hợp) . . . , Bến
Phú-Định

Vĩnh-Hội (Hỗn-hợp) . . . , Bến
Vân-Đồn

Khánh-Hội (Hỗn-hợp) . . . , Trình-
minh-Thế

Bình-Tây (Hỗn-Hợp), Tiếp-liên đến lớp Năm, 178,
Gia-Phú

Cây-Gố (chánh, Hỗn-hợp), lớp Nhứt đến lớp Năm,
121, Phạm-đình-Hồ

Cây-Gố (ngánh, Hỗn-hợp) . . .
73, Minh-Phụng

Nữ-Công Tôn-thọ-Trường, Trần Hưng-Đạo

— Tân-Định, 12, Nguyễn-đình-Chiều

— Chợ-Lớn, 6, Bà Triệu



CÁC CẢNH-SÁT CUỘC và BÓT-NGÁNH CẢNH-SÁT ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN CHỢ-LỚN

BÓT CÁI và ĐỊA-CHỈ
NHA GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT ĐÔ-THÀNH
268, Đại-lộ Trần Hưng-Đạo, Sài-Gòn

CẢNH-SÁT CUỘC CÔNG-LỘ
268, Đại-lộ Trần Hưng-Đạo, Sài-Gòn

BÓT NGÁNH và ĐỊA-CHỈ
Đội Lưu-Thông : 11, Công-trường Lam-Sơn
Nguyễn-văn-Khoa : đ. Đồng-Khánh (Chợ-Lớn)

BÓT CÁI và ĐỊA-CHỈ
CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN NHỰT
8, Bến Bạch-Đằng

Bót Ngánh và địa-chỉ
Vườn Bách-Thảo : Trong vườn Bách-Thảo

BÓT CÁI và ĐỊA-CHỈ
CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN NHÌ
71, Đường Bác-sĩ Yersin

Bót Ngánh và địa-chỉ
Cầu-Kho : 59, Đường Huỳnh--quang-Tiên
Lê-văn-Ken : kế Bệnh-Viện Đô-Thành,
Đại-lộ Lê-Lợi

BÓT CÁI VÀ ĐỊA-CHỈ

CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN BA

3, Công-trường Chiến-Sĩ, Sài-Gòn

BÓT NGÁCH VÀ ĐỊA-CHỈ

Lao-Động	:	94, Cư-xá Đô-Thành
Nguyễn-dinh-Chiều	:	85, đường Hoà - Hưng (Chí - Hoà)
Chí-Hoà	:	Tô-hiến-Thành (kế số 20)
Tân-Định	:	130, Trần-quang-Khai
Pierre Tập	:	2, Trương-tấn-Bửu
Đặng-văn-Bắt	:	135 bis, đường Yên-Đồ

BÓT CÁI VÀ ĐỊA-CHỈ

CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN TƯ

359, Đại-lộ Đồng-Khánh, Chợ-Lớn

BÓT NGÁCH VÀ ĐỊA-CHỈ

Chợ-Quán	:	31, Đại-lộ Trần Hưng-Đạo
Nhà đèn Chợ-Quán	:	12, Bến Hàm-Tử
Nguyễn-văn-Quá	:	336, Đại-lộ Ng-tri-Phương
Võ-văn-Hội	:	1, Công-trường Chợ Phú-Thọ
Ng-tri-Phương	:	Góc đường Bà-Hạt và Ng-Lâm
An-Đông	:	Đại-lộ Hùng-Vương
Nguyễn-văn-Chánh	:	139, Tùng-thiện-Vương
Trần-văn-Quân	:	Bến Chánh-Hung

BÓT CÁI VÀ ĐỊA-CHỈ

CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN NĂM

Bến Phạm-thế-Hiền (Không số)

BÓT NGÁCH VÀ ĐỊA-CHỈ

Nguyễn-văn-Cảnh	:	Bến Bình-Đông
Nguyễn-văn-Phú	:	— Phú-Định
Kiều-công-Muội	:	— Phú-Định
Kỳ-như-Ôn	:	— Nguyễn-Duy
Quách-kim-Quang	:	— Nguyễn-Duy
Đỗ-Vỵ	:	— Nguyễn-Duy

BÓT CÁI VÀ ĐỊA-CHỈ

CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN SÁU

14, đường Đoàn-nhữ-Hài

BÓT NGÁCH VÀ ĐỊA-CHỈ

Nguyễn-văn-Bạc	:	330, Bến Vân-Đồn
Trần-văn-Các	:	Đường Tôn-thất-Thuyết
Vĩnh-Hội	:	175, Bến Vân-Đồn

BÓT CÁI VÀ ĐỊA-CHỈ

CẢNH-SÁT CUỘC QUẬN BẢY

Góc đường Phạm-văn-Chí và Phạm-đình-Hồ

BÓT NGÁCH VÀ ĐỊA-CHỈ

Nguyễn-văn-Tổ	:	Góc đường Minh - Phụng và Hậu-Giang
---------------	---	--

- Trần-văn-Linh : Góc đường Lục-Tĩnh và Bến
Phú-Lâm
- Nguyễn-ngọc-Châu : 10, Đường Quân-Sự
- Nguyễn-văn-Phổ : Nằm bên đường Bà-Điềm, gần
ngã tư đường Rạch-Cát đi
Phú-Định
- Cầu-Tre : Nằm bên đường làng số 14,
vùng Cầu-Tre
- Trần-văn-Thành : Góc đường Lê-tấn-Kế



THÙNG THƠ TRONG SÀI-GÒN VÀ ĐỊA-CHỈ CỦA MỖI THÙNG

- 1 — Đường Võ-di-Nguy, Nhà thuốc tây Dương-
thị-Liêu
- 2 — » De Lattre de Tassigny, Phòng Thương-
Mãi
- 3 — Đường Trình-minh-Thế, Kho Năm, (Xóm Chiếu)
- 4 — » » Bến Maritime, Khánh-
Hội
- 5 — Bến Vân-Đồn, Khánh-Hội, Descours & Cabaud
- 6 — » » Vĩnh-Hội, Etablissement J. Bastos
- 7 — » » Tiệm Mỹ-Ngọc

- 8 — Đại-lộ Nguyễn-thái-Học, Nhà thuốc tây Nguyễn-
văn-Liễn
- 9 — Đại-lộ Trần Hưng - Đạo, Đê - Thám, Bác - sĩ
Hồ-văn - Kế
- 10 — » » » số 200, Hiệu Phùng-
Minh
- 11 — » » » số 527, Hiệu Ngọc-
Lan
- 12 — Đường Võ-Tánh, Đức-Trí Tư-thục
- 13 — » Cống-Quỳnh, Cạnh chợ Thái-Bình
- 14 — Đại-lộ Nguyễn-thái-Học, Trần Hưng-Đạo, Hiệu
Mỹ-Lợi
- 15 — Đường Võ-Tánh, Cạnh nhà thuốc tây Lê-kim-
Huyền
- 16 — Góc đường Lê-văn-Duyệt, Hồng-thập-Tự
- 17 — Đường Hồng-thập-Tự, Cercle sportif
- 18 — Thùng Avion, trước Cercle sportif
- 19 — Đường Phan-đình-Phùng, hăng Caves du Sahel
- 20 — » Cao - Thắng, số 47, Cạnh Đoàn - Hùng
Photo
- 21 — » Phan - đình - Phùng, Station Sce Radio
Richaud
- 22 — » Phan-thanh-Giản, số 196, Nhà thuốc tây
Minh-Tâm

- 23 — Góc đường Lê-văn-Duyệt, Phan-thanh-Giản
- 24 — » Công-Lý, Phan-thanh-Giản
- 25 — » Đoàn-công-Bửu, Nguyễn-đình-Chiều
- 26 — Đường Hai Bà Trưng, Chợ Tân-Định
- 27 — » » Nhà Bru - Cuộc Tân-Định
- 28 — » » Thùng thơ Avion Tân - Định
- 29 — Góc đường Tự-Đức, Mạc-đĩnh-Chi
- 30 — Đường Đình - tiên - Hoàng, Thùng thơ Avion 101, Hiệu Thông-Mỹ
- 31 — Góc đường Đình-tiên-Hoàng, Phan-thanh-Giản
- 32 — Đường Phan-đình-Phùng, Đài phát-thanh Quốc-Gia
- 33 — Đường Cường-Đề, Bar Petit Pékin
- 34 — Góc Mê-Linh, Hồ-huân-Nghiệp
- 35 — Đại-lộ Nguyễn-Huệ, số 70
- 36 — Đường Tôn-thất Thiệp, số 35
- 37 — Nha Công-Chánh
- 38 — Đường Pasteur, Air Việt-Nam
- 39 — » » 146, Journal d'Extrême-Orient
- 40 — Góc đường Hồng-Thập-Tự, De Lattre de Tassigny

- 41 — Đường De Lattre de Tassigny, Trước Toà Án
- 42 — Dinh Độc - Lập
- 43 — Đường Lê-thánh-Tôn, Nhà thuốc tây Cường-Lắm
- 44 — » Lê-Lai, Ga Xe lửa chánh
- 45 — Góc đường Lê-Lợi, Diên-Hồng, trước nhà Bác-sĩ Cung
- 46 — Đường Phan-bội-Châu, Nhà thuốc tây Nguyễn-văn-Cao
- 47 — » Lê-thánh-Tôn, Toà Thị-Sảnh
- 48 — » Tự-Do, số 171
- 49 — Góc đường Lê-Lợi, Tự-Do
- 50 — Đường Tự-Do, số 121, Thùng Avion
- 51 — Đường Tự-Do, số 11
- 52 — » » nhà hàng Majestic

CHỢ - LỚN

- 1 — Góc đường Đồng-Khánh và Tân-Đà
- 2 — » Tân-Đà và Lê-quang-Liêm
- 3 — » Đồng-Khánh và An-Điểm
- 4 — » Trần-bình-Trọng (trước Nhà Thờ Chợ-Quán)
- 5 — » J. J. Rousseau và Nguyễn-Kim

- 6 — Đường Nguyễn-Trãi (Khu Bru-Cục 1)
- 7 — Góc đường Phùng-Hung, Trịnh-hoài-Đức
- 8 — » Đồng-Khánh, Nguyễn-Hoàng
- 9 — » Tổng-dốc Phương, Hồng-Bàng
- 10 — » Đồng-Khánh, Phùng-Hung
- 11 — » Ngô-Quyền, Nguyễn-Trãi
- 12 — Trước chợ Xóm Củi (Đường Tùng-thiện-Vương)
- 13 — Đường Huỳnh-thoại-Yến
- 14 — Trước chợ An-Đông (Đường Hồng-Bàng)
- 15 — Góc đường Trần-quốc-Toản, Minh-Mạng
- 16 — Đường J. J. Rousseau, tại Bệnh-Viện Nam-Việt
- 17 — » Tháp-Mười, trước Chợ mới Bình-Tây
- 18 — Tại Bru-Cục phụ Chợ-Lớn A, Xóm Nguyễn-tri-Phương
- 19 — Bru-Cục Chợ-Lớn - Bình-Tây



CÁC BẾN XE HƠI ĐÒ, XE CHỖ HÀNG, XE LÔ, TẮC-XI, Ô-TÔ-BUÝT, XE THỎ-MỘ VÀ XE CÁ

XE ĐÒ MIỀN ĐÔNG

1. — *Chạy đường Sài-Gòn, Thủ-Đức, Lái-Thiêu, Thủ-dầu-Một, Bà Quẹo, Hốc-Môn, Củ-Chi, Trảng-Bàng, Tây-Ninh :*

Đường Phan - văn - Hùm :
từ đường Lê - Lai đến đường Phạm-hồng-Thái

2. — *Chạy đường Sài-Gòn, Thủ-Đức, Biên-Hoà, Thủ-dầu-Một, Hốc-Môn, Quán-Tre, Phú-xuân-hội :*

Đường Lê-Lai :
từ đầu đ. Phạm-hồng-Thái đến đ. Nguyễn-văn-Tráng

3. — *Chạy đường Cần-Đước, Cần-Giוע :*
Trước Chợ Xóm Củi (Phía trái)

XE ĐÒ HẬU-GIANG

1. — Đường Petrus Ký và đ. 1. Thành-Thái :
từ đường Trần - bình - Trọng qua khỏi Petrus Ký

2.— Đ.1. Hồng - Bàng và Ng-Trãi (xe nhỏ) :
trước nhà hàng « Cầm-Đô »

3.— Đ. Huỳnh - thoại-Yến, Trương-tấn-Bửu :
từ đ. Tháp-Mười đến Trương-tấn-Bửu
từ đ. Chu-văn-An đến Dương-công-Trùng

XE CHỖ HÀNG

1.— Bến Chương-Dương (phía mé sông) :
từ góc đường Pasteur đến góc De Lattre de Tassigny

2.— Đ 1. Ng-thái-Học :
trước nhà số 15 đến đầu đường Cô-Giang

3.— Đ. Trương-tấn-Bửu và Đ 1. Khổng-Tử :
từ đường Lý-thành-Nguyên đến Học Lạc

XE LÔ (Sài-Gòn)

1.— Đại-lộ Hàm-Nghi (bên số chẵn) :
lộ phía ngoài từ góc đ. Pasteur đến góc De Lattre
de Tassigny

2.— Đại-lộ Lê-Lợi (bên số chẵn) :
trong khoản lộ giữa, từ góc đ.1. Nguyễn-Huệ đến
góc đ. Pasteur

XE LÔ (Kiều du-lịch)

1.— Chạy đường Sài-Gòn - Đà-Lạt :
Đường Ng-cư-Trình :
từ đầu đường Cống-Quỳnh trở vô phía Chùa Cao-Đài

2.— Chạy đường Sài-Gòn, Bà-Rịa, Long-Hải,
Nước-Ngọt, Cáp và Ban-mê-Thuột :

Đường Ng-cư-Trình :
từ Trần Hưng-Đạo đến đường Cống-Quỳnh

3.— Chạy đường Sài-Gòn, Thủ-Đức, Lái-Thiêu,
Thủ-dầu-Một, Bà Quẹo, Hốc-Môn, Củ-Chi, Trảng-
Bàng, Tây-Ninh, Biên-Hoà, Bà-Rịa, Phước-Hải,
Cáp, Long-Hải, Blao và Đà-Lạt :

Đường Phan-văn-Hùm :
từ đường Lê-Lai đến đường Phạm-hồng-Thái

XE LÔ (Chợ-Lớn)

1.— Đại-lộ Tổng-đốc Phương :
khoản giữa từ Đồng-Khánh đến Nguyễn-Trãi (phía trái)

2.— Đường Tháp-Mười :
từ Trần-Bình-Trọng đến Chu-văn-An

3.— Chạy đường Bình-Đông và Rạch-Cát :

Đường Vạn-Kiếp :

Bên mặt

Đường Lê-Lai :

gần Chợ Rạch-Cát

XE TẮC-XI

1.— Đại-lộ Lê-Lợi (bên số lẻ) :

trong khoản lộ giữa từ góc Đại-lộ Nguyễn-Huệ
đến góc đường Pasteur

2.— Công-Trường Lam-Son (phía hữu) :

trước nhà hát Tây

3.— Đ. Lê-thánh-Tôn :

trước Toà Đô-Sảnh

4.— Đ1. Nguyễn-Huệ, (hai bên lộ giữa) :
từ góc đ. Ngô-đức-Kế đến góc Huỳnh-thúc-Kháng

5.— Đ1. Hàm-Nghi (bên số lẻ) khoản lộ phía ngoài :
từ góc đường Tôn-thất-Đạm đến góc Pasteur

6.— Đại-lộ Thống-Nhứt :

trước Sở Thú

7.— Đại-lộ Cường-Đề :
trước thành « B. M. S. »

8.— Đ. Phan-bội-Châu :
từ nhà số 50 đến góc đường Lê-Thánh-Tôn

9.— Đ. Phan-châu-Trình :
từ nhà số 23 đến góc Lê-thánh-Tôn

10.— Đ. Phan-thanh-Giản :
từ đường Đinh-Tiền-Hoàng đến Phan-kế-Bính

11.— Đ. Trần-văn-Thạch :
ngang hông Chợ Tân-Định

12.— Đ. Hai Bà Trưng :
từ đường Trần-văn-Thạch đến Đinh-công-Tráng

13.— Đại-lộ Tổng-Đốc Phương :
khoản từ Đồng-Khánh đến Nguyễn-Trãi (phía trái)

14.— Đ. Hẻm Bình-Đông :
bên hông Chợ Bình-Đông

15.— Đ. Trình-minh-Thế :
ngang nhà số 384

16.— Đường Tháp-Mười :
khoản từ Lê-tấn-Kế đến trước cửa Chợ Bình-Tây

XE Ô-TÔ-BUÝT

- 1.— Đ. l. Hàm - Nghi, lộ giữa :
từ nhà số 52 đến góc Tôn-thất Đạm
- 2.— Trước C. T. Diên - Hồng :
- 3.— Đại-lộ Khổng - Tử :
từ đường Sanh-Hoà đến trước nhà số 159
- 4.— Đường Tháp-Mười :
trước cửa Chợ Bình-Tây, đường Trần-Bình

XE TẮC-XI-BUÝT

- Đ. Phạm - ngũ - Lão :
ngang bến xe ô-tô-buýt, chạy đường Sài-Gòn -
kho 11 Thương-Khẩu Khánh - Hội

XE THỒ-MỘ

- 1.— Đ. l. Ng-thái-Học :
Sau Cự - Xá Cảnh - Sát - Cuộc Quận Nhì
- 2.— Đ. Phạm - ngũ - Lão :
ngang bến xe ô-tô-buýt, chạy Sài-Gòn, Bến đò
Long - Kiền và kho 11
- 3.— Đ. Hùng - Vương :
Sau Chợ An - Đông
- 4.— Đ. Trần - quang - Khải :
Trước nhà số 8 đến số 16

- 5.— Đường Mã - Lộ :
từ đường Trần - văn - Thạch tới Nguyễn - văn - Đạm
- 6.— Đường Vạn - Kiếp :
bên trái
- 7.— Đ. Lê - văn - Linh :
sau Chợ Xóm - Chiếu
- 8.— Đ. Ng-văn-Thành
khoản Trần - Bình và Chu - văn - An, và
Nguyễn-xuân-Phụng với Lê-tấn-Kế

XE CÁ

- 1.— Bến Chương-Dương, mé sông :
trong khoản Pasteur đến De Lattre de Tassigny
- 2.— Đ.l. Nguyễn - thái - Học :
từ góc bến Chương - Dương đến trước nhà số 15
- 3.— Đ. Trần - quang - Khải :
trước nhà số 8 đến số 16
- 4.— Đường Mã - Lộ :
từ Trần - văn - Thạch đến Nguyễn - văn - Đạm
- 5.— Đường Vạn - Kiếp :
bên trái
- 6.— Đ.l. Ng - tri - Phương :
từ đường Nguyễn - Trãi đến Đại - lộ Thành - Thái
(trên lề đường dài theo vách tường Bệnh-viện
Quảng - Đông)

MỤC-LỤC

Cách tìm một tên đường	2
Bảng đối-chiếu tên đường cũ với tên đường mới .	3
Bảng đối-chiếu tên đường mới với tên đường cũ .	19
Bồ-túc bảng đối- chiếu tên đường cũ với tên đường mới	205
Lược - sử đường - phố và tiểu - sử danh - nhân :	
phần Sài-Gòn	36
phần Chợ-Lớn	135
Công-viên, phần Sài-Gòn.	209
phần Chợ-Lớn	216
Bảng đối- chiếu tên đường cũ với tên đường mới ở các tỉnh	220
Bảng chỉ đường bộ Nam-Việt	277
— Trung-Việt	288
— Bắc-Việt	289
Địa-chỉ công-sở	290
Chỉ-dẫn cần-thiết	298
Địa - chỉ cần biết	302
Các bến xe hơi	317
Họa-đồ Đô-Thành Sài-Gòn Chợ-Lớn đính theo sách	

Bồ - khuyết. - Xin thêm vào trang 65, sau hàng thứ 5 :

 Nguyên số 40, đặt tên Génibrel từ 23 - 1 - 1943,
đổi tên mới từ 19 - 10 - 1955.